TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

大越歷朝登科錄

ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU ĐĂNG KHOA LỤC

Sách chép tên tuổi và tiểu-sử các vị đã trúng tuyển các khoa thi

QUYỂN NHẤT

Soạn-giả

NGUYỄN-HOÀN — UÔNG-SĨ-LÃNG
PHAN-TRỌNG-PHIÊN — VÕ-MIÊN

Dịch-giả

TẠ-THÚC-KHẢI

IN LẦN THỨ NHẤT

1963

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Hội đồng duyệt sách :

Ô. Ô. TRẦN-TUẤN-KHẢI Thuyết-trình-viên

NGUYỄN-TẠO Hội-viên

NGUYỄN-THỌ-DỰC Hội-viên

TIMSACH.COM.VN

ẤN-HÀNH TRONG KHUÔN-KHỔ
CHƯƠNG-TRÌNH HỢP-TÁC
GIỮA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
VÀ PHÁI-BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ
—— TẠI VIỆT-NAM ——

HMS.MOET.GOV.VN

BÀI TỰA

Thi đỗ mà có sách ghi chép, đủ tỏ là việc cần thiết. Bên Trung-Quốc, từ nhà Lý-Đường (vua đầu tiên nhà Đường là họ Lý tên Uyên, nên gọi là Lý-Đường) về sau, tuyển dùng nhân-sĩ, không chỉ một đường, nhưng có khoa thi Tiến-sĩ, là lựa chọn nhân-tài được nhiều. Nên gọi là Hổ-Bảng (bảng cọp), gọi là Ngọc-Chuẩn (măng bằng ngọc), gọi là Thiên-Phật-Kinh (Kinh nghìn Phật); khoa thi ấy được đời quý trọng, cũng đã lâu vậy.

Nước Việt ta là một nước có văn-hiến. Từ đời Lý, đời Trần đã có bày ra khoa thi Thái-học-Sinh để chọn nhân-tài, tức là khoa thi Tiến sĩ đó. Nhưng phép thi không định . . . (đoạn này có năm chữ, nguyên bản ảnh làm nhem không thấy rõ chữ). Đến Thánh-triều chú trọng việc văn. Ba năm mở khoa thi một lần, thật là một điển lệ long trọng để chọn tài, các triều làm theo, nên những bậc tôi giỏi, tướng hiền đều do đó mà ra. Tốt đẹp biết bao! Những vị được trúng tuyển đều được nhà hữu-trách đề tên vào bia đá, dựng ở trường Quốc-học, mà nhà Sử-quán lại còn góp nhặt từng khoa, biên tập thành sách. Nghĩa là tên, họ, làng, tuổi, gia-tộc, cùng là công-danh sự-nghiệp, thế nào đều ghi đủ cả. Những người có chí xem đến sách này, không khác gì soi tấm gương sáng, được bài học hay, giúp ích cho tâm thân, đó cũng là một quan-sát vĩ-đại giữa vũ-trụ vậy.

Duy trước đây, chỉ là bản viết sao lại, không khỏi sai lạc, lại những người hiếu sự lại thỉnh-thoảng phụ-họa thêm vào, làm mất sự thực, thật đáng tiếc vậy.

Nay bộ Quốc-sử đã làm song, bèn đem bản chép Đăng-Khoa cũ sửa chữa thêm vào, cho đem ấn-hành lưu trong Công-phủ, truyền để mai sau, ngõ hầu làm rạng rỡ, cái thạnh đức của nước nhà trọng học, tôn nho, tạo thành sĩ-tử. Do đó viết ra bài Tự này.

Hoàng-triều niên-hiệu CẢNH-HƯNG (景興) thứ bốn mươi ngày tháng 3 năm Kỷ-Hợi. (1779)

Những vị đồng biên-tập : Nguyễn-Hoàn (阮俔) Tiến-sĩ khoa Quý-Hợi (1743), đặc tiến Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, Nhập nội-thị Tham-tụng. *Nhập-thị Kinh-diên, Lại-bộ Thượng.thư, kiêm hành Lễ-bộ-sự, Hữu-lư.giảng, tri Quốc-tử-giám, tri Trung-thư-giám, tri Đông-Các, tri Hàn-lâm-viện-sự, kiêm Quốc-sử tổng-tài, trí-sĩ, Khởi-phục, Tham.dự triều-chánh, Quốc-lão, Phụng.thị ngũ-lão* (1), *Phụng-quản-thị-hậu nghiêm-tiền-đội, kiêm quản Tiên-chấn-cơ, Thái-phó* (2), *Viện quận.công.*

— *Võ-Miên* 武綿. *Tiến-sĩ khoa Mậu-Thìn (1748), Đặc-Tiến Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, nhập-nội thị-hành Tham-tụng, Binh-bộ-tả-thị-lang, Thự Lại-bộ-tả-thị-lang, kiêm quốc-sử tổng-tài, kiêm quốc-tử-giám Tế-tửu, Liên-khê-hầu.*

— *Phan-Trọng-Phiên* 潘仲藩, *Tiến-sĩ khoa Đinh-Sửu (1757), đặc tiến Kim-tử, Vinh-lộc Đại-phu hành Tham-tụng Công-bộ-hữu-thị-lang, thự Lại-Bộ-hữu-thị-lang, kiêm Quốc-tử-giám tư-nghiệp, Tứ-xuyên-hầu.*

---

(1) Cần Cứu Lịch - Triều-hiến-Chương » nhân vật-chí : Đặng-đình-Tướng, vì có công giảng dạy, được chuẩn thăng Gia « Ngũ Lão » v. v... Thế thì Ngũ-Lão ở đây là một Vinh-hàm đời Hậu-Lê.

(2) Thái-sư, Thái-phó, Thái bảo là Tam-Công 三公. Thiếu-sư, Thiếu-phó, Thiếu-bảo là Tam-Cô 三孤, đều gọi là Cung-Hàm 宮銜.

— *Uông-Sĩ-Lãng* 汪 士 朗, *Tiến-sĩ khoa Bính-Tuất (1766), Gia-hạnh Đại-phu, nhập-nội thị bồi-tụng, hành Lễ-bộ-hữu-thị-lang, phụng thị nhập-giảng Ngự-sử-đài, thiêm-đô-ngự-sử.*

Những vị đồng vâng coi việc ấn-loát :

— *Nguyễn-Hữu-Hàm* 阮 有 咸, *Phụng thủ mật sự Câu-kê, Hàm-Trung-Bá.*

— *Nguyễn-Gia-Tuân* 阮 嘉 恂, *Phụng thủ mật sự Câu-kê Tương-Cần-bá.*

— *Trịnh-Doãn-Hiệp* 鄭 允 洽, *Phụng thủ mật sự Câu-kê, Tăng-Trung-bá.*

— *Phan-Trác-Siêu* 潘 卓 超, *Phụng thủ mật sự Câu-kê, Siêu-Trung-bá.*

— *Châu-Trọng-Kỳ* 朱 仲 祺, *Phụng thủ mật sự Câu-kê, Kỳ-Trung-tử.*

鼎鍥大越歷朝
ĐỈNH-KHIẾT[1] ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU
登科錄
ĐĂNG KHOA-LỤC

QUYỂN THỨ I

卷之一

(Bản chánh lưu trữ tại trường Quốc-Tử-Giám)

TIMSACH.COM.VN

TRIỀU LÝ

Đời Vua NHÂN-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM ẤT MÃO

Niên-hiệu Đại-Ninh (大寧) thứ 4 (1075) tháng 2, mùa Xuân tuyển học rộng, sáng suốt, kinh điển, và thi Nho-học ba trường.

Thi đỗ đầu :

Lê-văn-Thịnh 黎文盛

Người làng Đông-Cứu, phủ Gia-Định. Sau làm đến chức Thái-sư (太師)

---

(1) Đỉnh nghĩa là cái vạc, đời nhà Châu bên Tàu, khi thống nhất thiên hạ, đúc 9 đỉnh đồng, tượng trưng ngôi vua vững bền, nên đỉnh cũng có nghĩa vững bền — Khiết là khắc chạm — Đỉnh khiết là có nghĩa khắc in bền vững lâu đời.

NĂM BÍNH-DẦN

Niên-hiệu Quảng-Hựu (廣祐) thứ 2 (1086)

Thi đỗ đầu :

Mạc-hiền-Tích 莫顯績

Người huyện Chí-Linh, làng Lũng-Động.

Anh ông Mạc-kiến-Quan, anh em đều làm quan đến Thượng-thư.

Viễn-tổ của ông Mạc-đĩnh-Chi.

Đời Vua CAO-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM ẤT-TỴ

Niên-hiệu Trinh-Phù (貞符) thứ 10 (1185) tháng giêng, mở kỳ thi, chọn những nhân-sĩ trong nước, lấy từ 19 tuổi mà thông thạo thi, thư, được chầu giảng chốn Ngự-diên (chỗ vua đọc sách) cho trúng tuyển được 20 vị.

Đỗ-thế-Diên 杜世延

Người huyện Đường-Hào, làng Cổ-Liêu.

Làm đến chức Triều-Nghị Đại-phu, thủ-nội-thị-tỉnh-đồng-tri-Quảng-từ-cung công sự, kiêm Phán-thẩm hình-viện, tử tử-kim ngư-đại Thượng-trụ-quốc. Hưu-trí phong Phước-thần.

Bùi-quốc-Khái 裴國愷

Người huyện Cẩm-Giang, làng Bình-Lãng.

Đặng-Nghiêm 鄧嚴

Người huyện Thư-Trì, làng An-Đề.

TRIỀU TRẦN

Đời Vua THÁI-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM NHÂM-THÌN

Niên - hiệu Kiến - Trung (建 中) thứ 8 (1232) tháng 2, thi Thái-học-sanh (bắt đầu chia làm 3 giáp.)

Đệ-nhất giáp trúng 2 người :

Trương-Hanh 張 亨

Người huyện Trương-Tân, làng Mạnh-Tân.

Lưu-Diệm 劉 琰

Đệ-nhị giáp 2 người :

Đặng-Diễn 鄧 演

Trịnh-Phủ 鄭 甫

Đệ-tam giáp :

Trần-châu-Tao 陳 周 慥

Người hạt Tế-Giang, Đơn-Nhiên. Làm đến chức Tư-đồ, Phụ-quốc-công.

NĂM KỶ-HỢI

Niên-hiệu Thiên-Ứng Chánh-Bình (天 應 政 平) thứ 8 (1239), tháng 2, thi Thái-học-sanh.

Đệ-nhất giáp trúng 2 người :

Lưu-Miễn 劉 免

Làm đến chức Tả-tư-mã.

Vương-Giát 王 戛

TIMSACH.COM.VN

Đệ-nhị giáp trúng 1 người :

Ngô-Khắc 吳 克

Đệ-tam giáp trúng 1 người :

Vương-thế-Lộc 王 世 祿

NĂM ĐINH-VỊ

Niên-hiệu Thiên-Ứng Chánh-Bình (天 應 政 平) thứ 16 (1247), tháng 2, mở đại khoa, lấy Thái-học-sanh 40 vị; (trúng Tam-khôi : Trạng-nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa : 3 vị; trúng Hoàng-giáp trở xuống : 37 vị. Trước kia hai khóa Nhâm-thìn và Kỷ-hợi, trúng tuyển chỉ chia Giáp và Ất. Đến đây mới cho trúng tuyển Tam-khôi.)

Trạng-nguyên 1 người :

Nguyễn-Hiền 阮 賢

Người huyện Thượng-Hiền, làng Dương-A.
Trúng tuyển mới 13 tuổi.

Bảng-nhãn 1 người :

Lê-văn-Hưu 黎 文 休

Người huyện Đông-Sơn, làng Phú-Lý. 18 tuổi trúng tuyển. Làm đến chức Binh-bộ-thượng-thư, nhân-Uyên-hầu, biên chép bộ Đại-Việt Sử-ký (大 越 史 記).

Thám-hoa 1 người :

Đặng-ma-La 鄧 摩 羅

Người huyện Chương-Đức, làng Tuy-Động.
Trúng tuyển mới 14 tuổi.

Làm đến Thẩm-phán-viện.

NĂM BÍNH-THÌN

Niên-hiệu Nguyên - Phong (元 豐) thứ 16 (1256), tháng 2, mở Đại khoa, lấy Thái-học-sanh 42 (trúng Tam-khôi 4, Hoàng-giáp trở xuống 39. Khoa ấy chia 4, chánh làm Kinh, Thanh-hóa, Nghệ-an làm trại, nên mới chia ra Trạng-nguyên Kinh và Trại.)

Trạng-nguyên Kinh 1 người :

Trần-quốc-Lặc 陳 國 扐

Người huyện Thanh-Lâm, làng Uông-Hạ. Được thành-hôn với Công-Chúa. Sau phong Phước-thần.

Trạng-nguyên Trại 1 người :

Trương-Xán 張 粲

Người huyện Hoành-Sơn.

Bảng-nhãn 1 người :

Châu-Hinh 朱 馨

Người huyện Tế-Giang, làng Đơn-Nhiêm. Làm đến Hàm-lâm-viện-thị-độc. Em ông Châu-Tao. Anh em đều đăng-khoa.

Thám-hoa 1 người :

Trần-Uyên 陳 淵

Đời Vua THÁNH-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM BÍNH-DẦN

Niên-hiệu Thiệu-Long (紹 隆) thứ 9 (1266),

mở Đại-khoa, lấy Thái-học-sanh 47 người (trúng Tam-khôi 3, trúng Hoàng-giáp trở xuống 44.)

Trạng-nguyên Kinh I :

Trần-Cô 陳 固

Người huyện Thanh-Miến, làng Phạm-Triền, trú ở huyện Đông-Ngạn, làng Phù-Chẩn, làm đến chức Thiên-chương-các Đại-học-sĩ.

Trạng-nguyên Trại I :

Bạch-Liêu 白 遼

Người huyện Đông-Thành, làng Nguyễn-Xá, trú huyện Thanh-Lâm, làng Nghĩa-Lư, làm môn-khách của Thượng-tướng Trần-quang-Khải, không hề nhận chức của Triều-đình, sau phong làm Phước-thần.

Thám-hoa I :

Hạ-Nghi 夏 儀

NĂM ẤT-HỢI

Niên-hiệu Bửu-Phù (寶 符) thứ 3 (1275), mở đại-khoa lấy Thái-học-sanh 24 vị (trúng Tam-khôi 3 người, Hoàng-giáp trở xuống 21 vị. 2 khoa trước chia ra Kinh, trại Trạng-nguyên, đến đây lại hiệp làm một.)

Trạng-nguyên I :

Đào-Thục 陶 淑

Người huyện Đông-Sơn, phong Phước-thần.

Bảng-nhản I :

(thiếu tên)

Thám-hoa I :

Quách-Nhẫn 郭 忍

Đời Vua ANH-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM GIÁP-THÌN

Niên-hiệu Hưng-Long (興 隆) thứ 12 (1304), tháng 3, mở đại-khoa lấy Thái-học-sanh 44 vị (trúng Tam-khôi 3, Hoàng-giáp trở xuống 41.)

Trạng-nguyên I :

Mạc-đĩnh-Chi 莫 挺 之

Người hạt Chí-Linh, làng Lũng-Động, làm đến chức Thái-liên-ban Tả-bộc-xạ là ông tổ của Mạc-Đăng-Dung, tiếm ngụy triều Lê.

Bảng-nhãn I :

Bùi Mộ 裴 慕

Người hạt Thanh-Oai, làng Hưng-Giáo.

Thám-hoa I :

Trương-Phóng 張 放

Người tỉnh Thanh-Hóa.

Hoàng-giáp I :

Nguyễn-trung-Ngạn 阮 忠 彥

Người huyện Thiên-Thi, làng Thổ-Hoàng, có tiếng là thần-đồng, trong khoảng 16 tuổi đã vâng mạng đi sứ, làm đến chức Nhập-nội-đại-hành-khiển kiêm tri Xu-mật-viện-sự, nhập-thị Kinh-diên, trụ-quốc Khai-huyện-bá, gia-chức Thân-quốc-công, hiệu là Giới-hiên, có sáng-tác một tập Thơ truyền lại cho đời.

Đời Vua DUỆ-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM GIÁP - DẦN

Niên-hiệu Long-Khánh 隆 慶 thứ 2 (1374), tháng 2, Thượng-Hoàng (1) ngự ra cung Thiên-trường-Trùng-quang, mở thi đình lấy Tiến-sĩ, cho trúng cập-đệ và xuất-thân cộng 50 (2).

Trạng-nguyên I :

Đào-sư-Tích 陶 師 錫

Người hạt Tây-chân Cổ-lễ, có kẻ nói là người vùng An-dũng Song-khê, trú An... hải, tự thi hương đến thi đình đều đỗ đầu, làm đến chức Nhập-nội-hành-khiển, bất hiệp với Hồ-quý-Ly, bị giáng xuống chức Trung-thư-thị-lang, Đồng-tri-thẩm-hình-viện-sự.

Bảng-nhãn I :

Lê-hiến-Phủ 黎 憲 甫

Thám-hoa I :

Trần-đình-Tham 陳 廷 琛

Người hạt Đông-triều Phúc-la, từng đi sứ, làm đến chức Ngự-sử trung-tán, quyền tu quốc-sử, khi nhà Hồ tiếm ngôi, giả điếc từ chức, anh ông Công-Cận.

Hoàng giáp I :

La-Tu 羅 修

---

(1) Triều Trần con vua đã lớn tôn làm Hoàng-đế, tôn vua cha làm Thái-thượng-hoàng, phần nhiều chánh-quyền, vua cha nắm giữ.

(2) Những vị trúng tuyển thi hội và thi đình gọi chung là Tiến-sĩ, tựu trung có chia ra ba giáp, giáp đầu là Đệ-nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ, tức Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, Thám-hoa ; giáp 2 là Đệ-nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân, tức Hoàng-giáp ; giáp 3 là Đệ-tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất thân, tức các vị Tiến-sĩ thường.

TIMSACH.COM.VN

Người hạt Thuần.hựu Bái-hà, làm đến chức Thanh-hóa tri-phủ.

Đời vua PHẾ-ĐẾ

NĂM GIÁP-TÝ

Niên hiệu Xương-Phù (昌 符) thứ 8 (1384), tháng 2, Thượng-hoàng mở khoa thi Thái-học-sanh tại chùa Tiên-du-vạn-phúc lấy trúng tuyển 30 (chùa Vạn-phúc nay gọi là chùa Phật-tích-sơn.)

Đoàn-xuân-Lôi 段 春 雷

Người huyện Tân-phúc, làng Hòa-lỗ, làm đến chức Trung.thư.hoàng.môn.thị.lang kiêm Ái-xuyên Thông-phán.

Hoàng-hối-Khanh 黃 晦 卿

Người hạt An.định Bái.trại, làm đến chức An.phủ-sứ, lại ra giúp nhà Hồ, làm đến chức Hành.khiển kiêm chức Thái-thủ Thăng-Hoa.

Đời vua THUẬN-TÔNG Hoàng-Đế.

NĂM QUÝ-DẬU

Niên hiệu Quang.Thái (光 泰) thứ sáu, tháng 2 mở khoa thi Thái.học.sanh, lấy trúng tuyển 30.

Hoàng-quán-Chi 黃 貫 之.

Người ở hạt Từ-liêm-hạ làng An-Quyết, làm đến chức Thẩm-phán.viện Thượng-thư, về hưu, viễn-tổ của ông Bồi-Chi.

Lê-vị-Tầu 黎 渭 叟

Mai-tú-Phu 枚 秀 夫

Đồng-Thức 同 拭

Phụ chép đời HỒ-QUÝ-LY.

NĂM CANH-THÌN

Niên hiệu Thánh-Nguyên (聖 元) nhà Hồ thứ 1 (1400), tháng 8 mùa thu Hồ-quý-Ly thi Thái-học-sanh, lấy trúng tuyển 30 người.

Đệ nhất giáp, trúng 3 người : (thiếu tên hai người).

Lưu-thúc-Du 劉 叔 倫

Người hạt Gia-định làng Trạm-lộ, tiên-tổ ông Thắng Ân.

Đệ nhị giáp, trúng 27 người :

Nguyễn-Trãi 阮 薦

Người hạt Thượng-phúc, làng Nhị-khê, khi thi đỗ 21 tuổi, làm đến chức Ngự-sử-đài chánh-chưởng. Khi nhà Hồ mất, vua Thái-tổ triều Lê khởi binh, đến yết tại Lỗi-giang, dâng kế bình giặc Ngô (nhà Minh bên Tàu) trù mưu định kế về quân sự, làm công-thần mở nước của triều Lê, chức vị đến Nhập-nội-hành-khiển, gián-nghị đại-phu, Hàn-lâm-viện thừa chỉ nhập-thị Kinh-diên hành Xu-mật-viện-sự, tứ quốc-tánh tặng Tế-văn-hầu hiệu Ức-trai, có sáng-tác tập thơ truyền đời. Ông con Ô. Nguyễn-phi-Khanh (cha con đều đỗ khoa bảng).

Lý-tử-Tấn 李 子 晉

Người hạt Thượng-phúc làng... Lật, làm đến chức Hàn-lâm-viện học sĩ nhập thị Kinh-diên, hiệu Chuyết-am có sáng tác tập thơ truyền đời.

Vũ-mộng-Nguyên 武夢原

Người hạt Đông-sơn Viên-khê, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến chức Thượng-kinh xa-úy tả-nạp-ngôn thủ Trung-thư-lệnh, hiệu Cúc-hữu, đương thời hiệu là Minh-phủ.

Hoàng Hiến 黃憲

Người huyện Tiên-du, làm đến chức Qnốc-tử-giám giáo-thọ, hiệu Lãng-kha.

Nguyễn-Thành 阮誠

Người hạt Thần-khê, làm đến chức Quốc-tử-giám Tế-tửu, lấy cớ môn khách của Thái-tử vào chầu Kinh-diên.

Bùi-ứng-Thập 裴應十

Người huyện Sơn-vi,làm chức Giám-thư-khố Triều Trần, tuổi đã 50, thôi chức về nhà, vào thi đỗ, làm tân khách của Thái-tử.

Phụ chép đời HỒ-HÁN-THƯƠNG

NĂM ẤT-DẬU

Niên hiệu Khai-Đại 開大 thứ 3 (1405), tháng 8, thi ở Bộ Lễ, trúng Cử-nhân 170 người.

Hồ-ngạn-Thần 胡彥臣

Sung Thái-học-sanh lý hành, đi sứ vì cớ chịu mạng lệnh của ngụy triều bị giết.

Lê-củng-Thần 黎拱宸

Sung Thái-học-sanh lý hành.

Cù-xương-Triều 瞿昌朝

Sung Tư-thiên-đường học-sanh.

Phụ-Lục :

Triều Lý HUỆ-TÔNG Hoàng-đế (1)

NĂM MẬU-THÌN

Niên hiệu Trinh-Khánh 貞 慶 thứ 3, thi Thái-học-sanh.

Đệ nhất Giáp :

Phạm-công-Bình 范 公 平

Người huyện An-lạc.

Nguyễn-viết-Chất 阮 曰 質

Người huyện Phụng-sơn.

Vương-văn-Hiệu 王 文 校

Người huyện Thượng-hiền.

Đệ nhị Giáp :

Dương-Chánh 楊 政

Người huyện Thượng-phúc.

Đệ tam Giáp :

Phạm-Tử-Hư 范 子 虛

Người hạt Cẩm-giang, làng Nghĩa-lư, tổ-phụ ông Tuấn, tằng-tổ ông Hoán, nhiều đời đăng khoa.

---

(1) Về đoạn phụ lục này chưa rõ niên hiệu và niên thứ thè nào? Xin dịch theo nguyên ảnh bản, để lưu chỗ nghi điểm đợi xét, như vua Lý Huệ-tông làm vua cả thảy 14 năm, chỉ có một niên hiệu Hiển-Gia từ Tân vị đến Giáp-thân, không hề thấy năm Mậu-thìn và niên hiệu Trinh-Khánh đến.

TRIỀU TRẦN

Đời Vua THÁI-TÔNG Hoàng-Đế

NĂM ĐINH - VỊ

Niên hiệu Thiên-Ứng Chánh-Bình (天應政平) (1) thứ 12 (1247) mở khoa thi Thông-tam-giáo.

Giáp khoa trúng I.

Ngô-Tần 吳 瀕

Người vùng Trà-lộ.

Ất-khoa trúng 3 :

Đào-Diễn 陶 演

Người Thanh-hóa.

TIMSACH.COM.VN

Hoàng-Hoan 黃 歡

Người Thanh-hóa.

Võ-vị-Phụ 武 渭 父

Người vùng Dật-xuyên.

NĂM BÍNH - TUẤT

Niên hiệu Thiên-Ứng Chánh-Bình thứ 15, tháng 7, mở đại khoa chọn nhân tài.

Trạng-nguyên I :

Nguyễn-quan-Quang 阮 觀 光

Người hạt Động-ngạn, làng Tam-sơn. Làm đến chức Độc-xạ, được tặng chức Đại-tư-không.

---

(1) Phụng cứu theo sách Hoàng-Việt Giáp-tý niên biểu, thì Đinh-Vị là Thiên-Ứng Chánh-Bình thứ 16, mới đúng.

Bảng-nhãn I :

Phạm-văn-Tuấn 范 文 俊

Người hạt Cẩm-giang, làng Nghĩa lư. Làm đến chức Hành-khiển binh - chương quân quốc sự Thái - phó Trình-quốc-công, tặng chức Tư-đồ, con ông Phạm-tử-Hư, phụ thân ô. Hoán. (cha con đều đăng khoa).

Thám-hoa I :

Vương-hữu-Phùng 王 有 馮

Người hạt Đơn-phụng, làng Sơn-đồng.

THÁNH-TÔNG Hoàng-Đế.

NĂM GIÁP-TUẤT

Niên hiệu Bửu-Phù (寶 符) thứ 2 (1274) mở đại-khoa.

Lý-đạo-Tải 李 道 載

Người hạt Gia-định, làng Vạn-tư, thi đỗ năm 21 tuổi, sau từ chức lên chùa tu, hiệu là Huyền-quang.

ANH-TÔNG Hoàng-Đế.

NĂM GIÁP-THÌN

Niên hiệu Hưng - Long (興 隆), thứ 12 (1304) tháng 3, thi Thái-học-sanh, trúng 44 :

Nguyễn-phi-Khanh 阮 飛 卿

Người huyện Thượng-phúc, làng Nhị-khê. Làm đến chức Đại-lý tự.khanh, phụ thân ông Nguyễn-Trãi (cha con đều đăng-khoa).

Nguyễn-tử-Loa 阮 子 騾

Người huyện Thanh-oai làng Văn-xá. Làm đến chức Thừa-chánh-sứ.

BỔ-DI (thêm vào chỗ thiếu) :

Lý-dụng-Quang 李用光

Đời vua Thánh-tông triều Lý, thi khoa « văn-học-tuấn-tú » đỗ đầu.

Trần-đạo-Tải 陳道載

Đời vua Thánh-tông triều Trần 14 tuổi, thi đỗ bảng-nhãn, con ông Thượng-tướng Trần-quang-Khải.

Hồ-tông-Thốc 胡宗鵠

Người huyện Thổ-thành, trú ở huyện Đường-hào, làng Vô-ngại, đời vua Nghệ-Tông triều Trần, phụng sứ, làm đến chức Hàn-lâm học-sĩ, phụng chỉ kiêm Thẩm-hình-viện sứ.

Châu-văn-An 朱文安

Người huyện Thanh-Lê, đời vua Minh-tông triều Trần, làm chức quốc-tử-giám Tư-nghiệp, tặng Văn-trinh-công, được thờ ở Văn-miếu.

Dư-nhuận-Chi 余潤之

Người phủ Kiên-hưng, niên hiệu Đại-trị thứ 7 triều Trần, thi đỗ Tiến-sĩ, Làm đến chức Bộc-xạ.

Phạm-sư-Mạnh 范師孟

Nguyễn-hy-Châu 阮希周

Thi đỗ cuối triều Trần, đời Ngụy Hồ, làm chức Bắc-giang an-phủ-sứ.

Triệu-Thái 趙泰

Người huyện Lập-thạch, làng Hoàng-chung, về khoảng niên hiệu Vĩnh-Lạc (1403-1414) nhà Minh bên Tàu, thi đỗ Tiến-sĩ, giữ chức Hàn-lâm-học-sĩ, nghe vua Lê-Thái-Tổ khởi binh, xin về thăm cha mẹ, đi thi lại, vẫn trúng tuyển, làm đến chức thị-ngự-sử.

Phan-phù-Tiên 潘孚先

Người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, đời vua Lê-Thái-Tổ, làm đến chức Tri-sử-viện, làm quốc-sử biên tập. (國史編集).

Nguyễn-thiên-Túng 阮天縱

Người huyện Đông-ngạc, đời vua Lê-Thái-Tổ, làm đến chức Quốc-tử-giám Tư-nghiệp.

TAILIEU.COM.VN

TRIỀU LÊ

Đời vua THÁI-TỔ Cao Hoàng-Đế

NĂM BÍNH-NGỌ

Niên hiệu Thiên-Khánh 天 慶 nhà Trần năm thứ I (1426), (1) vua đến Đông-đô thân hành duyệt thi, lấy trúng tuyển 32 người.

Giáp bảng 26 người :

Đào-công-Soạn 陶 公 撰

Người làng Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, 3 lần đi sứ. Làm đến chức Nhập-nội Đại-hành-khiển, Hộ-bộ Thượng-thư, tri tam-quán sự, nhập thị Kinh-diên, thọ 78 tuổi. ông là tằng-tổ ông ... (2), cao-tổ ông Phạm.

Nguyễn Dực 阮 翼

Ất bảng 6 người :

---

(1) Cứu trong sách « Việt sử thực lục » quyển 10 trang 24 chép : Mùa đông tháng 11 triều vua Lê-Thái-Tổ năm Bính-ngọ (1426) Vua tìm được TRẦN-CẢO 陳 暠 lập lên làm vua. Nguyên trước đây có tên HỒ ÔNG 胡 翁 là con của người ăn xin, trốn ở nơi Cấm-Quí, giả xưng là con cháu họ Trần ; đương buổi ấy người trong nước khổ sở về ngược chính của quân giặc, lo sao cho nước có vua, mà Thái-Tổ lúc bấy giờ cấn kíp về việc dẹp giặc cứu dân, nên sai người đến rước Trần-Cảo lập lên làm vua quyền tạm nhất thời, và lấy thế ấy để đối phó với người Minh. Vì vậy nên năm ấy Kiên-nguyên là Thiên-Khánh (niên hiệu nhà Trần) qua năm Mậu-thân (1428) Lê-Thái-Tổ kiên nguyên là Thuận-Thiên nguyên niên.

Vậy nên trong bản « đăng khoa lục » nầy chép theo niên hiệu Thiên-Khánh nhà Trần, mà không chép niên hiệu nhà Lê.

(2) Chữ Hán không rõ.

Nguyễn-tông-Vĩ 阮宗偉

NĂM KỶ-DẬU

Niên hiệu Thuận-Thiên 順天 thứ 2, (1429) mở khoa thi Minh-kinh (vua xuống chiếu khắp trong ngoài quan chức từ tứ-phẩm trở xuống cùng những quân nhân các phủ lộ và những nhân sĩ ẩn dật ở núi rừng hễ thông kinh sử, thạo văn nghệ, đều được đến đô tỉnh hội thi).

Tên và số trúng tuyển chưa rõ.

Triệu-Thái 趙泰

Người làng Hoàng-chung, huyện Lập-thạch, trong niên hiệu Vĩnh-lạc nhà Minh (1403-1414), thi đỗ Tiến-sĩ, giữ chức Hàn-lâm học-sĩ, nghe vua Lê-Thái-Tổ khởi binh, ông xin về tỉnh, thân thi lại cũng đỗ.

Làm đến chức Thị-ngự-sử, sáng định quốc triều điều luật 國朝條律.

Trình-thuấn-Du 程舜俞

Người làng Tân-đội, huyện Duy-tân, có đi sứ, làm đến chức Tuyên-lực-đại-phu, nhập nội Hành-khiển, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, tri tam-quán-sự, kiêm xu-mật-viện-sự, nhập thị Kinh-diên ; hiệu là Mật-liêu.

Phan-phú-Tiên 潘孚先

Người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm.

Làm đến chức Tri-sử-viện, sáng tác quốc-sử biên-lục 國史編錄.

Nguyễn-thiên-Túng 阮天縱

Người huyện Đông-ngạn, làm đến chức Quốc-tử-giám trợ giáo.

Võ vĩnh-Trinh 武 永 禎

Người huyện Thiên-Bổn, làm đến chức Hàn-lâm-viện đại-học-sĩ, quyền Lễ-bộ hữu-thị-lang kiêm Bí-thư-giám tri Kinh-diên-sự.

Nguyễn-khắc-Hiếu 阮 克 孝

Người huyện Bình-lục, có đi sứ, làm đến Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ nhập thị Kinh-diên.

Trình-Hiền 程 顯

Người huyện Cổ-hằng, làm đến Thị Ngự-sử.

HMSACH.COM.VN

NĂM KỶ-HỢI

Niên hiệu Thuận-Thiên 順 天 thứ 4 (1431), mở khoa thi Hoằng-từ (khi ấy vua ngự ra Hành-cung Bồ-đề xem thi lấy người trúng tuyển sung vào Ngự-tiền học-sĩ.

Tên và số trúng tuyển chưa rõ hết.

Nguyễn-thiên-Tích 阮 天 錫

Người huyện Tiên-du làng Nội duệ, 3 lần đi sứ, làm đến chức Hàn-lâm-viện thị độc nội mật viện phó-sứ Binh-bộ Thượng-thư, thân phụ của ông... (chữ không rõ) tổ phụ của ông Bỉnh-quân, ba đời đều đăng khoa.

Trình-Thanh 程 清

Người huyện Ứng-thiên, nhà ở huyện Thanh-oai, làng Trung Thanh-oai, nguyên họ Hoàng, hai lần đi sứ, làm đến chức Nội-viên chánh chưởng Hàn-lâm-viện tri chế

cáo, môn hạ sảnh hữu tư Lang-trung, tham tri Hải-tây đạo quân dân bộ tịch ký-đô-úy, hiệu Trúc-khê, có sáng tác tập thơ truyền đời, nội tổ ông Hoàng Thông, tằng tổ ông Hoàng Du.

Đặng-huệ-Liên 鄧 惠 連

Có đi sứ, làm đến chức chuyển-vận-sứ, hiệu Lỗ-Khê.

Châu-tam-Tỉnh 朱 三 省

Người huyện Thanh-đàm, làm đến chức Hàn-lâm-trực-học-sĩ.

Trần-Phong 陳 封

Người huyện Tiên-lữ, làm đến chức Hộ-bộ Thượng-thư, kiêm Thái-tử tân khách, gia chức Thái-bảo Đô-ngự-sử, bị tội.

TIMSACH.COM.VN

NĂM QUÝ-SỬU

Niên hiệu Thuận-Thiên 順 天 thứ 6 (1433), vua tự ra đề thi.

Tên và số người trúng tuyển chưa rõ hết :

Châu-Xa 朱 車

Người huyện Ạn-phú. Có đi sứ, làm đến chức Thị-ngự-sử, can khoản bị bãi chức.

Đời Vua THÁI-TÔNG-VĂN Hoàng-Đế.

THÁNG 5 NĂM ẤT-MÃO

Niên hiệu Thiệu-Bình (紹 平) thứ 2 (1435), vua đến nhà Vân-tập-đường ngự thi các chức Giáo-thọ các lộ và quốc-tử-giám cùng những quân nhân có học.

Tên và số trúng tuyển chưa rõ hết.

Nguyễn-nhật-Tuyên 阮 日 宣

Nguyễn-tử-Tấn 阮 子 晉

Người Thanh-hóa, làm đến chức Hàn-lâm-viện học-sĩ.

NĂM NHÂM-TUẤT

Niên hiệu Đại - Bửu (大 寶) thứ 3 (1442) trúng tuyển Tiến-sĩ 33 người :

Xét theo sử-ký, niên hiệu Thiệu-bình thứ I, mới định mở khoa để chọn nhân tài, hạn đến niên hiệu Thiệu-bình thứ 5 (1438), thì các đạo mở khoa thi hương, qua Thiệu-bình thứ 6, thì đều hội thi ở đô sảnh đường. Từ đó về sau cứ đến ba năm là mở khoa hội thí, giữ làm thường lệ. Được trúng tuyển, đều liệt vào hạng Tiến-sĩ xuất thân. Đến niên hiệu Hồng-Đức thứ 15 (1484), lệnh xuống ghi đề tên tuổi các vị Tiến-sĩ vào bia dựng ở trường Quốc-tử-giám, lấy khoa ấy làm đầu. Khi đó Quách-đình-Bửu mới xin đổi Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, Thám-hoa gọi là tiến-sĩ cập đệ, chánh bảng gọi là Tiến-sĩ xuất thân, phụ bảng gọi là đồng tiến-sĩ xuất-thân, để cho hợp thể chế đương thời.

Cho trúng Đệ-nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ 3 người :

Nguyễn-Trực 阮 直

Người huyện Thanh-oai làng Bối-khê, trú ở huyện An-sơn làng Nghĩa-bang, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến chức thủ trung thư-lệnh, tri Tam-quán sự Đại-liêu ban đặc thụ Thừa-chỉ, kiêm Tế-tửu, đi sứ có danh tiếng trước tác Bối-khê thi tập, 貝 溪 詩 集

Nguyễn-như-Đổ 阮 如 堵

Người huyện Thanh-đàm làng Đại-lan, trú ở huyện Thượng-phước làng Từ-dương, khi 19 tuổi, đã thi trúng Hội-nguyên, 3 lần đi sứ, làm đến chức Lại-bộ Thượng-thư, gia chức Thiếu-bảo, về hưu trí, thọ đến 102 tuổi, bá phụ của ông Như-Huân.

Lương-như-Hộc 梁 如 鵠

Người làng Hồng-liêu, huyện Trường-tân, hai lần đi sứ, làm đến chức Đô-ngự-sử, về hưu, thọ đến 82 tuổi.

Cho trúng Đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 7 người :

Trần-văn-Huy 陳 文 徽

Người làng Thái-bạt, huyện Bất-bạt, có kẻ nói là người vùn Quang-bị, có đi sứ, làm đến chức Lại-bộ thượng-thư, thân phụ của ông Cận (cha con đều đăng khoa).

Hoàng-sẵn-Phu 黃 葬 夫

Người làng Tiên-kiều, huyện Vĩnh-ninh, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến chức Hoàng-môn nhị-lang, kiêm quốc-sử tu-soạn.

Nguyễn-Hộc 阮 鵠

Người làng Cổ-kinh, huyện Thạch-hà, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Võ-Lắm 武 覽

Người làng Tiên-kiều, huyện Kim-động, trú huyện Gia-Lâm, làng Kim-lan, làm đến Ngự-tiền học-sanh.

Nguyễn-hữu-Phù 阮 有 孚

Người làng Sơn-đồng, huyện Đơn-phụng, thi đỗ năm

30 tuổi, có đi sứ, làm đến chức Thái-nguyên Thượng-ban An-phủ-sứ.

Phạm-Cư 范 琚

Người làng La-phù, huyện Thượng-phúc, có đi sứ. Làm đến Thái-bộc-tự-khanh.

Trần-bá-Linh 陳 伯 齡

Người làng Thị-kiều, huyện Võ-ninh, có đi sứ, làm đến Thẩm-hình-viện, tri Đông-đạo quân dân bộ tịch.

Cho trúng Đệ tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất thân 23 người :

Ngô-sĩ-Liên 吳 士 連

Người làng Chúc-sơn, huyện Chương-đức, làm đến Thị-lang kiêm sử-viện Tu-soạn, về hưu, thọ 99 tuổi.

Nguyễn-duy-Tắc 阮 維 則

Người làng Thiên-đông, huyện Tiên-lữ, làm đến Hiến-sát-sứ. Thân phụ ông Chương. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-cư-Đạo 阮 居 道

Người làng Đông-khôi, huyện Gia-định, có đi sứ. Làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, tri Kinh-diên, thân phụ ông Giản. Cha con đều đăng khoa.

Phan-Viên 潘 員

Người làng Bàn-thạch, huyện Thạch-hà, thi đỗ năm 22 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám Tế-tửu, thân phụ ông Ứng-Tán. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Đạt 阮 達

Người làng Diên-trường, huyện Thanh-đàm. Làm đến Thượng-thư kiêm Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ. Tổ-phụ

ông Kỉnh-Hòa.

Bùi-Hựu 裴 祐

Người làng Lam-điền, huyện Chương-đức, có đi sứ, làm đến Thị-lang, anh ông Phước. Anh em đều đăng-khoa.

Phạm-như-Trung 范 如 忠

Người làng Nhân-lý, huyện Thanh-lâm, thi đỗ năm 30 tuổi. Làm đến Đông-các-hiệu-thư.

Trần-Đương 陳 當

Người làng Triều-thủy, huyện Đông-an, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, thân phụ của ông Cảnh-Mô. Cha con đều đăng khoa.

Ngô-thế-Dụ 吳 世 裕

Người làng Khê-nữ, huyện Kim-hoa, làm đến Hộ-bộ tả thị-lang.

Khúc-hữu-Thành 曲 有 誠

Người làng Thiện-tài, huyện Thiện-tài, làm đến Binh-bộ-hữu-thị-lang.

Lê-Lâm 黎 霖

Người làng Hạ-bì, huyện Bất-bạt. Làm đến Giám-sát ngự-sử.

Nguyễn-thiện-Tích 阮 善 積

Người làng Tiền-liệt, huyện Bình-hà, làm đến Thượng-thư.

Nguyễn-Nghị 阮 誼

Người làng Trác-châu, huyện Thanh-lâm thi đỗ năm 31 tuổi. Làm đến chức Tham-chánh,

Trịnh-thiết-Trường 鄭 鐵 長

Người làng Đông-lý, huyện An-định, khoa ấy ông không chịu nhận trúng tuyển vì không đỗ được đệ nhất giáp cập đệ, khoa sau đỗ lại đệ nhất giáp cập đệ.

Trần-Bàn 陳 磐

Người làng Từ-sơn, huyện Quá-dương có đi sứ, làm đến Đông-các đại-học-sĩ, ngự-sử đại-phu.

Nguyễn-quốc-Kiệt 阮 國 杰

Người làng Tráng-liệt, huyện Đông-ngạn, làm đến Thượng-thư kiêm Thẩm-phán-viện.

Nguyễn-Tiện 阮 美 (1)

Người huyện Vĩnh-lại. Làm đến Lễ-bộ tả-thị-lang.

Trinh-khắc-Tuy 鄭 克 綏

Người làng Sóc-sơn, huyện Vĩnh-ninh. Thi đỗ năm 30 tuổi.

HMSACH.COM.VN

Nguyễn-Dịch 阮 遹

Người làng Vụ-lạc huyện Đại-an, làm đến Tả-thị-lang.

Bùi-lôi-Phủ 裴 雷 甫

Người làng Đào-xá, huyện Phù-vân, thi đỗ khi 31 tuổi, tổ phụ ông Doãn-Tháp, tằng tổ ông Trí-kỉnh. Thế-khoa. (nhiều đời đều thi đỗ).

Lê-Cầu 黎 球

Người làng Nam-nguyên huyện Phúc-lộc.

Lê-Hiền 黎 顯

---

(1) Tra Tự-điển Khang-Hy, không thấy chữ 美 chỉ thấy theo bộ dương 羊 có chữ 美 âm là đi 夷 mà chữ 美 âm là tiện. Còn theo bộ hỏa 火 có chữ 美 âm là sạ, và chữ 烊 âm là dương, lại tra trong « Việt sử thật lục » thấy có tên ông Nguyễn-đình-Mỹ (viết chữ 美) lại có chỗ viết là 美. Vậy có lẽ chữ 美 nầy là chữ mỹ.

Người hạt Thanh-lâm, làng Lạc-thực có đi sứ, làm đến Trực-học-sĩ.

Nguyễn-nguyên-Xân 阮 原 藎

Người làng Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, Thi đỗ khi 18 tuổi, khoa ấy không chịu nhận trúng tuyển, vì không dự hạng cập đệ, khoa sau thi vẫn đỗ lại.

Đời Vua NHÂN-TÔNG-TUYÊN Hoàng-Đế.

NĂM MẬU-THÌN

Niên hiệu Thái-Hòa (太 和) *thứ 6 (1448) cho trúng Tiến-sĩ 27 vị.*

Trúng Đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ 3 vị :

Nguyễn-nghiêu-Tư 阮 堯 咨

Người làng Phụ-lương, huyện Võ-giang, có đi sứ. Làm đến Chưởng lục-bộ Thượng-thư.

Trịnh-thiết-Trường 鄭 鐵 長

Người làng Đông-lỷ, huyện An-định, được vua gả Công-chúa, có đi sứ, làm đến Hữu-thị-lang. về hưu, được phong Nghi-quốc-công, 2 lần thi đậu.

Châu-thiêm-Oai 朱 添 威.

Người làng Hương-quật, huyện Tứ kỳ. Làm đến An-phủ-sứ.

Trúng Đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 12 vị :

Nguyễn-Mậu 阮 茂

Người làng Bích-du, huyện Thụy-anh, có đi sứ, có công dựng cột đồng, làm đến Thượng-thư kiêm Đô-ngự-sử.

Dương-chấp-Trung 楊 執 中

Người làng Sài-xuyên, huyện Kỳ-hoa, thi đỗ năm 35 tuổi. Làm đến Tả-thị-lang.

Trịnh-Kiên 鄭 堅

Người huyện Vĩnh-ninh, có đi sứ Chiêm-thành, làm đến Trực-học-sĩ.

Phạm-đức-Khảng 范 德 伉

Người làng Hội-am, huyện Vĩnh-lại. Làm đến Tả-thị-lang.

Nguyễn-vĩnh-Tích 阮 永 錫

Người huyện Thượng-phúc. Làm đến Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ.

Nguyễn-bá-Kỳ 阮 伯 騏

Người làng Viên-nội, huyện Chương-đức, làm đến Thượng-thư Quận-công tước, kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, nhập thị Kinh-diên, anh ông Kỳ. (Anh em đều đăng khoa)

Nguyễn-di-Khuyết 阮 貽 厥

Người làng Trung Thanh-oai, huyện Thanh-oai, làm đến Thị-lang.

Đặng-Tuyên 鄧 宣

Người làng Bình-lăng, huyện Thiên-thi, thi hội đỗ Hội-nguyên, làm đến Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ.

Phan-Hoan 潘 渙

Người làng Lật-sài, huyện Ninh-sơn. Làm đến Đồng-tu-sử-viện. (Người bản xứ nói ông Phan-Hoan thi đỗ chưa kịp vinh quy thì mất. Người cháu nhiều đời của ông cũng nói như thế. Cứ theo quốc-sử, thì Đăng

khoa lục có lẽ sai,

Bùi-Phước 裴 福

Người làng Lam-điền, huyện Chương-đức, làm đến Tu-sử-viện, em của ông Hựu. (Anh em đều đăng khoa).

Nguyễn-văn-Chất 阮 文 質

Người làng Vu-thai, huyện Bạch-hạc, làm đến Thượng-thư về hưu, thân phụ ông Văn-Tú. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-thúc-Thông 阮 叔 通

Người làng Quế-dương, huyện Đơn-phụng, thi đỗ khi 35 tuổi. Làm đến Tham-chánh.

Trúng Đệ tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12 vị :

Đoàn-nhân-Công 段 仁 公

Người làng Cao-mật, hạt Thanh-oai.

Hoàng-Mông 黃 蒙

Người làng Hồ-khê, (nghi là Bình-khê) hạt Thanh-liêm.

Nguyễn-nguyên-Xân 阮 原 蓁

Người làng Lạc-thực, hạt Thanh-lâm, thi lại vẫn đỗ như cũ, làm đến Xu-mật-trực-học-sĩ.

Nguyễn-Lỗi 阮 磊

Người làng Bồ-điền, hạt Bạch-hạc, thi đỗ năm 35 tuổi.

Nguyễn-Thiện 阮 善

Người làng Hương-quật, hạt Tứ-kỳ, làm đến Thượng-thư, anh ông Thận. (Anh em đều đăng khoa.)

Đào-Tuấn 陶 雋

Người làng Sùng-sơn, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ. Làm đến Thượng-thư Sùng-sơn-bá.

Đinh-Minh 丁 明

Người huyện Vĩnh-ninh, thi đỗ khi 34 tuổi.

Tạ-tử-Xân 謝 子 蓁

Người làng Ỷ-la, hạt Từ-liêm, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

Trần-duy-Hinh 陳 維 馨

Người làng Võ-lăng, hạt Thượng-phúc, về hưu.

Phạm-quốc-Trinh 范 國 貞

Người làng Tiều-lan-châu, hạt Thành-đàm.

Võ-đức-Lâm 武 德 林

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an.

Nguyễn-Ngự 阮 馭

Người huyện Vĩnh-ninh, thi đỗ năm 36 tuổi.

NĂM QÚY - DẬU

Niên hiệu Thái-Hòa 太 和 *thứ II (1453), cho trúng tiến-sĩ 25 người:*

Trúng Đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 10 người :

Võ-bá-Triệt 武 伯 撤

Người làng Thái-bát, hạt Bất-bạt.

Phạm-bá-Khuê 范 伯 珪

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, có đi sứ, tổ phụ ông Dương, viễn-tổ của ông Hưng-Nhân Khắc-Minh, Văn-Tuấn.

Dương-Hải 楊 海

Người làng Mỹ-Sơn, hạt Thủy-Đường, trú ở hạt

làng Ninh-Sơn, Đông-ngạn, nguyên tên « Mỗi » (每), Ngự bút phê cải là tên « Hải » (海), làm đếnTự-khanh.

64 **Nguyễn-Từ** 阮 徐

Người làng Sơn-đông hạt Lập-thạch.

65 **Nguyễn-Phục** 阮 復

Người hạt Trường-tân làng Đoạn-tùng, làm đến Hàn-lâm kiêm Vương-phó. Khi vua Thánh-tông đánh Chiêm thành, giữ chức đốc lương, gặp gió ngược, thuyền lương trễ, bị luận tội theo quân luật. Sau phong làm Phước-thần. Thân-phụ của ông Đạm. Cha con đều đăng khoa.

66 **Đào-chánh-Kỷ** 陶 正 己

Người làng Thuận-khương hạt Siêu-loại, có đi sứ, làm đến Tham-chánh. Anh ông Cử. Anh em đều đăng-khoa.

67 **Lương-phùng-Thời** 梁 逢 辰

Người hạt Giáp-sơn, làng Tống-xá thi đỗ năm 28 tuổi. Làm đến Chuyển-vận-sứ.

68 **Nguyễn-Thận** 阮 慎

Người làng Hương-quật hạt Tứ-kỳ, em ông Thiện-tài. Anh em đều đăng khoa.

69 **Đặng-Thiếp** 鄧 貼

Người hạt Sơn-vi làng Mạo-bồ, thân phụ ông Tùng-Củ, ông Minh-Khiêm và ông Tán. Dòng dõi ông Đặng-Tất, nguyên người ở vùng Nhân-an, Thiên-lộc. Cuối nhà Trần, một nhà con cháu đều là tiết nghĩa, một phái ở huyện Sơn-vi làng Mao-bố, một phái ở huyện Lập thạch, làng Sơn-đông, đều đỗ khoa giáp. (Cha con đều đăng khoa).

70 **Nguyễn-Chỉ** 阮 祉

Người làng Tả Thanh-oai. hạt Thanh-oai Hội-nguyên.

Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân 15 vị :

71 **Vương-tử-Xuân** 王 子 春

Người làng Sanh-quả hạt Thanh-oai.

72 **Phạm-La** 范 羅

Người làng An-lạc, hạt Thanh-lâm được cưới Công-chúa làm đến Chỉ-huy thiêm-sự.

73 **Bùi-Đạt** 裴 達

Người huyện Duy-tân.

74 **Nguyễn-Lủ** 阮 屢

Người làng Thời-củ, hạt Đường-an.

25 **Bùi-Siêu** 裴 超

Người làng Đa-ngưu. hạt Tế-giang.

76 **Nguyễn-như-Ngu** 阮 如 愚

Người làng Lôi-động, hạt Thanh-hà, thi đỗ khi 24 tuổi.

77 **Nguyễn-Khiêm** 阮 謙

Người làng Cổ-kinh, hạt Thạch-hà, Thi đỗ khi 24 tuổi.

78 **Nguyễn-Võ** 阮 禹

Người hạt Đông-triều làng Phúc-đa.

79 **Trần-cảnh-Mô** 陳 景 謨

Người làng Triền-thủy, hạt Đông-an,

80 **Nguyễn-thế-Khoa** 阮 世 科

Người làng Niêm-sơn, hạt Thủy-đường.

81 **Nguyễn-Am** 阮 庵

Người làng Tây-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ năm 19 tuổi.

Làm đến Chuyển-vận-sứ.

82 **Nguyễn-khắc-Tân** 阮 克 津

Người làng Bàn-thạch,hạt Phù-dung.

83 **Lê-Trực** 黎 直

Người làng Bàn-thạch, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 25 tuổi.

84 **Hoàng-Thuần** 黃 淳

Người làng Lạc-trường, hạt Kim-bảng.

85 **Nguyễn-Tế** 阮 濟

Người làng Văn-thai, hạt Cẩm-giang thi đỗ khi 29 tuổi, có đi sứ, làm đến Phó Đô-ngự-sử Cẩm-lãnh-hầu.

86 **NĂM MẬU - DẦN**

Niên hiệu Diên-Ninh (延 寧) *thứ 5 (1458), cho trúng tiến-sĩ 4 vị : (Năm ấy Thiên-Hưng tiếm ngôi, không có thi đình)*

87 **Nguyễn-văn-Xưng** 阮 文 稱

Người huyện An-lạc, châu Nại-tử, nhà ở hạt Thanh lâm, làng An-trú, thi đỗ khi 24 tuổi. Làm đến Thừa-chánh-sứ.

88 **Nguyễn-như-Huân** 阮 如 壎

Người châu Đại-lan, hạt Thạnh-đàm, thi đỗ năm 37 tuổi, làm đến Tham-chánh. cháu ông Như-Đổ.

89 **Dương-tử-Do** 楊 子 由

Người hạt Động-ngạn, làng Tráng-liệt, làm đến Công-bộ-hữu-thị-lang.

90 **Nguyễn-Điển** 阮 典

Người huyện Chương-đức.

1463

Đời vua THÁNH-TÔNG THUẦN Hoàng-đế

NĂM QUÝ-VỊ

Niên hiệu Quang-Thuận (光順) *thứ 4 (1463), cho đỗ Tiến-sĩ 44 vị* : (Khoa ấy vua thân hành bảo chế thứ cờ lục cho tam khôi và ngự thi rằng : 狀元梁世榮，榜眼阮德貞，探花郭廷寶，天下共知名 Trạng-nguyên Lương-thế-Vinh, Bảng-nhãn Nguyễn-đức-Trinh, Thám-hoa Quách-đình-Bửu, thiên hạ cộng tri danh (đều biết tiếng).

Trúng Đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3 vị :

91

Lương-thế-Vinh 梁世榮

Người làng Thiên-bổn, hạt Cao-hương, thi đỗ khi 23 tuổi, đời gọi là thần đồng, thi ứng chế đứng đầu. làm đến Hàn-lâm-viện-thị-giảng-chưởng viện sự, nhập thị Kinh-diên, tri Sùng-văn-quán.

92

Nguyễn-đức-Trinh 阮德貞

Người làng An-giới, hạt Thanh-tâm, làm đến Phó-đô ngự-sử.

93

Quách-đình-Bửu 郭廷寶

Người làng Phúc-khê, hạt Thanh-lan, trúng Hội-nguyên có đi sứ, làm đến Lại-bộ thượng-thư kiêm Đô ngự-sử. Anh ông là Hữu-Nghiêm. Anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân 15 vị :

94

Phạm-Lỗ 范魯

Người làng Lỗ-dương, hạt Đường-an. Làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang. Anh ông Xáng. Anh em đều đăng khoa.

95 **Nguyễn-Tài** 阮 才

Người làng Hương-quật, hạt Tứ-kỳ. Làm đến Hiến-sát-sứ. Anh ông Thận, em ông Thiện. Anh em đều đăng khoa.

96 **Dương-văn-Đán** 楊 文 旦

Người làng Hà-ngư, hạt Đông-ngạn, có đi sứ, làm đến Thừa-chánh-sứ,

97 **Nguyễn-Tường** 阮 祥

Người làng Cao-cường, hạt Tân-phong, thi đậu khoa Hoằng từ, làm đến Hình-bộ-tả thị-lang.

98 **Lê-đình-Tuấn** 黎 廷 俊

Người làng Thanh lãng hạt Tế-giang, lại đỗ khao hoằng từ, làm đến Đông-các-hiệu-thư.

99 **Đào-Bạt** 陶 拔

Người làng Tiền-liệt,hạt Bình-hà, làm đến Thượng-thư Tằng tổ ông... ?

101 **Đỗ-Hân** 杜 欣

Người làng Cao-mặc, hạt Thanh-miên, làm đến Tả-thị-lang.

102 **Phạm-Ngữ** 范 語

Người làng Phan-xá, hạt Nghi-xuân trú tại hạt Đông-ngạn làng Phò-ninh, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thiêm-đô ngự-sử.

103 **Nguyễn-Ký** 阮 騏

Người làng Linh-giang, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lại-bộ thượng-thư tằng tổ của ông Nghiễm.

104 **Võ-như-Nhuế** 武 汝 芮

Người làng Thượng-đặng, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hàn-lâm khởi-cư-chú.

105 **Hoàng-Bồi** 黃 培

Người làng Cam-đá hạ, hạt Phước-lộc, làm đến Hộ-bộ thượng thư kiêm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp.

106 **Đinh-thúc-Thông** 丁 叔 通

Người làng Quan vinh, hạt Gia-viễn, trú ở hạt Thượng-phước, làng Võ-lăng, làm đến Thượng-thư.

107 **Võ-Hữu** 武 有

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường an, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Lại-bộ thượng thư, Dương-tùng-Hầu, cùng với Phan-đình-Tá nghị phong, lễ vật, cửu tích (1) cho ngụy mạc. Cao tổ của ông Lương.

108 **Nguyễn-đình-Liêu** 阮 廷 僚

Người làng Cối-giang, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Thượng-thư.

109 **Lưu-công-Ngạn** 劉 公 彥

Người làng Khúc-lễ, hạt Thủy-đường.

Cho trúng Đệ-tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 26 vị :

110 **Nguyễn-đình-Khôi** 阮 廷 魁

Người làng Bồng-lai hạt Quế-dương, thi đỗ khi 20 tuổi. Làm đến Hữu-thị-lang.

---

(1) Đời xưa, Vua ưu đãi Đại-thần, ban cho lễ vật long trọng : 1) Xe ngựa, 2) Áo Xiêm, 3) Đồ nhạc khí, 4) Cửa son, 5) nạp bệ, (xây nền điện làm cấp bệ để Đại-thần lên chầu khỏi bộc lộ, có che chung quanh), 6) Hổ-bon, (dũng-sĩ), 7) Cung tên, 8) Búa thiết Việt, 9) Rượu cự-sưởng (thứ rượu ngon nhất). Gọi là Cửu-tích.

111 **Nguyễn-Tây** 阮 西

Người hạt Thiên-lộc, làng Thời-hoạch. Thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ kiêm quản-Đô-lực-sĩ.

112 **Phạm-tử-Nghi** 范 子 儀

Người hạt Thanh-oai, làng Bảo-đà, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang.

113 **Nguyễn-bá-Ký** 阮 伯 騏

Người làng Viên-nội hạt. Chương-đức, Làm đến Thị-lang, em ông Bá-ký. Anh em đều Đăng-khoa.

114 **Châu-Lộc** 周 祿

Người làng Phù-vân, hạt Đường-an.

115 **Đỗ-bá-Lược** 杜 伯 畧

Người làng Vĩnh-kỳ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 28 tuổi

116 **Đào-Bửu** 陶 寶

Người làng Dà-kiều, hạt Phù-vân. Làm đến Thừa-chánh-sứ.

117 **Phạm-bá-Ký** 范 伯 騏

Người làng Canh-hoạch, hạt Thanh-oai. Làm đến Binh-bộ Thượng-thư. Thân phụ ông Đức-Lạng, tổ phụ ông Khuông-Lễ. Nhiều đời đăng khoa.

118 **Trần-văn-Thiện** 陳 文 善

Người làng Phủ-lý, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 26 tuổi.

119 **Nguyễn-xuân-Dương** 阮 春 陽

Người làng Từ-minh. hạt Hoằng-hóa, Làm đến Tri huyện.

120 **Phạm-Lương** 范 良

Người làng Chi-nê, hạt Tiên-du. Làm đến Thừa-

chánh-sứ, viễn-tổ của ông Trân.

121 **Đào-tuấn-Khanh** 陶 俊 卿

Người làng Thượng-phước, hạt Võ-lăng. Làm đến Thượng-thư.

122 **Nguyễn** ..? 阮…?

Người làng Nghĩa-lộ, hạt Thanh-oai, thân phụ ông Võ. Cha con đều đăng khoa.

123 **Đào-văn-Hiền** 陶 文 顯

Người làng An-bồ, hạt Tư-kỳ, có đi sứ. Làm đến Hình-bộ Thượng-thư.

124 **Lê-Nghĩa** 黎 義

Người làng Đại-điền hạt Bình-hà, làm đến Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ kiêm sử-quan.

125 **Phạm-Nại** 范 柰

Người làng Viên nội, hạt Chưởng-đức lại thi đỗ khoa Hoằng-từ, làm đến Tả-thị-lang.

126 **Nguyễn-Cách** 阮 搹

Người làng Khuông-lễ hạt Tân-phúc.

127 **Cái-Phùng** 蓋 馮

Người làng Thổ-hoang hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Lại-bộ. Tả-thị-lang quyền Binh-bộ Thượng-thư.

128 **Phạm-Phổ** 范 溥

Người làng An-bài, hạt Bình-lục lại thi đỗ khoa hoằng-từ, làm đến Thái-tử-thị-giảng, đổi qua võ chức Chỉ-huy-sứ, can tội bị bãi chức.

129 **Dương-đức-Nhan** 楊 德 顏

Người hạt Vĩnh-lại làng Hà-dương, làm đến Hình-bộ

Hữu-thị-lang. Dương-xuân-hầu, có sáng tác tập thơ « tinh tuyển » truyền đời.

130 **Nguyễn-công-Định** 阮公定

Người làng Biên-hàn, hạt Thanh-lan, làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư. Thân phụ ô. Quang-Tán. Cha con đều đăng khoa.

131 **Hạ-cảnh-Đức** 夏景德

Người làng Địa-tang hạt An-lạc, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung.

132 **Nhữ-văn-Lan** 汝文蘭

Người làng An-tử-hạ, hạt Tân-minh, làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư, sau phong Phước-thần.

133 **Nguyễn-cư-Trung** 阮居中

Người làng Hiền-dương, hạt Cẩm-giang.

134 **Nguyễn-văn-Chánh** 阮文正

Người làng Dương-trạch, hạt Đông-an,

135 **Nguyễn-như-Trác** 阮如琢

Người làng Viêm-đồ, hạt Kim-thành, làm đến Tri-huyện.

1466

NĂM BÍNH-TUẤT

Niên hiệu Quang-thuận (光順) *thứ 7 (1466), cho trúng tiến-sĩ 27 vị.*

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 8 vị :

136 **Dương-như-Châu** 楊如珠

Người làng Lạc-thổ, hạt Siêu-loại, có tiếng thần-đồng thi đỗ khi 19 tuổi, làm đến Tri chế cáo, vì học nghiệp không tiến, truất xuống Hồng-lô-tự-thừa.

TIMSACH.COM.VN

137 **Bùi-viết-Lương** 裴 曰 良

Người hạt Ngự-thiên, làng Nham-lang, trú ở hạt Nam-xương, làng Dũng-kim, có đi sứ, làm đến Thượng-thư về hưu.

138 **Quách-hữu-Nghiêm** 郭 有 嚴

Người làng Phước-khê, hạt Thanh-lan, thi đỗ năm 22 tuổi, có đi sứ, vua nhà Minh bên Tàu thấy văn-chương khen là nhân tài đời Tam-đại (Tam-đại là Hạ, Thương, Châu bên Trung-hoa) là đời thịnh trị, nhân tài tuấn tú, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử. Em ô. Đình-Bửu. Anh em đều đăng khoa.

139 **Hà-công-Trình** 何 公 程

Người làng Tỉnh-thạch, hạt Thiên-lộc, thi đỗ năm 33 tuổi, làm đến Binh-bộ Thượng-thư kiêm Quốc-tử-Tế-tửu, nhập thị Kinh-diên. Tổ 7 đời của ô. Mục.

140 **Lương-Hối** 梁 誨

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, làm đến Vương-phó.

141 **Nguyễn-đôn-Phục** 阮 敦 復

Người làng Tri-lễ, hạt Thanh-oai, có đi sứ, làm đến Tả-thị-lang, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ.

142 **Đoàn-Lạn** 段 爛

Người làng Hồng-liêu, hạt Tân-trường, có đi sứ.

143 **Phạm-thừa-Hiệp** 范 承 業

Người làng Ngọ-kiều, hạt Gia-lâm, trú ở xã Lâm-hạ, có đi sứ, làm đến Đô-ngự-sử.

Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân 19 vị :

144 **Nguyễn-nhân-Tiếp** 阮 仁 浹

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, nguyên người ở Phụng-sơn Lạc-thổ, thi đỗ khi 15 tuổi lại đỗ khoa Hoằng-từ, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư. Anh của các ô. Nhân-Dư, Nhân-Dịch ; chú của các ông Đạo-Diên, Củng-Thuận, và Nhân-Bị ; em của ông Trọng-Xác ; thân phụ ông Huân-Kỉnh; tổ phụ ông Lạng. 3 đời đều đăng khoa.

145 **Nguyễn-quang-Lộc** 阮 光 祿

Người hạt Vĩnh-Xương, Phường Đông-các, thi đỗ khi 49 tuổi.

146 **Nguyễn-tất-Bột** 阮 必 勃

Người làng Tông-lỗ, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn, thăng Hữu-thị-lang về hưu.

147 **Nguyễn-nhân-Bỉ** 阮 仁 彼

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ năm 19 tuổi, có đi sứ, làm đến Binh-bộ Thượng-thư, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao.

148 **Đỗ-Nhuận** 杜 潤

Người làng Kim-hoa, hạt Kim-Hoa, thi đỗ năm 21 tuổi, làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các đại-học-sĩ, cùng với Thân-nhân-trung nổi tiếng đồng nhau, đồng vào thị-học.

149 **Nguyễn-văn-Thông** 阮 文 通

Người làng Xuân-hy, hạt Kim-hoa, làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các-học-sĩ.

150 **Nguyễn-Chương** 阮 章

Người làng Thiên-đông, hạt Tiên-lữ, thi đỗ khi 31 tuổi, Con ông Duy-Tắc. Cha con đều đăng khoa.

151 **Nguyễn-bá-Dung** 阮 伯 榕

Người làng Vu-thai, hạt Bạch-hạc, làm đến Hàn-lâm-

viện Hiệu-thảo.

152 **Nguyễn-Chấn** 阮 震

Người huyện Trường-tân, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

153 **Bùi-Khảng** 裴 伉

Người làng An-khoái, hạt Thanh-miên, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

154 **Hoàng-nhân-Bồn** 黃 仁 本

Người làng Sơn-đồng, hạt Đơn-phụng, thi đỗ năm 23 tuổi, có đi sứ, làm đến Hiến-sát-sứ.

155 **Lê-thúc-Xân** 黎 叔 縝

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Đô-ngự-sử.

156 **Thái-tất-Tiên** 蔡 必 先

Người làng Do-Lễ, hạt Hưng-nguyên, làm đến Tham-chánh.

157 **Nguyễn-Truân** 阮 屯

Người làng Trung-hành hạt An-dương, trú ở *Kim-thành Hà-nội*, thi đỗ khi 28 tuổi.

158 **Ngô-Lôi** 吳 雷

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, có đi sứ, cải qua chức võ, làm đến Tổng-binh-thiêm-sự.

159 **Phạm-Doanh** 范 瀛

Người làng Khê-tang, hạt Thanh-oai, làm đến Tả-thị-lang.

160 **Mạc đức-Tuấn** 莫 德 濬

Người làng Mặc-thủ, hạt Bình-hà, làm đến Thượng thư, tằng-tổ ông Văn-Túc.

161 **Đào-Cử** 陶 泉

Người làng Thuần-khương, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 18 tuổi, cải tên là Thuấn-Cử, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư kiêm Sùng-văn-quán tú-lâm-cuộc phụng mạng phê bình tập thi Cổ-tâm-bách-vịnh (古 心 百 詠). Em ông Chánh-Kỷ. Anh em đều đăng khoa.

162 **Hà-Nghiêm** 何 儼

Người làng Kim-hoa, hạt Kim-hoa, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

1469

NĂM ẤT-SỬU

Niên hiệu Quang-thuận (光 順) *thứ 10, (1469), cho trúng Tiến-sĩ 22 vị :*

— *Trúng đệ nhi giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 vị :*

163 **Phạm-Bá** 范 播

Người làng phát-xuyên hạt Tân-minh, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, nhập thị Kinh-diên.

164 **Nguyễn-như-Uyên** 阮 如 淵

Người làng An-quyết, hạt Tư-liêm-hạ, thi đỗ khi 33 tuổi. làm đến Lại-bộ Thượng-thư chưởng lục-bộ-sự, kiêm Qnốc-tử-giám Tế-tửu, nhập thị Kinh-diên, về hưu, chú ông Xuân-Nham, tổ phụ ông Khiêm-Quang, tằng-tổ ông Nhật-Tráng, tổ 6 đời ông Nghĩa-Đô Nguyễn-vinh-Thạnh. Nhiều đời đăng khoa.

— *Trúng đệ tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 20 vị ;*

165 **Thân-nhân-Trung** 申 仁 忠

Người làng An-ninh hạt An-dũng đậu Hội-nguyên,

làm đến Lại-bộ Thượng-thư, chưởng Hàn-lâm-viện, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, nhập nội phụ chánh, cùng với Đỗ-Nhuận đều vào thị học (1), hiệu Tao-đàn phó nguyên-soái Thân phụ của các ông Nhân-Tín, Nhân-Võ ; tổ-phụ ông Cảnh-Vân. Nhiều đời đăng khoa.

166 Trần-Cận 陳 瑾

Người làng Thái-bạt, hạt Bất-bạt, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, con ông Văn-Triệt, đến cháu ông là Trần-Tuân làm loạn, sau đổi qua họ Đăng, dời ở chỗ khác, một phái ở hạt Chương-đức, làng Lương-xá ; một phái ở hạt Từ-liêm, làng thượng An-Quyết ; ở hạt Tiên-du, làng Phò-đổng, đều đăng khoa đệ. Cha con đều đăng khoa.

167 Nguyễn-xung-Xác 阮 冲 慤

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 19 tuổi, trước tên là Nhân-Phùng Ngự bút cải tên là Trọng-Xác, sau lại cải là Xung-Xác, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, chưởng Hàn-lâm-viện dự Tao-đàn nhị-thập bát-tú (28 ngôi sao). Anh của các ông Nhân-Quyết, Nhân-Dư, Nhân-dịch ; em ông Nhân-Bị ; phụ thân ông Đạo-Diễn. Anh em đều đăng khoa.

166 Nguyễn-Minh 阮 明

Người làng Liêu-thượng, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Tả-thị-lang

168 Nguyễn-văn-Bính 阮 文 柄

Người làng Công-trung hạt Đông-thành, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

---

(1) Thị học nghĩa là chầu Vua học tập, nói một cách khác là dạy Vua học.

169 **Nguyễn-khắc-Cung** 阮 克 恭

Người làng Xuân-lủng hạt Sơn-vi, , làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang.

170 **Nguyễn-thạch-Trụ** 阮 石 柱

Người làng Xuân-lôi, hạt An-phong, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

171 **Lê-sĩ-Dũng** 黎 士 勇

Người làng Phụ-vệ, hạt Chí-linh, cải qua chức võ, làm đến Tổng-binh-thiêm-sự.

172 **Nguyễn-đạt-Tế** 阮 達 濟

Người làng Bình-Ngô ,hạt Gia-định, thi đỗ khi 28 tuổi, có đi sứ; làm đến Tả-thị-lang.

173 **Nguyễn-nhân-Khiêm** 阮 仁 謙

Người làng Lê-xá, hạt Nghi-dương, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-bộ-đô-cấp-sự-trung

174 **Nguyễn-thiện-Chương** 阮 善 彰

Người làng Nam-hoa-thượng, hạt Thanh-chương, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, lấy lời thẳng can vua không nghe, xin về khi 33 tuổi.

175 **Nguyễn-Lan** 阮 蘭

Người làng Quang-thừa, hạt Kim-bảng, thân phụ ông Mạo. Cha con đều đăng khoa.

176 **Võ-như-Tùng** 武 如 松

Người làng Bối-trì, hạt Thanh-miên, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

177 **Trần-Bửu** 陳 寶

Người làng Trần-xá,hạt Nam-xương, làm đến Công-

bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo. Viễn-tổ của ông Trần-lương, Bật, ở làng Cổ-am huyện Vĩnh-Lại.

178 **Võ-Thạc** 武碩

Người làng Võ-la, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 29 tuổi. làm đến Hiến-sát-sư.

179 **Đoạn-hiếu-Chân** 段孝真

Người làng Ôn-xá, hạt Văn-giang. làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các đại-học-sĩ.

180 **Nguyễn-Chiên** 阮蒨

Người hạt làng An-ninh, Cẩmgiang, có kẻ nói là người Hương-tô

181 **Đỗ-kim-Oánh** 杜金瑩

Người phường Công-bộ, huyện Quảng-đức, nhập tịch hạt Thượng-phúc, làng Võ-lang, thi trúng Hội-nguyên khi 21 tuổi, làm đến Tham-chánh.

182 **Nguyễn-tất-Đại** 阮必大

Người làng Kha-lý, hạt Thụy-anh, thi đỗ khi 29 tuổi.

183 **Đàm-văn-Lễ** 覃文禮

Người làng Lâm-sơn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 18 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư chưởng Hàn-lâm-viện-sự, cùng ông Quang-Bật đồng vâng di chiếu lập vua Túc-Tông. Khi vua Oai-Mục lên ngôi, giận ông không lập mình, bèn giáng chức xuống Quảng-nam Thừa-chánh-sứ, rồi sai người đi theo giết chết. Ông là tổ-phụ ông Văn-Tiết.

1472

NĂM NHÂM-THÌN

Niên hiệu Hồng-Đức (洪德) *thứ 3 (1472) cho trúng*

tiến-sĩ 27 người.

Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ 3 người.

183 **Võ Kiệt** 武 傑

Người làng An-việt, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Thị-lang, kiêm Đông-các Công-bộ phường. Tổ-phụ ông Nguyễn-văn-Long,

184 **Nguyễn-kim-An** 阮 金 安

Người làng Thời-cử, hạt Đường-an, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện Thị-thư.

185 **Vương-khắc-Thuật** 王 克 述

Người làng Cối-giang, hạt Đông-ngạn, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 7 người.

186 **Võ-ứng-Khương** 武 應 康

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, làm đến Hộ-khoa Đô-cấp-sự-trung.

187 **Phạm-phúc-Chiêu** 范 福 昭

Người hạt Đông-an, làng Tử-hồ, trú ở Văn-giang Đông-na, có đi sứ, làm đến Đông-các.

188 **Nguyễn-Tộ** 阮 祚

Người làng Động-sơn, hạt Lập-thạch, làm đến Hiến-sát-sứ. Anh các ông Tư, Phước, và ông Trinh. Anh em đều đăng khoa.

189 **Trần-Khể** 陳 棨

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đại-lý-tự-khanh, Lễ-giáo-hầu về hưu, thân

phụ ông Phỉ. Cha con đồng một triều và đồng về hưu. Viễn-tổ của ông Vũ. Cha con đều đăng khoa.

190 **Trần-đức-Mậu** 陳 德 懋

Người làng Ích-hậu, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các Hiệu-thư.

191 **Lê-Bột** 黎 勃

Người làng Mễ-sở, ngụ Châu Man-trù, hạt Đông-an, làm đến Hiến-sát-sứ.

192 **Nguyễn-tấn-Lương** 阮 進 良

Người huyện Thiện-Tài.

— *Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân 17 người.*

193 **Chữ Phong** 褚 豐

Người làng Cối-giang, hạt Đông-ngạn, có đi sứ, làm đến Đề-hình giám-sát Ngự-sử. Thân phụ ông Thiên-khải, tằng-tổ ông Sư-đồng, cao-tổ ông Sư-Văn. Nhiều đời đăng khoa.

194 **Nguyễn-tắc Trung** 阮 則 忠

Người làng La-giang, huyện La-giang, thi đỗ khi 23 tuổi.

195 **Nguyễn-đình-Phương** 阮 廷 芳

Người làng Vu-thai, hạt Bạch-hạc, làm đến Hiến-sát-sứ.

196 **Võ-đức-Trinh** 武 德 禎

Người làng Nỗ-bạn, hạt Thanh-đàm, làm đến Thượng-thư.

197 **Nguyễn-kỉnh-Tu** 阮 敬 脩

Người làng Đống-xuất, hạt Đông-ngạn, làm đến

Hàn-lâm.

198 **Nguyễn-Bảo** 阮 保

Người làng Phương-lai, hạt Võ-tiên, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư chưởng Hàn-lâm-viện sự, hiệu Châu-khê, có sáng tác tập thơ truyền đời.

199 **Nguyễn-Thái** 阮 泰

Người làng Xạ-sơn, hạt Giáp-sơn, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

200 **Nguyễn-Lan** 阮 蘭

Người làng Nghĩa-đô, hạt Từ-liêm thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung.

201 **Nguyễn-nhân-Dư** 阮 仁 餘

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ năm 17 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ. Em các ông Nhân-Bị, Xung-Xác, Nhân-Hiệp ; anh ông Nhân-Dịch. Nhiều đời đăng khoa.

202 **Võ-Hựu** 武 祐

Người huyện Thanh-miến.

203 **Nguyễn-Trọng** 阮 仲

Người làng Đồng-dương, hạt Thanh-oai, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư, vào dạy ở Kinh-diên kiêm chưởng Hàn-lâm-viện-sự. Con là Nghiễm dời ở làng Triều-thế. Cha con đều đăng khoa.

204 **Ngô-Anh** 吳 瑛

Người làng Đặng-xá, hạt Gia-lâm, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

205 **Nguyễn-đoan-Lương** 阮 端 良

Người làng Hoằng-liệt, hạt Thanh-đàm.

206 **Lê-tuấn-Ngạn** 黎 俊 彥

Người làng Vĩnh-lộc, hạt Hồng giang, ngụ làng Ngọc-bộ đỗ Hội-nguyên, có đi sứ, làm đến Thượng-thư.

207 **Đỗ-thuần-Nhân** 杜 純 仁

Người làng Cổ-phạm hạt Đồng-sơn,.

208 **Đinh-Đỉnh** 丁 鼎

Người huyện Vĩnh-ninh.

209 **Đào-nam-Kiệt** 陶 南 傑

Người làng Khúc-thủy hạt Thanh-oai, làm đến Thừa-chánh-sứ, thân-phụ ông Công-sảng. Cha con đều đăng khoa.

1475

NĂM ẤT-VỊ

Niên hiệu Hồng-Đức (洪 德) thứ 6 (1475), cho trúng Tiến-sĩ 43 vị :

— Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ 3 người :

210 **Võ-tuấn-Chiêu** 武 濬 韶

Người phường Nhật-Chiêu, huyện Quảng-Đức, trú ở Tây-chân cổ-liễu, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

211 **Ông-nghĩa-Đạt** 翁 義 達

Người làng Phú-gia, hạt Từ-vu, làm đến Phó-đô-ngự-sử.

212 **Cao-Uýnh** 高 烱

Người làng Cao-xá, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 37 tuổi, Hội-nguyên, nguyên tên Lô, ngự bút cải tên Uýnh, làm đến Đông-các đại-học-sĩ.

— Trúng nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 13 người :

213 **Phạm-Xáng** 范 璨

Người làng Lợi-dương, hạt Quảng-an, thi đỗ khi 32 tuổi, em ông Lỗ , Anh em đều đăng khoa.

214 **Trần-Thâm** 陳 深

Người làng Nhỉ-trai, hạt Thiên-tai.

215 **Ứng-ngạn-Lạng** 應 彥 亮

Người làng Hưng-hiền, hạt Thượng-phúc, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo.

216 **Vương-Hiền** 王 顯

Người làng Mặc-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ năm 24 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

217 **Nguyễn-tấn-Vỹ** 阮 晉 偉

Người làng Lôi-xá, hạt Cẩm-giang, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử.

218 **Lê-quảng-Du** 黎 廣 瑜

Người làng Lỗ-hiền, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 39 tuổi, có đi sứ, làm đến giám-sát-ngự-sử.

219 **Phạm-hưng-Văn** 范 興 文

Người làng Động-hối, hạt Thanh-lan, làm đến Đô-ngự-sử, đi sứ, tặng Hình-bộ Thượng-thư.

220 **Đỗ-trí-Trung** 杜 致 忠

Người làng Hạ-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 37 tuổi.

221 **Kiều-Phú** 喬 富

Người làng Lạp-hạ, hạt Ninh-sơn, làm đến Tham-chánh, có sáng tác quyển Lãnh-nam-chích-quái-lục. 嶺 南 摭 怪 錄)

722 **Nguyễn-Hịch** 阮 逖

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, làm đến Quốc-tử-giám Tư-nghiệp. Con ông Thiên-tích, tổ ông Bính-quân. Nhiều đời đăng khoa.

723 **Đỗ-Duệ** 杜 睿

Người làng An-bài, hạt Phụ-phụng,thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Tham-chánh, thân-phụ ông Toại, tổ-phụ ông Cảnh. Hai đời đăng khoa.

724 **Võ-mẫn-Trí** 武 敏 智

Người làng Khuê-chương, hạt Kim-thành, làm đến Đoán-sự.

725 **Nguyễn-Tuấn** 阮 俊

Người làng Đại-lan, hạt Đông-an, làm đến Hữu-thị-lang.

— Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân 27 vị:

726 **Đỗ-Vinh** 杜 榮

Người huyện Trường-tân, làng Hồng-liêu, làm đến Công-khoa.cấp-sự-trung.

727 **Phan phúc-Cần** 潘 福 瑾

Người làng an Việt-hạ, hạt La-giang, có tiếng thần-đồng, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Tham-chánh. Anh ô. Dư-Khánh. Anh em đều đăng khoa.

728 **Nguyễn duy-Tiếu** 阮 惟 肖

Người làng Đông-lải, hạt Vĩnh-lại.

729 **Nguyễn-ấu-Miễn** 阮 幼 勉

Người làng Lãm.dương, hạt Quế-dương, làm đến Thượng-thư.

TVMSACH.COM.VN

230 **Nguyễn-quan-Hiền** 阮 觀 賢

Người làng Vĩnh-kỳ, hạt Từ-liêm, có đi sứ, làm đến Tả-thị-lang.

231 **Hoàng-Thiệu** 黃 劭

Người làng Tây-mụ, hạt Từ-liêm, trú ở làng An-lũng, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, về hưu.

232 **Đỗ-Nhương** 杜 攘

Người làng Phần-tỉnh, hạt Ngọc-sơn.

233 **Nguyễn-minh-Khương** 阮 明 康

Người làng Phước-hải, hạt Ngự-thiên, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang.

234 **Nguyễn-Trinh** 阮 禎

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, có sức mạnh, giữ chức Đô-lực-sĩ, làm đến Lại-bộ Thượng-thư. Anh ô. Tri-Phước, em ô. Tộ. Anh em đậu đồng khoa.

235 **Võ-triệu-Dung** 武 肇 容

Người làng Tô-xuyên, hạt Phù-phụng, thi đỗ khi 34 tuổi.

236 **Nguyễn-Cung** 阮 珙

Người làng Cấp-nhất, hạt Bình-hà, làm đến Thượng-thư.

237 **Nguyễn-Dịch** 阮 驛

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo, em của các ông Nhân-Bị, Xung-Xác, Nhân-Hiệp, Nhân-Dư. Anh em đều đăng khoa.

238 **Nguyễn-Tịnh** 阮 靖

Người làng Phò-lỗ, hạt Kim-hoa, làm Đồ-cấp-sự-trung. Em ô. Dương-Hiền, anh ông Thận-Lễ, tằng-tổ ô. Đôn-Mục, Anh em đỗ đồng khoa.

239 **Phan-Quý** 璠 貴

Người làng Phan-xá, hạt Siêu-loại,

240 **Thái-Thuận** 蔡 順

Người làng Liêu-lâm, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Tham-chánh, hiệu Lữ-đường, có sáng tác tập thơ truyền đời.

241 **Nguyễn-sùng-Nghê** 阮 崇 覬

Người huyện Vĩnh-xương trú ở làng Hiền-khánh, hạt Thiên-bổn, thi đỗ khi 48 tuổi.

242 **Trần-Mô** 陳 謨

Người làng Di-ái, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 36 tuổi.

243 **Đoàn-Mậu** 段 懋

Người làng Kim-ngôi, hạt An-lão, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, tri Chiêu-văn-quán, Tú-lâm-cuộc, tước Cần-lễ-nam.

244 **Nguyễn-ly-Châu** 阮 驪 珠

Người làng Khê-ngoại, hạt An-minh.

245 **Nguyễn lễ-Kính** 阮 禮 敬

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, thi đỗ khi 33 tuổi. Tằng-tổ ô. Nghĩa-lập.

246 **Tạ-đức-Hải** 谢 德 海

Người huyện Võ-ninh.

247 **Tạ-Thông** 谢 聰

Người làng An-hưng, hạt Sùng-an, có tiếng thần-đồng.

248 **Nguyễn-dương-Hiến** 阮 陽 憲

Người làng Phò-lỗ, hạt Kim-hoa, anh của các ông Tịnh, Thận, Lê, tằng-tổ ô. Đôn-Mục. Anh em đỗ đồng khoa.

249 **Đỗ-chánh-Lạc** 杜 政 樂

Người huyện Đường-an, làm đến Công-bộ-hữu-thị-lang.

250 **Ngô-Luân** 吳 綸

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, lại thi đỗ vào Đông-các, dự hạng nhị thập bát tú, làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các-đại-học-sĩ. Anh ô. Thầm. Anh em đều đăng khoa.

251 **Nguyễn-tư-Phụ** 阮 資 輔

Người làng Hưng-khê, hạt Chí-linh, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

252 **Nguyễn-ty-Phúc** 阮 滋 福

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Tham-chánh, em các ông Tộ và ông Trinh. Anh em đỗ đồng khoa.

1478

NĂM MẬU-TUẤT

Niên hiệu Hồng-đức, 洪 德, thứ 9 (1478) cho trúng tiến-sĩ 62 người.

— *Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ 3 vị: (một Bảng-nhãn, hai Thám-hoa).*

253 **Lê-quảng-Chí** 黎 廣 志

Người làng Thần-đầu, hạt Kỳ-hoa, thi đỗ năm 25

tuổi, làm đến Đông-các.học-sĩ, tặng Thượng-thư, phong Phước-thần. Em ô. Ý. Anh em đều đăng khoa.

254 **Trần-bích-Hoằng** 陳 璧 宏

Người làng Vân-các, hạt Thiên-bàn, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Đông-các.

255 **Lê-Ninh** 黎 寧

Người làng Thụ.ích, hạt An-lạc, Hội-nguyên, có đi sứ, làm đến Hộ.bộ-Tả.thị.lang, kiêm Vương-phó, tặng Thượng-Thư. Tổ phụ ô. Hiến.

— *Trùng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 9 vị :*

256 **Nguyễn-địch-Tâm** 阮 廸 心

Người làng Hoàng-xá, hạt Ninh-sơn, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Thượng-thư, hàm Thiếu-bảo, có sáng tác quyển «Việt-khảo-sử-giám». (越 考 史 鑑)

257 **Võ-Quỳnh** 武 瓊

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Binh-bộ Thượng-thư, nhập thị Kinh.diên, kiêm Sử-quán Tổng-tài, soạn bộ «Đại-việt-thông.giám» (大 越 通 鑑). Thân phụ ô. Cán. Cha con đều đăng khoa.

258 **Võ-duy-Thiện** 武 惟 善

Người làng An-cự, hạt Thiên-bổn, lại thi đỗ khoa Hoằng-từ, làm đến Hiến-sát-sứ, nhập thị Kinh.diên, tước Tử.

259 **Nghiêm-Lâm** 嚴 琳

Người làng La-phù, hạt Thượng-phước, làm đến Tự-khanh.

260 **Nguyễn-sĩ-Nguyên** 阮士原

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thượng-bửu-tự-khanh Lục-cấp sự-trung-sự.

261 **Hoàng-đức-Lương** 黃德良

Người làng Ngọ-cầu, hạt Gia-lâm, nguyên trước tịch làng Cửu-phụ, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ-Tả-thị-lang.

262 **Ngô-sở-Ngọc** 吳楚玉

Người làng Văn-xá, hạt Thiện-tài.

263 **Ninh Kháng** 寧沆

Người làng Lan-đình, hạt Thanh-lâm, trú làng Đồng-ngọ, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

264 **Nguyễn Giản** 阮揀

Người làng Đông-khôi, hạt Gia-định, làm đến Công bộ-hữu-thị-lang. Con ô. Cư-đào. Ba đời đều đăng khoa.

— *Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ, xuất-thân 50 người.*

265 **Nguyễn Hiến** 阮獻

Người làng Đống-xuất, hạt Đông-ngàn,

266 **Đào-cảnh-Huống** 陶景貺

Người làng Phán-thủy, hạt Kim-động, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-Lang.

267 **Nguyễn-dương-Kỳ** 阮陽祺

Người làng Cao-duệ, hạt Trường-Tân, làm đến Thị-Lang.

268 **Quách Tán** 郭 瓚

Người làng Phù-đàm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 27 tuổi, hai lần đi sứ, làm đến Hàn-lâm, thân phụ ô. Điền. Cha con đều đăng khoa.

269 **Nguyễn-Khánh...** 阮 慶

Người làng Tả-Thanh-Oai, hạt Thanh-Oai.

270 **Doãn-hoành-Tuấn** 尹 宏 濬

Người làng An-Duyên, hạt Thượng-phước, có đi sứ, làm đến Thượng-thư. Bác ô. Mậu-Khôi, tằng tổ ô. Đàm.

271 **Võ-Tín Biều** 武 信 表

Người làng Bình-lăng, hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 30 tuổi.

272 **Trần-quý-Nghị** 陳 貴 毅

Người làng Thanh-lãng, hạt An-lãng, làm đến Thượng-thư.

273 **Nguyễn Kỳ** 阮 麒

Người làng Như-lân hạt Tế-giang, thi đỗ khi 36 tuổi, có đi sứ, làm đến Công-bộ Tả-thị-Lang.

274 **Nghiêm Phụ** 嚴 輔

Người làng Lan-độ, hạt Đông-ngạn, làm đến Thừa-chánh-sứ, anh con nhà bác của ô. Ích-khiêm.

275 **Nguyễn-thiệu-Tri** 阮 紹 知

Người làng Xuân-lôi, hạt Lập-thạch, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, về hưu, Tử-tiết khi ngụy Mạc lên cướp ngôi. Được phong Phước-thần.

[redacted] **Nguyễn Nghiễm** 阮 儼

Người làng Bình-sơn, hạt Đông-ngạn nguyên trước

tịch làng An-dư, thi đỗ khi 60 tuổi, làm đến Tham-chánh, thân phụ ô. Vân-Quang. Cha con đều đăng khoa.

277 **Dương Bính** 扬 昺

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, làm đến Thừa-chánh-sứ. Tằng-tổ ô. Cảo.

278 **Nguyễn-hiếu-Trung** 阮 孝 忠

Người làng Khinh-diêu, hạt Giáp-sơn, làm đến Giám-sát ngự-sử.

279 **Bùi-xương-Trạch** 裴 昌 泽

Người làng Định-công, hạt Thanh-đàm, ngụ làng Thạnh-liệt, thi đỗ khi 41 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư chưởng-lục bộ-sự, kiêm Đô-ngự-sử, Quốc-tử-giám Tế-tửu, tri Kinh-diên-sự, Thái-phó Quảng-quốc-công. Thân phụ ô. Tài, tổ-phụ ô. Bỉnh-Quân. Ba đời đều đăng khoa.

TAISACH.COM.VN

280 **Nguyễn-trí-Khoan** 阮 智 寬

Người làng Phan-xá, hạt Tứ-kỳ.

281 **Nguyễn-Cối** 阮 蓕

Người làng Hội-am hạt Vĩnh-lại,

282 **Nguyễn-tâm-Hoằng** 阮 心 弘

Người làng Lai-thạch, hạt La-giang, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Tá-lý công-thần, Lễ-bộ-hữu thị-lang.

283 **Lương Vinh** 梁 榮

Người làng Cổ-bi, hạt Thanh-lâm,

284 **Phí Mẫn** 費 敏

Người làng Cửu-phụ, hạt Gia-lâm.

285 **Lưu Hy** 劉 熙

Người làng Thanh-oai, hạt Thanh-oai-thượng, làm

đến Hiến-sát-sứ.

287 **Vương-khắc-Mại** 王克邁

Người làng An-nội, hạt Ninh-sơn, có đi sứ.

287 **Ngô-kim-Húc** 吳金旭

Người làng Hàn-kinh, hạt An-dương, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung.

288 **Trần Kỳ** 陳琦

Người làng An-thái, hạt Thiên-bồn, làm đến Hàn-lâm.

Trúng đệ tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất-thân 27 vị (phụng cứu câu này e thừa, vì trên kia đã có câu như thế rồi).

289 **Phạm Trân** 范珍

Người làng Phò-liệt, hạt Thanh-đàm đông. Hội-nguyên.

290 **Nguyễn-thông-Doãn** 阮通允

Người làng Tăng-quảng, hạt Thanh-oai.

291 **Nguyễn Úc** 阮郁

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, thân phụ ô. ô. Hy-Tải, Tự-Cường; anh ô. Khiết-Tú; bác ô. Táo-Hòa-Trung. Cha con anh em đều đăng khoa.

292 **Phạm Nại** 范鼐

Người làng Bình-hồ, hạt La-giang, thi đỗ khi 26 tuổi.

293 **Võ Phắt** 武撥

Người làng An-chân, hạt An-dương, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo.

294 **Nguyễn-duy-Minh** 阮 惟 明

Người làng Hà-trường, hạt Giáp-sơn, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Tả-thị-lang.

295 **Nguyễn-diệu-Huy** 阮 耀 輝

Người làng Phi-xá hạt Thiên-tài, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Phó-đô-ngự-sử.

296 **Nguyễn-hanh-Phu** 阮 亨 敷

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Thị-lang.

297 **Nguyễn Thù** 阮 洙

Người làng Bình-hồ, hạt Đông-an, ngụ Thiên-thi Thổ-hoàng, làm đến Tham-chánh. Tổ phụ ô. Lệ.

298 **Nguyễn Nho** 阮 儒

Người làng Vực-đường, hạt Thiên-thi, làm đến Thượng-thư, được liệt vào hạng Tiết nghĩa.

299 **Nguyễn-tủng-Mục** 阮 竦 穆

Người làng Hiên-nạp, hạt Diên-hà, làm đến Thị-lang được liệt vào hạng Tiết-nghĩa.

300 **Nguyễn-tuyên-Cần** 阮 宣 勤

Người làng Uông-hạ, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang, tử-tiết về khoảng niên hiệu Hồng-thuận, thọ 83 tuổi, tặng Lễ-bộ Thượng-thư,...? Lộc-hầu Anh ô. Đức-Khâm. Anh em đều đăng khoa.

301 **Phạm Kiên** 范 甄

Người làng Kim-lạn, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 27 uổi, làm đến Đông-các đại-học-sĩ.

302 **Dương Tịnh** 楊 靖

Người làng Vĩnh-mụ, hạt An-lạc, thi đỗ khi 24 tuổi,

làm đến Công-bộ Tả-thị-lang. Tổ-phụ ô. Đôn-Uỷnh.

303 **Nguyễn-đức-Định** 阮 德 定

Người làng Vân-chương, hạt Lập-thạch, làm đến Viên-ngoại-lang.

304 **Nguyễn-đức-Trinh** 陳 德 貞

Người làng Thạch-lỗi, hạt Sơn-vi, làm đến Thị-lang.

305 **Nguyễn-kính-Hài** 阮 敬 諧

Người làng Tân-ốc, hạt Hương-sơn, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

306 **Đào Lâm** 陶 霖

Người làng Đương-trào, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 18 tuổi, lại thi đỗ vào Đông-các, làm đến Hàn-lâm.

307 **Hoàng Hiền** 黃 賢

Người làng Kệ-thạch, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lễ-khoa-cấp-sự-trung.

308 **Đỗ Cận** 杜 覲

Người làng Thống-thượng, hạt Phổ-an, trước kia tên Viễn, Ngự bút cải tên Cận, thi đỗ khi 45 tuổi, có đi sứ, soạn bài ký Kim-lăng (金 陵 記) làm đến Thượng-thư.

309 **Đặng Cung** 鄧 珙

Người làng Vân-đoàn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 19 tuổi, làm Hàm-lâm hiệu-thảo.

310 **Lê Giám** 黎 鑑

Người làng Phò-long, hạt Hưng-nguyên, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, nhập thị Kinh diên.

TMSACH.COM.VN

311 **Võ Kiết** 武 杰

Người làng Sa-lung, hạt Tây-chân, làm đến Cấp-sự-trung.

312 **Hoàng công-Đảng** 黃 公 黨

Người làng Man-duế, hạt Thanh-lâm trú ở xã Đồng-khê, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thượng-thư, tước Phú-thọ-nam, về hưu.

1481

— Năm tân-sửu, niên hiệu Hồng-đức (洪 德) thứ 12 (1481), cho trúng Tiến-sĩ 40 người.

— *Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ 3 vị :*

313 **Phạm-đôn-Lễ** 范 敦 禮

Người làng Hải-triều, hạt Ngự-thiên, ngụ Kim-hoa Thanh-nhàn, thi đỗ khi 27 tuổi, từ thi Hương đến thi Đình đều đậu thứ nhất cả. Làm đến Tả-thị-lang.

314 **Lưu-hưng-Hiếu** 劉 興 孝

Người làng Lương-hà, hạt Vĩnh-ninh, thi đỗ khi 26 tuổi, có đi sứ. làm đến Thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

315 **Nguyễn-doãn-Địch** 阮 允 迪

Người làng Bạo-dương, hạt Thanh-oai, ngụ làng Canh-Hoạch. làm đến Hữu-thị-lang. Tổ-phụ ô. Thiên.

— *Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 8 vị :*

316 **Ngô-văn-Cảnh** 吳 文 景

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, ngụ làng Liên-hồ, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Hiến-sát sứ.

317 **Võ-khắc-Minh** 武 克 明

Người làng Bình-lãng, hạt Cẩm-giang, làm đến Hiến-

sát-sứ.

318 **Lưu-ngạn-Quang** 劉 彥 光

Người làng Viễn-khê, hạt Đông-sơn, ngụ làng Ngọc-bôi, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Tả-thị-lang.

319 **Nguyễn-duy-Trinh** 阮 維 禎

Người làng Thượng-cát, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 39 tuổi, có đi sứ, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang.

320 **Phạm-Hùng** 范 雄

Người làng Đường-sơn, hạt Thiên-bổn, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang, về hưu, thọ 78 tuổi.

321 **Hoàng-bá-Dương** 黃 伯 陽

Người làng Bối-khê, hạt Thanh-oai, có đi sứ, làm đến Tri-phủ.

322 **Bùi-Sư-Lục** 裴 師 錄

Người làng Lại-hạ, hạt Thanh-lâm.

323 **Lê-đức-Thiệu** 黎 德 邵

Người hạt Đường-hào-lâm, thi đỗ khi 29 tuổi.

— *Thi trúng đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 29 vị :*

324 **Nguyễn-minh-Thông** 阮 明 通

Người làng Xuân-canh, hạt Đông-ngạn, làm đến Thừa-chánh-sứ.

325 **Đàm-đình-Phương** 譚 廷 芳

Người làng Trung-thụy, hạt Đơn-phụng, làm đến Hàn-lâm-viện Bí-thư.

326 **Phạm Chuyết** 范 拙

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang.

327 **Võ-nguyên-Trinh** 武 原 禎

Người huyện Đường-an.

328 **Lệ-Cẩu** 黎 龜

Người làng Lạc-thực, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 39 tuổi, anh ô. Hùng, tổ phụ ô. Phan-Long. Anh em đều đăng khoa.

329 **Nguyễn-tôn-Mậu** 阮 孫 茂

Người hạt Kim-hoa-xuân, thi đỗ khi 41 tuổi, dự vào Tao-đàn (nhị thập bát tú) làm đến Hàn-lâm-viện Thị-thư. (theo Việt-sử chép là Nguyễn-tôn-Phiệt 阮 孫 筏).

330 **Nguyễn-nhân-Bị** 阮 仁 被

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 34 tuổi, khoa bính-tuất vì không đỗ cập-đệ từ khước sự trúng tuyển, đến khoa này đậu lại, dự vào Tao-đàn (nhị-thập bát-tú) có đi sứ, làm đến Binh-bộ Thượng-thư. Em ô. Trọng-Xác, anh ô. Nhân-Hiệp. Anh em và ba đời đều đăng khoa.

331 **Nguyễn-văn-Tú** 阮 文 秀

Người làng...? Thai, hạt Bạch-hạc, làm đến Thừa-chánh-sứ, con ô. Văn-Chất, Cha con đều đăng khoa.

332 **Võ-nghi-Huynh** 武 宜 兄

Người hạt Cẩm-giang thi đỗ khi 26 tuổi.

333 **Nguyễn-Giả** 阮 褚

Người làng Đường-quán, hạt Đơn-phụng, thi đỗ năm 39 tuổi, làm đến Viện-ngoại-lang.

334 **Nguyễn-Thái** 阮 泰

Người hạt Vĩnh-đán, thi đỗ khi 46 tuổi.

335 **Khổng-cư-Lỗ** 孔居魯

Người làng Thạch-lỗi, hạt Lập-thạch.

336 **Thân Võ** 申武

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, thi đỗ khi 38 tuổi, con ô. Nhân-Trung, em ô. Nhân-Tín. Cha con anh em đều đăng khoa.

337 **Lê-công-Truyền** 黎公傳

Người hạt Vĩnh-sơn, làm đến Giám-sát-ngự-sử

338 **Phạm-tử-Hiền** 范子賢

Người hạt Anh-xá-thị.

339 **Nguyễn-tất-Thông** 阮必聰

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh.

340 **Nguyễn-tử-Loa** 阮子騾

Người làng Hộ-xá, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến An-bang kinh-lược-sứ.

341 **Nguyễn-đình-Tuấn** 阮廷俊

Người làng Quảng-bố, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 31 tuổi. có đi sứ, làm đến Thượng-thư.

342 **Nguyễn-nhân-Lễ** 阮仁禮

Người làng Bột-thượng, hạt Hoằng-hóa.

343 **Phan-ứng-Toản** 潘應瓚

Người làng Bàn-thạch, hạt Thạch-hà-động, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám Tế-tửu, con ô. Viên. Cha con đều đăng khoa.

344 **Lưu-di-Khuyết** 劉貽厥

Người làng Như-phụng, hạt Tế-giang, làm đến Hiến-sát-sứ.

345 **Lê Tứ** 黎賜

Người làng Khúc-lộng, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 38 tuổi.

346 **Đỗ-bá-Linh** 杜伯齡

Người làng Thượng-minh, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 39 tuổi.

347 **Ngô-khắc-Tuấn** 吳克俊

Người làng An-tân, hạt Trường-tâm, làm đến Hiến-sát-sứ.

348 **Thang-nghĩa-Phương** 湯義方

Người làng Cần-chương, hạt Đông-ngạn, chánh quán ở hạt Chí-linh, làng An-ninh, làm đến Lễ-bộ hữu-thị-lang, dòng dõi ô. Đại-Đạt.

349 **Lê-đức-Trung** 黎德忠

Người làng Cổ-dũng, hạt An-dũng, thi đỗ khi 39 tuổi, nguyên họ Nguyễn, được cho đổi Quốc-tánh họ Lê.

350 **Nguyễn-Oanh** 阮泓

Người làng Nghĩa-trai, hạt Gia-lâm, làm đến Đô-ngự-sử.

351 **Phan-dư-Khánh** 潘餘慶

Người làng An-việt hạ, hạt La-giang, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, con ô. Phước-Cẩn. Anh em đều đăng Khoa.

352 **Lê-duy-Hàn** 黎維翰

Người làng Bái-cầu hạt Hoằng-hóa, làm đến Hiến-sát-sứ.

NĂM GIÁP-THÌN 1484

Niên hiệu Hồng-đức (洪德) thứ 15 cho trúng

tiến-sĩ 44 :

— *Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :*

Nguyễn-quang-Bật 阮 光 弼

Người làng Bình-ngô, hạt Gia-định, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Đô-ngự-sử, cùng với ô. Đàm-văn-Lễ đều chịu mạng vua phó thác lại, lập vua Anh-Tông nối ngôi, sau vua Oai-mục lên ngôi, giận ông không lập mình, bèn giáng chức bổ đi Quảng-nam, *tìm cách thủ tiêu*, sau vua Tương-dực-Đế khởi nghĩa, truy phong ông, để nêu gương trung-nghĩa.

Nguyễn-Giác 阮 珏

Người làng Thắng-lãm, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang.

Mai-duy-Tinh 梅 維 精

Người làng Tây-mụ, hạt Nga-sơn, làm đến Lại-bộ Thị-lang.

— *Trúng đệ nhị giáp xuất-thân 16 vị :*

Ngô-văn-Phòng 吳 文 房

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, làm đến Thị-lang, thân phụ ô. Mậu-Đôn, tổ phụ ô. Mậu-Du, cao tổ ô. Văn-Chánh. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-hán-Đình 阮 漢 廷

Người làng Cổ-quán, hạt Thần-khê, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư.

Đào-như-Khuê 陶 如 珪

Người làng Tri-nhị, hạt Quế-dương.

359 **Dương-bang-Bồn** 楊 邦 本

Người làng An-cừ, hạt Thanh-liêm, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, Đông-các đại-học-sĩ kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, tri Kinh-diên-sự, Đôn-thư-bá, vua cho cải Quốc-tánh là Lê, cải tên là Tung (嵩), tác giả của bài Việt-giám-tổng-luận (越 鑑 總 論).

360 **Lê-đức-Toản** 黎 德 纘

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Đô-ngự-sử, chú ô. Khiết. Được liệt vào hạng Tiết-nghĩa.

361 **Nguyễn-thuần-Trung** 阮 純 忠

Người làng Đoạn-tùng, hạt Trường-tân.

362 **Nguyễn-sư-Trác** 阮 師 琢

Người làng Vĩnh-trị, hạt Hoằng-hóa, làm đến Đài-quan.

363 **Phạm-văn-Ngọc** 范 文 玉.

Người làng Lãng-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử.

364 **Nguyễn-mộng-Tùng** 阮 夢 松

Người làng Cẩm-sơn, hạt Cẩm-giang.

365 **Trần-Thực** 陳 湜

Người làng Vạn-tải, hạt Thanh-lâm, trú ở làng Nhân-lý, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hàn-lâm, được liệt vào hạng Tiết-nghĩa.

366 **Tạ-Tài** 謝 才

Người làng Tùng-hộ, hạt Kim-hoa.

367 **Lê-công-Thích** 黎 公 奭

Người làng Khúc-thủy, hạt Thanh-oai thi đỗ khi 21 tuổi, nguyên họ Đào, được vua cho đổi quốc-tánh là họ Lê, làm

đến tham-chánh, con ô. Nam-kiệt. Cha con đều đăng khoa.

368 **Phạm-trí-Khiêm** 范 智 謙

Người làng An-trang, hạt Thiên-tài thi đỗ khi 24 tuổi đỗ hội-nguyên, làm đến Đông-các-hiệu-thư.

369 **Lê-cảnh-Trinh** 黎 景 禎

Người vùng Cẩm-giang Lôi-xá, làm đến Hàn-lâm.

370 **Nguyễn-đình-Huống** 阮 廷 貺

Người làng Dục-đại, hạt Thanh-lâm thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

371 **Nguyễn-doãn-Tu** 阮 允 脩

Người làng Hoa-thiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hình-khoa Đô-cấp-sự-trung. Con ô. Khắc-giám, thân phụ ô. Doãn-Thăng.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 25.

372 **Châu-đình-Bửu** 朱 廷 寶

Người làng Quang-liệt, hạt Thanh-tê, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, tặng tôn ô. Châu-văn-An.

373 **Lê-lan-Hinh** 黎 蘭 馨

Người làng An-đô, hạt Tân-phong, thi đỗ khi 39 tuổi, nguyên là họ Nguyễn tên Mạnh, được cho đổi Quốc-tánh là họ Lê, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư.

374 **Lê-Liễn** 黎 輦

Người làng Lỗi-xá hạt Đông-an, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

375 **Nguyễn-văn-Sí** 阮 文 企

Người làng Bình-lãng. hạt Cẩm-giang,

376 **Nguyễn Sâm** 阮 森

Người làng Đông-tạ. hạt Tứ-kỳ,

377 **Trịnh-Phác** 鄭 撲

Người làng Tang-khê, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

378 **Trần-khắc-Minh** 陳 克 明

Người làng Mạc-xác, hạt Chương-đức, trú ở hạt Thanh-oai, làm Đơn-sĩ thi đỗ khi 22 tuổi, nguyên họ Hoàng, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư. Đông-các-đại-học-sĩ, Lương-nhân-hầu, về hưu, thân phụ ô. Nghĩa-Phú, tổ phụ ô. Tế-Mỹ. 3 đời đăng khoa.

379 **Đặng-minh-Bích** 鄧 明 璧

Người làng Bạch-đường, hạt Nam-đường, làm đến Thượng-thư.

380 **Đặng-doãn-Tu** 鄧 允 脩

Người làng Đông-động, hạt Thanh-lan, thi đỗ khi 22 tuổi

381 **Tống-Phúc**....? 宋 福 … ?

Người làng Nhất-trai. hạt Thiện-tài. thi đỗ khi 19 tuổi. có đi sứ, làm đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ.

382 **Lê-như-Thông** 黎 汝 聰

Người huyện Tân-phước.

383 **Đào-khắc-Lâm** 陶 克 林

Người làng Mặc-thủ, hạt Bình-hà. làm đến Bình-khoa-đô-cấp-sự-trung.

384 **Quản-Phác** 管 撲

Người làng Đại-hội, hạt Võ-tiên, làm đến Thừa-chánh-sứ.

385 **Đỗ-thanh-Đào** 杜 清 濤

Người làng Đông-dư, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-ích-Tốn 阮 益 遜

Người làng Mậu-hòa, hạt Đơn-phụng, làm đến Lễ-bộ thị-lang.

Đặng-tử-Nghi 鄧 子 儀

Người làng An-tập, hạt Đường-hào, làm đến Thượng-thư về hưu.

Nguyễn-văn-Hạp 阮 文 洽

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-phước, làm đến Hiến-sát-sứ,

Vũ-minh Châu 武 明 珠

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 27 tuổi.

Nguyễn-hữu-Huy 阮 有 輝

Người làng Cổ-điển, hạt Thanh-đàm thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Phạm-cần-Trực 范 謹 直

Người làng Đàm-xá, hạt Trường-tân .

Nguyễn-doãn-Huy 阮 允 徽

Người làng La-giang, hạt La-giang thi đỗ khi 31 tuổi,

Đặng-Thận 鄧 慎

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch em ô. Điềm. Anh em đều đăng khoa.

Đặng-tùng-Củ 鄧 從 矩

Người làng Mạo-phố, hạt Sơn-vi, Làm đến đại-học-sĩ-tham chưởng Hàn-lâm-viện-sự, con ô. Thiếp, em ô. Minh-Khiêm, và ông Tán. Cha con, anh em đồng khoa.

Nguyễn-đức-Liêu 阮 德 僚

Người làng Quỳnh-Hoàng, hạt Giáp-sơn làm đến Hiến-

sát-sử.

396 **Nguyễn-vô-Cữu** 阮無咎

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du,

NĂM ĐINH-VỊ 1487

Niên-hiệu Hồng-đức (洪德) thứ 18 (1487) cho trúng Tiến-sĩ 60 : (1)

Trúng đệ nhất giáp liến-sĩ cập-đệ 3 :

397 **Trần-sùng-Dĩnh** 陳崇穎

Người làng Đông-khê, hạt Thanh-lâm trú ngụ làng Màn-duế, thi đỗ khi 23 tuổi, ứng chế hợp cách, làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư. Anh ô. Năng. Anh em đều đăng khoa.

398 **Nguyễn-đức-Huấn** 阮德訓

Người làng An-đinh, hạt Chí-linh, nguyên quán làng Cổ-châu, có đi sứ, làm đến Thượng-thư.

399 **Thân-cảnh-Vân** 申景雲

Người làng An-ninh hạt An-dũng, thi đỗ khi 25 tuổi, cháu nội ô. Nhân-Trung, con ô. Nhân-tín, ông thi đậu trước thân phụ của ông, 3 đời đều đăng khoa.

Trúng đệ nhi giáp tiến-sĩ xuất-thân 30 :

400 **Võ-Cảnh** 武景

Người làng Dưỡng-động, hạt Thủy-đường, trú ở Lương-tài Kim-đôi, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thượng-thư kiêm Đô-ngự-sử.

401 **Nguyễn-thẩm-Lộc** 阮審祿

Người làng Truân-bối, hạt Thâm-lâm thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tham-chánh, tặng Phó-đô-ngự-sử. Tổ phụ

---

(1) đây chép 60 tiến-sĩ, nhưng đếm được 62 tiến-sĩ, mà không thấy kê tương đệ-tam -giáp là mấy cả, không rõ ở trong có sai lộn thế nào?

ô. Vĩnh-phước. Tiết-nghĩa.

402 **Nguyễn-lý-Tường** 阮 履 祥

Người làng Bình-hà, hạt Thanh-lâm,

407 **Đinh-trung-Thuần** 丁 忠 純

Người làng Phùng-xá, hạt Ý-an, có đi sứ, làm đến Thông-chánh-sứ.

404 **Bùi-đoan-Giáo** 裴 端 教

Người làng Đại-điền, hạt Bình-hà, có đi sứ, làm đến Thông-chánh-sứ.

405 **Nguyễn-bửu-Khuê** 阮 寶 珪

Người làng Lý-hải, hạt An-lãng, dự vào Tao-đàn nhị thập bát tú 28 ngôi sao, có đi sứ, làm đến Hình-bộ-Tả-thị-lang Đô-đình-úy.

406 **Ngô-Hoan** 吳 驩

Người làng Nghiêm xá,hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 36 tuổi, có đi sứ, làm đến Đô-ngự-sử. Thân phụ ô. Ước. huyền, cha con đều đăng khoa,

407 **Nguyễn cần-Liêm** 阮 謹 廉

Người làng Đại-đồng, hạt Siêu-loại, làm đến Tả-thị-lang,

408 **Võ-Ương** 武 秧

Người làng Lỗ-hiền, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử.

409 **Võ-triệt-Võ** 武 澈 禹

Người làng Đào-lãng, hạt Đại-an, thi đỗ khi 28 tuổi. làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang.

410 **Nguyễn-Viên** 阮 瑗

Người huyện Võ-tiên, làm đến Tham-chánh.

411 **Trịnh-Quỳ** 鄭 葵

Người làng Tứ-dương, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 28 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Thượng-thư.

412 **Nguyễn-ứng-Triệu** 阮 應 肇

Người huyện Tứ-kỳ.

413 **Phạm-Tuấn** 范 駿

Người làng Truân-bối, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Tri-phủ,

414 **Võ-Loan** 武 鑾

Người làng Tuy-lai, hạt Đường-an,

415 **Nguyễn-Lệ** 阮 礪

Người hạt An-bình hồ, hộ tịch ở hạt Thiên-thi làng Thổ-hoàng, làm đến Tả-thị-lang, chú ô. Châu, Chú cháu đỗ đồng khoa.

416 **Nguyễn-lý-Uyên** 阮 理 淵

Người làng Cổ-điển, hạt Thanh-đàm, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-lý.

417 **Nguyễn-thừa-Phất** 阮 承 紱

Người vùng Ninh-sơn An-hội.

418 **Ngô-Ngọc** 吳 鈺

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lễ-khoa Đô-cấp-sự-trung, Thân phụ ô. Hải, tổ phụ ô. Trừng, tằng tổ ô. Nhân-Triệt, cao tổ ô. Nhân-Tuấn. 5 đời đỗ khoa giáp.

419 **Bùi Phổ** 裴 溥

Người làng Lê-xá, hạt Nghi-dương, thi đỗ khi 25 tuổi, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-lý.

420 **Nguyễn-thuần-Hổ** 阮 純 虎

Người làng Đồ.mạc, hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 19 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

421 **Phạm-Hạo** 范 皞

Người làng Quỳnh-khê, hạt Kim-thành, làm đến Thượng-thư, dòng dõi ô. Phạm-Mai triều Trần, tổ phụ ô. Phạm-gia Mô, ở làng Lệ-xá, hạt Nghi-dương.

422 **Nguyễn-quảng-Trinh** 阮 廣 貞

Người làng Hoàng-gia. hạt Cẩm.giang,

423 **Đỗ-Đạt** 杜 達

Người làng Nguyễn-xá, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát.ngự.sử.

424 **Trần-Huyền** 陳 玄

Người làng Ngọc-tái, hạt Tứ-kỳ, làm đến Hàn-lâm.

425 **Phạm-Bửu** 范 寶

Người huyện Đại-an.

426 **Trần Bân** 陳 彬

Người làng Lạc-đông, hạt Tân-minh, làm đến Đô-ngự-sử.

427 **Võ-Đôn** 武 惇

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-An, tổ phụ ô, Hữu, viễn tổ của các ông Đinh-Thiều, Đinh-Ân.

428 **[redacted]Đặng-minh-Khiêm** 鄧 鳴 謙

Người làng Mạo-Phố, hạt Sơn-vi, hai lần đi sứ, làm đến Thượng-thư, kiêm Sử-quan-Tổng-tài, tri Chiêu-văn-quán, Tú-lâm-cuộc, hiệu là Thoát-hiên, tác-giả của bộ « Việt-sử thi-tập» (越 史 詩 集) truyền đời. Con ô. Thiếp, em ô. Tùng-củ, anh ô.. Tán. cha con anh em đều đăng

khoa,

429 **Nguyễn-Cẩn** 阮 謹

Người làng Đoạn-xá, hạt Trường-tân, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

430 **Phạm-miễn-Lân** 范 勉 麟

Người làng Hoa-kiều, hạt Thiện-tài, có đi sứ, làm đến Đinh-úy-sứ. Thân phụ ô. Chánh-Nghị. Cha con đều đăng khoa.

431 **Đào-tiến-Khang** 陶 進 康

Người làng Xuân-đồ, hạt Gia-lâm, làm đến Thừa-chánh-sứ.

432 **Đỗ-Hựu** 杜 祐

Người làng Đại-nhiếm, hạt Ý-an, thi đỗ khi 28 tuổi, có đi sứ.

TIMSACH.COM.VN

433 **Trần-Thịnh** 陳 靚

Người làng Tam-lũy, hạt Thạch-hà, thi đỗ năm 48 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử.

434 **Nguyễn-Đường** 阮 鏜

Người làng Hồng-liêu, hạt Trường-tân.

435 **Nguyễn-nghĩa Kỳ** 阮 義 琦

Người làng Tiền-táo, hạt Bình-hà, làm đến Đông-các.

436 **Nguyễn-đình-Bật** 阮 鼎 弼

Người làng Hoan-khê, hạt Kim-hoa, đỗ năm 41 tuổi.

437 **Nguyễn-giản-Liêm** 阮 簡 廉

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Thân phụ ô. Giản-Thanh. Cha con đều đăng khoa.

438 **Nguyễn-thọ-Kinh** 阮 壽 鯨

Người làng Hà-lý, hạt Thụy.anh.

439 **Nguyễn-Huýnh** 阮 烱

Người làng Bối-khê, hạt Thanh-nhất,

440 **Nguyễn tắc Dĩnh** 阮 則 頴

Người làng Lam-kiều, hạt Hoằng-hóa, làm đến Hộ-bộ Tả-thị-lang.

441 **Tạ-hùng-Kiệt** 謝 熊 傑

Người làng Hương.bảng, hạt Đơn-phụng, làm đến Tả-thị-lang.

442 **Trần-doãn-Hựu** 陳 允 祐

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Thượng thư.

443 **Lê-hanh-Huyền** 黎 亨 玄

Người làng Nghĩa-trai, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 21 tuổi, thường họa vần thi ngự-chế.

444 **Ngô-trinh-Chấp** 吳 貞 執

Người làng Xuân-lôi, hạt An-lễ,

445 **Nguyễn-đạo-Tuân** 阮 道 遵

Người làng Hộ-xá, hạt Chí-linh, cải qua chức võ, làm-đến Tổng-binh-sứ. Tổ phụ ô. Lương-Ký.

446 **Đoàn-huệ Nhu** 段 惠 柔

Người làng Phổ-vệ, hạt Ngự-thiên, làm đến Thừa-chánh-sứ.

447 **Phạm-Thạnh** 范 盛

Người làng Tam...? hạt Gia-định, hai lần đi sứ, làm đến Thượng-thư, thân phụ ô. Điển, Cha con đều đăng khoa liệt vào hàng tiết nghĩa.

448 **Đặng-Tán** 鄧 讚

Người làng Mạo-phố, hạt Sơn-vi, có đi sứ, làm đến Hữu-thị-lang. Con ô. Thiếp, em các ông Tùng-Củ, Minh-Khiêm. Cha con đều đăng-khoa, anh em đỗ đồng khoa.

449 **Đỗ-thuần-Thông** 杜 純 聰

Người làng Tứ-kiều, hạt Đông-an, làm đến Thừa-chánh-sứ.

450 **Nguyễn-trinh-Biểu** 阮 貞 表

Người huyện An-lạc, châu Các-sa, làm đến Tham-chánh.

451 **Hoàng-ngạn-Chương** 黃 彥 璋

Người làng Mỹ-dương, hạt Nghi-xuân, làm đến Thừa-chánh-sứ.

TIMSACH.COM.VN

452 **Phạm-hòa-Xuân** 范 和 春

Người làng Xà-kiều, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 27 tuổi.

453 **Nguyễn-thận-Lễ** 阮 慎 禮

Người hạt . . . ? em ô. . . . tằng- iồ ô. . . . ? Anh em đều đăng khoa.

454 **Lưu-Túc** 劉 肅

Người, hạt Bạch-hạc . . . ? làm đến Thượng-thư. Tiết nghĩa.

455 **Võ-Mật** 武 密

Người làng Tuy-lai. hạt Đường-an,

456 **Nguyễn-Ngung** 阮 顒

Người làng Hữu-phùng, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 19 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-Hiệu-thảo.

457 **Nguyễn-ích-Ngận** 阮 益 漸

Người huyện-Vĩnh-xương, ngụ huyện Đông-an, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

458 **Trình-chí-Sâm** 程 志 森

Người phường Khúc-phố, huyện Vĩnh xương, trú ở Đông-an, làng Tử-hộ, làm đến Công-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo chưởng Lục-bộ-sự, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, Tử-hồ-bá. Theo Nguỵ Mạc.

NĂM CANH-TUẤT 1490

Niên hiệu Hồng-đức (洪 德) thứ 21, (1490) cho trúng Tiến-sĩ 54 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ Cập đệ 3 :

459 **Võ-Duệ** 武 睿

Người làng Trình-xá, hạt Sơn-vi, có tiếng là thần-đồng, thi đỗ khi 23 tuổi, vâng mạng ứng chế hợp cách, nguyên trước tên là Nghĩa-chi, sau vua cho cải tên Duệ, làm đến Trình-ý bỉnh văn công-thần, Lại-bộ Thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, nhập-thị Kinh-diên, Thiếu-bảo, Trình-khê-hầu, khi Nguỵ-Mạc cướp ngôi, theo vua Quang-Thiệu về Thanh-hóa, tử tiết được phong Phước-thần.

460 **Ngô-Hoán** 吳 煥

Người làng Thượng-đáp, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 31 tuổi, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, theo vua Quang-thiệu qua nước Ai-lao rồi tử tiết, phong Thôi-trung công-thần, gia phong Phước-thần.

461 **Lưu-ngạn-Thư** 劉 彥 舒

Người làng Đa-nghi, hạt Vĩnh-lại, làm đến Hàn-lâm viện-thị-chế.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 19 vị :

502 **Lê-tuấn-Mậu** 黎 俊 茂

Người làng Xuân-lôi, hạt An-phong, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư, kiêm Đô-ngự sử, Ngụy-Mạc buộc phải vào chầu, ông dấu đá trong tay áo ném vào Ngụy-mạc không trúng, cam chịu tử tiết, được phong Phước-thần.

503 **Nguyễn-thanh-Cần** 阮 清 勤

Người làng Chân-hộ, hạt An-phong, thi trúng khi 28 tuổi.

504 **Đỗ-dung-Kiêm** 杜 容 檢

Người làng Mỹ-huệ, hạt Tứ-kỳ, anh ô. Đình-Huấn, anh-em đều đăng-khoa.

505 **Nguyễn-đức-Thận** 阮 德 慎

Người làng Tráng-liệt, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi. Có đi sứ.

506 **Ngô-đạt-Nho** 吳 達 儒

Người làng Xuân-Hy, hạt Kim-hoa.

507 **Phạm . . .** 范 … ?

Người làng An-lương, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

508 **Trần-hữu Nho** 陳 有 儒

Người làng Cổ-đô, hạt Đông-sơn,

509 **Phạm-ngọc-Uyên** 范 玉 淵

Người huyện Tứ-kỳ.

510 **Nguyễn-thuần-Dung** 阮 淳 容

Người làng An-tiêm, hạt Đông-quan, thi đỗ khi 31 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Dương-trực-Nguyên 楊直源

Người làng Thượng-phước, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 23 tuổi, có đi sứ, làm đến Đô-ngự sử, sau được phong Phước-thần. Thân phụ ô. Đinh. Cha con đều đăng khoa. Tiết-nghĩa.

Nguyễn-hưng-Nhượng 阮興讓

Người huyện Tân-phong.

Vương-Thao 王璈

Người làng Hồng-liêu, hạt Trường-tân, làm đến Thượng-thư kiêm Đô-ngự-sử Tu-lễ-hầu.

Bùi-đức-Thiệu 裴德邵

Người huyện-Nghi-dương, thi đỗ khi 30 tuổi.

Phạm-túc-Minh 范肅明

Người làng Cổ-dũng, hạt An-dũng, thi đỗ khi 30 tuổi

Nguyễn-thúc-Dũ 阮叔裕

Người làng Phù-sô, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 27 tuổi.

Nguyễn-hoằng-Nghị 阮弘毅

Người làng Tráng-liệt, hạt Đông-ngạn.

Nghiêm-ích-Khiêm 嚴益謙

Người làng Lan-độ, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 32 tuổi, cải qua chức võ, làm đến Cẩm-y-vệ-Đô-chỉ-huy-sứ. Em con nhà chú của ô. Công-Phụ.

Nguyễn-Trác 阮琢

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-phước, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-nhi-Kiệt 阮彌杰

Người làng Ỷ-bích, hạt Thuần-hựu, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 32 :

Lê-đình-Quát 黎 廷 适

Người làng Kim-hoạch, hạt Lương-giang, làm đến Đô-ngự-sử.

Võ-khắc-Sanh 武 克 生

Người làng Võ-la, hạt Thanh-lâm, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo.

Đinh-doãn-Minh 丁 允 明

Người làng Hương-giản, hạt Đường-an, làm đến Quốc-tử-giám-Tư-nghiệp.

Nguyễn-hoằng-Khoản 阮 宏 款

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi trúng khi 20 tuổi. Anh ô. Huân. Anh em đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-Xao 阮 敲

Người làng Phò-chẩn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 26 tuổi, thi hội 4 trường đều đứng đầu, vâng mệng ứng chế hợp cách, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-hà-Thục 阮 遐 淑

Người làng Xà-kiều, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 27 tuổi.

Đỗ-công-Cận 杜 公 瑾

Người làng Tiên-phong, hạt Tiên-phong.

Trần-Di 陳 彝

Người làng Cao-lãm, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu-thị-lang.

Thân-nhân-Tín 申 仁 信

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, thi đỗ khi 52 tuổi,

con ô. Nhân-Trung, anh ô. Nhân-Võ, thân phụ ô. Cảnh-Vân, 3 đời đều đăng khoa.

Bùi-Phi 裴 棐

Người làng An-đảo, hạt An-lạc.

Nguyễn-minh-Điển 阮 明 銿

Người làng Tây-thiềm, hạt Từ-liêm,

Lưu-Dịch 劉 懌

Người làng Lãi-xuyên,hạt Kim-thành, thi đỗ khi 28 tuổi, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Hàn-lâm-viện Hiệu-đính.

Phạm-đạo-Phú 范 道 富

Người huyện Đại-an, thi đỗ khi 28 tuổi, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang.

Phạm-Trinh 范 禎

Người làng Mai-xá. hạt Phụ-phụng,

Nguyễn-Trang 阮 莊

Người làng Thanh-oai thượng, hạt Thanh-oai, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Tả-thị-lang.

Trần-hùng-Quan 陳 雄 觀

Người làng Nghinh-tiên, hạt An-lạc, làm đến Đinh-úy-chánh.

Đàm-thận-Huy 譚 慎 徽

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến chức Kiệt-tiết-dực-vận-tán-trị-công-thần, Lễ-bộ-Thượng-thư, Tri chiêu-văn-quán, Tú-lâm-cuộc, kiêm Hàn-lâm-viện-thị-độc, chưởng Hàm-lâm-viện sự, Thiếu-bảo, nhập thị Kinh-diên, Lâm-xuyên-bá, thuở Nguỵ-Mạc thoán đoạt Thận-Huy lãnh

mật chiếu về Bắc-giang, khởi nghĩa, binh thế ít không địch nổi, uống thuốc độc tử tiết, được phong Phước-thần, hiệu Mặc-trai, có sáng tác thi-tập truyền đời. Và được liệt vào hạng tiết-nghĩa.

Trần-nguyên-Lễ 陳元禮

Người làng Văn-thai, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

Hoàng-chánh-Liêm 黃政廉

Người làng Nghĩa-trai, hạt Gia-lâm, làm đến Đô-ngự-sử.

Đào sùng-Nhạc 陶崇嶽

Người Bạch-hạc nhật chiêu, trú ở làng Ái-vũ, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Phú-xuyên bá.

Hoàng-thuần-Phác 黃純樸

Người làng Ngọc-động, hạt Tiên-minh, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tự-khanh,

Nguyễn ngạn-Quang 阮彥光

Người làng Đơn-trường hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 40 tuổi, có đi sứ.

Nguyễn-cương-Đạt 阮剛達

Người làng Trúc-động, hạt Thủy-đường, làm đến Thông-chánh-sứ.

Lê-tịnh-Hiếu 黎靜孝

Người làng Phúc-hải, hạt Ngự-thiên, làm đến tri-huyện về hưu.

Trịnh-văn Liên 鄭文連

Người làng An-phúc hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 38 tuổi.

Đặng-Điểm 鄧 恬

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Hiến-sát-sứ. Anh ô. Thận. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Dục 阮 鋊

Người làng Phùng-kiều, hạt Lương-giang,

Lê-Khiết 黎 潔

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thập, làm đến Tri-huyện.

Nguyễn-minh-Mạng 阮 明 命

Người làng Minh-độ, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 41 tuổi.

Nguyễn-túy-Doanh 阮 翠 瀛

Người làng Lan-đình, hạt Đông-ngạn, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Bùi-hoàn-Khánh 裴 完 慶

Người làng Tuy-lai, hạt Đường-an, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Thị-lang.

Phạm-quảng-Hiếu 范 廣 孝

Người làng Uông-hạ, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 44 tuổi, vâng mạng ứng chế hợp cách, làm đến Thị-lang.

NĂM QUÝ SỬU

Niên hiệu Hồng-đức (洪 德) thứ 24, (1493) lấy đỗ tiến-sĩ 48 : (1)

Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ 3 vị :

Võ-Dịch 武 賜

Người làng Man-duế, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 22 tuổi

(1) Đây nói 48 Tiến-sĩ, nhưng đếm lại, chỉ có 47 Tiến-sĩ

tuổi, từ thi hương đến thi đình đều đỗ đầu, ứng chế cũng hợp cách, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, có đi sứ, làm đến Công-bộ Thượng-thư.

Ngô-Thầm 吳 忱

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, dự vào Tao-đàn 28 ngôi-sao, làm đến Hàn-lâm-viện-Thị-thư, Thân phụ ô. Miễn-Thiệu, tổ phụ ô. Diễn-Dịch, anh ô. Xuân. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-Hùng 黎 熊

Người làng Lạc-thực hạt Thanh-lâm thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Đông-các. Anh ô. Cách, tổ phụ ô. Phan-Long. Anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân 23 vị :

Lại-đức-Do. 賴 德 猶

Người làng Đáp-khê, hạt Chí-linh thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-Thuấn 阮 蓴

Người làng Xuân-án, hạt Phụng-nhãn làm đến Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Cung 阮 龔

Người làng Kệ-thạch, hạt Thiên-lọc thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-minh-Đạt 阮 明 達

Người huyện Tứ-kỳ,

Nguyễn-dũng-Nghĩa 阮 勇 義

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Đỗ-nhân 杜 紉

Người làng Lại-ốc, hạt Tế-giang thi đỗ khi 20 tuổi,

cải tên nhạc, có đi sứ- làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử Đông-các-đại-học-sĩ, nhập thi Kinh-diên, bị Mạc-đăng-dung giết, tặng Thiếu-bảo Văn-trinh-bá. Sáng tác quyển Vịnh sử-thi-tập 詠 史 詩 集. Thân phụ ô. Tung Tấn. Cha con đều đăng khoa, Tiết Nghĩa.

Trần Năng 陳 能

Người làng Quan-sơn, hạt Thanh-lâm. thi đỗ khi 49 tuổi, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang tặng Lễ-bộ-Thượng-thư. Em ô. Sừng-Dĩnh, tổ phụ ô. Bửu, cao tổ ô. Xuân-bảng. Nhiều đời đăng khoa. Tiết nghĩa.

Kiều Phúc 喬 福

Người làng Đông-sàng. hạt Phúc-lộc, thi đỗ khi 42 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Võ Tụ 武 聚

Người làng Hoạch-trạch,hạt Đường-an, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hình-bộ-Tả-thị-lang.

Ngô-thái-Đoan 吳 泰 端

Người làng Khương-kiện, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 46 tuổi.

Nguyễn-ngọc-Huấn 阮 玉 訓

Người, huyện Nghi-xuân:

Đinh Thúy 丁 邃

Người huyện Hoài-an, thi đỗ khi 47 tuổi.

Phạm Tấn 范 瑧

Người làng Lại-ốc, Hạt Tế-giang, thi đỗ khi 48 tuổi.

Phạm Nhĩ 范 洱

Người làng Đồng-bầm, hạt Đồng-hỷ, thi đỗ khi 44 tuổi.

Võ Đạt 武 達

Người làng Vĩnh-bảo, hạt Tế-giang.

Đỗ-cảnh-Lược 杜 景 畧

Người làng Cẩm-sơn, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Thượng-thư.

Bùi thúc-Độ 裴 叔 度

Người làng Cát-phi, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-trạch-Dân 阮 澤 民

Người làng Hội-xuyên, hạt Trường-tân, làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các-đại-học-sĩ.

Ngô-kính-Thần 吳 敬 臣

Người làng Xuân-hy, hạt Kim-hoa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-Ưng 阮 膺

Người làng Đại-đồng, hạt Siêu-loại, làm đến Thượng-thư.

Nguyễn-đạo-Hưng 阮 道 興

Người làng Khánh-hiệp, hạt Đơn-phụng.

Nguyễn Hoán 阮 皖

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-lý. Em là Huyên cũng thi trúng 4 trường thi Hội, vì thất lễ khi dự yến nên không được dự thi Đình, giáng xuống Huấn đạo.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 22 vị :

Nguyễn-quảng-Mậu 阮 廣 懋

Người làng Thiết-ủng, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn Tinh 阮 旌

Người huyện Lương-tài, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung, có đi sứ.

Phạm Mật 范 密

Người hạt Quảng-đức, phường Thạnh-quang, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-quảng-Văn 阮 廣 文

Người làng Động-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Cẩm-y-vệ-Chánh-đoán-sự.

Lưu-thắng-Ân 劉 勝 殷

Người làng Trạm-lộ, hạt Gia-định, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Cháu nội ô. Thúc-kiêm.

Phạm-đức-Trinh 范 德 貞

Người làng Phù-la, hạt Thượng-phúc, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Võ-trực-Hoành 武 直 衡

Người làng An-các, hạt Thủy-đường, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn.

Nguyễn-chánh-Khanh 阮 正 卿

Người làng Đại-định, hạt Thanh-oai, trú ở Thanh-lâm Truân-bối, làm đến Thừa-chánh-sứ,

Đỗ Thọ 杜 壽

Người làng Tam-vị, hạt Gia-lâm, trú ở An-hần, có đi sứ, làm đến Thị-lang.

Trịnh Thủy 鄭 水

Người huyện Vĩnh-phước, thi đỗ khi 38 tuổi.

Nguyễn-trọng-Ung 阮 仲 雍

Người vùng Tế-giang Đa-Ngưu thi đỗ khi 26 tuổi,

mưu lập Ngụy-Mạc, làm quan nhà Mạc đến Thượng-thư Thiếu-bảo, Thông-quận-công, tặng Quốc-công.

Đỗ-bảo-Chân 杜保真

Người huyện An-dương. thi đỗ khi 38 tuổi.

Lương-đức-Uy 梁德威

Người làng Đào-xá, hạt Kim-động làm đến Thừa-chánh-sứ, san định Quốc-triều-điển-lệ.

Đỗ Tuy 杜綏

Người làng Châu-kiều, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Đỗ Hịch 杜檄

Người làng Hương-ngải, hạt Thạch-thất, làm đến Tổng-binh-đồng-tri, thăng Thượng-thư về hưu. Tổ 7 đời của ô. Thế :

Võ Thiệu 武紹

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Lê Chính 黎政

Người làng Lạc-trung, hạt An-lạc, làm đến Đoán-sự.

Nguyễn Lăng 阮綾

Người làng Như-lân, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 42 tuổi.

Phạm Dương 范洋

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm thi đỗ khi 24 tuổi, trúng Hội-nguyên, làm đến Tham-chánh. Cháu nội ô. Bá-khuê, bác ô. Hưng-Nhân, tổ phụ ô. Khắc-Minh, tằng tổ ô. Văn-Tuấn. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm Huy 范徽

Người làng Đông-hải, hạt Chân-phúc, có đi sứ, làm

đến công-bộ-đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn Nghiễm 阮 儼

Người làng Động-dương, hạt Thanh-oai. thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang. Con ô. Trọng. Cha con đều đăng khoa.

Châu Huân 朱 壎

Người làng Ngọc-đôi, hạt Võ-ninh, dự vào Tao-đàn 28 ngôi sao, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Năm Bính-thìn niên-hiệu Hồng-đức 洪 德 thứ 27 (1496) cho đậu Tiến-sĩ 30 :

Khoa này thi Hội trúng cách được 43 vị, vào yết kiến, vua xét dung mạo chỉ lấy 30 vị. Lúc đó có ô. Võ-lập-Uyên, người huyện Võ-ninh, thi hội đỗ thứ 2, khi vào thi Đình bị truất.

TIMSACH.COM.VN

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3 :

Nghiêm Viên 嚴 瑗

Người làng Bồng-lai, hạt Quế-dương, trước tên Viễn (援) ngày thi đình hai quyển của ông Viên và Huân văn lý ngang nhau nhà vua mộng thấy điềm, «cọp ăn đầu người», bèn cho ô. Viên đứng đầu đổi tên là Viện (瑗) gả Công-chúa.

Nguyễn Huân 阮 勳

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 21 tuổi, từ thi Hương đến thi Hội đều đứng đầu, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư, tặng Thái-bảo. Con ô, Nhân-Hiệp, anh ô. Kính, cha con đăng khoa, anh em đỗ đồng khoa.

Đinh Lưu 丁 鏐

Người làng An-dật, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 18

tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân 8 :

Đinh Cương 丁 勷

Người làng Tiến-táo, hạt Bình-hà, ngự bút cải tên là Cường, sau theo Nguỵ-Mạc, có đi sứ, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư,

Nguyễn Thanh 阮 清

Người làng Mậu-trai, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 30 tuổi, theo Nguỵ-Mạc, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư kiêm Đông-các-đại-học-sĩ nhập thi Kinh-diên, Văn-đàm-bá. Con ô. Oanh, thân phụ ô. Minh-Dương. 3 đời đều đăng-khoa.

Đặng-miễn-Cung 鄧 勉 恭

Người làng Văn-Mặc, hạt Bình-hà, làm đến Hiến-sát sứ.

Lê Quỳnh 黎 烱

Người làng Tri-lai, hạt Võ-tiên, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn khiết-Tú 阮 潔 秀

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn. làm đến Tham-chánh, em ô. Úc, thân phụ ô. Tảo-hòa-Trung, chú các ông Hy-Tải, Tự-Cường, cha con đều đăng khoa.

Triệu-tuyên-Phù 趙 宣 符

Người làng Đức-lạp, hạt Lập-thạch, Văn lý đáng trạng-nguyên bị truất.

Phạm Giát 范 岌

Người huyện Tân-phong.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 19 :

Nguyễn-đạo-Diễn 阮 道 演

TIMSACH.COM.VN

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, làm đến Hiến-sát-sứ. Con ô. Thân-Xá. Cha con đều đăng khoa.

Trần-củng-Uyên 陳 鞏 淵

Người làng Ngoại-lãng, hạt Thư-trì, làm đến Hiến-sát-sứ.

Phạm Thông 范 聰

Người làng Nhất-trai, hạt Thiên-tài.

Văn Vỹ 文 偉

Người vùng Bạch-hạc Ái-vũ, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hình-bộ Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-củng-Thuận 阮 拱 順

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Lại-bộ-Tả-thị lang. Tổ phụ ô. Nhượng.

Nguyễn-tô Khuê 阮 組 珪

Người làng La-xá, hạt Giáp-sơn, làm đến Đoán-sự

Trần Tước 陳 爵

Người làng Cổ-ngu, hạt La-giang, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Hoàng-kiều-Vinh 黃 嶠 榮

Người làng Dục-đại, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 43 tuổi, có sứ mạnh, được dùng làm Đô-đinh-úy có đi sứ, làm đến Thượng-thư. Cháu nội là Kiều-Cường dời ở làng An-nhâm, hạt Thiện-tài.

Nguyễn-tường-Phiêu 阮 翔 縹

Người làng Đỗ-tùng, hạt Trường-tân, làm đến Thừa-chánh-sử, tặng Thượng-thư, sau mất phong Phước-thần, Con là Dũ, sáng tác sách « Truyền-kỳ-mạn-lục » (傳 奇 漫 錄).

Đàm Tụy 譚 萃

Người làng Hoàng-gia, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Thượng-thư.

Đỗ-túc-Khang 杜 夙 康

Người làng Hà-phố, hạt Đông-ngạn, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-kiện-Hy 阮 健 僖

Người huyện Duy-tân.

Võ-tấn-Chiêu 武 晉 昭

Người vùng Võ-ninh, Vỹ-võ, làm đến Tham-chánh. Thân phụ các ông khắc-Túc, khắc-Dụng. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Thượng-Nghiêm 阮 尚 嚴

Người làng Khúc-toại, hạt An-phong, có đi sứ, làm đến Thừa-chánh-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Đỗ Toại 杜 遂

Người làng An-bài, hạt Phụ-phụng, có đi sứ, làm đến Thị-lang. Con ô. Triền, thân phụ ô. Cảnh. Ba đời đều đăng khoa.

Đỗ Hoằng 杜 弘

Người làng Mỹ-bồng hạt Thư-trì, làm đến Thị-lang.

Trần-khởi-Đề 陳 愷 悌

Người làng Thanh-lãng, hạt An-lãng làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-sở-Thùy 阮 楚 倕

Người làng Thanh-sơn, hạt Võ-ninh, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn Kỉnh 阮 敬

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-ninh, thi đỗ khi 18 tuổi, hai lần đi sứ, làm đến Thượng-thư, con ô. Nhân-Hiệp, em ô. Huân, thân phụ ô. Lạng. 3 đời đăng khoa. Anh em đồng khoa.

637

ĐỜI VUA HIẾN-TÔNG DUỆ-HOÀNG-ĐẾ

Năm kỷ-vị niên hiệu Cảnh-Thống (景 統) thứ 2 (1499) cho đậu Tiến-sĩ 55 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ 3 :

Đỗ-lý-Khiêm 杜 履 謙

Người làng Ngoại-lãng, hạt Thư-trì cải tên Ích, làm đến Phó-đô-ngự-sử, mất trong lúc đi sứ được tặng Đô-Ngự-sử. Anh ô. Oánh. Anh em đều đăng khoa.

Lương-đắc-Bằng 梁 得 朋

30

Người làng Hội-triều, hạt Hoằng-hóa, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 28 tuổi, Hội-nguyên vâng mạng ứng chế được đứng đầu, làm đến Thượng-thư bộ Lại kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, tri Kinh-diên, tham-dự triều chánh gia tước Đôn-trung-bá. Thân phụ ô. Hữu-Khánh, tổ phụ ô. Khiêm-Hanh. 3 đời đều đăng khoa.

Nguyễn-khắc-Kiệm 阮 克 儉

Người làng Bình-lâm, hạt An-phong, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Đô-ngự-sử.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 24 :

Hoàng-Trừng 黃 澄

Người hạt La-giang Bình-lỗ, ứng chế đứng đầu, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang, tham chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

Võ-thận-Trinh 武 慎 貞

Người huyện Bường-an, thi đỗ khi 36 tuổi.

Tăng-văn-Xán 曾 文 粲

Người làng Mậu-phi, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 47 tuổi, làm quan đời, nhà Mạc đến Lễ-bộThượng-thư, về hưu

Nguyễn-trí-Tri 阮 致 知

Người làng Ngải-dương, hạt Văn-giang, làm đến Lễ-bộ-Hữu-thị-lang, về hưu thọ 92 tuổi.

Võ-đạo-Quang 武 道 光

Người làng Trung-lập, hạt Đường-hào, làm đến chuyển-vận-sứ.

Quách-văn-Táo 郭 文 藻

Người làng Quỳnh-bội, hạt Gia-định, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, về hưu, thọ 80 tuổi.

Phan-đình-Tá 潘 廷 佐

Người làng Phù-lưu, hạt Thiên-lộc, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, Lan-châu-bá, theo Nguỵ-mạc, soạn ra tờ chiếu-nhường ngôi.

Bùi-lệnh-Tá 裴 令 佐

Người làng Đặng-xá, hạt Tiên-lư, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Đỗ-cấp-sự-trung, về hưu.

Nguyễn-tử-Đô 阮 子 都

Người huyện Ý-an, thi đỗ khi 36 tuổi.

Đỗ Uân 杜 斖

Người Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-bá-Tuấn 阮 伯 俊

Người huyện Võ-ninh, cải tên là Bá-Tuyên, có công

huởng-ứng theo việc khởi nghĩa, làm đến Thượng-thư, được tặng Thiếu-bảo, Do.lễ-bá.

Đỗ-đình-Huấn 杜 廷 訓

Người làng Mỹ-huệ, hạt Tứ-kỳ, em ô. Dung-kiểm. Anh em đều đăng khoa.

Trần-xuân-Vinh 陳 春 榮

Người làng Năng-lự, hạt Mỹ-lộc, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

Lê-tán-Tương 黎 贊 襄

Người Thượng-cốc, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 18 tuổi. làm đến Công-bộ-Thượng-thư, nhập thị Kinh-diên, tước Văn-phú-hầu, gia phong Khiêm-cung-công-thần. Em ô. Tán.Thiện, tổ phụ ô. Trạc-Tú. Anh em đỗ đồng khoa

Nguyễn-Võ 阮 禹

Người làng Nghĩa.lô, hạt Thanh-oai, làm đến Hữu-thị-lang. Con ô. . . . . ? Tổ phụ ô· Thước. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-nguyên-Chấn 范 元 振

Người làng Hải-triều, hạt Ngư-thiện thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Thiên-đô-ngự-sử, cháu ô. Đôn-lễ.

Đàm thận-Giản 譚 慎 簡

Người làng Ông-Mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Hộ-bộ-Tả-thị-lang, tặng Công-Bộ.

Phạm-quang-Tán 范 光 贊

Người làng Man.duề, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Tham-chánh. Thân phụ ô. Y-Tuấn, tổ phụ ô. Phước-Khánh. Cha con đều đăng khoa.

Châu-Văn 朱 文

Người làng Đa-sĩ, hạt Đường-hào, có đi sứ, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

Nguyễn-đoan-Kính 阮 端 敬

Người làng Tiền-liệt, hạt Vĩnh-lại. Anh ô. Văn-Thái, tổ phụ ô. Tự-Cường. Anh em đều đăng khoa.

Dương-phấn-Phi 楊 奮 彪

Người vùng Tây-lang Dương-tuyền, làm đến Hiến-sát-sứ,

Phùng-Đốc 馮 篤

Người làng Nguyên-xá, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Võ-Châu 武 珠

Người làng Dị-sử, hạt Đường-hào, có đi sứ, làm đến Hàn-lâm-viện-Hiệu-lý.

Nguyễn-Thản 阮 担

Người làng Cao-mật, hạt Thanh-oai

Trúng đệ tam giác tiến-sĩ xuất-thân 28 vị :

Trần-bá-Lương 陳 伯 良

Người làng Lê-xá, hạt Nghi-xuân, có đi sứ, làm đến Đông-các-hiệu-thư.

Đinh Thuận 丁 順

Người làng An-dương, hạt Tây-lan, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, tước bá. Thân phụ ô. Soạn. Cha con đều đăng khoa.

Lê Ý 黎 意

Người làng Thần-đầu, hạt Kỳ-hoa, thi đỗ khi 46

tuổi, làm đến chưởng Hàn-lâm viện-sự, kiêm đề lãnh tứ thành. Bằng-quận-công sau phong phước-thần, em ô. Quảng-Chi. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn Tứ 阮 泗

Người làng Bình-hồ, hạt Đông-an, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Khuất-quỳnh-Cửu 屈 瓊 玖

Người làng Lôi-trạch, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 26 tuổi, hai lần đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư. Thuần-khê-bá, theo Nguỵ-Mạc, được phong tước hầu.

Nguyễn-xuân-Nham 阮 春 巖

Người làng An-quyết, hạt Từ-liêm hạ, làm đến Thừa-chánh-sứ. Cháu ô. Như-uyên. Chú cháu đều đăng khoa.

Đặng-táo-Giám 鄧 藻 鑑

Người làng Phụng-tường, hạt Tiên-lữ, thi đỗ khi 36 tuổi.

Lê-tán-Thiện 黎 贊 善

Người làng Thượng-cốc, hạt Lôi-dương, làm đến Hình bộ-Thượng-thư, anh ông Tán-Tương, tùng-tổ ô. Trạc-Tú. Anh em đỗ đồng khoa.

Trần-nghĩa-Lộ 陳 義 路

Người làng Bái-Hà, hạt Thuần-hựu, thi đỗ khi 22 tuổi.

Nguyễn-hùng-Lãm 阮 雄 覽

Người huyện Quế-dương.

Lê-đình-Chi 黎 挺 芝

Người làng Lạc-sơn, hạt Lập-thạch, hai lần đi sứ, làm đến Hộ-bộ-tả-thị-lang.

Bùi-trạch-Lân 裴 擇 鄰

Người làng Cao-kinh, hạt Thủy-đường, thi đỗ khi 32 tuổi làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-văn-Phạm 阮 文 範

Người làng Tiền-táo, hạt Bình-môn, làm đến Hàn-lâm-viện-Hiệu-thảo.

Phạm-duy-Viên 范 維 垣

Người làng Ngọc-cuộc; hạt Đường-an, làm đến Lục-sự.

Doãn đình-Tá 尹 廷 佐

Người làng Cổ-định, hạt Nông-cống, làm đến Hiến-sát-sứ.

Lê Huyên 黎 瑄

Người làng Thanh-nga, hạt Văn-giang, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đỗ-an-Vĩnh 杜 安 永

Người làng Đầu-hàn, hạt An-phong, làm đến Chánh-đoán-sự.

Nguyễn-trọng-Đạt 阮 仲 達

Người làng Mạo-phố, hạt Sơn-vi, có đi sứ, làm đến Hữu-thị-lang.

Nguyễn-như-Thức 阮 如 式

Người làng Vĩnh-mộ, hạt Sơn-vi, làm đến Tham-chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

Lê-vĩnh-Hưu 黎 永 休

Người làng Đông-ninh, hạt Ngự-thiên, có đi sứ, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-quý-Nhã 阮 貴 雅

Người làng Đại-vi, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 34 tuổi, ứng chế sai vận bị truất xuống Tri-huyện, theo Ngụy-Mạc qua sứ Tàu, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, kiêm Đông-các-học-sĩ nhập thị Kinh-diên, Thân phụ ô, Hữu-Du, Cha con đều đăng khoa.

Vương-đức-Tập 王 德 輯

Người làng Giang-bạ, hạt Thanh-lâm, làm đến hiến sát-sứ, thọ 93 tuổi, được tặng Đại-liêu-ban-hành-khiển.

Đỗ-Phúc-Lập 杜 福 立

Người làng Chi-các, hạt Cẩm-giang.

Lễ-đình-Tấn 黎 廷 瞬

Người huyện Võ-ninh.

TIMSACH.COM.VN

Lương Khảng 梁 伉

Người làng Phụng-tường, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 34 tuổi có đi sứ.

Ngô Tuy 吳 綏

Người làng Thâm-tịnh, hạt ..... có đi sứ, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo.

Dương-đức-Kỳ 楊 德 耆

Người huyện Duy-tân.

Lê Tự 黎 緒

Người làng Ngõa-kiều, hạt Kỳ-hoa, thi đỗ khi 34.

Năm Nhâm-tuất niên hiệu Cảnh-thống (景 統) *thứ 2 (1502) cho trúng Tiến-sĩ 61 .*

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3 :

Lễ-ích-Mộc 黎益沐

Người làng Thanh-lãng, hạt Thủy-đường thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Tả-thị-lang về hưu.

Lê Sạn 黎棧

Người làng Vạn-phúc, hạt Thanh-đàm, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, tặng-Trung-huân-bá, được liệt vào hạng tiết nghĩa.

Nguyễn-văn-Thái 阮文泰

Người làng Tiền-liệt, hạt Vĩnh-lại, thi đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, Đạo-xuyên-bá, theo Nguy-Mạc, thảo chiếu nhường ngôi, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư, phong tước hầu, lại qua sứ Tàu, bị giữ lại cưới vợ người Tàu, sanh con tên là Ngạn-Xáng, theo họ mẹ là Trương, cũng đỗ Tiến-sĩ. Em ô. Đoan-đình. Cha con anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 24 :

Nguyễn-cảnh-Diễn 阮景演

Người làng An-tử-thượng, hạt Tân-minh, thi đỗ khi 56 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư.

Nguyễn-đức-Khâm 阮德欽

Người làng Uông-hạ, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Giám-sát-sứ. Em ô. Tuyên-Cần. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-như-Côn 阮如琨

Người làng Trại-sơn, hạt Giáp-sơn, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Chánh-đoán-sự.

Trần Dực 陳翼

Người làng Ngải-lăng, hạt La-giang, thi đỗ khi 38 tuổi, trúng Hội-nguyên, lại trúng kỳ thi vào Đông-các

thứ nhất, làm đến Hộ-bộ-tả-thị-lang.

Lê-văn-Học 黎文學

Người làng Lội-tuyền, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 33 tuổi.

Hạ-ngọc-Chúc 夏玉燭

Người làng An-duyệt, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 24 tuổi ứng chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-lý.

Nguyễn Ngạn 阮彥

Người, làng An-khoái, hạt Phù-vân, làm đến Đô-ngự-sử.

Nguyễn-vĩnh-Kiên 阮永堅

Người làng An-ninh, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 30 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Đặng Tuyên 鄧宣

Người làng La-xá, hạt Tứ-kỳ, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-bá-Tùng 阮伯松

Người Tạ-xá, hạt Tứ-kỳ.

Nguyễn Đốc 阮篤

Người vùng Nông-cống Thổ-giá, theo Nguy-Mạc, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, sau tặng Lễ-bộ Thượng-thư.

Võ-bá-Dung 武伯庸

Người làng Hương-Uyên, hạt Đường-an.

Võ Cán 武幹

Người vùng Đường-an, Mộ-trạch, thi đỗ khi 28 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, chưởng Hàn-lâm-viện-sự, nhập thị Kinh-diên, Lễ-độ-bá, Có sáng tác những sách « Tùng-hiên-thi-tập » (松軒詩集) và Tứ-lục-bị-lãm » (四六備覽). Con ô. Quỳnh. Cha con đều

đăng khoa.

Ngô-văn-Huy 吳 文 輝

Người làng Châu-khê, hạt Đường-an.

Trương-đức-Quang 張 德 光

Người làng Ngọc-cấp, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 25 tuổi, có đi sứ, làm đến Đề-hình-giám sát-Ngự-sử.

Nguyễn Chưởng 阮 掌

Người làng Thanh-thủy, Tân-phước, thi đỗ khi 27 tuổi, ngự bút cải tên Vĩnh-hòa.

Hoàng-sĩ-Dịch 黃 士 懌

Người làng Lai-xá, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Tham-chánh, Thân phụ ô. Sĩ-Khải. Cha con đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-văn-Hiến 阮 文 獻

Người làng Vĩnh-thế, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư, thân phụ ô. Bính-Khuê, tổ phụ ô. Đỉnh. Ba đời đều đăng khoa.

Võ-bá-Thắng 武 伯 勝

Người làng Tiều-sơn, hạt An-phong, làm đến Tham-chánh.

Mai-đức-Bá 梅 德 霸

Người làng Thạch-lỗi, hạt Thạch-hà, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn Tự 阮 敘

Người làng Vĩnh-mộ, hạt Sơn-vi, làm đến Hàn-lâm viện-sự.

Đoạn-nhân-Thục 段 仁 淑

Đoạn-nhân-Thục 段 仁 淑

Người làng Nghĩa-đô, hạt Từ-liêm, làm đến Hiến-sát-sứ.

Bùi-dục-Tài 裴 育 才

Người làng Cầu-lầm, hạt Hải-lăng ứng chế hợp cách, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, kiêm Tham-tướng.

Lê-nhân-Tế 黎 仁 濟

Người làng Đại-duệ hạt Hoằng-hóa.

Trúng Đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 34:

Phạm-khiêm-Bính 范 謙 柄

Người làng Lãm-sơn, hạt Quế-dương, làm đến Hộ bộ Thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử, tham dự việc chánh ở triều. Ngụy-Mạc truất xuống Hữu-thị-lang. Tổ phụ Ô. Ngạn-Toát.

Nguyễn-văn-Kiệt 阮 文 傑

Người làng Nghĩa-xá, hạt Ngự-thiên, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử. Thân phụ Ô. Dự. Cha con đều đăng khoa. Tiết nghĩa.

Nguyễn-duy-Minh 阮 維 明

Người làng Thượng-cốc, hạt Trường-tân, làm đến Tham-chánh. Thân phụ các ông Địch và ông Giáo. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Kim 阮 金

Người làng Thạch-lựu, hạt An-lão, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, sau tặng Hữu-thị-lang. Thân phụ các ông chuyên-Mỹ và ông Đốc-Tín. Cha con đều đăng khoa.

Doãn-mậu-Khôi 尹 茂 魁

Người làng An-duyên, hạt Thượng-phước, có đi sứ, làm triều Ngụy-Mạc đến Thượng-thư, kiêm chưởng Hàn-lâm-viện, Tường-an-hầu, cháu Ô. Hoằng-Tuấn.

Phan-đình-Mục 潘 廷 睦

Người làng Tây-hồ, hạt Quảng-đức, thi đỗ khi 29 tuổi.

Nguyễn-xuân-Lan 阮 春 蘭

Người làng Thời-mại, hạt Bảo-lộc, thi đỗ khi 33 tuổi, Tổ phụ Ô. Tảo.

Trần-Huyên 陳 暄

Người làng An-hạo, hạt Kim-động, làm đến Đô-ngự-sử.

Lê-hiếu-Trung 黎 孝 忠

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, có đi sứ, làm đến Tứ-nghiệp. Tiết-nghĩa.

Lâm-Đoan 林 端

Người làng Thụy-chương, hạt Quảng-đức, thi đỗ khi 30 tuổi.

Lê-đình-Tưởng 黎 廷 奬

Người làng Cạo-mật, hạt Kim-bảng, thi đỗ khi 29 tuổi.

Đào-thúc-Viện 陶 叔 院

Người làng Song-khê, hạt An-dũng, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Nguyễn-văn-Đệ 阮 文 弟

Người làng An-nhân, hạt Chương-đức, làm đến Lễ-bộ-thượng-thư.

Võ-bá-Huyên 武 伯 諠

Người làng Tùng-du, hạt Gia-lâm.

Mạc-văn-Thành 莫 文 成

Người làng Mạc-xá, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Nguyễn-tử-Kiến 阮 子 建

Người làng Lôi-trạch, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thượng-thư. Tiết-nghĩa.

Nguyễn-Mậu 阮 茂

Người làng Du-hoàn, hạt Thanh-hà, làm đến Đô-ngự-sử. Theo Mạc, hai lần đi sứ.

TIMSACH.COM.VN

ĐỈNH-KHIẾT ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU

ĐĂNG-KHOA-LỤC

QUYỂN THỨ 2

TRIỀU HOÀNG-LÊ (1)

ĐỜI VUA OAI-MỤC-ĐẾ

NĂM ẤT-SỬU

TIMSACH.COM.VN

Niên hiệu Đoan-khánh (端慶) thứ I (1505) cho trúng Tiến-sĩ 55 vị:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Lệ-Nại 黎 賚

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-An, nguyên quán làng Lão-lạt, hạt Thuần-hựu, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang tặng Đạo-trạch-bá. Thân phụ Ô. Bi, anh Ô. Đỉnh. Cha con anh em đều đăng khoa.

Bùi-Nguyên 裴 元

Người huyện Vĩnh-xương, trú ở làng Thiên-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 32 tuổi. ứng chế hợp cách, làm đến Thượng-thư. Tiết-nghĩa

---

(1) Bộ này soạn trong đời Tiền-lê, nên gọi Hoàng-Lê là tôn nhà Lê vậy.

Trần-Phi 陳 棐

Người làng Chi-mê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang. Theo Ngụy-Mạc, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư Thiếu-sư, Lại-quận-công. Về hưu. Con Ô. Khải, cha con đều về hưu, tằng tổ Ô. Phủ. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 16:

Nguyễn-tiếu-Tượng 阮 肖 象

Người làng Lạc-thổ, hạt Siêu-loại, theo Ngụy-Mạc, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, nhập thị Kinh-diễn.

Nguyễn-doãn-Nguyên 阮 允 元

Người làng Lai-xá, hạt Đơn-Phụng, có đi sứ, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử.

Đào phùng-Thái 陶 逢 泰

Người làng Lương-xá, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Chánh-đoán-sự.

Nguyễn-doãn-Thăng 阮 允 升

Người làng Hoa-thiều, hạt Đông-ngạn, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ... Ô. Doãn-Tu. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-Bỉnh...? 范 秉 …?

Người làng Tứ-kỳ, hạt Tứ-kỳ.

Trần-thì-Vũ 陳 時 雨

Người làng Phú-thứ, hạt Duy-tân, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Lưu-Nguyên 劉 沅

Người làng Tu-lễ, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 30 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Trương-phu-Thuyết 張 孚 說

Người làng Kim-đâu, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Thượng-thư. Khi Nguỵ-Mạc cướp ngôi, bảo ông thảo tờ chiếu nhường ngôi, ông trợn mắt mắng nhiếc, bị giáng xuống Hình-bộ Tả-thị-lang, đổi ra làm An-bang Thừa-tuyên-sứ.

Thiều-qui-Linh 韶 龜 齡

Người làng Doãn-xá, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, đi sứ về, thì Nguỵ-Mạc đã tiếm ngôi, ông mắng chửi không ngớt lời, bỏ về đến cầu Long-nhĩ, nhảy xuống sông tự-tử. Tiết nghĩa.

Trần-Lỗ 陳 魯

Người làng Mỹ-đề, hạt Kim-bảng, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang.

Trần-văn-Bính 陳 文 炳

Người làng Cửu-cao tức làng Thượng-tốn, hạt Gia-lâm, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang.

Đỗ-bá-Huân 杜 伯 壎

Người làng La-xá, hạt Tứ-kỳ, làm đến Lại-khoa Đô-cấp-sự-trung.

Lưu-văn-Nguyên 劉 文 源

Người làng Nhân-mỹ, hạt Từ-liêm, thân phụ ông...? cha con đều đăng khoa.

Dương-đức-Giản 楊 德 簡

Người làng Linh-quang, hạt Bình-tuyên, làm đến Đô-cấp-sự, về hưu, tổ phụ ông Dương... (?)

Đỗ-Tùng 杜 菘

Người làng Xã-dàn, hạt Vĩnh-xương, thi đỗ khi 22 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Trần-Lỗi 陳 磊

Người làng Thanh-thủy, hạt Tiên-phước.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 36:

Phạm-đôn-Thước 范 敦 碏

Người làng Lạc...(?) hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-gia-Du 阮 嘉 猷

Người làng Triều-khúc, hạt Thanh-oai, làm đến Phủ-doãn.

Quách-Điền 郭 璞

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 21 tuổi, hai lần đi sứ Tàu, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, con ông Toản. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-tử-Châu 阮 子 周

Người làng Lỗi-dương, hạt Thanh-oai.

Nguyễn-Thuật 阮 述

Người làng Canh-hoạch, hạt Thanh-oai, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-dịch-Cốc 阮 暘 谷

Người làng Đơn-liên, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Ngô-Tháo 吳 臊

Người làng Đơn-nhiễm, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Tham-chánh. Thân-phụ ông Thuật-Khổng. Cha con đều đăng khoa.

Đỗ-Hoảng 杜 滉

Người làng Hoàng-ma, hạt An-dũng, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị-lang.

Nguyễn-đình-Lại 阮 廷 賴

Người làng Lạc-thổ, hạt Siêu-loại, Hội-nguyên trước tên Lãn, ngự bút cải tên Lại.

Tống-sư-Lộ 宋 師 路

Người làng Tân-mộc, hạt Nông-cống, làm đến Tham-chánh. Tổ-phụ ông Tống-Nho.

Nguyễn-nhân-Sĩ 阮 仁 仕

Người huyện Vĩnh-lại.

Nguyễn-phi-Hổ 阮 非 虎

Người làng Kim-đô, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 27 tuổi làm đến Kim-đô Ngự-sử.

Lê-đức-Mao 黎 德 毛

Người làng Dưỡng-hối, hạt An-lãng.

THIVIEN.COM.VN

Nguyễn-văn-Bính 阮 文 炳

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Công-bộ Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Huy 阮 輝

Người làng Thanh-oai, hạt Thanh-oai hạ, làm đến Thừa-chánh-sứ về hưu.

Hoàng-Trung 黃 中

Người làng Thượng-đăng, hạt Thanh-lâm, làm đến Hộ-khoa Cấp-sự-trung.

Nguyễn-quang-Luận 阮 光 論

Người làng Vạn-tư, hạt Gia-định, làm đến Binh-bộ Hữu-thị-lang, mưu lập Nguỵ-Mạc, đi sứ Tàu, tặng Thượng-thư.

Nguyễn-phước-Kiêm 武 福 兼

Người làng Nại-xuyên, hạt Kim-thành, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-Huân 阮 壎

Người làng Bình-lư, hạt Thủy-dương, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử. Thân-phụ ông Đạt. Cha con đều đăng khoa.

Lê-doãn-Chấp 黎 允 執

Người làng Phò-an, hạt An-phong, làm đến Binh-bộ Tả-thi-lang.

Châu-tất-Thắng 朱 必 勝

Người làng Nam-thượng, hạt Thanh-chương, thi đỗ khi 18 tuổi, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, nhập nội hành-khiển, Nghĩa-quận-công, sau phong Phước-thần.

Nguyễn-phu-Hựu 阮 孚 佑

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Thượng-thư.

Phạm-thuần-Nhân 范 純 仁

Người làng Bi-đồ, hạt Đường-an, có di sứ, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang.

Nguyễn-tử-Mỹ 阮 子 美

Người làng La-nội, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Chưởng Hàn-lâm-viện, sự Nghĩa-sơn-bá.

Phạm-gia-Mô 范 嘉 謨

Người làng Lê-xá, hạt Nghi-dương, nguyên quán ở Quỳnh-khê Kim-thành, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thượng-thư Án-lễ-hầu, Mưu lập Ngụy-Mạc, Mạc lấy lễ bậc thầy mà đối đãi, làm đến Khai-phủ-bình-chương-

quân-quốc-trọng-sự Thái-sư Hải-quốc-công. Cháu ông Hạo, cháu xa đời ông Phạm-Mại đời nhà Trần.

Nguyễn-đạt-Minh 阮 達 明

Người làng Huân-nội, hạt Chương-đức, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư, Tước-bá.

Võ-nhất-Chi 武 一 之

Người làng Cam-lộ, hạt Giáp-sơn, làm đến Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo.

Nguyễn-khắc-Hài 阮 克 諧

Người làng Thượng-cốc, hạt Trường-tân làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-văn-Oánh 阮 文 瑩

Người làng Vĩnh-mộ, hạt Sơn-vi, làm đến Tham-chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

Đỗ-văn-Trung 杜 文 忠

Người làng Vĩnh-trung, hạt Thanh-đàm, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-hiếu-Tư 阮 孝 思

Người làng Bình-sơn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám Tư-nghiệp.

Nguyễn-nhân-Hiếu 阮 仁 孝

Người làng Đơn-liên, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-Tư 阮 胥

Người làng Đông-lỗ, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 26 tuổi.

Nguyễn-văn-Vận 阮 文 運

Người làng Ngọc-trục, hạt Cẩm-giang, làm đến Thừa-

chánh-sứ, theo vua Chiêu-tôn về Thanh-hóa tử-tiết tặng Thị-lang. Được liệt hạng tiết nghĩa.

Nguyễn-duy-Thốc 阮維藗

Người làng Côn-châm, hạt Nông-cống, làm đến Thị-lang. Bị hại về loạn Trần-Tuân. Được liệt vào hạng tiết nghĩa.

Nguyễn-kính-Tuân 阮敬遵

Người làng Nghĩa-võ, hạt Giáp-sơn, làm đến Chánh-đoán-sự.

NĂM MẬU-THÌN 1508

Niên hiệu Đoan-Khánh (端慶) thứ 4 (1508) cho trúng Tiến-sĩ 54:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Nguyễn-giản-Thanh 阮簡清

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện Thị-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ. Lại làm quan với triều Ngụy-Mạc, đi sứ Tàu, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư kiêm Hàn-lâm-viện-thị-độc Chưởng-viện-sự, Trung-phụ-bá, được tặng tước Hầu, có sáng-tác quyển «Thương-côn châu ngọc», (滄崑珠玉集) con ông Giản-liêm. Cha con đều đăng khoa.

Hứa-tam-Tỉnh 許三省

Người làng Như-nguyệt, hạt An-phong, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, lại làm quan triều Ngụy-Mạc, đi sứ Tàu, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, Đôn-giáo-hầu, về hưu.

Nguyễn-hữu-Nghiêm 阮有嚴

Người làng Phúc-khê, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 18 tuổi, chỉ thi một lần đầu là đỗ làm đến Thượng-thư

TIMSACH.COM.VN

kiêm chưởng Hàn-lâm-viện-sự. Khi vua Chiêu-tôn chạy ra ngoài, ông vâng mật-chiếu cùng Đàm-thận-Huy về Bắc-giang khởi binh đánh Mạc, bị bại trận và bị giết, sau được phong Phước-thần.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 15 :

Trần . . . ? 陳 … ?

Người làng Nội-động, hạt Thủy-dương, làm đến Phó Đô-ngự-sử, nhập thị kinh-diên, thân-phụ ông Quang-Tá. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-trọng-Hồ 阮 仲 虎

Người làng Thượng-cốc, hạt Trường-tân, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử.

Ngô-Hải 吳 海

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, con ông Ngọc, thân-phụ ông Trừng, tổ-phụ ông Nhân-Triệt, tằng-tổ ông Nhân-Tuấn. Năm đời đều đăng khoa.

Nguyễn-Chí 阮 志

Người làng Cao-xá, hạt Thanh-oai, ứng chế hợp cách, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-lý-Quang 阮 履 光

Người làng Kim-đối, hạt Võ-ninh, bị hại về loạn Trần-Tuân.

Bùi-vĩnh-Phu 裴 永 孚

Người làng Liên-trì, hạt Chương-đức, làm đến Hàn-lâm.

Lê-văn-Hiền 黎 文 顯

Người làng Đại-bối, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang.

Lê-vĩnh-Tuy 黎永綏

Người làng An-ninh, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Lê-khắc-Nhượng 黎克讓

Người làng Thổ-giá, hạt Nông-cống, làm đến Thị-lang, anh ông Vệ. Anh em đỗ đồng khoa.

Lê-bá-Ngọc 黎伯玉

Người làng Lam-sơn, hạt Thụy-nguyên, nhà ở Bố-vệ Đông-sơn. Anh ông Trọng-Bích. Anh em đỗ đồng khoa.

Phan-Tập 潘集

Người làng Chí-linh, hạt Chí-linh, nhà ở làng Triều-dương, mưu lập Ngụy-Mạc, qua sứ Tàu, làm đến Hộ-bộ Tả-thị-lang, về hưu, thân-phụ ông Dật. Cha con đều đăng khoa.

Lê-đình-Vệ 黎廷衛

Người làng Thổ-giá, hạt Nông-cống, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, em Ô. Khắc-Nhượng. Anh em đỗ đồng khoa.

Lương-bá-Nhạc 梁伯樂

Người làng Tân-trừ, hạt An-phong, làm đến Đình-úy-sứ, Tước hầu.

Lê-đình-Trật 黎廷秩

Người làng Chiêu-độ, hạt Kim-thành, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-tử-Ký 阮子騏

Người làng Nhĩ-trai, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 46 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 36:

Nguyễn-nghĩa-Thọ 阮義壽

Người huyện Duy-tân.

TINSACH.COM.VN

Trần-doãn-Minh 陳 允 明

Người làng Lan-khê, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 24 tuổi. khoa ấy vì không trúng được cập-đệ, nên không nhận sự trúng tuyển, đến khoa sau thi lại đỗ như trước.

Nguyễn-đình-Tộ 阮 廷 祚

Người làng Đông-quật, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 27 tuổi. làm đến Tham-chánh xứ Hưng-hóa.

Nguyễn-kính-Chỉ 阮 敬 止

Người làng Trâm-khê, hạt Đường-an, hai lần đi sứ, làm đến Hộ-bộ-Thượng-thư, Thái-bảo, tước quận-công

Nguyễn-đắc-Lộ 阮 得 路

Người làng Chiêu-độ, hạt Kim-thành, làm đến Hộ-bộ-tả-thị-lang.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-bạt-Tụy 阮 拔 萃

Người làng Phá-lãng, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 24 tuổi, khoa ấy không nhận sự trúng tuyển, vì không trúng được cập-đệ, khoa sau thi lại vẫn đỗ.

Nguyễn-đình-Khôi 阮 廷 魁

Người làng Đại-đình, hạt Đông-ngạn.

Nguyễn-Tuyển 阮 選

Người làng Tân-trừ, hạt An-phong.

Nguyễn-lân-Định 阮 麟 定

Người làng Bình-lãng, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Tham-chánh về hưu

Nguyễn-bá-Huyên 阮 伯 諠

Người làng Cổ-Châu, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Côn 阮 崑

Người huyện Tiên-du, thi đỗ khi 36 tuổi.

Nguyễn-thời-Phùng 阮 時 逢

Người làng Phò-chẩn, hạt Đông-ngạn, làm đến Thượng-thư.

Trần-Thạch 陳 石

Người làng Tiên-cối, hạt An-lạc, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-bá-Thuyên 阮 伯 銓

Người làng Võ-la, hạt Thanh-oai, làm đến Chánh-đoán-sự.

Nguyễn-Dự 阮 豫

Người làng Hải-triều, hạt Ngự-thiên, làm đến Tiên-tào-tả-phán-quan-thiêm-đô-ngự-sử, bị Mạc-đăng...? sát hại truy tặng Phó-đô-ngự-sử.

Nguyễn-duy-Tường 阮 維 祥

Người làng Hải-lý, hạt An-lãng, thi đỗ khi 24 tuổi, khoa ấy không nhận trúng tuyển vì không trúng cập-đệ, khoa sau thi lại đỗ.

Ngô-quang-Tổ 吳 光 祖

Người làng Hương-cái, hạt Hưng-nguyên, làm đến Hiến-sát-sứ.

Thân-duy-Nhạc 申 維 岳

Người làng Đại-liên, hạt Võ-ninh, làm đến Cẩm-y-vệ-đoán-sự, trực Kim-quang-điện.

Nguyễn-thúc-Tuynh 阮 叔 駉

Người làng Mặc-thủ, hạt Bình-hà, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

TIMSACH.COM.VN

Hoàng-doãn-Võ 黃 允 武

Người làng Đại-bối, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 34 tuổi.

Nguyễn-Trừng 阮 澄

Người làng Trà.lâm, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Tham-chánh, anh Ô. Tường. Anh em đều đăng khoa.

Đỗ-Oánh 杜 瑩

Người làng Ngoại-lãng, hạt Thư-trì, Hội nguyên, làm đến Thượng-thư, đánh giặc bị sát hại, phong Phước-thân, em Ô. Lý-Khiêm. Anh em đều đăng khoa.

Ngô-văn-Thông 吳 文 通

Người làng Sơn-viện, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Thượng-thư.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-sùng-Hựu 阮 崇 祐

Người làng Phủ-ma, hạt Bạch-hạc.

Lê-trọng-Bích 黎 仲 璧

Người làng Lam-sơn, hạt Thuy-nguyên, nhà ở Bố-sơn Đông-sơn tước Bố-vệ-bá, em Ô. Ngọc. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn đức-Phong 阮 德 豐

Người làng Vĩnh.trung, hạt Thanh-đàm.

Kim-Bảng 金 榜

Người làng Tả-lan, hạt Thủy-đường, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo.

Đinh-thao-Ngọc 丁 韜 玉

Người làng Hải-lộ, hạt Tây-chân, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-sư-Phó 阮 師 傅

Người làng Lý-hải. hạt An-lãng, cải tên Sư, có đi sứ, làm đến Hàn-lâm. khi vua Chiêu-đế chạy ra Bửu-Chân ông mưu lập Thiên-Hiến rồi bị giết (1).

Bùi-đức-Lương 裴 德 良

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du.

Lý-khắc-Nạp 李 克 納

Người làng Cầm-chương, hạt Đông-ngạn.

Mạc-nhuận-Lảng 莫 潤 朗

Người làng Đông-khê, hạt Thanh-lâm, làm đến Công-bộ-tả-thị-lang.

Lê-văn-Hiểu 黎 文 曉

Người làng Vĩnh-trị, hạt Hoằng-hóa.

TIMSACH.COM.VN

Bùi-dĩ-Đại 裴 以 大

Người làng Bạch-sam, hạt Đường-hào, làm đến Đoán-sự.

Nguyễn-bách-Tuế 阮 百 歲

Người làng...? tranh, hạt Đường-an, làm đến Thượng-thư.

Lê-văn-Biểu 黎 文 表

Người làng Tiền-liệt, hạt Bình-hà, làm đến Hàn-lâm.

ĐỜI VUA THƯỢNG-DỰC-ĐẾ

NĂM TÂN-VỊ

Niên hiệu Hồng-thuận (洪 順) thứ 3 (1511) cho trúng Tiến-sĩ 47 :

---

(1) Thiên-Hiến là niên-hiệu của Lê-Do 黎 頿, năm Kỷ-Mão (1519) Mạc-đăng-Dung vây Lê-Do và Nguyễn-Sư ở Ninh-Sơn, bắt được Nguyễn-Sư giết chết.

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :

Hoàng-nghĩa-Phú 黃 義 富

Người làng Mạc-xá, hạt Chương-đức, ngụ ở Thanh-oai Đơn-sĩ, làm đến Tham tri-chánh-sự, kiêm Ngự-sử, thân phụ Ô. Tế-Mỹ, con Ô. Khắc-Minh. Ba đời đều đăng khoa.

Trần-bảo-Tín 陳 保 信

Người làng Khải-mông, hạt Nghi-xuân, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, khi Ngụy-Mạc tiếm ngôi, bỏ quan về ở ẩn tại Cù-sơn, sau được tặng Thượng-thư, phong Phước-thần.

Võ-duy-Châu 武 維 周

Người làng Tu-lễ, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 28 tuổi.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 9:

Bùi-doãn-Hiệp 裴 允 協

Người làng Đào-xá, hạt Phù-vân, làm đến Đô-ngự-sử, cháu Ô. Vân-phủ, thân phụ Ô. Tri-Vĩnh. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-hy-Tải 阮 熙 載

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Đoán-sự. Con Ô. Úc, em Ô. Tự-Cường. Cha con anh em đều đăng khoa.

Lê-Đình 黎 鼎

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, làm đến Đoán-sự, em Ô. Nại, chú Ô. Quang-Bí. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-duy-Tường 阮 維 祥

Người làng Lý-hải, hạt An-lãng, thi đỗ 2 lần làm đến Tham-chánh sau được tặng Thị-lang, phong-Phúc

thần. Thân phụ Ô. Hoằng-Xước, tổ phụ Ô. Thế-Thủ. Ba đời đều đăng khoa. Tiết-nghĩa.

Mai-Bang 枚 邦

Người làng Đào-tai, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hàn-lâm. Anh Ô. Khuyến, tổ phụ Ô. Trọng-Hòa. Anh em đều đăng khoa.

Đào-khắc-Cần 陶 克 勤

Người làng Mai-đồng, hạt Thủy-dương, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Phan-chánh-Nghị 潘 正 誼

Người làng Phan-xá, hạt Nghi-xuân, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Đô-ngự-sử. Tiết nghĩa, phong Phước-thần.

Phạm-vĩnh-Toán 范 永 算

Người làng Hoa-xá, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thượng-thư, Tước hầu, tặng Quận-công.

Nguyễn-Dục 阮 煜

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 35:

Trần-doãn-Minh 陳 允 明

Người làng Lan-khê, hạt Bình-hà, 2 lần thi đỗ, hai lần đi sứ, làm đến Thượng-thư Văn-an-hầu.

Lê-bá-Khang 黎 伯 康

Người làng Phủ-lý, hạt Đông sơn, cháu Ô. Bá-Quát, làm đến Tham-chánh.

Thái-Kỉnh 蔡 憼

Người làng Kệ-thạch, hạt Thiên-phước, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hình-bộ-hữu-thị-lang.

Trần bích-Hoằng 陳 璧 宏

Người làng Điền-khê, hạt Duy-tân, thi đỗ 42 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Ngô-sĩ-Kiên 吳 仕 健

Người làng Cổ-điển, hạt Thanh-đàm, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đào-xuân-Vi 陶 春 圍

Người làng Lạc-liêu, hạt Thanh-lâm, làm đến Tự-khanh.

Dương-Khải 揚 楷

Người huyện Võ-ninh, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đàm-Sâm 譚 森

Người làng Sa-kệ, hạt Văn-lãng, làm đến Thượng-thư.

Nguyễn-Xác 阮 慤

Người làng Quán-nhi, hạt Dao-thủy, thi đỗ khi 27 tuổi.

Kiều văn-Bá 喬 文 伯

Người làng Đông-sàng, hạt Phước-lộc.

Nguyễn-Quang 阮 珖

Người làng Lũng-sơn, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 37 tuổi làm đến Thượng-thư.

Nguyễn-thời-Khắc 阮 時 克

Người làng Lũng...?, hạt Lập-thạch, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Hộ-bộ-tả-thị-lang.

Ngọ-cương-Trung 午 剛 中

Người làng Xuân-lôi, hạt An-phong, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Tiết nghĩa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-viết-Thứ 阮曰恕

Người làng Phất-náo, hạt Thạch-hà, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Tiết nghĩa.

Nguyễn-hữu-Quan 阮有官

Người làng Văn-xá, hạt Thiên-tài, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-Huyền 阮鉉

Người làng Kim-bài, hạt Thanh-oai, làm đến Thừa-chánh-sứ, em Ô. Tuệ. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-vô-Địch 阮無敵

Người làng Ngô-cương, hạt Gia-định làm đến Giám-sát-ngự-sử, thân phụ ô. Xưởng. Cha con đều đăng khoa

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-bạt-Tụy 阮拔萃

Người làng Pha-lảng hạt Lương-tài 2 lần thi đỗ hai lần đi sứ Tàu, làm với Ngụy-Mạc đến chức Đồng-đức-công-thần-thượng-thư, Thái-bảo quận-công-tước, về hưu.

Ngô-đình-Trực 吳挺直

Người làng Đình-bảng, hạt Đông-ngạn, làm đến Hàn-lâm,

Phạm-Nguyên 范元

Người làng Triền-đông, hạt Đường-an.

Tạ-đình-Huy 謝廷暉

Người làng Hồng-khê, hạt Duy-tân, thi đỗ khi 38 tuổi làm đến Cấp-sự-trung.

La-thế-Nghiệp 羅世業

Người làng Triện-trúc, hạt Thuần-lộc.

Đào-trung-Hòa 陶 中 和

Người làng Lai-xá, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Tổng.binh sau phong Phước-thần.

Đoàn-văn-Thông 段 文 通

Người huyện Quảng-đức, trú ở Lương-tài Lương-xá, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị.lang.

Nguyễn-Thái. . .? 阮 泰 … ?

Người làng Kim-độ, hạt Thanh-lâm, trú ở làng Đại.dục, làm đến Đinh-úy.

Quách-thu-Ưng 郭 秋 鷹

Người làng Phụng-tường, hạt Tiên-lữ.

Nguyễn-mậu-Đạt 阮 懋 達

Người làng An-ninh, hạt Chi-linh, thi đỗ năm 34 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-Tuệ 阮 鐩

Người làng Kim-bài, hạt Thanh-oai, làm với Nguy-Mạc đến Thượng-thư, Tước Bá. Thân phụ ô. Khai, anh ô. Huyền. Cha con anh em đều đăng khoa.

Lê-vô-Cương 黎 無 疆

Người làng Thiên.biều, hạt An.lãng làm đến Thị.lang, sau phong Phước-thân. Anh ô. Vô-địch. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Thu 阮 秋

Người làng Lai-xá, hạt Thiện-tài, thi đỗ khi 24 tuổi, làm với Nguy-Mạc đến Thượng-thư, tước Bá, về hưu.

Võ-phi-Hổ 武 非 虎

Người làng Dư-xá, hạt Hoành-phô

Nguyễn-văn-Đàm 阮 文 談

Người làng Chiêu-độ, hạt Kim-thành, làm đến Hàn-lâm, thân phụ ô. Địch-huấn. Cha con đều đăng khoa.

Lương-đức-Mậu 梁 德 懋

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào làm đến Hàn-lâm.

Nguyễn-Mạo 阮 瑁

Người làng Bất-đoạt, hạt Kim-bảng.

Nguyễn-Kiều 阮 嶠

Người làng Lưu-xá, hạt Đông-an, làm đến Cấp-sự-trung.

NĂM GIÁP-TUẤT

Niên hiện Hồng-thuận (洪 順) thứ 6 (1514) cho trúng Tiến-sĩ 43 :

TIMSACH.COM.VN

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :

Nguyễn-đức-Lượng 阮 德 亮

Người làng Canh-hoạch, hạt Thanh-oai, Trước tên Hề, ngự bút cải là Đức-lạng, làm đến Thị-lang, con Ô. Bá-Ký, thân phụ Ô. Khuông-Lễ. Ba đời đăng khoa.

Nguyễn-chiêu-Huấn 阮 昭 訓

Người làng An-khương, hạt An-phong có đi sứ, làm đến Thượng-thư, thân phụ Ô. Khắc-Khoan. Cho con đều đăng khoa.

Hoàng-minh-Tá 黃 明 佐

Người làng Hoàng-xá, hạt Cẩm-giang, làm đến Thừa-chánh-sứ. Tiết nghĩa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 20 :

Nguyễn-Vũ 阮 禹

Người làng Thiên-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Thượng-thư kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, nhập thị kinh-diên.

Nguyễn-tự-Cường 阮 自 强

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Hiến-sát-sứ sau phong Phước-thần. Con ô. Úc, em ô. Hy-Tải. Cha con anh em đều đăng khoa.

Phạm-chánh-Nghị 范 正 毅

Người làng Hoa-kiều, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 29 tuổi, làm triều Nguy-Mạc đến Thượng-thư, Tước Bá. Con ô. Miễn-Lân. Cha con đều đăng khoa.

Đoàn-đức-Phu 段 德 敷

Người huyện Đường-an, làm đến Đông-các.

Nguyễn-quang-Tán 阮 光 贊

Người làng Biên-hàn, hạt Thanh-lan, làm đến Đông-các, con ô. Công-Định. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-thọ-Chất 范 壽 質

Người làng Cao-la, hạt Tứ-kỳ.

Nguyễn-đôn-Cung 阮 敦 恭

Người làng Lội-dương, hạt Tứ-kỳ.

Nguyễn-đốc-Tín 阮 篤 信

Người làng Thạch-lựu, hạt An-lão, làm triều Nguy-Mạc đến Thượng-thư, tước hầu, con ô. Kim, em ô. Chuyên-Mỹ. Cha con anh em đều đăng khoa.

Ngô-tùng-Củ 吳 從 矩

Người làng Hà-hựu, hạt Đông-ngạn, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang.

Nguyễn-trọng-Hiệu 阮 仲 效

Người làng Đại-đồng, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thượng-thư, tước bá, lại làm với Ngụy-Mạc, thăng tước Hầu, về hưu.

Nguyễn-văn-Kiệt 阮 文 傑

Người huyện Tứ-kỳ.

Lại-gia-Phước 賴 嘉 福

Người làng Mỹ-xá, hạt Đông-an, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-khắc-Khâm 阮 克 欽

Người làng Địa-linh, hạt Phụ-kỳ, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang.

Chử-sư-Đồng 褚 師 童

Người làng Hội-phụ, hạt Đông-ngạn, làm đến Thượng-thư về hưu. Thân phụ Ô. Sư-Văn. Cha con đều đăng khoa.

Hà-cảnh-Đạo 何 景 道

Người làng Đạo-tú, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 21 tuổi, làm triều Ngụy-Mạc đến Thượng-thư, tước Hầu.

Đỗ-Cảnh 杜 景

Người làng An-bài, hạt Phụ-kỳ, làm đến Thị-lang. Con Ô. Toại. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-sĩ-Tuân 阮 士 恂

Người làng Xuân-lũng, hạt Sơn-vi, làm đến Đoán-sự. Tiết nghĩa.

Nguyễn-Đạm 阮 澹

Người làng Đoạn-lâm, hạt Gia-phước, trú làng...? Bình, làm đến Thừa-chánh-sứ. Con Ô. Phục. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-thời-Bật 阮 時 弼

Người làng Lệ-xá, hạt Nghi.xuân, làm triều Ngụy-Mạc đến Thượng-thư tước Hầu.

Trịnh-Bá 鄭 霸

Người làng Cù.đàm, hạt Phú lương, làm đến binh-bộ.hữu-thị.lang.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến sĩ xuất-thân 20:

Nguyễn-bỉnh-Di 阮 秉 彝

Người làng Ô.mễ, hạt Tứ-kỳ, làm đến Binh-bộ-hữu-thị.lang.

Nguyễn.khắc-Tuy 阮 克 綏

Người làng Khánh.hiệp, hạt Đơn-phụng, làm đến Cấp-sự.trung.

TIMSACH.COM.VN

Đỗ-văn-Kháng 杜 文 沆

Người làng Mễ-trì, hạt Từ-Liêm, trú ở làng Quả-hối, làm đến Thị.lang.

Nguyễn-chuyên-Mỹ 阮 專 美

Người làng Thạch-lựu, hạt An-lão, làm với Ngụy-mạc đến Thượng.thư, tước Hầu, con Ô. Kim, anh Ô. Đốc-Tín. Cha con anh em đều đăng khoa.

Phạm-lân-Định 范 麟 定

Người làng Đông.Ngạc, hạt Từ.liêm, làm đến Thừa-chánh-sứ, tổ phụ Ô. Hiền.danh.

Nguyễn-thừa-Đức 阮 乘 德

Người làng Thạnh-quang, hạt Quảng-đức, ở Từ.liêm Hương-ngạnh, thi đỗ khi 22 tuổi, làm với Ngụy-Mạc đến Thượng-thư, Thiếu-phó kiêm Đông-các, Tước quận-công, cho cải họ Mạc.

Bùi-công-Phụ 裴 公 輔

Người làng Đồng.lạc, hạt Kim...? làm đến Thượng.thư.

Phạm-minh-Du 范 明 猷

Người làng Cẩm-hà, hạt An-lão, làm đến Thừa.chánh.sứ. Thân phụ Ô. Đốc Phí.

Võ-Tuân 武 恂

Người làng Vỹ.võ, hạt Võ.ninh, cải tên Quang.Túc, làm đến Thượng.thư, tước Hầu. Anh Ô. Dụng, con Ô. Tấn.Chiêu. Cha con anh em đều đăng khoa.

Phạm điền-Kính 范 典 敬

Người làng Đào.xá, hạt Lương.tài, làm với Nguỵ.Mạc qua sứ Tàu, chức đến Thượng.thư, tước Hầu.

Phan-doãn-Thông 潘 允 聰

Người làng Kiên.cương, hạt Bạch.hạc, làm đến Hữu.thị.lang.

Lê duy-Lương 黎 維 良

Người làng Cẩm.đái hạt Trường.tân.

Võ-hữu-Nghiêm 武 有 嚴

Người làng Cửu.Cao, hạt Gia.lâm.

Đoàn.sư-Đức 段 師 德

Người làng Văn.xá, hạt Thiện.tài, có đi sứ, làm với Nguỵ.Mạc đến Thượng.thư, tước Bá, về hưu.

Nguyễn-cảnh-Quýnh 阮 景 駉

Ngươi làng Vụ.nông, hạt Giáp.sơn, làm đến Hàn.lâm.

Nguyễn-châu-Mạo 阮 珠 瑁

Người làng Sảng.ngoại, hạt An.lãng, thi đỗ khi 25 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-hanh-Gia 阮 亨 嘉

Người làng Đông-các, hạt Vĩnh.xương.

Phạm-kính-Trung 范 敬 忠

Người làng Lai.xá, hạt Thiện.tài, làm đến Đại.lý.tự.khanh.

Trần-Viên 陳 員

Người làng Nhật-cốc, hạt Chương-đức, trú ở Thanh.oai Thượng.cát.

Nguyễn-kính-Hòa 阮 敬 和

Người làng Diên-trường, hạt Thanh.đàm, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Đô.cấp-sự.trung, con ô. Đạt. Cha con đều đăng khoa.

TRACHI.COM.VN

ĐỜI VUA CHIÊU - TỔNG - THẦN - HOÀNG - ĐẾ

NĂM MẬU - DẦN

Niên hiệu Quang.thiệu (光 紹) thứ 3 (1518) cho trúng Tiến.sĩ 17 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Ngô-miễn-Thiệu 吳 勉 紹

Người làng Tam.sơn, hạt Đông ngạn. .? mươi tuổi, thi đỗ, làm với Nguy.Mạc đến Thượng.thư kiêm đô.ngự.sử chưởng Hàn.lâm.viện.sự, nhập thị kinh.diên, Lý.khê Bá. Con Ô. Thẩm, cháu Ô. Luân, thân phụ ô. Diễn. Bốn đời đều đăng khoa,

Nguyễn-mẫn-Đốc 阮 敏 篤

Người làng Xuân.lũng, hạt Sơn.vi thi đỗ khi 27 tuổi, đến làm Thượng.thư phong Phước-thần.

Lưu-khải-Chuyên 劉 啓 顓

Người làng Bình-đề, hạt Đường-an, làm đến Hình-bộ-hữu-thị-lang về hưu.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 6:

Lại-kim-Bảng 賴 金 榜

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, làm đến Giám-sát-ngự-sử, tặng Lễ-bộ-tả-thị-lang Tiết nghĩa.

Đặng-Ất 鄧 乙

Người làng Hải-triều, hạt Ngự-thiên, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Tiết nghĩa.

Nguyễn-chấn-Chi 阮 振 之

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, tăng Lễ-bộ-tả-thị-lang. Tiết nghĩa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-hồng-Tiệm 阮 鴻 漸

Người làng Đồng-nẫm, hạt Thanh-lâm, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang.

Nghiêm-văn-Hậu 嚴 文 厚

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, làm đến Tham-chánh về hưu, thọ Tám mươi tuổi.

Lê-vô-Địch 黎 無 敵

Người làng Thiên-biều, hạt An-lãng, làm đến Hộ-khoa-đô-cấp-sự-trung, em Ô. Võ-Cương. Anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất-thân 8:

Nguyễn-Độ 阮 度

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 26 tuổi, làm với Nguỵ-Mạc đến Thượng-thư, tước Bá,

Nguyễn-cư-Nhân 阮 居 仁

Người làng Ông-lâu, hạt Thiên-tài, trú ở làng Lương-xá, làm với Ngụy-Mạc đến Thượng-thư, tước Bá, chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

Nguyễn Củng 阮 鞏

Người làng Hoàng-đôi, hạt Tế-giang, làm vớ Ngụy-Mạc đến Thị-lang.

Đỗ-Dương 杜 洋

Người làng Quang-bị, hạt Trường-tân, làm đến Tham-chánh, anh Ô. Tam Cương. Anh em đều đăng khoa.

Vương-Hoằng 王 宏

Người làng Ngô-đạo, hạt Tân-phong, có kẻ nói là ở Tiên-phước, làm đến Thị-lang.

Nguyễn hòa-Trung 阮 和 衷

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Tả-thị-lang, con Ô. Khiết-Tú, em Ô. Tảo, Cha con đều đăng khoa. Anh em đỗ đồng khoa.

Ngọ-doãn-Trù 午 尹 儔

Người làng Ngọ-xá, hạt An.Việt làm đến Đoán-sự.

Nguyễn-Táo 阮 藻

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm với Ngụy-Mạc, trải qua các chức Lục-bộ-thượng-thư, Hải-dương Thừa-chánh-sứ, con Ô. Khiết-Tú, anh Ô Hòa-Trung. Cha con đều đăng khoa. Anh em đỗ đồng khoa.

NĂM CANH - THÌN

Niên hiệu Quang.thiệu (光 紹) thứ 5 (1520) cho trúng Tiến-sĩ 2 vị : (Khoa này thi hội trúng 13 vị, bị Nguyễn.chấn-Chi Tố giác Nguyễn.đốc.Phỉ, người làng An-tráng, hạt

Lương-tài và Phạm-quang-Tá, người làng, Bình-lãng hạt Cẩm-giang, đều dấu tang chế mà đi thi nên hai vị ấy không được vào thi đình).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Nguyễn-thái-Bạt 阮泰拔

Người làng Bình-lãng, hạt Cẩm-giang, làm đến Hàn-lâm sau phong phước-thần.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 10:

Đỗ văn-Quýnh 杜文駉

Người làng An-ninh, hạt An-dũng thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đặng-công-Toản 鄧公瓚

Người làng Thượng-an-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang. Tằng-tổ ô. Công-Chất ở làng Phó-đồng, huyện Tiên-du cao cao tổ ô. Công-Tiễn.

Nguyễn-địch-Huấn 阮迪訓

Người làng Chiêu-độ, hạt Kim-thành, làm đến Thị-lang sau tặng Thượng-thư, con ô. Văn-Đàm. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Bật 阮弼

Người làng Trảo-nha, hạt Thạch-hà, Hội-nguyên.

Võ-lân-Chi 武麟趾

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, làm đến Công-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-công-Nghi 阮公儀

Người làng Đại-đồng, hạt Siêu-loại, có đi sứ, làm với Nguỵ-Mạc đến Thượng-thư, tước Bá.

Nguyễn-hữu-Du 阮 有 猷

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, làm đến Thượng thư.

Nguyễn-lương-Bật 阮 良 弼

Người làng, Văn - lãng, hạt Tam - nông, Tiết nghĩa.

Hoàng-Bá-Đạo (hay Du) 黃 伯 道（或 道）

Người làng Nghĩa-trạch, hạt Cẩm-giang, làm đến Tham-chánh.

Võ-Nghi 武 儀

Người làng Ngọ-dương, hạt Kim-thành, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung, tước Bá.

ĐỜI VUA CUNG - ĐẾ

NĂM QUÝ - VỊ

Niên hiệu Thống-Nguyên (統 元) thứ 2 (1523) cho trúng Tiến-sĩ 36 vị:

(Trước đây, năm Nhâm-ngọ chưa kịp mở khoa thi hương, năm nầy tháng 2 bốn trấn hiệp thi một trường tại miền trung-châu sông Nhị-hà lấy Vương-mậu-Uyên đỗ đầu).

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ 3:

Hoàng-văn-Tán 黃 文 贊

Người làng Xuân-lôi, hạt Võ-giang làm với Ngụy-Mạc, đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, có soạn tờ chiếu nhường ngôi.

Nguyễn-Thuyên 阮 詮

Người làng Đào-tài, hạt Thượng-dương, có đi sứ, làm đến Thừa-chánh-sứ, sau tặng Thượng-thư, tước Hầu.

Nguyễn-quán Đạo 阮 貫 道

Người làng Bình-dân, hạt Đông-an thi đỗ Thám-hoa khi 20 tuổi. Hội-nguyên, trước tên là Quán-Chi, ngự bút cải là Quán-đạo, làm đến Đông-các.

TVNSACH.COM.VN

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 8:

Nguyễn đình-Chương 阮 廷 章

Người làng Trung-trinh, hạt Lương-tài, phong Phước-thần.

Nguyễn trọng Tốn 阮 仲 遜

Người làng Trường-tân, hạt Gia-phước, làm đến Hộ-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn sở Châu 阮 楚 珠

Người làng Quỳnh-khôi, hạt Gia-phước, làm đến Đinh-úy-sứ.

Nguyễn khắc Trung 阮 克 忠

Người làng Phó-ninh hạt Đông-ngạn, làm đến Hiến-sát-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Trần khả Tượng 陳 可 象

Người làng Thượng-xá hạt Đơn-phụng, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn khắc Cần 阮 克 勤

Người làng Đặng-xá, hạt Lương-tài, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn trọng Oánh 阮 仲 瑩

Người làng Vĩnh-kỳ, hạt Từ-liêm, trọ ở làng Hương-ngạnh, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn, tước Bá, thân phụ Ô. Nhân-ân. Cha con đều đăng khoa.

Lê tử Khanh 黎 子 卿

Người làng Xuân-trì, hạt Vĩnh-lại, làm đến Đoán-sự.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 25:

Nguyễn Súc 阮 畜

Người huyện Vĩnh-xương, ngụ ở làng Liêu-xá, hạt Đường-hào, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn sư Hựu 阮 師 祐

Người làng Cát-đàn, hạt Thanh-liêm, làm đến Thượng-thư.

Ngô mậu Đôn 吳 茂 惇

Người làng Lâm-vệ, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 28 tuổi, làm với Nguỵ-Mạc đến Thượng-thư tước Hầu, về hưu, con Ô. Văn-Ngạn, thân phụ Ô. Mậu-Du. Ba đời đều đăng khoa.

Võ Đoan 武 端

Người làng Đồng-lư, hạt Giao-thủy, làm với Nguỵ-Mạc đến Thượng-thư.

Lê Phu 黎 敷

Người làng Lu-xuyên, hạt Thanh-lâm. làm với Nguỵ-Mạc đến Hình-bộ-Tả-thị-lang, về hưu.

Nguyễn bang Ngạn 阮 邦 彥

Người làng Bửu-triện, hạt Cẩm-giang, làm đến Hiến-sát-sứ.

Hoàng Táo 黃 灶

Người làng Cao-la, hạt Tứ-kỳ, làm đến Thị-lang về hưu.

Phạm sở Ngọc 范 楚 玉

Người làng Đồng-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Phạm hưng Nhân 范 興 仁

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn thì Hanh 阮 時 亨

Người làng ...? thiền, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đề-hình.

Nguyễn khiêm Quang 阮 謙 光

Người làng Hạ An-quyết, hạt Từ-liêm, làm đến Tham-chánh. cháu Ô. Như-Uyên, tổ phụ Ô. Nhật-Tráng.

Đỗ tam Cương 杜 三 綱

Người làng Quang-bị, hạt Gia-phước, làm đến Tự-khanh, em ô. Tường. Anh em đều đăng khoa.

Vương Dương 王 洋

Người làng Phụng...? hạt Kim-động làm đến Giám-sát. ngự-sử. Con ô. Dực-nghĩa. Cha con đều đăng khoa.

Bùi khắc Thầm 裴 克 忱

Người làng Lai-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Phùng hữu Hựu 馮 有 祐

Người làng Viên-kiều, hạt Sơn-minh, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Phạm doãn Giản 范 允 僩

Người làng Phán-xá hạt Tứ-kỳ làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn Kỵ 阮 騏

Người làng Phạm-xá, hạt Thanh-miến, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Vương hy Tăng 王 希 曾

Người làng Bích-khê, hạt Đông-an, nguyên tên là Mậu-Uyên, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Đào Nghiễm 陶 儼

Người làng Thiện-phiến, hạt Tiên-lữ, Hội.nguyên, có đi sứ, làm đến Binh.bộ-hữu-thị.lang. Cháu Ô. Kiệt, tằng. tôn ô. Soạn, thân phụ ô. Phạm. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm quả Đoán 范 果 斷

Người làng Cao-duệ, hạt Gia-phước, làm đến Đề. hình Giám-sát-ngự-sử.

Võ Tường 武 翔

Người làng Tân-minh, hạt Tân-minh. làm đến Giám. sát-ngu.sử. phong Phước-thần.

Nguyễn minh Khuê 阮 明 奎

Người làng Phú...? hạt Tân-phong. làm đến Thừa-chánh.sử.

Nguyễn hữu Phi 阮 有 斐

Người làng Hồng liêu, hạt Gia phước, làm đến Đề-hình.giám-sát-ngự-sử.

Đào Triết 陶 哲

Người làng Thụ-triền, hạt Thanh-lan, làm đến Giám-sát-ngự.sử.

Phạm doãn Chấp 范 允 執

Người làng Đồng-lại, hạt Trường-tân, làm đến Giám.sát-ngự-sử.

NĂM BÍNH-TUẤT

Niên hiệu Thống-nguyên (統 元) thứ 5 (1526) cho trúng Tiến-sĩ 20:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Trần tất Văn 陳 必 聞

Người làng Nguyệt-Ấn, hạt An-lão, làm quan với Ngụy-Mạc đi sứ Tàu, chức đến Thượng-thư Hàn-xuyên-Bá, thân phụ ô. Táo. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn văn Hiến 阮 文 憲

Người làng Cẩm-xá, hạt Thiện-tài, làm triều Ngụy-Mạc, đi sứ Tàu quan chức đến Tham-chánh, thân phụ ô. Văn-Điển. Cha con đều đăng khoa.

Lưu doãn Trung 劉 允 忠

Người làng Vương-xá hạt Siêu-loại, làm đến Thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4

Lê quang Bí 黎 光 貢

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 23 tuổi, đi sứ 19 năm, làm quan với Ngụy-Mạc đến Lại-bộ Thượng-thư Tô-xuyên-hầu, tặng Quận-công. Con ô. Nại, cháu ô Đỉnh. Cha con đều đăng khoa.

Ngô Ước 吳 約

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-phước, anh ô. Hoằng, con ô. Hoan. Cha con đều đăng khoa, Anh em đỗ đồng khoa.

Nguyễn bỉnh Khuê 阮 秉 奎

Người làng Vĩnh-thế, hạt Siêu-loại, làm đến Hàn-lâm, thân phụ ô. Đình Bá, con ô. Bỉnh-Hòa. Ba đời đều đăng khoa,

Lưu Hịch 劉 檄

Người làng Nhân-mỹ, hạt Từ-liêm, làm đến Hàn-lâm, con ô. Nguyên. Cha con đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân 13 :

Phạm đình Quang 范 廷 光

Người làng Cổ-lâm, hạt Lương-tài, hội-nguyên, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn Xưởng . 阮 敞

Người làng Phước-đồng, hạt Gia-định, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, con ô. Võ-địch. Cha con đều đăng khoa.

Đàm đức Nhuận 譚 德 潤

Người làng Lưu-khê, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Đoán-sự.

Ngô Hoằng 吳 鍠

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-Phước, làm đến Hiến-sát-sứ, con ô. Hoan, em ô. Ước. Cha con đều đăng khoa. Anh em đỗ đồng khoa.

Võ Huyền 武 鉉

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, làm với Ngụy-Mạc đến Tả-thị-lang, con ô. Văn-Khánh. Cha con đều đăng khoa.

Hoàng Thông 黃 通

Người làng Mạc-xá, hạt Chương-đức, làm đến Giám-sát Ngự-sử, anh ô. Luân. Anh em đều đăng khoa.

Khổng tư Trực 孔 司 直

Người làng Đoan-niên, hạt An-việt, làm đến Tự-khanh.

Phạm minh Lượng 范 明 亮

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 31 tuổi, nguyên tên Quang-tá, khoa canh-thìn, thi Hội trúng

cách, vì lỗi dấu tang chế không được dự thi đình, khoa này thi đỗ, làm đến Thượng-thư, tước Bá.

Nhữ mậu Tồ 汝 茂 祖

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, làm với Ngụy-Mạc đến Lễ-bộ Tả-thị lang.

Hoàng viết Ái 黃 曰 愛

Người làng Thượng-an-sử, hạt Từ-liêm, làm đến Hàn-lâm.

Lương Giản 梁 簡

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, có đi sứ, làm với Ngụy-Mạc đến Lễ-bộ Tả-thị-lang.

Phạm vĩnh Truyền 范 永 傳

Người làng Kiều, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 52 tuổi, làm với Mạc đến Thượng-thư.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn kính Trung 阮 敬 忠

Người huyện Tiên-phong.

PHỤ ĐỜI NGỤY-MẠC (1)

NĂM KỶ-SỬU

Niên-hiệu Minh-đức (明 德) thứ 3 (1529) triều Ngụy-Mạc lấy đậu Tiến-sĩ 27 :

---

(1) Theo sách Giáp-tý niên biểu và Việt-Nam sử lược, đời Ngụy-Mạc, Đăng-Dung, niên-hiệu Minh-đức. Đăng-doanh, niên hiệu Đại-Chánh. Phúc-Hải, niên-hiệu Quảng-Hòa. Phúc-Nguyên, niên-hiệu Vĩnh-Định, Cảnh-Lịch, Quang-Bửu. Mậu-Hợp, niên-hiệu Thần-Phúc, Sùng-Khương, Diên-Thành, Đoan-Thái, Hưng-Trị, Hồng-Ninh. Nhà Mạc mất ngôi từ niên-hiệu Hồng-Ninh thứ 2, nhưng con cháu về sau được nhờ nhà Minh-Trung-quốc bênh vực, còn giữ đất Cao-Bằng ba đời, nữa. Kể từ Mạc-Đăng-Dung đầu năm Minh-đức đến Mạc-Mậu-Hợp cuối năm thứ 2 Hồng-Ninh (1527 — 1592) Cộng được 65 năm tiềm ngôi Hoàng-Đế nhà Lê.

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Đỗ...? 杜…?

Người làng Lại-ốc, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang, con ô. Nhân, anh ô. Tấn Cha con anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Nguyên 阮 沅

Người làng Võ-lăng, hạt Thượng-phước, trú ở huyện. Thanh-oai, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-văn-Huy 阮 文 徽

Người làng Vịnh-cầu, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 44 tuổi, làm Lễ-bộ Thượng-thư về hưu, thân phụ các ông Trọng-Cương, Đạt-Thiện, Hiền-Tích, tổ-phục ô. Giáo-Phương. Ba đời đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 8:

Nguyễn-vân-Quang 阮 雲 光

Người làng Bình-sơn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung, con ô. Nghiêm. Cha con đều đăng khoa.

Trần-Thụy 陳 瑞

Người làng Ngọc-bộ, hạt Tế-giang, làm đến Hàn-lâm.

Phạm-Huy 范 輝

Người làng Mặc-khê, hạt Thanh-lâm, trú ở làng Mạn-duế, làm đến Tham-chánh.

Đặng-lương-Tá 鄧 良 佐

Người làng Đặng-xá, hạt Thạch-thất, trú ở làng Phú-ổ, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-Hoảng 阮 滉

Người làng Đức-thắng, hạt Hiệp-hòa, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang Đạm-khê-bá.

Nguyễn-doãn-Địch 阮 允 迪

Người làng Hoàng-phi, hạt Hiệp-hòa, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, kiêm Quốc-tử-giám-Tế-tửu, về hưu.

Phí-Thạc 費 碩

Người làng Hương-ngải, hạt Thạch-thất, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, Thúc-thủy-hầu.

Nguyễn-chiêu-Nghĩa 阮 昭 義

Người làng An-sở, hạt Đơn-Phụng, làm đến Hàn-lâm.

Trúng đệ tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 16 vị :

Nguyễn-hữu-Hoán 阮 有 煥

Người làng Xuân-ấn, hạt Tân-phước, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-địch-Giáo 阮 迪 教

Người làng Thượng-cốc, hạt Trường-tân, làm đến Giám-sát Ngự-sử, con ô. Duy-Minh. Cha con đều đăng khoa.

Lê-Thị 黎 堤

Người làng Ngọc-bộ, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Thị-lang, Văn-hiệp-bá.

Hoàng-khắc-Thận 黃 克 慎

Người làng Đại-lý, hạt Thuần-hựu, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, Hoằng-trung-hầu.

Lê-Táo 黎 竈

Người làng Phước-khê, hạt Tứ-liêm, trú ở làng Cổ-duế, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-quý-Lương 阮 貴 良

Người làng Địa-linh, hạt Phụ-dực, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-đức-Ký 阮 德 騏

Người làng Đơn-nhiễm, hạt Tế-giang, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Tổng-binh phủ Cao-bình, Đồng-sơn-bá. Tổ phụ ô. Nghiêu-Thần.

An-khí-Sử 安 器 使

Người làng Dĩ-độ, hạt Nam-xương, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thị-lang.

Võ-Ngung 武 嵎

Người làng Đoạn-lâm, hạt Trường-tân, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Thượng-thu, Sài-sơn-hầu, tặng Quận-công.

Châu-tam-Dị 朱 三 異

Người làng Phù-lưu, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Phan-Tế 潘 濟

Người làng Nhật-xá, hạt Duy-sung, trú ở hạt Thạch-thất, làng Nguyên-xá, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đinh-Thụy 丁 瑞

Người làng Tử-quật, hạt Đông-an, làm đến Hàn-lâm

Phạm-kinh-Bang 范 經 邦

Người làng Thời-trung, hạt Thanh-oai, làm đến Giám-sát Ngự-sử. Thân phụ ô. Viết-Mậu. Cha con đều đăng khoa.

Lương-Nhượng 梁 讓

Người làng Nội-trừ, hạt An-phong, thi đỗ khi 29 tuổi làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Dương 阮 洋

Người làng Trà-lâm, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Tự-khanh, em ô. Diễn, tổ phụ ô. Cồn. anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-quang-Tán 阮 光 贊

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, thi Đình đỗ khi 28 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

NĂM NHÂM-THÌN

Niên-hiệu Đại-chánh (大 正) thứ 3 (1532) đời Nguy-Mạc cho trúng Tiến-sĩ 27 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :

Nguyễn-Miễn 阮 倂

Người làng Canh-hoạch, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 38 tuổi, Hội-nguyên, đến quy thuận với Lê-triều, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, Kiêm Đô-ngự-sử.

Bùi-Vĩnh 裴 永

Người làng Định-công, hạt Thanh-đạm, trú ở làng Thạnh-liệt, thi đỗ khi 35 tuổi, ứng chế đứng thứ nhất. làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, Mai-lãnh-hầu. Con ô. Xương. Trạch, tằng tổ ô. Bỉnh-Quân. Cha con đều đăng khoa.

Ngô-sơn-Khoái 吳 山 快

Người làng Đình-bảng, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 6 :

Nguyễn-địch-Khang 阮 廸 康

Người làng Vĩnh-thế, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 41 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

Hoàng-Du 黃 瑜

Người làng Mạc-xá, hạt Chương-đức, trú ở Thanh-oai Đơn-sĩ, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang. Con ô. Thông. Cha con đều đăng khoa.

Dương-Đình 楊 頂

Người làng Thượng-phước, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thị-lang, Vị-thủy-bá. Con ô. Trực-Nguyên. Cha con đều đăng khoa.

Lương-Quý (hay Khôi) 梁 貴

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, làm đến Tả-thị-lang.

Trần-Dự 陳 豫

Người làng Trang-liệt, hạt Đông-ngạn, làm đến Hiến-sát-sứ, thân phụ ô. Khánh-Hưng, Cha con đều đăng khoa.

Trần-nguyên-Khải 陳 元 愷

Người làng Bình-hạ, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 18 :

Nguyễn-lương-Bật 阮 良 弼

Người làng Nội-trừ, hạt An-phong, làm đến Hiến-sát-sứ.

Võ-tri-Viễn 武 知 遠

Người làng Cẩm-giang, hạt Cẩm-giang, ở làng Phú-lộc, làm đến Đề-hình.

Võ-hữu-Dụng 武 有 用

Người làng Vỹ-võ, hạt Võ-giang, làm đến Thượng-thư nhập thị Kinh-diên, Từ-xuyên-hầu. Con ô. Tiến-Chiêu, em ô. Quang-Túc. Cha con anh em đều đăng khoa.

Phạm-khánh-Tường 范 慶 祥

Người làng Cao.duệ, hạt Trường-tân, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-tiên-Sạn 阮 僊 棧

Người làng Quế.dương, hạt Đơn-phụng, làm đến Đề-hình.

Nguyễn-đình-Tộ 阮 廷 祚

Người làng An.xá, hạt Đông-quan, thi đỗ khi 23 tuổi, có đi sứ, làm đến Tả-thị.lang, Văn-khê-Bá.

Tạ-đình-Quang 謝 廷 光

Người làng Sanh-quả, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thượng-thư tước Bá truất xuống Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-khắc-Hựu 阮 克 祐

Người làng Sùng-đức, hạt Gia-phước làm đến Đề.hình.

Nguyễn-Xân 阮 縉

Người làng Thanh-liệt, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Thượng-thư, tước Hầu, về hưu.

Nguyễn-văn-Thực 阮 文 實

Người làng Chiêu-vật, hạt Đông.thành thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Đô.cấp-sự-trung.

Châu-địch-Huấn 周 迪 訓

Người làng Vọng.nguyệt, hạt An-phong, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang Liêm-xuyên-hầu.

Nguyễn-nhân-Chiêu 阮 仁 昭

Người làng Ông.mặc, hạt Đông-ngạn, làm đến Hình. bộ Tả.thị.lang, tước Bá.

Ngô-Úc 吳 澳

Người làng Đại-hạnh, hạt Nhị.giang làm đến Đề.hình.

Võ-Trung 武 中

Người làng Đặng-xá, hạt Thanh-miến, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-Nhí 阮 彌

Người làng Cứu-cao, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 23 tuổi, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ Tả-thị-lang.

Phan-Hiệu 潘 敷

Người làng Vân-nham, hạt Đông-lan, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-đình-Tú 阮 挺 秀

Người làng Chân-lữ, hạt An-định, làm đến Binh-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, tặng Khuông-quận-công.

Nguyễn-Hành 阮 珩

Người làng Vân-canh, hạt Từ-liêm, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, hoằng-lương-hầu, Thân phụ ô. Lang. Cha con đều đăng khoa.

NĂM ẤT-VỊ

Niên-hiệu Đại-chánh (大 正) thứ 6 (1535) triều Nguy-Mạc lấy đậu Tiến-sĩ 32:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Nguyễn-bỉnh-Khiêm 阮 秉 謙

1535

Người làng Trung-am, hạt Vĩnh-lại, thi đỗ khi 50 tuổi, 5 trường (thi Hội 4 trường, thi Đình 1 trường là 5 trường) đều đứng đầu, làm đến Thượng-thư Thái-phó Trình-quốc-công, về hưu.

Bùi-doãn-Đốc 裴 允 篤

Người làng An-thọ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Nguyễn-thừa-Hưu 阮 承 休

Người làng Vĩnh-thế, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 7 :

Nguyễn-dần-Lượng 阮 寅 亮

Người làng Khúc-trì, hạt An-bảo, có đi sứ, làm Hộ-bộ-hữu-thị-lang kiêm Đông-các.

Nguyễn-thừa-Sủng 阮 承 寵

Người làng La-châu, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Tham-chánh, thân phụ ô. Ích-Trạch, anh ô. Vụ-Thực. Cha con anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-sơn-Tăng 阮 山 增

Người làng Đặng-xá, hạt Cẩm-giang, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

Phạm-Hoảng 范 滉

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Cấp sự-trung.

Nguyễn-duy-Hòa 阮 維 和

Người làng Địa-linh, hạt Phụ-dực, cải tên lạ Duy-thuần, làm đến Tổng-binh-Thiêm-sự.

Nguyễn-Diễn 阮 演

Người làng Trà-lâm, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Tham-chánh, anh ô. Dương, tổ phụ ô. Cồn. Anh em đều đăng khoa.

Lê-Cao 黎 高

Người làng Bình-dân, hạt Đông-an, làm đến Giám-sát-ngự-sự.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 27:

Nguyễn-trùng-Quang 阮 重 光

Người làng Bình-ngô, hạt Gia-định, trú ở làng Trạm-lộ, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Hân-lâm, tổ phụ ô. Viết-Cử.

Đỗ-Tấn 杜 縉

Người làng Lại-ốc, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Thượng-thư, tước quận-công, con ô. Nhân, em ô. ...? Cha con anh em đều đăng khoa.

Dương-Mậu 楊 茂

Người làng Lạc-thổ, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Thị-lang, tước Bá.

Nguyễn-như-Cương 阮 如 岡

Người làng Cự-linh, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến-Thị-lang,

Tạ-Tuân 謝 洵

Người làng Ngô-khê, hạt Đông-ngạn, làm đến Hữu. thị-lang, Ninh-xuyên-hầu.

Võ-Diệu 武 耀

Người làng Quảng-lâm, hạt Quế-dương, làm đến Thừa-chánh-sứ về hưu..

Ngô-phúc-Tinh 吳 福 星

Người làng Chân-hộ, hạt An-phong, làm đến Thừa. chánh-sứ, thân phụ ô. Khánh-Nồng, Cha con đều đăng khoa.

Đàm-Chí 譚 志

Người làng Sa kệ, hạt Đồng-hỷ, làm đến Thừa-chánh-sứ Văn-trai-Bá.

Phí-vạn-Toàn 費萬全

Người làng Xuân-trì hạt Vĩnh-lại, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Uyên 阮淵

Người làng Kim-bài, hạt Thanh-oai, làm đến Hàn-lâm, con ô. Tuệ, cháu ô. Huyền.

Phạm-đình...? 范廷…?

Người làng Hòe-nha, hạt Tây-quan, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-duy-Tinh 阮維精

Người làng Tạ-xá, hạt Tứ-kỳ, làm đến Thừa-chánh-sứ, về hưu.

Nguyễn-văn-Thụ 阮文受

Người làng Trường-xá, hạt Gia-định, trú ở Siêu-loại Lạc-thổ, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn khuông-Lễ 阮匡禮

Người làng Canh-hoạch, hạt Thanh-oai, có đi sứ, làm đến Hữu-thị-lang, tước Bá. Con ông Đức-Lương, cháu ô. Bá-ký. Ba đời đều đăng khoa.

Bùi-trí-Vĩnh 裴致永

Người làng Đào-xá, hạt Phù-vân, thi đỗ khi 29 tuổi làm đến Tả-thị-lang, Mỹ-thạc Bá, con ô. Doãn-Hiệp. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-văn-Diễn 阮文演

Người làng Đặng-xá, hạt Lương-tài, làm đến Thừa-chánh-sứ, con ô. Văn-Hiến. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-quang-Huệ 阮光惠

Người làng Phú-gia, hạt Từ-liêm, trú ở làng Nhật-bảo, thi đỗ khi 52 tuổi, làm đến Thi-lang.

Nguyễn-kiêm-Tri 阮 兼 知

Người làng Thanh-du, hạt Đông-quan, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Mai-Khuyến 梅 勸

Người làng Đào-tại, hạt Quế-dương, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, thân phụ ô. Công, em ô. Bang, tằng tổ ô. Trọng-Hòa, Nhiều đời đăng khoa.

Hà-sĩ-Vọng 何 仕 望

Người làng Bình-sơn, hạt Lập-thạch, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang, Tuy-lộc Bá, Anh ô. Nhiệm-Đại,

Dương-Xân 楊 縉

Người làng Cao-hương, hạt Thiên-bồn, làm đến Hình-bộ-hữu-thị-lang Diên-hà Bá.

Nguyễn-kinh-Tế 阮 經 濟

Người làng Lạc-thổ, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

NĂM MẬU-TUẤT

Niên hiệu Đại-chánh (大 正) thứ 9 (1538) triều Ngụy-Mạc cho trúng Tiến-sĩ 36 vị :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :

Giáp-Hải 甲 海

Người làng Trình-kế, hạt Phụng-nhãn, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, lần lượt làm Thượng-thư trong 6 bộ kiêm Đông-các, nhập thị Kinh-điên, Thái-bảo Sách-quốc-công, về hưu, thân phụ ô. Lệ. Cha con đều đăng khoa.

Trần-Toại 陳 遂

Người làng Phụng-Câu, hạt Phù-ninh, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hàn-Lâm-thi-thư.

Hoàng-Sâm 黃 岑

Người làng Châu-sơn, hạt Hiệp-hòa, trú ở làng Quế-trạo, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, Hoằng-phước Bá.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 8.

Phan...? 潘...?

Người làng Phan-xá, hạt Nghi-xuân, trú ở Thiên-lộc Độ...? thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Phạm-duy-Tinh 范 維 精

Người làng Tùng-xá, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đàm-Cư 譚 琚

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 20 tuổi lần lượt làm Thượng-thư trong 6 bộ thế-quận-công, tham dự triều chánh, Thiếu-phó, về hưu, cháu các ông Thận-Huy, Thận-Giản.

Bùi-Hoằng 裴 弘

Người làng Thượng-trưng, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, An-thủy Bá về hưu,

Phạm-đốc-Phỉ 范 篤 棐

Người làng Cẩm-bồ, hạt Tiên-an, làm đến Tham-chánh, con ô. Minh-Du. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-đình-Tấn 阮 廷 縉

Người làng Nguyệt-sơn, hạt An-thế, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thượng-thư kiêm đô-ngự-sử, tước Bá.

Đinh-Soạn 丁 撰

Người làng An-dương, hạt Đông-lan, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát-ngự-sử; Tước Bá. Con ô. Thuận, anh ô. Hội. Cha con, anh em đều đăng khoa.

Lê-Dĩnh 黎 頴

Người làng Thượng-trung, hạt Bạch-hạc; thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, Đẳng-giang Bá về hưu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 25 :

Hoàng-Thuyên 黃 詮

Người làng Lê-xá, hạt An-dương, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-hữu-Du 阮 有 猷

Người làng Đại-vi, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Tả-thị-lang, Ninh-khê Bá. Con ô. Quý-Nhã. Cha con đều đăng khoa.

Trần-ngạn-Húc 陳 彥 旭

Người làng Kim-thiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ về hưu, thọ 86 tuổi, thân phụ ô. Phi-Chiêu. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Niệm 阮 念

Người làng Phò-chẩn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Công-bộ-Tả-thị-lang, tước Bá. Về hưu, Tổ năm đời ô. Công-Kháng.

Nguyễn-lương-Ký 阮 良 驥

Người làng Hộ-xá, hạt Chí-linh làm đến Thừa-chánh sứ, Sùng-xuyên Bá; cháu ô. Tử-Lụy.

Nguyễn-Giản 阮 蕑

Người làng Đông-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thượng-thư chưởng Hàn-lâm-viện-sự, Lâm-khê Hầu.

Ngô-Trang 吳 莊

Người làng Ninh-định, hạt Hiệp-hòa, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-trung-Tín 阮 忠 信

Người làng Vạn-điềm, hạt Thượng-phước, làm đến Thị-lang, Thụy-xuyên Bá.

Nguyễn-hiếu-Lễ 阮 好 禮

Người làng Thanh-tương, hạt Siêu-loại, làm đến Cấp-sự-trung.

Nguyễn-thu-Quang 阮 秋 光

Người làng ...? Ái, hạt Đơn-phụng, làm đến Tham-chánh Mỹ-sơn Bá.

Nguyễn-thế-Đốc 阮 世 篤

Người làng ...? xá, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Binh-khoa-đô-cấp-sự-trung,

Hoàng-tế-Mỹ 黃 濟 美

Người làng Mạc-xá, hạt Chương-đức, trú ở Thanh-oai Đơn-dĩ, làm đến Thừa-chánh-sứ, Mạc-khê Bá. Con ô. Nghĩa-phú, cháu ô. Khắc-Minh. Ba đời đăng khoa.

Bùi-văn-Táo 裴 文 藻

Người làng Cổ-trai, hạt Nghi-dương, làm đến Công-bộ-hữu-thị-lang.

Nguyễn quang-Bị 阮 光 被

Người làng Minh-bảo, hạt Từ-liêm, trú ở làng Cổ-duế, làm đến Tham-chánh Văn-hội Bá.

Dương-duy-Nhất 楊 維 一

Người làng Vĩnh-thái, hạt Vĩnh.xương, trú ở hạt Lương.tài, làng Dị.sử, có di sứ, làm đến Tả-thị-lang tước, Bá, tặng Thượng-thư, tước Quận-công.

Nguyễn-hoằng-Xước 阮 宏 綽

Người làng Lý-hải, hạt An-lãng, làm đến Đề.hình con ông Duy.Tương, thân phụ ô. Thê-Thủ. Hai đời đăng khoa.

Nguyễn-huệ-Trạch 阮 惠 澤

Người làng Lê-xá, hạt Nghi-dương, làm đến Cấp-sự-trung.

Lưu-đức-An 劉 德 安

Người làng Võ.nghị, hạt Thanh-lan, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Võ-thoát-Đĩnh 武 脫 頲

Người làng Bao-trung, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tả.thị.lang, Minh.lễ Bá, về hưu tặng Thượng-thư.

Nguyễn-Hiên 阮 軒

Người làng Phò-chần, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi làm đến Đại.lý-tự-khanh,

Nguyễn-Đạc 阮 鐸

Người làng Bình-lư. hạt Thủy-đường. làm đến Giám.sát.ngự-sử, con ô. Huân. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-đãi-Đán 范 待 旦

Người làng Lôi-hà, hạt Nam.xương, làm đến Công.khoa-đô.cấp-sự-trung.

Nguyễn-Trác 阮 琢

Người làng Hà-hựu, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Phạm-khuông-Đỉnh 范 匡 鼎

Người làng An-trang, hạt Lương-tài, làm đến Hàn-lâm.

Bùi-tổ-Trứ 裴 祖 著

Người làng Xuân-la, hạt Nghi-dương, trú ở Kim-thanh, Quỳnh-khê, làm đến Thừa-chánh-sứ về hưu.

NĂM TÂN-SỬU

Niện hiệu Quảng-hòa (廣 和) thứ I (1541) của Ngụy-Mạc cho trúng Tiến-sĩ 30:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Nguyễn-Kỳ 阮 琦

Người làng Bình-dân, hạt Đông-an, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-thị-thư.

Phạm công-Sâm 范 公 森

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 38 tuổi, lại dược lựa vào Đông-các, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-thế-Lộc 阮 世 祿

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 29 tuổi. làm đến Thượng-thư Đoan-phong Bá.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Ngô-Quang 吳 光

Người làng Vân-đoàn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Lê-củ-Phương 黎 矩 方

Người làng Vân-canh, hạt Từ-liêm, làm đến Hiến-sát-sứ, tổ phụ ô. Đức-Lý.

Nguyễn-hoằng-Diễn 阮 弘 演

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, làm đến Đông-các Hiệu-thư, Lão-tuyền Bá, thân-phụ ô. Ngạn-Hoằng, tổ phụ ô. Kỳ-Phùng, tằng-tổ ô. Văn-Tạo, Nhiều đời đăng khoa.

Trương-hữu-Phỉ 張 有 斐

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, làm đến Thượng-thư, Thiếu-bảo, An-quận-công.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 23 :

Trần-Bửu 陳 寶

Người làng Vy-sơn, hạt Thanh-lâm, ngụ hạt Thanh-oai làng Canh-hoạch, thi đỗ khi 30 tuổi, lại được lựa vào Đông-các, làm đến Tham-chánh, Văn-phạm Bá. Cháu ô. Năng, tổ phụ ô. Xuân-Bằng.

Phạm-Nguyện 范 愿

Người làng Phước-khê, hạt Đường-an, làm đến Hàn-lâm.

Nguyễn-Tựu 阮 就

Người làng Phú ...? hạt Thượng-phước, làm đến Thị-lang Phán-lâm Bá.

Nguyễn-Cảnh 阮 璟

Người làng Thượng-cát, hạt Từ-liêm, nhân có việc, vào Thanh-hoa quy thuận, làm đến Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, Văn-hưng Bá.

Võ-doãn-Tư 武 允 滋

Người làng Sơn-đông, hạt Lập-thạch, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, Sơn-đông Bá.

Doãn-đại-Hiệu 尹 大 效

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, làm đến Tổng-binh, Tước Bá về hưu.

Lê-như-Hổ 黎 如 虎

Người làng Tiên-châu, hạt Tiên-tử, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Xuân-giang Hầu, lục Thiếu-bảo, Tuấn-Quận-công, về hưu.

Nguyễn-Phục 阮 伏

Người làng Dị-sử, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thượng-thư, Thiếu-xuyên Hầu. Đi sứ, mất giữa đường, được tặng Quận-công.

Dương-Ức 楊 億

Người làng Hóa-trung, hạt Đồng-hỷ, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Phạm-phi-Hiền 范 丕 顯

Người làng Tịnh-luyện, hạt Lập-thạch, làm đến Đô-ngự-sử, Tào-khê Hầu.

Viêm-nghĩa-Lộ 炎 義 路

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hàn-lâm,

Bạch-hồng-Nho 白 鴻 儒

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, Hội-nguyên, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-đạo-Quán 阮 道 貫

Người làng Bình-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-Đôn 阮 敦

Người làng Khinh-diêu, hạt Giáp-sơn, làm đến Thị-lang, Tùng-lãnh Hầu

Nguyễn-Thanh 阮 清

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, làm đến Thừa-chánh-sứ, Văn-khê Bá.

Nguyễn-minh-Châu 阮 明 珠

Người làng Kỳ-lan, hạt Chân-phước, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-quỳnh-Cư 阮 瓊 琚

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Tham-chánh, Vân-khê Bá, tổ xa đời của ô. Triều.

Phạm-Điển 范 典

Người làng Tam-á, hạt Gia-định, làm đến Tham-chánh, con ô. Thạnh. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-tử-Khải 阮 子 愷

Người làng Thiên-Biều, hạt An-lãng, làm đến Hiến-sát-sứ.

An-đôn-Phác 安 敦 樸

Người làng Chân-khê, hạt An-định, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thượng-thư, Ninh-khê Hầu.

Võ-Thạc 武 碩

Người làng Đại-vi, hạt Tiên-du, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Con ô. Tuyên-Hương. Cha con đều đăng khoa.

Lương-khắc-Thận 梁 克 慎

Người làng Thượng-lộc, hạt Bất-bạt, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Đính 阮 珽

Người làng Hoàng-xá, hạt Từ-liêm, đến Thanh-hoa xin quy thuận, làm đến Thượng-thư, Từ-quận-công, tặng Thái-tể. Triều Lê được Trung-hưng, đều nhờ mưu trí của ông.

NĂM GIÁP-THÌN

Niên hiệu Quảng-hòa (廣 和) thứ 4 (1544) thuộc Ngụy-Mạc cho trúng Tiến-sĩ 17:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Võ-Kỉnh 武 儆

Người làng Lương-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Tả-thị-lang, Tham chưởng Hàn-lâm-viện-sự, Quân-xuyên-hầu. Thân phụ ô. Giới, anh ô. Cận. Cha con anh em đều đăng khoa.

Lê-thọ-Khảo 黎 壽 考

Người làng Dữ-xá, hạt Đường-an, làm đến Tự-khanh, tước Tử.

Trần-Diệm 陳 琰

Người làng Tô-đề, hạt Phụ-kỳ, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, Tô-xuyên-Bá.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 14 người:

Nguyễn hữu-Dực 阮 有 翼

Người làng Cống-xuyên, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Tham-chánh tước Bá.

Tạ-hiền-Đạo 謝 顯 道

Người làng Đình-xá, hạt An-lạc làm đến Hiến-sát-sứ Quảng-xuyên-Bá.

Đỗ-đồng-Dần 杜 同 寅

Người làng Kha-lý, hạt An-dũng làm đến Đoán-sứ.

Nguyễn-Sầm 阮 岑

Người làng Ngọc-tái, hạt Tứ-kỳ, làm đến Tả-thị-lang, Văn-lâm-Bá, tăng Thượng-thư.

Nguyễn-Vựng 阮 彙

Người làng Đoạn.lâm, hạt Gia-phước, làm đến Công.khoa-đô-cấp-sự-trung.

Hoàng-sĩ-Khải 黃 士 愷

Người làng Lai-xá, hạt Lương.tài, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Vĩnh-kiều Hầu, về hưu, giỏi văn Quốc-âm, có sáng tác khúc Sứ-trình.tứ-thời (使 程 四 時 曲) và phú Tiểu-độc.lạc (小 獨 樂 賦) để lại cho đời, Con ô. Thế.dịch. Cha con đều đăng khoa.

Đinh-Tú 丁 琇

Người làng Nam.trì, hạt Thiêu-thi, làm đến Hiến-sát-sứ, Phò.nham Bá.

Ngô Tĩnh 吳 靖

Người làng Vân-canh, hạt Từ-liêm, làm đến Tham-chánh Nho-lâm Nam.

Chử-sư-Văn 褚 師 文

Người làng Hội-phụ, hạt Đông-ngạn, làm đến Tham.chánh về hưu, con ô. Sư.Đồng.

Đàm-Khuyến 譚 勸

Người làng Vĩnh-thái, hạt Thọ-xương, trú hạt Gia-lâm Gia-cốc, làm đến Hiến-sát-sứ, dưỡng-phụ ô. Công.

Lê-Kính 黎 敬

Người làng Thượng-phước, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đỗ-phi-Tán 杜 丕 贊

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 37 tuổi quy thuận triều Lê, làm đến Thượng-thư, Thiếu-bảo, tước Bá, tặng Thái-bảo Nông-quận-công. Anh ô. Tất-đại. Anh em đều đăng khoa.

Dương-bạt-Tụy 楊 拔 萃

Người làng Bá-trạch, hạt Thanh-lâm, làm đến Hiến-sát-sứ.

Lê-Kiết 黎 拮

Người làng Hồng-mai, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Lục-sư, lãng-xuyên-Bá. Em ô. Cán. Anh em đều đăng khoa.

ĐỜI NGỤY-MẠC PHƯỚC-NGUYÊN

NĂM ĐINH-VỊ

Niên hiệu Vĩnh-định (永 定) năm đầu triều Ngụy-Mạc (1547) cho trúng Tiến-sĩ 30:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3 người:

Dương-phước-Tư 楊 福 滋

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm, thi đỗ năm 43 tuổi, làm đến Tham-chánh, quy thuận Triều Lê, sau bị bãi chức. Tổ phụ ô. Thuần-Hoàng, tằng-tổ ô. Hạo, tổ xa đời ô. Thú. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm-Du 范 瑜

Người làng Tiên-mụ, hạt An-lạc, làm đến Hữu-thị-lang, Nghi-xuyên Bá.

Nguyễn-Tế 阮 濟

Người làng Cổ-ngạc, hạt Chương-đức, trú ở hạt Thanh-oai Cao-mật, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 8 người:

Nguyễn-kính-Chỉ 阮 敬 止

Người làng Lai-cách, hạt Cẩm-giang, làm đến Lại-bộ hữu-thị-lang, Định-xuyên-Bá.

Nguyễn-thì-Lượng 阮 時 亮

Người làng Gia-định, hạt Trị-hòa.

Nguyễn-nhân-Hiệp 阮 仁 洽

Người làng Tiêu-sơn, hạt An-phong, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-trọng-Quýnh 阮 仲 炯

Người làng Vịnh-kiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thượng-thư. Con ô. Văn-huy; em ô. Thiện-Đạt, anh ô. Hiền-Tích, thân phụ ô. Giáo-Phương, tổ phụ ô. Đức-Vọng, cao tổ ô. Danh-Nho, tổ xa đời của các ông Quốc-Ích, Công-Viên và Đức-Đôn. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-đôn-Mục 阮 敦 睦

Người làng Phò-lỗ, hạt Kim...? làm đến Hàn-lâm.

Bùi-hưng Tạo 裴 興 造

Người làng La-nội, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Dương-trí Trí 楊 致 知

Người làng Duy-liệt, hạt Kỳ...? làm đến Hàn-lâm.

Dương-đôn-Cương 楊 敦 綱

Người làng Vĩnh-mụ, hạt An-lạc, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Hình-bộ-hữu-thị-lang Đạm-giang Bá, cháu ô. Tịnh.

Trúng đệ tam giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất-thân 19:

Võ-Hạo 武 顥

Người làng Phụng-lâu, hạt Kim-động, làm đến Hiến-sát-sứ.

Ngô-khắc-Khoan 吳 克 寬

Người làng Châu-tháp, hạt Đông-ngạn, làm đến Tổng-binh-thiêm-sự.

Lê-khắc-Trạch 黎 克 宅

Người làng Dị-sử, hạt Lương-tài, làm đến Thị-lang, vâng mạnh đi sứ, mất giữa đường, tặng Khánh-nham-Hầu.

Khuất-như Lộc 屈 汝 祿

Người làng Lôi-trạch, hạt Thạch-thất, làm đến Cấp-sự-trung.

Lê phi-Sảng 黎 丕 爽

Người làng Hạc-sơn, hạt Tiên-phong, làm đến Đoán-sự.

Đinh-văn-Diệm 丁 文 焰

Người làng Phụng-mao, hạt Thanh-xuyên, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-trí Dụng 阮 致 用

Người làng Lai-xá, hạt Phù-dung, làm đến Tham-chánh.

Dương văn-An 楊 文 安

Người làng Phước-tuy, hạt Lệ-thủy, trú ở hạt Từ-liêm Phò-diễn, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Thượng-thư, Sùng-nham-Hầu, tặng Quận-công.

TIMSACH.COM.VN

Phạm-Kỉnh 范 敬

Người làng Hoằng-liệt, hạt Thanh-trì, làm đến Đông-các Hiệu-thư.

Đỗ-trác-Dị 杜 卓 異

Người làng Đỗ-xá, hạt Đường-hào, trú ở làng Phò-vệ, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Tả-thị-lang về hưu, thân phụ ô. Cung, tằng tổ ô. Thành. Cha con đều đăng khoa.

Phùng-Ông 馮 滃

Người làng Tuấn-xuyên, hạt Tiên-phong, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Tạ-Nhĩ 謝 餌

Người làng Phụng tường, hạt Tiên-lữ, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-vĩnh-Trinh 阮 永 禎

Người làng Liên-bộ, hạt An-thế, làm đến Thượng-thư về hưu, tặng Thiếu-bảo, tước Hầu.

Ngô-thuật-Khổng 吳 述 孔

Người làng Đơn-nhiễm, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ. Con ô. Táo. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Thước 阮 爍

Người làng Nghĩa-lộ, hạt Thanh-oai, Hội-nguyên, làm đến Thừa-chánh-sứ. Cháu ô. Võ. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-Trác 范 琢

Người làng Trang-liệt, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thượng-thư, Ninh-xuyên-Hầu.

Trịnh-Đồ 鄭 堵

Người làng Phấn-động, hạt An-phong, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-nhân-Kiền 阮仁虔

Người làng Ông-la, hạt Phụng-nhãn, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, Phong-lãnh Hầu.

Nguyễn-đoan-Lương 阮端良

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

NĂM CANH-TUẤT

Niên-hiệu Cảnh-lịch (景曆) thứ 3 Triều Ngụy-Mạc (1550) cho trúng Tiến-sĩ 26:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Trần-văn-Bửu 陳文寶

Người làng Cổ-chữ, hạt Dao-thủy, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Nghĩa-sơn Bá, tặng Nghĩa-quận-công. Thân phụ ô. Đình-Huyên. Cha con đều đăng khoa.

Trần-Văn 陳聞

Người làng Phan-xá, hạt Phù-dung, làm đến Thượng-thư về hưu.

Nguyễn-minh-Dương 阮明揚

Người làng Nghĩa-trai, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, Mặc-khê-Bá, cháu ô. Thanh.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Lê Khâm 黎欽

Người làng An-tiêm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, Lâm-xuyên-Bá.

Nguyễn ngạn-Hoành 阮彥浤

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 33 tuổi,

làm đến Thượng-thư, nhập thị Kinh-diên, Cồn-dương Bá, em ông Hoằng-Diễn. Anh em đều đăng khoa.

Lê-Trung 黎 徵

Người làng Phò-luyện, hạt An-dũng, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Ngô-thái Cần 吳 太 謹

Người làng Hương-la, hạt Nghi-dương, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 19 :

Nguyễn-thừa-Hưu 阮 承 休

Người làng Đông-xuyên, hạt An-phong, làm đến Thừa-chánh-sứ, thân phụ ô. An. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Đảng 阮 簜

Người làng Đồng-la, hạt An-định, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-hữu-Thường 阮 有 常

Người làng Nghĩa-lập, hạt Đông-ngạn, làm đến Tả-thị-lang. Chú ô. Gia-Mưu.

Nguyễn-Lang 阮 琅

Người làng Vân-canh, hạt Từ-liêm, con ô. Hành. Cha con đều đăng khoa.

Lê-Hiến 黎 憲

Người làng Thọ-ích, hạt An-lạc làm đến Tả-thị-lang kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, cháu ô. Ninh.

Ngô-bật-Lượng 吳 弼 亮

Người làng Bái-dương, hạt Tây-sơn, đậu Hội-nguyên, làm đến Tả-thị-lang, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường.

Đỗ-lệ-Trạch 杜 麗 澤

Người làng Hữu chấp, hạt An-phong, làm đến Công-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Đào-Trân 陶 珍

Người làng Đào-xá, hạt Đông-an, làm đến Hiến-sát-sứ.

Lê-Cán 黎 幹

Người làng Tường-mai, hạt Thanh-trì, trú ở hạt Thanh-lâm, làng Man-duế, làm đến Giám-sát Ngự-sử, Đầu-sơn Bá. Anh ô. Kiết. Anh em đều đăng khoa.

Đào-Thái 陶 泰

Người làng Luyện sơn, hạt Lập-thạch, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đinh-Bổ 丁 補

Người làng Vĩnh-lữ, hạt Chương-đức, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Tạ-trọng-Mô 謝 仲 謨

Người làng Mẫn-xá, hạt An-phong, làm đến Tham-chánh.

Võ-Tráng 武 戇

Người làng Tô-xuyên, hạt Phụ-dực, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang Đông-am Bá, tặng tước Hầu,

Dương-thận-Huy 楊 慎 徽

Người làng Lan-giới, hạt An-khê, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-mậu-Thông 阮 茂 聰

Người làng Dưỡng-phước, hạt Kim-động, làm đến Giám-sát-sử.

TIMSACH.COM.VN

Đào-minh-Dương 陶 明 揚

Người làng Thi-xá, hạt Dao-thủy làm đến Thừa chánh-sứ.

Nguyễn-Hào 阮 豪

Người làng Giao-tất, hạt Gia-lâm làm đến Giám-sát Ngự-sử. Tổ phụ ô. Quán.

Ngô-Diễn 吳 演

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Thượng-thư, con ô. Miễn-thiện, cháu ô. Thầm, anh ô. Dịch. Nhiều đời đăng khoa.

Trần-vi-Nhân 陳 爲 仁

Người làng Nội-trừ, hạt An-phong, vì có trọng tang, không thi đình, làm đến Tổng-binh thiếu-sự.

TIMSACH.COM.VN

NĂM QUÝ-SỬU

Niên hiệu Cảnh-lịch (景 曆) thứ 6 triều Ngụy-Mạc (1553) Cho trúng Tiến-sĩ 21:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3:

Nguyễn-lượng-Thái 阮 亮 采

Người làng Bình-ngô, hạt Gia-định, trú ở làng Trạm-lộ, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Tả-thị-lang, Định-nham-Hầu, cháu gọi ô. Trùng-quang bằng bác hay bằng chú.

Hoàng-Tuân 黃 珣

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, đỗ khi 37 tuổi.

Trần-vĩnh-Tuy 陳 永 綏

Người làng An-dật, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 21

tuổi, Hội-nguyên, trước làm An-bang-thừa-chánh-sứ, người nhà Minh (Trung-hoa) lấy bức thư lụa cột trước đầu súng trao cho, ông liền lấy cái khiên (thuẫn) để đón nhận bức thư, sứ nhà Minh thấy ông chế biến lanh lợi, khen ông tài xứng hai khôi-nguyên, thưởng tặng hoa bạc, lại được triệu vào Triều, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất-thân 5:

Nguyễn-nghĩa-Lập 阮義立

Người làng An-ninh, hạt An-dũng, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Dũng-xuyên-Hầu.

Nguyễn-đoan-Trung 阮端衷

Người làng Hoài-bão, hạt Tiên-du, lần lượt làm Thượng-thư trong 6 bộ rồi ra làm Thừa-chánh-sứ ở Hải-dương, tổ phụ ô. Kiều-Nhạc.

Phạm-lệnh Nhân 范令仁

Người làng Đồng-khê, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-bỉnh-Quân 阮秉鈞

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, có đi sứ, làm đến Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, An-lập-Hầu, cháu nội ô. Trường.

Phạm-Thiệu 范紹

Người làng Châu-khê, hạt Quê-dương, trú ở hạt An-phong Dũng-liệt, thi đỗ khi 42 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, tước Hầu, về hưu, tặng Thiếu-bảo.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 13:

Nguyễn-công-Tộc 阮公族

Người làng Hữu-tốn, hạt An-lãng, làm đến Hàn-lâm, Cẩm-đường-Bá.

Nguyễn-Huy 阮 輝

Người làng hạ An-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Thượng-thư, Nghĩa-giang-Bá về hưu.

Võ-khắc-Kế 武 克 繼

Người làng Trường-duệ, hạt An-dương, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thượng-thư, về hưu.

Nguyễn-khắc-Tuy 阮 克 綏

Người làng Trạm-du, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư Tùng-nham-Hầu.

Ngọ-đức-Ky 午 德 基

Người làng Vọng-lỗ, hạt Phụ-dực, làm đến Thượng-thư, hành Sơn-nam-thừa-chánh-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Ngô-chắp-Trung 吳 執 中

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, trú ở làng Hà-hựu, làm đến Hiến-sát-sứ,

Lương-phùng-Thì 梁 逢 時

Người làng Lương-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư Thiếu-bảo, Lương-khê-Hầu.

Ngô-Uông 吳 汪

Người làng Phấn-lôi, hạt An-việt, làm đến Binh-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Mai-Công 枚 功

Người làng Đào-tài hạt Quế-dương, thi đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, An-thường Hầu, con ô. Khuyến, tổ phụ ô. Trọng-Hòa.

Phạm-Xưởng 范 漵

Người làng Lũy-dương, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Thế 阮 貰

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Thị-lung-bị truất xuống Phủ sinh.

Nguyễn-Trừng 阮 澄

Người làng Cổ-điển, hạt Thanh-trì, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-thế-Ninh 阮 世 寧

Người làng Cổ-vũ, hạt Vĩnh-xương, trú hạt Cẩm-giang Thạch-lôi, vì thiếu điểm không được dự thi Đình.

TRIỀU LÊ TRUNG-HƯNG

ĐỜI VUA TRUNG-TÔNG-VÕ-HOÀNG-ĐẾ.

NĂM GIÁP-DẦN

Niên hiệu Thuận-bình (順 平) thứ 6 (Cảnh-lịch Nguy-Mạc thứ 7-1554), mới bắt đầu thi Chế-khoa, cho đậu hạng xuất-thân và Đồng-xuất-thân 13 người:

Trúng đệ nhất giáp chế-khoa xuất-thân 5 người:

Đinh-bạt-Tụy 丁 拔 萃

Người làng Bùi-lễ, hạt Hưng-nguyên, làm đến Binh-bộ-Thượng-thư, Khê-quận-công, về hưu.

Nguyễn-văn-Nghi 阮 文 沂

Người làng Ngọc-bôi, hạt Đông-sơn, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, nhập thị Kinh-diên, tước Bá, tặng Thượng-thư Thái-bảo, phong Phước-thần. Con ô. Văn-Lệ. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-sư-Lộ 阮師路

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung. Thân phụ ô. Thử. Cha con đều đăng khoa.

Phan-tất-Thông 潘必通

Người làng Hạ-thành, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Đông-các, hành Thừa-chánh-sứ.

Đỗ-tất-Đại 杜必大

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Đông-các đại-học-sĩ, Văn-hoằng Bá, em ô. Phi-tán, thân phụ ô. Tuất-Mỹ. Cha con anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp đồng-chế-khoa xuất-thân 8 người:

Châu-quang-Trứ 朱光著

Người làng nam .. thượng, hạt Thanh-chương, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-Chiêu 阮昭

Người làng An-việt thượng, hạt La-sơn, làm đến Cấp-sự-trung.

Lê-văn-Hiếu 黎文孝

Người làng Châu-chuyết, hạt Nông-cống, làm đến Hộ bộ Tả-thị-lang.

Biện-Hoành 卞鉷

Người làng Hoa-duệ, hạt Kỳ-hoa, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-lệnh-Dự 阮令譽

Người làng Văn-lâm, hạt Quảng-xương, làm đến Hiến-sát-sứ.

Võ-Hoán 武煥

Người làng Hồng-khê, hạt Duy-tiên, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Sẵn 阮 僎

Người làng Thượng.an-quyết, hạt Từ-liêm, trú ở làng Dịch-vọng, nguyên khi ông mến nghĩa trở về Lê-triều, thì kỳ thi đã đến trường thứ 3 ông xin vào trường làm bài, gồm cả 4 trường làm một, vẫn được dự trúng, nên đời bấy giờ gọi ông là (ngũ-nhật-tiến-sĩ) (ông Tiến-sĩ năm ngày), làm đến Tham-chánh, được vinh phong « Kiệt-tiết-công-thần » (công thần có công lao hết lòng với nước).

Nguyễn-Đức 阮 德

Người làng Nỗ-bạn, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Hình-bộ-thượng-thư.

NĂM BÍNH-THÌN

Niên-hiệu Thuận-Bình (順 平) thứ 8 (Ngụy-Mạc hiệu Quang-Bửu thứ 2 - 1556), cho đỗ Tiến-sĩ 24 người :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 người :

Phạm-Trấn 范 鎮

Người làng Lam-kiều, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đỗ-Uông 杜 汪

Người làng Đoạn-lâm, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 34 tuổi, có đi sứ, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, Lại-bộ-Thượng-thư, Thông-quận-công, vì không theo hồi loan (xe vua trở về) bị giết (?), sau phong Phước-thần. (Việc nầy chưa rõ là ai giết, nhưng tra sách « Quốc-sử-tục-biên » thì khi xe vua toan trở về, ông bị loạn quân giết).

Nguyễn-nghiêu-Tá 阮 堯 佐

Người làng Châu-hộ, hạt An-phong, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Nguyễn-viết-Mậu 阮曰茂

Người làng Thời-trung, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tự-khanh, con ông Kinh-Bang, cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Cung 阮珙

Người làng An-ninh, hạt Cẩm-giang, làm đến Hiến-sát-sứ, cháu nội ô. Vĩnh-Kiên.

Phạm-đoan-Lương 范端良

Người làng Lại-thượng, hạt Thanh-lâm, trú ở hạt An-dũng, làng Phấn-lôi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tham chưởng Hàn-lâm-viện-sự.

Phan-Khải 潘愷

Người làng Chí-linh, hạt Chí-linh, trú ở làng Triều-dương, làm đến Hiến-sát-sứ, con ô. Tập. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân 17 vị:

Nguyễn-nhân-An 阮仁安

Người làng Vĩnh-kỳ, hạt Từ-liêm, có đi sứ, làm đến Thị-lang, Phước-diễn Hầu, tặng Thượng-thư, con ô. Trọng Oánh. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-hùng-Đoán 阮雄斷

Người làng Cổ-lãm, hạt Lương-tài, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, truất xuống Tư-nghiệp.

Tống-Hân 宋昕

Người làng Võ-lao, hạt Giao-thủy, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Thượng-thư, Lễ-khê Hầu,

Nguyễn-bỉnh-Di 阮秉彝

Người làng Đáp-khê, hạt Chí-linh, Hội-nguyên, làm đến Đô-ngự-sử Đông-khê-Hầu.

Nguyễn-Uyên 阮淵

Người làng Nham-lang, hạt Ngự-thiên, trú ở Chí-linh Mặc-động, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Nham-lang-Hầu, thân phụ ô. Trạch. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Quang 阮珖

Người làng Lữ-Linh . . . ?, hạt . . . ?, làm đến Huy-văn-viện Thiêm-sự.

Nguyễn-Lượng 阮亮

Người làng Kim-đôi, hạt Võ-giang, làm đến Thượng-thư, con ô. Kinh, cháu nội ô. Nhân-Hiệp. Ba đời đăng khoa.

Ngô-Dịch 吳懌

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, làm đến Tham-chánh-sứ, cháu nội ô. Thầm, con ô. Miễn-Thứ, em ô. Diễn. Ba đời đều đăng khoa.

Ngô-khánh-Nồng 吳慶濃

Người làng Chân-hộ, hạt An-phong, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đô-ngự-sử, con ô. Phước-Tinh. Cha con đều đăng khoa.

Bùi-đình-Tán 裴廷贊

Người làng Phụng-lâu, hạt Nam-xương, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Đặng-vô-Cạnh 鄧無競

Người làng Hoàng-thứ, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, tham dự triều

chánh, Miến-quận-công, thân phụ ô. Tư-Tề. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn Hoành 阮 宏

Người làng Thủ-bang, hạt Phụ-dực, làm đến Thiêm-sự.

Nhữ. . . ? 汝 … ?

Người làng Dữ-xá, hạt Đường-an, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, My-xuyên Hầu, về hưu, vào Thanh-hóa xin hiệu thuận.

Võ-Cận 武 瑾

Người làng Lương-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thượng-thư, Xuân-giang Hầu. Em ô. Kỉnh. Anh em đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Võ-Cẩn 武 謹

Người làng Tân-lạc, hạt An-việt, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Thượng-thư, Dũng-quận-công về hưu.

Nguyễn-phụng-Sồ 阮 鳳 雛

Người làng Xá-luyện, hạt An-việt, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn.

Trần-đạo-Tiềm 陳 道 潛

Người làng Hương-ổ, hạt Tiên-du, có đi sứ, làm đến Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, tước Hầu.

ĐỜI VUA ANH-TÔNG-TUẤN-HOÀNG-ĐẾ

NĂM KỶ-VỊ

Niên-hiệu Chánh-trị (正 治) thứ 2 (Ngụy-Mạc niên-hiệu Quang-bửu thứ 5 – 1557). Cho trúng Tiến-sĩ 20:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 về hạng thứ 3 (Thám-hoa) :

Đặng-thì-Thố 鄧 時 措

Người làng An.lạc, hạt Thanh-lâm, Hội-nguyên, làm đến Hàn-lâm-viện Thị-chế, thân phụ ô. Thời-Mẫn. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4 :

Nguyễn-phùng-Thiện 阮 逢 善

Người làng Vịnh.kiều, hạt Đông-ngạn, làm đến Binh-khoa-đô-cấp-sự-trung Con ô. Văn-Huy, em ô. Trọng-Quỳnh, anh ô. Hiền-Tích. Cha con anh em đều đăng Khoa.

Nguyễn-doãn-Khâm 阮 允 欽

Người làng Kiệt-đặc, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử, Nghiêm.sơn-Hầu.

Đồng-Kháng 同 沆

Người làng Triều-dương, hạt Chí-linh, làm đến Tả-thị-lang, hiệu-thuận, giáng xuống Thừa-chánh-sứ, anh ô. Đắc. Anh em đều đăng khoa.

Lê-Diêu 黎 瑤

Người làng Phò.ninh, hạt Đông-ngạn, làm đến Cấp-sự-trung.

Trúng đệ tam giáp Đồng.tiến.sĩ xuất.thân 15 :

Nguyễn-Thầm 阮 忱

Người làng Đại.bái, hạt Gia.định, trú ở làng An-khoái, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Tham-chánh, tằng tổ ô. Đức-Tiến.

Nguyễn-gia-Mưu 阮 嘉 謀

Người làng Nghĩa-lập, hạt Đông-ngạn, làm đến Tham-chánh, đến đời cháu nội là Sách mới về làng mẹ là làng Tam-sơn, cải làm họ Ngô. Tằng tổ của các ông Sách-Dụ, Sách-Tuân, cao tổ của ô....? Nhiều đời đăng khoa.

Phạm-đăng-Sĩ 范 登 仕

Người làng Đoạn-bái, hạt Gia phước, làm đến Thừa-chánh-sứ, bá-phụ ô. Hồng-Nho.

Nguyễn. . .? 阮 … ?

Người làng Quế-trạo, hạt Hiệp-hòa, thi đỗ khi 38 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Hương-sơn-Hầu về hưu.

Nguyễn-xuân-Quang 阮 春 光

Người làng Đột-lãnh, hạt Chí-linh, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

Nguyễn-văn-Đỉnh 阮 文 挺

Người làng Phùng-xá, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Đoán-sự, Lộc-giang Bá.

Nguyễn đình-Giản 阮 廷 簡

Người làng Quỳnh-bội, hạt Gia-định, làm đến Tham-chánh.

Trần-quang-Tá 陳 光 佐

Người làng Bình-động, hạt Thủy dường, làm đến Tự-khanh, con ô...? Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-chí-Đốc 阮 志 篤

Người làng Khúc-phố, hạt Vĩnh-xương, trú ở hạt Thanh-trì Hoằng-liệt, làm đến Thừa-chánh-sứ em ô. Đức-Nhuận. Anh em đều đăng khoa.

TENSACH.COM.VN

Trịnh-duy-Thông 鄭 維 聰

Người làng Lập-ái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Tả-thị-lang, Vạn-tư Bá, về hưu.

Nguyễn-doãn-Chấp 阮 允 執

Người làng Bồ-dương, hạt Vĩnh-lại, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

Trương-hữu-Văn 張 有 文

Người làng Phao-sơn, hạt Chí-linh, làm đến Hiến-sát-sứ.

Lê-đình-Tú 黎 挺 秀

Người làng Lôi-động, hạt Thủy-đường, thi đỗ khi 31 tuổi, có đi sứ, làm đến Thượng-thư, Đường-quận-công.

Nguyễn-vĩnh-Phúc 阮 永 福

Người làng Truân-bối, hạt Thanh-lâm, cải tên Vĩnh-kỳ, có đi sứ, làm Thượng-thư, tước Hầu, cháu nội ô. Phú-Lộc.

Nguyễn-duy-Viên 阮 維 垣

Người làng Thủ-bang, hạt Phụ-dực, không dự thi đình.

NĂM NHÂM-TUẤT

Niên hiệu Chánh-trị (正 治) thứ 5 (Ngụy-Mạc niên-hiệu Quang-bửu thứ 8.-1562.) Ngụy-Mạc lấy Tiến-sĩ 18:

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ 3:

Phạm-duy-Quyết 范 維 玦

Người làng Xác-khê, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, Tả-thị-lang Xác-khê Hầu.

Trương-lỗ 張 魯

Người làng Bối-trì, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, Tả-thị-lang.

Ngô-Khiêm 吳 謙

Người làng Đường-hào, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Tả-thị-lang, tổ-phụ ô. Triệt, cao-tổ ô. Hái, ba đời đều làm quan chức về hưu. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Võ-văn-Thiện 武 文 善

Người làng Từ-ô, hạt Thanh-miến, có đi sứ Tàu, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn năng-Nhượng 阮 能 讓

Người làng Kim-đôi hạt Võ-giang, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư, Đạo-phái-Hầu. Cháu nội ô. Củng-Thuận.

Nguyễn-minh-Bích 阮 明 璧

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, trú ở hạt Chi-linh An-ninh, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Thượng-thư, Lâm-xuyên-Bá, về hưu.

Nguyễn-khắc-Kính 阮 克 敬

Người làng Thanh-hoài, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 21 tuổi, Hội-nguyên, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư. Thanh-minh-Hầu, xin hiệu-thuận nhà Lê giáng xuống Thừa-chánh-sứ, Thân phụ ô . .? Cha con đều đăng khoa.

Vương-bạt-Tụy 王 拔 萃

Người làng Giang-liêu, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-nhân 10 :

Nguyễn-Vĩnh 阮 永

Người làng Lại-an, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Thượng-thư về hưu.

Nguyễn Vụ 阮 務

Người làng La-xuyên, hạt Thanh-lâm thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thượng-thư, Trà-sơn-Bá, em ô. Thừa-Sủng. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-đức-Trân 阮 德 珍

Người làng Mai-xuyên, Thiên-thi, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Võ-Tĩnh 武 靖

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, có đi sứ Tàu, làm đến Tả-thị-lang, Tây-khê Bá, tặng Thượng-thư.

Võ-Dự 武 譽

Người làng Ông-mặc, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Tham-chánh về hưu.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-duy Tinh 阮 維 精

Người làng La-xá, hạt Tứ-kỳ, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Lộc 阮 祿

Người làng Dưỡng-động, hạt Thủy-đường, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn.

Nguyễn-văn-Sảng 阮 文 爽

Người làng Đại-Toán, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Vương-duy-Thông 王 維 聰

Người làng Ông-hạ, hạt Thanh-lâm, làm đến Hiến sát-sứ.

Nguyễn-đồng-Dần 阮 同 寅

Người làng Tam-chế, hạt Nghi-xuân, làm đến Tham-chánh.

NĂM ẤT-SỬU

Niên hiệu Chánh-trị (正 治) thứ 8 (Mạc Mậu-hiệp niên hiệu Thuần-phước năm đầu - 1565.) thi Chế-khoa lấy đậu xuất-thân đồng xuất-thân 10:

Trúng đệ nhất giáp Chế-khoa xuất-thân 4:

Lê Khiêm 黎 謙

Người làng Bảo-đà, hạt Lôi-dương, làm đến Tham-chánh, tước Hầu, được vinh phong mỹ hiệu là « Cương-chánh-kiệt-tiết-tuyên-lực-công-thần ».

Bùi-khắc-Nhất 裴 克 一

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, vinh phong « Kiệt-tiết-tuyên-lực-hiệp-mưu-tá-lý công-thần ».

Đỗ-tế-Mỹ 杜 濟 美

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hộ-bộ Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, gia phong Thái-bảo, tước Quận-công, con ô. Tất-Đại. Cha con đều đăng khoa.

Dương-trí-Dụng 楊 致 用

Người làng Bạt-la, hạt Thiên-lộc, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, Thái-bảo, tước Quận công. Tổ phụ ô. Tri-Trạch.

Trúng đệ nhị giáp Đồng-chế-khoa xuất-thân 6:

Lê-nghĩa-Trạch 黎 義 澤

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tặng Binh-bộ-thượng-thư Thái-bảo Nham-quận-công, gia phong « Kiệt-tiết-tuyên-lực-công-thần ». Tổ phụ ô. Sĩ-Triệt, cao tổ ô. Sĩ-Cần. Nhiều đời đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Đinh-doãn-Tín 丁 允 信

Người làng Văn giáp, hạt Thượng-phước, làm đến Hiến-sát-sứ.

Lê-văn-Xướng 黎 文 唱

Người làng Đơn-phố, hạt Nghi-xuân, làm đến Hiến-sát-sứ.

Hoàng-Quốc 黃 國

Người làng Dực-thượng, hạt Quảng-xương, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đỗ-Cảnh 杜 璟

Người làng Quang-liệt, Thanh-đàn, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, Quận-công-tước.

Lê-danh-Năng 黎 名 能

Người làng An-chế, hạt Lệ-thủy, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Cũng năm như trên, Nguy-Mạc lấy Tiến-sĩ 16:

Đậu thứ 3 đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 người:

Phạm-quang-Tiến 范 光 進

Người làng Lương-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, đi sứ Tàu, tặng Tả-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Phạm-hoành-Tài 范 宏 才

Người làng Thượng-đồ, hạt Kim-thành, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Tự-khánh,

Nguyễn đình-Tú 阮 挺 秀

Người làng Trình-khê, hạt Lương-tài, trú ở làng Lương-xá thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Hình-bộ-Tả-thị-lang.

Nguyễn-đức-Nhuận 阮 德 潤

Người làng Khúc-bồ, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Thanh-tri Hoằng-liệt, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Tư-nghiệp. Anh ô. Chi-Đốc. Anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12:

Lê-Mẫn 黎 敏

Người làng Ô-mễ, hạt Võ-tiên, thi đỗ khi 36 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư.

Nguyễn chỉ-Công 阮 旨 工

Người làng Đông-xuất, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Thị lang, cháu tằng-tôn ô. Hiến.

Nguyễn-thanh-Tĩnh 阮 清 靖

Người làng ...? Chử, hạt Tây-quan thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Lại-bộ-hữu-thị-lang.

Đặng-Ky 鄧 基

Người làng Triều-kiều, hạt Đông-an, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Võ-Đường 武 棠

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang.

Nguyễn-thì-Trung 阮 時 中

Người làng Phong-lâm, hạt Tây-kỳ, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Ngô-mậu-Du 吳 茂 愉

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Cháu nội ô. Văn-Phòng, con ô. Mậu-Thuần, tổ phụ ô. Văn-Chánh. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-văn-Đôn 黎文敦

Người làng Quang bị, hạt Gia-phước, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Đặng-Hiển 鄧顯

Người làng Uông-Thượng, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 40 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư. Anh các ông Tùng-Lãnh, Bá-Hài. Anh em đều đăng-khoa.

Trần-Táo 陳藻

Người làng Nguyện-án, hạt An-lão, Thừa-chánh-sứ. Con ô. Tất-Văn. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-hiền-Tích 阮顯錫

Người làng Vịnh-kiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Tả-thị lang Nghĩ-khê-bá. Con ô. Văn-Huy, em ô. Trọng-Uynh, Đạt-Thiện. Cha con anh em đều đăng khoa,

Nguyễn-quang-Tá 阮光佐

Người làng Chỉ-châu, hạt Thanh-lâm, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung, có trọng tang, không dự thi đình.

NĂM MẬU-THÌN

Niên hiệu Chánh-trị (正治) thứ 11 (đời Nguỵ-Mạc niên hiệu Thuần-phước thứ 4. - 1568.) Nguỵ-Mạc lấy đậu Tiến-sĩ 17:

Đậu thứ 3 đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1:

Võ-hữu-Chánh 武有政

Người làng La-mạt, hạt Đường-hào, làm đến Đông-các-hiệu-thư.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Đỗ-An 杜 安

Người làng Thái-lạc, hạt Văn-giang, làm đến Hữu-thị-lang Trình-khê Bá.

Nguyễn hy Lương 阮 希 良

Người hạt Lương-tài, làm đến Đoán-sự.

Võ-sư-Tích 武 師 錫

Người làng Uông-hạ, hạt Thanh-lâm, có đi sứ Tàu, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, Mai-khê Bá.

Nguyễn-Nghiễm 阮 儼

Người làng Linh-giang, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử, cháu tằng-tôn ô. Kỷ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12:

Giáp-Lệ 甲 澧

Người làng Trình-kế, hạt Phụng-sơn, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-Hiệu-thảo, con ô. Hải. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-Đạt 阮 達

Người làng Địa-hoàng, hạt An-sơn, trú ở hạt Chương-đức Đăng-phối, Hội-nguyên, làm đến Thượng-thư, phụ thân ô. Văn-Nhã. Cha con đều đăng khoa.

Vương-văn-Hội 王 文 會

Người làng Uông-hạ hạt Thanh-lâm, làm đến Lễ bộ-Tả-thị-lang.

Phạm-Điền 范 瑱

Người làng Ngọc-cục, hạt Đường-an, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Tả-thị-lang, thân phụ ô. Luyện. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-tri-Chi 范 知 止

Người làng Bắc-tạ, hạt Tứ-kỳ, xin hiệu thuận, làm đến Thị-lang.

Nguyễn-Lệ 阮 澧

Người làng Kiệt-đặc, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 26 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thượng-thư, tước Quận-công.

Đào-Phạm 陶 範

Người làng Thiện-phiến, hạt Tiên-lữ, thi đỗ khi 39 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh, con ô. Nghiễm. Cha con đều đăng khoa.

Hoàng-Bồi 黃 培

Người làng Hạ-au-quyết, hạt Từ-liêm, làm đến Thừa-chánh-sứ, xin hiệu thuận nhà Lê, thăng Thị-lang về hưu.

Nguyễn-đình-Quê 阮 廷 珪

Người làng Đại-mão, hạt Siêu-loại, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đồng-Đắc 同 得

Người làng Triều-dương, hạt Chí-linh. xin hiệu thuận nhà Lê, làm đến Công-khoa-đô-cấp-sự-trung, em ô. Nguyễn. Anh em đều đăng khoa.

Trịnh-quang-Tán 鄭 光 贊

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư, Vạn phước hầu.

Lê-Trữ 黎 貯

Người làng Bạch...? hạt Thượng-phước, làm đến Thừa-chánh-sứ.

NĂM TÂN-VỊ

Niên hiệu Chánh-trị (正 治) thứ 14 (Ngụy-Mạc niên hiệu Sùng-khương thứ 4, -1471). Ngụy-Mạc lấy đậu Tiến-sĩ 17:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 người thứ 2, 1 người thứ 3: (1 Bảng-nhãn, 1 Thám-hoa).

Nguyễn-Miễn 阮 勉

Người làng Lại-thượng, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-Cung 阮 珙

Người làng Hoài-bão, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-Thị-chế.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Nguyễn-Hoàng 阮 璜

Người làng Kim-bài, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 38 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hình-bộ-hữu-thị-lang tước Bá.

Nguyễn-Lệ 阮 澧

Người làng Đào-tai, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 31 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thượng-thư, Quế-giang Bá. Xin Hiệu-thuận, đổi qua Tả-thị-lang.

Phạm-khắc-Kiệm 范 克 儉

Người làng An-vệ, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 43 tuổi, xin hiệu thuận nhà Lê, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12:

...Hữu-Mô ... 有 謨

Người làng Địch-hòa, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, Hòa-khê Bá, xin hiệu thuận nhà Lê, đổi qua Thừa-chánh-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Hoàng-chân-Dũng 黃 眞 勇

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Đông-các-hiệu-thư. Cháu nội ô. Tuân, tổ phụ các ông Công-Chơn, Công-Bửu. Nhiều đời đăng khoa.

Hoàng-hữu-Quang 黃 有 光

Người làng Hoàng-tải, hạt Võ-giang, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Phạm-ngạn-Toát 范 彥 撮

Người làng Lãm-sơn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 33 tuổi, lam đến Thừa-chánh-sứ, cháu nội ô. Khiêm-Bình.

Nguyễn-Thiết . . . 阮 鉄 …

Người làng Vạn-tai, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

TIMSACH.COM.VN

Ngô-Tháo 吳 槱

Người làng Xả-đàn, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Gia-lâm Liên-đường, thi đỗ khi 40 tuổi, xin hiệu thuận nhà Lê làm đến Tả-thị-lang, Hóa-lễ Bá, về hưu.

Nguyễn-công-Phụ 阮 公 輔

Người làng Lý-hải, hạt An-lãng, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Thị-lang, xin hiệu thuận nhà Lê giáng xuống Tham-chánh.

Phạm-thọ-Khảo 范 壽 考

Người làng La-xá, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Tả-thị-lang.

Ninh-Triết 寧 哲

Người làng Song-khê, hạt An-dũng, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Bùi-tất-Năng 裴 必 能

Người làng Địa-linh, hạt Phụ-dực, thi đỗ khi 36 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Ngô-Vy 吳 瑋

Người làng Vạn-diềm, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thị-lang, xin hiệu thuận nhà Lê, thiên qua Binh-bộ-Tả-thị-lang, Đạt-lễ Hầu.

Phạm-Hựu 范 祐

Người làng Đào-xá, hạt Đường-an, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Tham-chánh.

ĐỜI VUA THẾ-TÔNG NGHỊ-HOÀNG-ĐẾ

Thành-tổ-Triết-Vương (chúa Trịnh-Tùng).

NĂM GIÁP-TUẤT

Niên hiệu Gia-thái (嘉 泰) thứ 2 (Mạc Mậu-Hiệp Sùng-khương thứ 7. - 1574.) Ngụy-Mạc lấy Tiến-sĩ 17 người

(Khoa ấp Nguyễn-Lệ, người hạt An-dương làng Tiên-sa, thi Hội dự trúng-cách, vì theo Hoằng-vương, không dự thi đình, sau làm đến Huy-văn-điện-thiền-sự, về hưu).

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1:

Võ-văn-Khuê 武 文 奎

Người làng Đông-lâm, hạt Gia-định, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Đông-các.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Mạc-đình-Dự 莫 廷 譽

Người làng Du-la, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ,

Mạc-văn-Tú 莫 文 繡

Người làng Mặc-thủ, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Tự-khanh, cháu tằng-tôn ô. Đức-Tuấn.

Nguyễn-tự-Cường 阮 自 彊

Người làng Lan-mô, hạt An-lạc, thi đỗ khi 46 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 13:

Võ-duy-Hàn 武 維 翰

Người làng Mặc-thủ, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Đông-các-Hiệu-thư.

Đỗ-Hiền 杜 顯

Người làng Xuân-táo, hạt Tiên-phước, trú ở làng Ngọc-hà, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, xin hiệu thuận.

TIMSACH.COM.VN

Trần-thúc-Bửu 陳 叔 寶

Người làng Trang-liệt, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Đoán-sự, giáng xuống Cấp-sự-trung, sau khi xin hiệu thuận.

Phạm-như-Giao 范 如 膠

Người làng La-xuyên, hạt Giao-thủy, thi đỗ khi 44 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Nguyễn-dụng-Ngải 阮 用 乂

Người làng Thượng-an-quyết, hạt Từ-liêm, trú ở làng Phước-diễn, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Tằng tổ ô. Công-lạc.

Nguyễn-dữ-Tiếp 阮 汝 揖

Người làng Phước-mỹ, hạt Hiệp-hòa, trú ở hạt An-phong Đông-lâu, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Thị-lang về hưu.

Phùng-Trạm 馮 湛

Người làng Dương-sơn, hạt An-thế, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-duy-Năng 阮 維 能

Người làng Trình-uyên, hạt Phụng-nhãn, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Lê-lý-Thái 黎 履 泰

Người làng Hộ-xá, hạt Chí-linh, trú ở Thanh-lâm An-giới, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, anh ô. Diên-Ái em tùng-đệ (1) ô. Diên-Khánh. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-ích-Trạch 阮 益 澤

Người làng La-xuyên, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Thị-lang, xin hiệu thuận, giáng xuống Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, con ô. Thừa Sủng, cháu ô. Vụ Thiệt cha con đều đăng khoa.

Hà-nhiệm-Đại 何 任 大

Người làng Bình-sơn, hạt Lập-thạch, thi đỗ khi 49 tuổi, làm đến Lễ-bộ Thượng-thư, sáng tác quyển «Tiếu-vịnh-thi-tập» (笑 詠 詩 集), em ô. Sĩ-Vọng. Anh em đều đăng khoa.

Đặng-Hài 鄧 諧

Người làng Uông-thượng, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, xin hiệu thuận, giáng xuống Phụng-thiên-phủ-doãn, em ô. Hiền. Anh em đều đăng khoa.

---

(1) Thân-phụ ô. Lý-Thái là em ruột thân phụ ô Diên-Khánh.

Nguyễn-nhân-Chiêu 阮 仁 照

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Thị-lang, em ô. Nhân-Triêm. Anh em đều đăng khoa.

NĂM ĐINH-SỬU

Niên-hiệu Gia-Thái (嘉 泰) thứ 5 (Mạc Sùng-khương thứ 10 — 1577), thi chế-khoa cho trúng 5:

Trúng đệ nhất giáp Chế-khoa xuất-thân 3:

Lê-Trạc-Tú 黎 擢 秀

Người làng Thượng-cốc, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Tả-lý-công-thần tham tùng Lại-bộ Thượng-thư, tước Hầu, sau mất phong Phước-thần, cháu nội ô. Tán-Tương, cháu đường-diệt ô. Tán-Thiện.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-bật Lượng 阮 弼 亮

Người làng Cương-giản, hạt Nghi-xuân, làm đến Tự-khanh, Tước Nam, ông tổ xa đời của các ông La-Sơn, Nguyệt-Úc, Nguyễn-Hàng.

Lê-phước-Nhạc 黎 福 岳

Người làng Dư-lạc, hạt Kỳ...?, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu.

Trúng đệ nhị giáp đồng Chế-khoa xuất-thân 2:

Hồ-bỉnh-Quốc 胡 秉 國

Người làng Bình-ba, hạt Thiên-lộc, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

Nguyễn-hoành-Từ 阮 宏 詞

Người làng Phất-náo, hạt Thạch-hà, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang.

NGỤY-MẠC LẤY TIẾN-SĨ 18:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Võ-Giới 武 玠

Người làng Lương-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Thị-lang, con ô. Kính, cháu ô. Cận. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-nhân-Triêm 阮 仁 霑

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 48 tuổi, ứng-chế đứng thứ 2, lại đậu vào Đông-các, có đi sứ Tàu, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, anh ô. Nhân-Chiêu. Anh em đều đăng khoa.

Phạm-gia-Môn 范 家 門

Người làng Dương-hồi, hạt Đại-an, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Thị-lang, xin hiệu thuận.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 5:

Lê-viết-Thảng 黎 曰 倘

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 51 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Hữu-thị-lang, xin hiệu thuận.

Phạm-duy-Tinh 范 惟 精

Người làng Hàm-cách, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Đoàn-thế-Bạt 段 世 拔

Người làng Phò-nội, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 40 tuổi, Hội-nguyên, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

Bùi-đình-Kiên 裴 廷 堅

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Phạm-thọ-Chỉ 范 壽 祉

Người làng Đông-ngạc, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, cháu đường-điệt (1) ô. Lan-Đình, tổ phụ ô. Hiển-Danh.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 10 :

Nguyễn-minh-Thiện 阮 明 善

Người làng Lạc-sơn, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 54 tuổi, ứng-chế, dứng thứ 3, làm đến Hiến-sát-sứ, tổ phụ ô. Thọ-Xuân.

Võ-Đăng 武 登

Người làng Đình-tổ, hạt Đường-an, thi đỗ khi 36 tuổi, xin hiệu thuận, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang, tước Bá.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-văn-Cự 阮 文 巨

Người làng Lam-kiều, hạt Gia-Phước, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Tham-chánh về hưu.

Nguyễn quang-Lượng 阮 光 亮

Người làng Duế-đông, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 57 tuổi, làm đến Tham-chánh tước Hầu.

Đồng-văn-Giáo 同 文 教

Người làng Triền-dương, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, tổ phụ ô. Tồn-Trạch.

Trần như-Lâm 陳 如 林

Người làng An-lạc, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

---

(1) Thân phụ ô. Thọ-Chi cùng ô. Lan Đình là anh em chú bác ruột.

Nguyễn-văn-Tĩnh 阮 文 靖

Người làng Di-đồ, hạt Nam-xương, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử.

Lưu-Úc 劉 郁

Người làng Quy-tức, hạt An-lão, thi đỗ khi 26 tuổi, có đi sứ Tàu, làm đến Thị-lang, Hiệu thuận.

Nguyễn-Diễn 阮 演

Người làng Văn-phái, hạt Duy-tiên, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Binh-bộ Hữu-thị-lang, xin hiệu thuận, giáng xuống Tham-chánh.

Nguyễn-cánh-Thành 阮 竟 成

Người làng Vĩnh-lại, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Tham-chánh.

THESACH.COM.VN

NĂM CANH-THÌN

Niên-hiệu Quang-Hưng (光 興) thứ 3 (niên-hiệu Diên-Thành nhà Mạc năm thứ 3 – 1580). Lại mở khoa thi hội, cho đậu Tiến-sĩ 6:

(từ khoa này đến khoa Nhâm-thìn, đều thi ở nơi Hành-tại (chỗ vua tạm đóng) thuộc vùng Vạn-lại, tuy chia ra ba giáp Tiến-sĩ, nhưng chưa có thi Đình).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Nguyễn-văn-Dai 阮 文 偕

Người làng Phù-lưu-trường, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 27 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tham-tụng Lại-bộ Thượng-thư, Chưởng-lục-bộ-sự, kiêm Đô-ngự-sử, Thái-phó, Lễ-quận-công, sau mất tặng Đại-tư-đồ.

Phùng-khắc-Khoan 馮 克 寬

Người làng Phùng-xá, hạt Thạch-thất, Tiến-triều? thi đỗ khi 53 tuổi, hai lần đi sứ Tàu, đều xưng là bậc kỳ-lão, chứ không xưng danh, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, Mai-quận-công, sau mất tặng Thái-tể phong Phước-thần (xét niên-hiệu Quang-Hưng thứ 20, vâng theo lời Bổn-nội, «chuyên sai Kỳ-mục Phùng-khắc-khoan, Nguyễn-nhân-thiền vâng đem sứ lễ khâm thử v.v... được Triều-đình Trung-quốc gọi là Kỳ-lão mà không xưng danh». E chưa chắc đã đúng thế).

Phạm-văn-Lan 范 文 蘭

Người làng Võ-lăng, hạt Thượng-phước làm đến Binh-bộ Thượng-thư hành Thừa-chánh-sứ, tước Hầu.

Đặng-đôn-Phục 鄧 敦 復

Người làng tả Thiên-lộc, hạt Thiên-lộc, làm đến Hiến-sát-sứ, cháu xa đời ô. ô. Đặng-Tất, Đặng-Dung triều Trần.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 2:

Lê-Quang 黎 光

Người làng Quần-đội, hạt Lôi-dương, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Trạch 阮 宅

Người làng Trung-hòa, hạt Bố-chánh, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

NGỤY-MẠC LẤY TIẾN-SĨ 17:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 về thứ 3:

Đỗ-Cung 杜 珙

Người làng Đỗ-xá, hạt Đường-hào, trú ở làng Phô-vệ, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Đông-các Hiệu-thư, con ông Trác-Dị, tổ phụ ô. Thành, Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Đỗ-Trực 杜 直

Người làng Lại-ốc, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, An-giang-hầu, xin hiệu thuận nhà Lê.

Ngô-Trừng 吳 澄

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, thi đỗ khi 41 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tự-khanh, xin hiệu thuận, con ô. Hải, cháu nội ô. Ngọc, thân phụ ô. Nhân-Triệt, tổ phụ ô. Nhân-Tuấn. Năm đời đều đăng khoa.

Nguyễn-Nghị 阮 誼

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 44 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hình-khoa-đô-Cấp-sự-trung.

Nguyễn-Đán 阮 旦

Người làng Khánh-duệ, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 55 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, theo về chánh-nghĩa.

Nguyễn-kỳ-Phùng 阮 奇 逢

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo, cháu nội ô. Hoằng-Diễn, chú ô. Quang-Tạo.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 11 :

Nguyễn-Tránh 阮 諍

Người làng Văn-hội, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 32

tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, xin hiệu thuận, sau lại trở theo Mạc.

Nguyễn-thọ-Xuân 阮 壽 椿

Người làng Thượng-đáp, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 36 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Bùi-thế-Vinh 裴 世 榮

Người làng An-hoa, hạt Quảng-đức, trú ở hạt Đường-an Đơn-luân, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Tự-khanh, xin hiệu thuận.

Lê-kim-Quế 黎 金 桂

Người làng Thái-cực, hạt Vĩnh-xương, quán ở Đường-an My-dạ, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Giám sát-ngự-sử. anh ô. Kim-Bảng. Anh em đều đăng khoa.

Võ-hoành-Tổ 阮 弘 祖

Người làng Vân-ổ, hạt An-sơn, thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

Võ-công-Đán 武 公 旦

Người làng Tứ-minh, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-sách-Hiền 阮 策 賢

Người lang Bình-lãng, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 36 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Công-khoa-cấp-sự-trung.

Đoàn-Hân 段 忻

Người làng Phô-nội, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 54 làm đến Hiến-sát-sứ.

Đàm-văn-Tiết 覃 文 節

Người làng Lãm-sơn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 55 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, bị truất tẳng tổ ô. Văn-Lễ.

Phạm-khắc-Minh 范 克 明

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Thượng-thư tước Hầu, bá phụ ô. Văn-Tuấn, tổ phụ ô. Văn-Khuê.

Nguyễn-An 阮 安

Người làng Đông-xuyên, hạt Tiên-phong, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Cha con đều đăng khoa.

NĂM QUÝ-VỊ

Niên hiệu Quang-hưng (阮 興) thứ 6 (Mạc Diên-thành thứ 6 - 1583). cho trúng Tiến-sĩ 4 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 :

Nguyễn-nhân-Thiệm 阮 仁 贍

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, làm đến Thái-thường-tự-khanh, đi sứ mất giữa đường.

Nguyễn-Phong 阮 峯

Người làng Bình-hồ, hạt La-sơn, làm đến Thái-thường-tự-khanh.

Nguyễn-phước-Hựu 阮 福 祐

Người làng An-Việt-hạ, hạt La-sơn, làm đến Đại-lý-tự-khanh.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Nguyễn-văn-Thông 阮 文 通

Người làng Hương-cái, hạt Hưng-nguyên, làm đến Bình-khoa-đô-cấp-sự-trung.

NGỤY-MẠC LẤY TIẾN-SĨ 18 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3 :

Nguyễn-tuấn-Ngạn 阮 俊 彦

Người làng Đoạn-xá, hạt Sơn-minh, thi đỗ khi 30 tuổi,

xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 5:

Đào . . . ? 陶 … ?

Người làng Hoàng-xá, hạt Bình-hà, tổ-quán ở làng Cập-nhất, thi đỗ khi 35 tuổi, Hội-nguyên, lại trúng thi vào Đông-các thứ 2, làm đến Đông-các-hiệu-thư, xin hiệu thuận, cháu tằng-tôn ô. Bạt.

Nghiêm-hoành-Đạt 嚴 弘 達

Người làng Tây-mu, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 39 tuổi, xin hiệu thuận làm đến Lạ-bộ-đô-cấp-sự-trung.

Ngô-Cung 吳 珙

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, tước Nam, xin hiệu thuận, tổ phụ ô. Khuê-Cầu.

Võ-Thanh 武 清

Người làng La-mạt, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Tham-chánh, xin hiệu thuận.

Trần-Biểu 陳 表

Người làng Thanh-lâm, hạt Thanh-lâm, trú ở làng An-trú, thi đỗ khi 56 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 2:

Tống-lệnh-Vọng 宋 令 望

Người làng Nghĩnh-lạp, hạt Đông-lan, làm đến Tham-chánh.

Lê-diên Khánh 黎 延 慶

Người làng Hộ-xá, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, anh tùng-huynh ô. Lý-Thái.

Lý-công-Bật 李公弼

Người làng Hà-hồi, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Trần-khánh-Hưng 陳慶興

Người làng Trang-liệt, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 50 tuổi, cải tên là là Khánh-Kỳ 慶基 xin hiệu thuận làm đến Cấp-sự-trung, con ô. Dự. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-đốc Bật 阮篤弼

Người làng Chi...? hạt Phò-khương, thi đỗ khi 66 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

Phạm công-Phụ 范公輔

Người làng Đình tổ, hạt Đường-an, thi đỗ khi 33 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

TIMSACH.COM.VN

Phạm-đức-Mậu 范德懋

Người làng Nghĩa-dũng, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 33 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Cấp-sự-trung.

Lê-Minh 黎明

Người làng Thanh-liễu, hạt Lương-tài, trú ở hạt Cẩm-giang Thạch-lỗi, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Đĩnh 阮挺

Người làng Vĩnh-thế, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn, xin hiệu thuận, cháu ô. Binh-Khuê, cháu nội ô, Văn-Hiến.

Đàm-phước-Mậu 譚福茂

Người làng Tô-xuyên, hạt Phụ-dực, thi đỗ khi 50 tuổi, ứng chế đứng thứ 2, làm đến Hiến-sát-sứ.

Bùi-lượng-Bảo 裴 亮 寶

Người làng Lai-xá, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 42 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh, tước Tử, đi sứ về thì mất, tặng Tự-khanh, tước Bá. Cháu nội ô. Khắc-Thầm.

Hoàng-Kỳ 黃 琦

Người làng Phong-lôi, hạt Thanh-lan, thi đỗ khi 35 tuổi, xin hiệu thuận, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

NĂM BÍNH - TUẤT

Niên hiệu Quang-hưng (光 興) thứ 9 (Mạc-Đoan-thái thứ 2.-1586). Ngụy-Mạc lấy Tiến-sĩ 23 :

(Khoa thi ấy họ Mạc mở tại trường giảng-võ, khi đó có Nguyễn-trung, người ở hạt Thanh-trì Nhân-mục, môn thi Hội được trúng thức, bị kiện, không được dự thi Đình, làm đến Tham-chánh, thân phụ ô. Tuấn).

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3 :

Nguyễn-giáo-Phương 阮 敎 方

Người làng Vịnh-kiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 38 tuổi, Hội-nguyên, xin hiệu-thuận nhà Lê sau trở lại theo Mạc, con ô. Trọng-Uýnh, cháu nội ô. Văn-Huy, cháu thúc bá các ô. Đạt-thiện, Hiền-Tích.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 :

Phạm-minh-Nghĩa 范 明 義

Người làng Phi-xá, hạt Thanh-miến, trú ở hạt Đường-hào, làng Lương-dương, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, xin hiệu thuận nhà Lê, dồi qua Tham-chánh.

Nguyễn-Nhã 阮 雅

Người làng Cổ-vũ, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Thượng-phước, Văn...? thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Trần-hữu-Thành 陳 有 成

Người làng Đào-lãng, hạt Đại-an, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, xin hiệu thuận.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 18 :

Đàm-Công 譚 功

Người làng Vĩnh-thái, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Gia-lâm Gia-cốc, làm đến Cấp-sự-trung.

Phí-Lân 費 彝

Người Phường Diên-đại, hạt Quảng-đức, trú ở hạt Lương-tài Phá-lãng, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đặng-tư-Tề 鄧 思 齊

Người làng Hoàng-thử, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thượng-thư, Thái-bảo, tước Quận-công, xin hiệu thuận nhà Lê sau trở lại theo Mạc, con ô. Vô-Cạnh. Cha con đều đăng khoa.

Lê-thế-Lộc 黎 世 祿

Người làng Dịch-vọng, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 30 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Công-khoa-đô-cấp-sự-trung.

Phạm-Hiến 范 獻

Người làng Thiên-đông, hạt Kim-thành, thi đỗ khi 35 tuổi, xin hiệu thuận, sau trở lại theo Mạc, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử.

Tô-chí-Phu 蘇 至 敷

Người làng Điềm-khê, hạt Tiên-minh, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-khắc-Cần 阮 克 勤

Người làng Tiên-đôi, hạt Tiên-minh, thi đỗ khi 26 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Công-khoa-cấp-sự-trung.

Đồng-hưng-Tạo 同興造

Người làng Tu-linh, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận làm đến Hiến-sát-sứ, thọ hơn 90 tuổi.

Đào-lân-Giác 陶麟角

Người làng Mặc-kiều, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Tự-khanh, xin hiệu thuận, sau trở lại theo Mạc.

Nguyễn-lễ Cung 阮禮琪

Người làng Thanh-hoài, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 31 tuổi, xin hiệu thuận làm đến Cấp-sự-trung. con ô. Khắc-Kinh, cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-thừa-Vinh 阮承榮

Người làng Văn-mặc, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 36 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-Dần 阮寅

Người làng Tô-xuyên, hạt Phụ-dực, thi đỗ khi 48 tuổi xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Trần-văn-Táo 陳文藻

Người làng Công-hà, hạt Siêu-loại. thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Hằng 阮恆

Người làng Hoa-cầu, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 29 tuổi, xin hiệu thuận. làm đến Tham-chánh, về hưu, thân phụ ô. Tánh. Cha con đều đăng khoa,

Trần-đình-Huyên 陳廷瑄

Người làng Cổ-chử, hạt Giao-thủy, thi đỗ khi 26 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Công-khoa-Đô cấp-sự-trung, con ô. Văn-Bửu. Cha con đều đăng khoa.

Doãn-Đàm 尹 潭

Người làng An-duyên, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 30 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ, cháu nội ô. Mậu-Khôi.

Nguyễn-Doãn 阮 沇

Người làng Văn-mặc, hạt Thanh-hà, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-thế-Thủ 阮 世 守

Người làng Lý-hải, hạt An-lãng, thi đỗ khi 54 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh, con ô. Hoằng-xước, cháu nội ô. Duy-Tương. Nhiều đời đăng khoa.

NĂM KỶ-SỬU

Niên hiệu Quang-hưng (光 興) thứ 12 (Mạc Hưng-trị thứ 2.-1589). cho trúng Tiến-sĩ 4:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Lê-như-Bật 黎 汝 弼

Người làng Vĩnh-trị, hạt Hoằng-hóa, làm đến Lại-khoa-Đô-cấp-sự-trung, vâng mạng đi sứ mất giữa đường. tặng Công-bộ-thượng-thư, Nhân-quận công, phong phước-thần.

Lương-Trí 梁 寘

Người làng Tào-sơn, hạt Ngọc-sơn, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Hiệp-mưu-tá-lý-công-thần, Tham-tụng Hộ-bộ-Thượng-thư, kiêm Quốc-tử-giám-Tế-tửu nhập thị kinh-diên, tước Bá, tổ phụ ô. Nghi, cao tổ ô. Lâm. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 2:

Lương-khiêm-Hanh 梁 謙 亨

Người làng Hội-triều, hạt Hoằng-hóa, làm đến Lễ khoa-cấp-sự-trung, cháu nội ô. Đắc-Bằng, sáng tác ra quyển (Thiếu-vi-thi-tập) (少 微 詩 集) Nhiều đời đăng khoa.

Lê-đình-Túc 黎 廷 肅

Người làng Nhân-võng, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Tả-lý-công-thần Công-bộ-thượng-thư tước Hầu.

NGỤY-MẠC LẤY TIẾN-SĨ 17:

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 17:

Phạm-y-Tuấn 范 伊 濬

Người làng Man-duế, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 27 tuổi, xin hiệu thuận làm đến Giám-sát-ngự-sử, con ô. Quang-Tán, thân phụ ô. Phước-Khánh. Nhiều đời đăng khoa.

Vương-thời-Trung 王 時 中

Người làng Bác-trương, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung, Thuyên lâm-hầu.

Dương-Luân 楊 綸

Người làng Khê-triền, hạt Vĩnh-lại, thi đỗ khi 44 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ.

Trần-phi-Chiêu 陳 丕 昭

Người làng Hoa-thiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 41 tuổi, theo họ Mạc ở Cao-bình, làm đến Tán-trị-đồng-đức-công-thần, Hộ bộ-thượng-thư, kiêm Đô-ngự-sử nhập thị kinh-diên, Thiếu-bảo, Diêu-quận-công, thọ 75 tuổi, tặng Thiếu-úy, con ô. Ngạn-Húc. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-hữu-Nho 阮有儒

Người làng Khải-mông, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 61 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Tạ-Thuần 谢純

Người làng Hoàng-vân, hạt Hiệp-hòa, thi đỗ khi 52 tuổi, xin hiệu thuận, sau trở lại theo họ Mạc, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Dương...? 扬…?

Người làng Linh-quang, hạt Binh-tuyền, thi đỗ khi 46 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thị-lang, cháu nội ô. Đức-Giản.

Hoàng-vụ-Bồn 黃務本

Người làng Lỗ-thượng, hạt Gia-phước, nguyên ở hạt Tiên-minh Điếm-khê, thi đỗ khi 31 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Đặng-đức-Thi 鄧德施

Người làng Dư-kháng, hạt An-dương, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Nguyễn-thạc-Đức 阮碩德

Người làng Ninh-giang, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Phạm-Cảnh 范璟

Người làng Kỳ... hạt Thanh-lan, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh.

Đoàn-khắc-Thận 段克慎

Người làng Phụ-vệ, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 60 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đoàn-kim-Sơn 段金山

Người làng Mỹ-huệ, hạt Tiên-minh, thi đỗ khi 32

tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Phạm-viết-Tuấn 范 曰 俊

Người làng La-xuyên, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử, Tri-xuyên-Bá.

Phạm-khắc-Khoan 范 克 寬

Người làng Mặc-xá, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 46 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh, tổ phụ ô. Tịnh

Võ-Sâm 武 森

Người làng Lôi-khê, hạt Đường-an, thi đỗ khi 24 tuổi, ứng chế đứng thứ 3, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-bỉnh-Trực 阮 秉 軸

Người làng La-miệt, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 35 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

TIMSACH.COM.VN

NĂM NHÂM-THÌN

Niên hiệu Quang-hưng (光 興) thứ 15 (Mạc Hồng-ninh thứ 2.-1592) cho trúng Tiến-sĩ 3:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Trịnh-cảnh-Thụy 鄭 景 瑞

Người làng Chân-bái, hạt An-định, làm đến thừa-chánh-sứ, tước Nam, bị truất.

Ngô-trí Hòa 吳 致 和

Người làng Lý-trai, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 28 tuổi, có đi sứ, làm đến (Hiệp-mưu-tá-lý-dục-vận-tán-trị-công-thần) Hộ-bộ-thượng-thư, kiêm Quốc-tử-giám-Tế-tửu, Thiếu-bảo, tước Hầu, tặng Xuân-quận-công. Con ô. Trí-Tri, thân phụ ô. Sĩ-Vinh, tằng tổ của các ông Công-Trạc, Hưng-Giáo. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 1:

Ngô-trí-Tri 吳 致 知

Người làng Lý-trai, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 56 tuổi, làm Giám-sát-ngự-sử, thân phụ ô. Trí-Hòa, tổ phụ ô. Sĩ-Vinh, cao tổ cúa các ô. Công-Trạc, Hưng-Giáo. Cha con đồng khoa.

NGỤY-MẠC LẤY TIẾN-SĨ 17:

(Ngụy-Mạc tiếm ngôi, mở khoa thi từ niên hiệu Minh-Đức thứ 3 khoa kỷ-sửu đến niên hiệu Hồng-Minh thứ 2 khoa Nhâm-thìn cộng 21 khoa).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 4:

Phạm-hữu-Năng 范 有 能

Người làng Cẩm-sơn, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 30 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Táo 阮 藻

Người làng Thời-mại, hạt Bảo-lộc, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Thị-lang, cháu nội ô. Xuân-Lan,

Nguyễn-Dụng 阮 用

Người làng Cổ-vũ, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Đường-an Hoa-đường, thi đỗ khi 38 tuổi, xin hiệu thuận, có đi sứ, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Bá.

Phạm-hồng-Nho 范 鴻 儒

Người làng Đoạn-bái, hạt Gia-phước, thi đỗ khi 28 tuổi, xin hiệu thuận, đi sứ, làm đến Hữu-thị-lang, tước Bá.

Trúng đệ tam giáp Đồng tiến-sĩ xuất-thân 12:

Nguyễn-hữu-Đức 阮 有 德

Người làng Tú-cầm, hạt Hiệp-hòa, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Hàn-lâm.

Lê-kim-Bảng 黎金榜

Người làng Thái-cực, hạt Vĩnh-xương, quán ở Đường-an Đô-dạ, thi đỗ khi 41 tuổi, xin hiệu thuận, em ô. Kim-Quế. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-sư-Khanh 阮師卿

Người làng Đông-quật, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 27 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hình-khoa-Đô-cấp-sự-trung, vâng mệnh đi sứ, mất giữa đường.

Nguyễn-quốc-Dụng 阮國用

Người làng Trường-kinh, hạt Cẩm-giang thi đỗ khi 25 tuổi, xin hiện thuận, làm đến Tham-chánh, sau lại theo Mạc.

Phạm-Trân 范珍

Người làng Chi-nê, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 26 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến hình-khoa-Đô-cấp-sự-trung. Cháu tằng-tôn ô. Lang.

Nguyễn-nhân-Phức 阮仁馥

Người làng Như-phụng, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 56 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử, sau lại theo Mạc.

Hoàng-tất-Văn 黃必聞

Người làng An-lão, hạt Bình-hà, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-châu-Thắng 阮周勝

Người làng Hoa-thiền, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 43 tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Tham-chánh, em tùng đệ ô. Hòa.

Lê-phan-Long 黎攀龍

Người làng Lạc-quán, hạt Tham lâm, thi đỗ khi 36

tuổi, xin hiệu thuận, làm đến Hiến-sát-sứ, cháu nội ô. Cách, cháu tằng-tôn ô. Hùng. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm-đại-Kháng 范 大 抗

Người làng An-chế, hạt Lệ-thủy làm đến Giám sát-ngự-sử.

Đỗ-Hoán 杜 煥

Người làng Hán-đà, hạt Quế-dương, nguyên ở hạt Tiên-minh Phù-khê, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Phạm-tùng-Mạng 范 從 命

Người làng Đông-bình, hạt Gia-định thi đỗ khi 56 tuổi, xin hiệu thuận, được giử chức Hàn-lâm như cũ.

Hoàng-Đĩnh 黃 挺

Người làng Tiên-minh, hạt Tiên-minh, thi đỗ khi 57 tuổi, Hội-nguyên, ứng chế đứng đầu, xin hiệu-thuận, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

TVSACH.COM.VN

ĐỈNH-KHIẾT ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU

ĐĂNG-KHOA-LỤC

QUYỂN THỨ 3

TIMSACH.COM.VN

ĐỜI VUA THẾ-TÔNG-NGHỊ-HOÀNG-ĐẾ
(Thành-tổ-Triết-vương (Chúa Trịnh-Tùng)

NĂM ẤT-VỊ

Niên hiệu Quang-Hưng (光興) thứ 18 (1595) cho trúng Tiến-sĩ 6:

(Lúc đó, Ngụy-Mạc đã bị tiêu diệt, xe kiệu vua về đến Kinh-thành, hội thi các Cống-sĩ tại Hà-tân).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Nguyễn-Quán 阮貫

Người làng Vân-điềm, hạt Đông-ngạn. thi đỗ khi 41 tuổi, có đi sứ, làm đến Tán-trị-công-thần tham-tùng Lại-bộ-Thượng-thư, chưởng Hàn-lâm-viện-sự, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, Quốc-lão Thái-phó, Lan-quận-công, về hưu, thọ 82 tuổi, tặng Thái-tể. Thân phụ ô. Nghi, tằng tổ ô. Khuê-Sĩ, cao cao tổ ô. Thẩm-Thưởng. Nhiều đời đăng khoa,

Nguyễn-nhật-Tráng 阮 日 壯

Người làng Hạ-An-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 38 tuổi, Hội.nguyên, làm đến Tá-lý-công-thần Lại.khoa-cấp-sự.trung, cháu nội ô. Khiêm-quang, tằng tổ ô. Vinh-thạnh. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4:

Nguyễn-đức-Mậu 阮 德 茂

Người làng Nhân-hữu,, hạt Gia-định làm đến Thừa-chánh.sứ tước Bá.

Đặng-kính-Chỉ 鄧 敬 止

Người làng An-tập, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 63 tuổi, làm đến Lại.khoa-cấp-sự-trung, nhập thị kinh-diên.

Nguyễn-danh-Thế 阮 名 世

Người làng Huân-nội, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Tham tụng Lễ-bộ-Thượng-thư, kiêm hành Đô-ngự-sử, nhập thị Kinh-diên Thái-phó, Đường-quốc-công.

Nguyễn-đức-Trạch 阮 德 澤

Người làng Ngọc-lập, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Tự-khanh, vâng lệnh đi sứ mất giữa đường. Tặng Tả thị-lang.

NĂM MẬU-TUẤT

Niên hiệu Quang.Hưng (光 興) thứ 21 (1598) cho trúng Tiến-sĩ 5:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Nguyễn-Thứ 阮 庶

Người làng Bột-thái, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 27 tuổi,

làm đến Lại-khoa-cấp-sự-trung, con ô. Sư-Lộ. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-duy-Thời 阮維時

Người làng An-lãng, hạt An-lãng, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Tá-lý-công-thần tham tùng Lại-bộ-Thượng-thư kiêm chưởng Lục-bộ-sự Thái-phó-Tuyên-quận-công khai bình-quân-phủ, thọ 81 tuổi, tặng Thái-tể, thân phụ ô. Duy-Hiểu. Cha con đều đăng khoa.

Lê-bật-Tứ 黎弼四

Người làng Cổ-định hạt Nông-cống, có đi sứ, làm đến Binh-bộ-thượng-thư Thiếu bảo, Diễn-gia-hầu, tặng Thái-bảo-diễn-quận công.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 2:

Nguyễn-khắc-Khoan 阮克寬

Người làng An-khương, hạt An-nông, thi đỗ khi 36 tuổi. Hội-nguyên, có đi sứ, làm đến Lại-bộ-Tả-Thị-lang, tước Hầu, truất xuống Thừa-chánh-sứ. Con ô. Chiêu-Huấn.

Nguyễn-Kiệm 阮儉

Người làng Văn-lâm, hạt Nga-sơn, làm đến Hiến-sát-sứ.

ĐỜI VUA KÍNH-TÔNG-HUỆ-HOÀNG-ĐẾ

Thành-tổ-triết-vương (chúa Trịnh-Tùng)

NĂM NHÂM-DẦN

Niên hiệu Hoằng-định (弘定) thứ 3 cho trúng Tiến-sĩ 10:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 3:

Nguyễn-Đăng 阮登

Người làng Đại-toàn, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 26

tuổi, 4 trường đều ưu hạng, ông thi từ Hương, Hội, Đình, cho đến ứng-chế, đều đứng đầu, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ-Tả-thị-lang, Phước-nham-hầu, phong Phước-thần.

Nguyễn văn-Lệ 阮 文 澧

Người làng Ngọc-bôi, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-lý, tước Nam, cháu nội ô. Văn-nghi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8:

Nguyễn-Cung 阮 珙

Người làng Hà-liễu, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 51 tuổi, có đi sứ, làm đến Thừa-chánh-sứ, tước Tử, về hưu, thọ 83 tuổi, tặng Công-bộ Hữu-thị-lang, tước Bá.

Lê Dực 黎 翊

Người làng Châu-chuyết, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-dụng-Triêm 阮 用 霑

Người làng Hạ-an-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hộ-khoa-đô Cấp-sự-trung.

Nguyễn-nghiêu-Thần 阮 堯 臣

Người làng Đơn-nhiễm, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Tự-khanh, cháu nội ô. Đức-Kỷ.

Nguyễn hữu-Tác 阮 有 作

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 36 tuổi, có đi sứ, làm đến Tham-chánh.

Bùi-văn-Bưu 裴 文 庶

Người làng Nghiêm-xá, hạt Thượng-phước, làm đến Tham-chánh, tặng Công-bộ Tả-thị-lang, Liễu-xuyên Bá.

Nguyễn-Chánh 阮 政

Người làng Sầm-đường, hạt Thanh-trì, trú ở hạt Quảng-đức, làng Thạnh-quang, thi đỗ khi 41 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị lang, tước Bá.

Nguyễn-tự-Cường 阮 自 強

Người làng Tương-dặng, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Binh-khoa-đô Cấp-sự-trung, tước Tử.

NĂM GIÁP-THÌN

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 5 (1604) cho trúng Tiến-sĩ 7 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-thế-Tiêu 阮 世 標

Người làng Mặc-động, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 46 tuổi, đi sứ, làm đến Tự-khanh, tước Tử.

Đỗ-khắc-Kính 杜 克 敬

Người làng Đơn-nhiếm, hạt Văn-giang, thi đỗ khi 36 tuổi, đi sứ, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, Lệ-quận-công, anh ô. Khắc-Niệm. Anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Đặng-duy-Minh 鄧 維 明

Người làng Tranh-khê, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 45 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

Cấn-văn-Nhã 艮 文 迓

Người làng Cấn-xá, hạt An-sơn, thi đỗ khi 39 tuổi, nguyên tổ quán ở làng Địa-hoàng, hạt An-sơn, con ô. Nguyễn-Đạt, theo cha nuôi họ Cấn.

Nguyễn-tự-Cường 阮 自 強

Người làng Tiêu-liệt, hạt Vĩnh-lại, thi đỗ khi 35 tuổi, đi sứ, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị-lang, Xuân-quận-công, tặng Thượng-thư, Thiếu-bảo, cháu nội ô. Đoan-Kính.

Tạ-đình-Đương 謝 廷 當

Người làng Đại-định, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử, tước tử, tổ xa đời của ô. Đình-Hoán.

Trần-Vỹ 陳 瑋

Người làng Kim-hoa, hạt Thọ-xương, nguyên quán ở Đường-an Hoạch-trạch, thi đỗ khi 41 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, Hương-quận-công, về hưu, tặng Thượng-thư, Thiếu-bảo.

TIMSACH.COM.VN

NĂM ĐINH-VỊ

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 8 (1607) cho trúng Tiến-sĩ 5:

(Năm ấy thi Hương tháng 8, thi Hội tháng chạp).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Lưu-đình-Chất 劉 廷 質

Người làng Quỳ-chữ, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ năm 42 tuổi, có đi sứ, làm đến Nhiệm-lý-công-thần tham tụng Hộ-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, Lộc-quận-công, tặng Thiếu-sư.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4:

Ngô-nhân-Triệt 吳 仁 澈

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, Hội-nguyên, đi sứ, làm đến Tự-khanh, cháu tằng-tôn ô. Ngọc, cháu

nội ô. Hải, con ô. Trừng, thân phụ ô. Nhân-Tuấn. Năm đời đều đăng khoa.

Lê-trất-Dục 黎 室 慾

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-quan, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-hiệu-thảo.

Đỗ-khắc-Niệm 杜 克 念

Người làng Đơn-nhiễm, hạt Văn-giang, làm đến Cấp-sự-trung, em ô. Khắc-Kinh. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Trạm 阮 湛

Người làng Cát-phi, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, tước Tử.

NĂM CANH-TUẤT

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 11 (1610) cho trúng Tiến-sĩ 7 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Nguyễn-văn-Khuê 阮 文 奎

Người làng Bất-quần, hạt Quảng-xương, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Lại-khoa-đô-Cấp-sự-trung, bá-phụ ô. Văn-Bích, anh con nhà bác ô. Đình-Chánh.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 6 :

Nguyễn-tiến-Dụng 阮 進 用

Người làng Nguyễn-xá, hạt An-phong, thi đỗ khi 45 tuổi, Hội-nguyên, đi sứ, làm đến Tả-lý-công-thần, Lại-bộ Tả-thị-lang, Thiếu-bảo, Mai-quận-công, về hưu, sau mất được tặng Công-bộ Thượng-thư.

Phạm-Khuê 范 圭

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo, cháu nội ô. Khắc-

Minh, tổ phụ ô. Văn-Tuấn. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-đức-Lượng 阮 德 亮

Người làng Như-lân, hạt Văn-giang, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-văn-Sâm 阮 文 森

Người làng An-trú, hạt Thanh-Lâm, thi đỗ khi 52 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Phạm-thế-Hựu 范 世 祐

Người làng Hách-động, hạt Thượng-phước, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Khuê 阮 奎

Người làng Ngọc-trì, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 44 tuổi, có đi sứ, làm đến Đô-cấp-sự-trung. Cha con đều đăng khoa. Con ô. Phước-Diên.

NĂM QUÝ-SỬU

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 14 (1613) cho trúng Tiến-sĩ 7:

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 7:

Nguyễn-Tuấn 阮 俊

Người làng Nhân-mục-môn, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 52 tuổi, đi sứ, làm đến Tả-lý-công-thần, Lại-bộ Hữu-thị-lang, Lai-phong-hầu, sau tặng Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Quận-công, con ô. Trung. Cha con đều đăng khoa.

Bùi-tất-Thắng 裴 必 勝

Người làng Phương-lai, hạt Võ-tiên, thi đỗ khi 42 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tự-khanh, vâng mệnh đi sứ, mất giữa đường, tặng Tả-thị-lang, tước Hầu.

Nguyễn-kinh-Tế 阮 經 濟

Người làng An-khải, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 26 tuổi, có đi sứ, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu, anh ô. Kinh-Học. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Thông 阮 悤

Người làng Văn-xá, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-bá-Tấn 阮 伯 晉

Người làng Đông-phiên, hạt Thanh-hà, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Hoàng-kiều-Cường 黃 嬌 強

Người làng An-tráng, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 60 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Đặng-thì-Mẫn 鄧 時 敏

Người làng An-lạc, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 65 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ, con ô. Thời-Thố. Cha con đều đăng khoa.

NĂM BÍNH-THÌN

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 17 (1616) cho trúng Tiến-sĩ 4:

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4:

Lê-trí-Dụng 黎 致 用

Người làng Huân-ngoại, hạt Chương-đức, trú ở làng An-nhân, làm đến Hiến-sát-sứ, thân phụ ô. Trí-Trạch Cha con đều đăng khoa.

Võ-Miễn 武 勉

Người làng Ngọc-tri, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 61 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tham-chánh, tước Tử.

Trần-Nghi 陳 沂

Người làng Châu-kiều, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, làm đến Dực-vận-tán-trị-công-thần, Lễ-bộ Tả-thị-lang, tước Hầu, sau mất tặng Thượng-thư.

Nguyễn-hy-Tải 阮 熙 載

Người làng Nội-duệ, hạt Tiên-du, làm đến Hiến-sát-sứ.

NĂM KỶ-VỊ

Niên-hiệu Hoằng-Định (弘 定) thứ 20 (1619) cho trúng Tiến-sĩ 7:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Nguyễn-Lại 阮 瀨

Người làng Bột-thượng, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 39 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 6:

Bùi-Cầu 裴 球

Người làng Hoằng-liệt, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 52 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát Ngự-sử.

Bùi-bỉnh-Quân 裴 秉 鈞

Người làng Thạnh-liệt, hạt Thanh-trì, quán ở làng Định-công, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Phụng-thiên phủ-doãn, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Hữu-thị-lang, cháu huyền-tôn ô. Xương-Trạch, cháu tằng-tôn ô. Cầu.

Hoàng-công-Phụ 黃 公 輔

Người làng An-ninh, hạt An dũng, thi đỗ khi 53 tuổi, có đi sứ, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Hầu, thọ hơn tám mươi tuổi, mất tặng Thượng thư.

Trần-hữu-Lễ 陳 有 禮

Người làng Cát-phi, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 39 tuổi, Hội-nguyên, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang Thọ-hải-hầu, sau tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Quận-công.

Nguyễn-Nghi 阮 宜

Người làng Vân-điềm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ làm đến Lại-bộ Thượng-thư, nhập thị Kinh-diên,kiêm Quốc-tử-giám Tế-tửu, Thiếu-phó, Dương-quận-công, về hưu, sau mất tặng Thái-phó, con ô. Thực, tổ phụ ô. Thất-Sĩ, tằng tổ ô. Thẩm, cha con đồng triều đều làm Thượng-thư. Nhiều đời đăng khoa.

Dương-trí-Trạch 楊 致 澤

Người làng Bạt-trạc, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 34 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Thượng-thư, kiêm chưởng Hàn-lâm-viện, Quốc-lão, Thái,bảo, Bạt-quận-công, về hưu, thọ 77 tuổi, tặng Thái-tể, cháu nội ô. Trí-Dụng.

ĐỜI VUA THẦN-TÔNG-UYÊN-HOÀNG-ĐẾ

Văn-tổ-nghị-vương (chúa Trịnh-Tráng)

NĂM QUÝ-HỢI

Niên-hiệu Vĩnh-Tộ (永 祚) thứ 5 (1623) cho trúng Tiến-sĩ 7:

(Khoa ấy vì Nguyễn-Trật mướn người làm bài, việc đó bị tiết lộ, nên không thi Đình).

Phạm-phi-Kiên 范 丕 建

Người làng Dương-liễu, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 59 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-nhân-Trừng 阮 仁 澄

Người làng Xa-luyện, hạt An-việt, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Binh-khoa-đô Cấp-sự-trung.

Phùng-thế-Triết 馮 世 哲

Người làng Thiện-bi, hạt Tiên-phong, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Hiến-sát-sứ.

Phạm-phước-Khánh 范 福 慶

Người làng Man-duế, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Tự-khanh, tước Tử, cháu nội ô...? con ô. Doãn-Tuấn. Ba đời đăng khoa.

Nguyễn-Đệ 阮 弟

Người làng Minh-lương, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Tham-chánh, tước Bá.

Phan . . . ? 潘 … ?

Người làng Hữu-phùng, hạt Thạch-thất, trú ở làng Nguyễn-xá, làm đến Hiến-sát-sứ.

Nguyễn-Trật 阮 秩

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Công-khoa Cấp-sự-trung, tước Tử.

NĂM MẬU-THÌN

Niên-hiệu Vĩnh-Tộ (永 祚) thứ 10 cho trúng Tiến-sĩ 18 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ đệ tam danh (Thám-hoa).

Giang-văn-Minh 江 文 明

Người làng Mông-phụ, hạt Phú-lộc, thi đỗ khi 95 tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế hợp cách, làm đến Tự-khanh, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Tả-thị-lang, Vinh-quận-công.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3:

Dương-Cảo 楊 暠

Người làng Hà-lỗ, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Quốc tử-giám Tế-tửu, cháu tằng-tôn ô...?

Đồng-nhân-Phái 同 仁 派

Người làng Thiết-ủng, hạt Giới-ngạn, thi đỗ khi 48 tuổi, làm đến Công-bộ Hữu-thị-lang, về hưu, thọ hơn 80 tuổi, tặng Thượng-thư.

Nguyễn-duy-Sung 阮 維 旒

Người làng An-lãng, hạt An-lãng, thi đỗ khi 27 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Thiêm-đô Ngự-sử, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Hình-bộ Tả-thị-lang, tước Hầu, con ô. Duy-Thời. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 14:

Đặng-phi-Hiền 鄧 玉 顯

Người làng Thụy-trung, hạt Giao-thủy, thi đỗ khi 62 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, thọ 84 tuổi.

Lê-khả-Trù 黎 可 儔

Người làng Phước-thọ, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Hộ-khoa Đô-cấp-sự-trung. Tổ phụ ô. Khả-Xân.

Nguyễn-thế-Sâm 阮 世 埁

Người làng Bách-tánh, hạt Thượng-nguyên, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Nguyễn-Hòa 阮 和

Người làng Hoa-thiều, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Lữ-thời-Trung 呂 時 中

Người làng Cam-thứ, hạt Phúc-lộc, thi đỗ khi 52 tuổi, làm đến Hộ-bộ Hữu-thị-lang.

Nguyễn-khắc-Văn 阮 克 文

Người làng Hà-khẩu, hạt Thọ-xương, quán ở hạt Thanh-trì Hoằng-liệt, thi đỗ khi 62 tuổi, làm đến Quang-lộc-tự-khanh, tặng Lễ-bộ Hữu-thị-lang, thân phụ ô. Khắc-Thiệu. Cha con đều đăng khoa.

Thân-Khuê 申 珪

Người làng Phương-đỗ, hạt An-dũng, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Tham-chánh, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, được tặng Công-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu, thân-phụ ô. Tuấn, tổ phụ ô. Nguyễn-Hành. Ba đời đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Dương-Thuần 楊 淳

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Thừa chánh-sứ, thăng Hữu-thị-lang, về hưu, thọ 81 tuổi, sau tặng Hình-bộ Thượng-thư, tước Hầu. Cháu nội ô. Phước-Ty, thân phụ ô. Hạo, tằng-tổ ô. Lệ-Hoài, cao-tổ ô. Sử-Khiêm. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-Kính 黎 敬

Người làng Quan-trung, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Công-bộ Thượng-thư, Thạc-tung-hầu, sau mất tặng Thái-bảo, Thạc-quận-công, thân phụ ô. Hiệu, cha con đồng triều, đều làm Thượng-thư.

Phạm-công-Trứ 范 公 著

Người làng Liêu-nguyệt, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 27 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Tham tùng Lại-bộ Thượng-thư, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, chưởng Lục-bộ-

sự, Thiếu-bảo, Quốc-lão, Yên-quận-công, thọ 71 tuổi tặng Thái-tể, thân phụ ô. Công Phương. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-quang-Minh 阮 光 明

Người làng Vân-hà, hạt Thụy-nguyên, thi đỗ khi 45 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang.

Nguyễn-Bình 阮 評

Người làng Bồng-lai, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 58 tuổi, có đi sứ làm đến Công-bộ Thượng-thư, Cẩm-quận công, về hưu, tặng Thiếu-bảo, thân phụ ô. Tài-Toàn. Cha con đỗ đồng một bảng.

Nguyễn-tài-Toàn 阮 才 全

Người làng Bồng-lai, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, con ô. Bình. Cha con đỗ đồng một bảng.

Nguyễn-Trạch 阮 澤

Người làng Nham-lang, hạt Ngự-thiên, thi đỗ khi 57 tuổi, làm đến Tự-khanh, con ô, Uyên. Cha con đều đăng khoa.

NĂM TÂN-VỊ

Niên-hiệu Đức-Long (德 隆) thứ 3 (1631) cho trúng Tiến-sĩ 5:

(Năm ấy thi hội lấy 6 người trúng cách, lúc đó có Nguyễn-văn-Quang, người làng Đặng-xá, huyện Cẩm-giang, được dự trúng cách vào thi Đình thiếu điểm bị truất bỏ).

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 về thứ 3:

Nguyễn-minh-Triết 阮 明 哲

Người làng Lạc sơn, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 54

tuổi, từ thi Hội, thi Đình, cho đến ứng-chế đều đứng đầu, cải tên là Thọ-Quyến, làm đến Công-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, Cẩm-quận-công, về hưu, thọ 95 tuổi, cháu nội ô. Minh-Thiện.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Lê-Biện 黎 抃

Người làng Phủ-lý, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Lại-khoa-đô-Cấp-sự-trung, tước Tử.

Nguyễn-kiều Nhạc 阮 喬 岳

Người làng Hoài-bão, hạt Tiên-du thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-thị-độc, tuy-lộc-bá, về hưu, thọ hơn 80 tuổi, cháu nội ô. Đoan-Trung.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 2:

Nguyễn-danh-Thọ 阮 名 寿

Người làng Nguyệt-án, hạt Thanh-trì thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Tự-khanh, Trần-lộc-tử sau tặng Công-bộ-hữu-thị-lang.

Nguyễn-văn-Trạc 阮 文 濯

Người làng Mai dịch, hạt Từ-liêm thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Lễ-bộ-tả-thị-lang, tước Hầu, thăng Công-bộ-thượng-thư Liêm-quận-công, về hưu, tặng Thiếu-bảo, thọ 75 tuổi.

NĂM GIÁP-TUẤT

Niên hiệu Đức-long (德 隆) thứ 6 (1634) cho trúng Tiến-sĩ 5.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Võ-bạt-Tụy 武 拔 萃

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an thi đỗ 33 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sự-trung,

tặng Tự-khanh, Huân-trạch-bá. Thân-phụ ô. Duy-Đoán, ông nội ô. Duy-Khuông, anh ô. Cầu-Hối, bác ô. Bậc-Bài. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4:

Nguyễn-nhân-Trứ 阮 仁 著

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa thi đỗ khi 23 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Công-bộ-tả-thị-lang, Hoằng-phái-hầu, tặng Thượng-thư.

Nguyễn-nhân-Chánh 阮 仁 政

Người làng Kim-lũ, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 31 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, tước Hầu, sau tặng Thượng-thư, Hải-quận-công.

Trần-Phủ 陳 撫

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức thi đỗ khi 54 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Cháu 4 đời ô. Phỉ, cháu xa đời ô. Thái.

Quách-đồng-Dần 郭 同 寅

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn thi đỗ khi 68 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, thăng Lễ-bộ-Hữu-thị-lang về hưu, thân-phụ ô. Đồng-Đức. Cha con đều đăng khoa.

NĂM ĐINH-SỬU

Niên hiệu Dương-hòa 陽和 thứ ba (1637) cho trúng Tiến-sĩ 20:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ 3:

Nguyễn-xuân-Chỉ 阮 春 止

Người làng Phò-chần, hạt Đông-ngạn thi đỗ khi 50 tuổi, thi Hội, thi Đình, ứng-chế đều đứng đầu, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, nhập thị Kinh-diên, Đạo-ngạn-bá, tặng

Thượng-thư, tước Hầu, tổ phụ ô. Xuân-Đỉnh.

Nguyễn-Nghi 阮 沂

Người làng Tùng-hóa, hạt Thanh-miến trú ở Hạt Võ-tiên Kim-thanh, thi đỗ khi 61 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, thăng Tả-thị-lang, về hưu, thọ 88 tuổi, sau tặng Thượng-thư.

Nguyễn-thế-Khanh 阮 世 卿

Người làng Phù-lưu, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang, Phương-lộc-hầu tặng Tả-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Nguyễn-hữu-Thường 阮 有 常

Người hạt...? thi đỗ khi 64 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, thăng Tả-thị-lang, về hưu, thọ 88 tuổi sau tặng Thượng-thư, tước Quận-công.

Nguyễn-sách-Hiền 阮 策 顯

Người làng Dương-sơn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 15:

Nguyễn-Tương 阮 漿

Người làng Trà-lâm, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 49 tuổi, làm đến Đề-hình-giám-sát-ngự-sử, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường. Tặng Công-bộ-hữu-thị-lang.

Phạm-vĩnh-Miên 范 永 綿

Người làng Thanh-liễu, hạt Lương-tài, thi đỗ khi 51 tuổi, có đi sứ, làm đến Binh-bộ-hữu-thị-lang, con ô. Lương-Hiền. Cha con đều đăng khoa.

Dương-Hoàng 楊 潢

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Công-bộ-tả-thị-lang, Thọ-lâm-hầu, tặng Thượng-thư, cháu nội ô. Phước-ty, ông nội ô. Lệ-Hoài. Nhiều đời đăng khoa.

Ngô-văn-Chánh 吳 文 政

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Phụng-thiên-phủ-doãn, cháu 4 đời ô. Văn-phòng, cháu 3 đời ô. Mậu-Thuận, cháu nội ô. Mậu-Du. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm-Luyện 范 璉

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, thi đỗ khi 54 tuổi làm đến Binh-bộ-hữu-thị-lang về hưu, tặng Hộ-bộ-tả-thị-lang, con ô. Điển. Cha con đều đăng khoa.

Lê-hưng-Nhân 黎 興 仁

Người làng Huân-nội, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hộ-khoa-cấp-sự-trung.

Ngô-Triệt 吳 澈

Người làng Đường-hào, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Hộ-bộ-tả-thị-lang, về hưu sau tặng Thượng-thư, tước Quận-công, cháu nội ô. Khiêm, tổ phụ ô. Hải.

Trần-Khái 陳 駾

Người làng Quật-động, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, làm đến Tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, tước Quận-công.

Lương-Quỳ 梁 逵

Người làng Hoàng-la, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 58 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-Nhuận 阮 潤

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 31

tuổi, làm đến Lại-bộ-tả-thị-lang, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Công-bộ-thượng-thư.

Nguyễn-kinh-Học 阮 經 學

Người hạt Đường-hào, An-khải, thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, em ô. Kinh-tế, anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Vị 阮 渭

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lại-khoa-đô-cấp-sử-trung.

Nguyễn-Đạt 阮 達

Người làng Đông-phiên, hạt Thanh-hà, thi một lần liền đỗ khi 29 tnổi, có đi sứ, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Lê-đức-Vọng 黎 德 望

Người làng Vân-canh, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, Cháu tằng-tôn ô. Củ-Phương.

Nguyễn-nhân-Đại 阮 仁 大

Người làng Thượng-đáp, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 59 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung, thăng Tự-khanh về hưu.

NĂM CANH-THÌN

Niên hiệu Dương-Hòa (陽 和) thứ 6 (1640) cho trúng Tiến-sĩ 22:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 2:

Phí-văn-Thuật 費 文 述

Người làng Thượng-trung, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 32 tuổi, thi Hội, thi Đình, và ứng-chế đều dậu đầu, làm đến Tự-khanh.

. . . Nguyên … 原

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm thi đỗ khi 34 tuổi,

cải tên là Ngọc-hậu, làm đến Binh-bộ-tả-thị-lang sau tặng Công-bộ-thượng-thư.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 20:

Hoàng-Vinh 黃 榮

Người làng Đại-hoàng, hạt Châu-hộ, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Đại-lý-tự-khanh.

Dương-Hạo 楊 澔

Người làng Lạc-đạo, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Ngự-đài-quận-ngự-sử, sau tặng Thượng-thư, tước Quận-công, con ô. Phù, tổ phụ ô. Lệ-Trạm, tằng-tổ ô. Sử. Nhiều đời đăng khoa.

Trương-quang-Tiền 張 光 前

Người làng Kim..., hạt ...Nguyên, khi 26 tuổi, chỉ thi một lần liền đỗ, cải tên là Luân-đạo, làm đến Đông-các-hiệu-thư.

Nguyễn-Tánh 阮 性

Người làng Hoa-cầu hạt Văn-giang thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang, Nghĩa-quận-công, sau tặng Binh-bộ-tả-thị-lang, con ô. Hằng, nuôi cháu ngoại là Nguyễn-Hành làm con. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-công-Tạo 阮 公 造

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, làm đến Hàn-lâm-hiệu-thảo.

Nguyễn-văn-Quảng 阮 文 廣

Người làng Sơn-đồng, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám-tế-tửu, tặng Hữu-thị-lang, thân-phụ ô. Viết-Thử. Cha con đều đăng khoa.

Lê-bỉnh-Trung 黎 秉 忠

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 47 tuổi.

Trịnh-lương-Bật 鄭 良 弼

Người làng Lỗ-xá, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 62 tuổi, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang, tước Bá, về hưu, thọ 83 tuổi, sau tặng Hình-bộ-thượng-thư, tước Hầu.

Lê-sĩ-Triệt 黎 仕 澈

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, chỉ thi một lần liền đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hình-bộ-tả-thị-lang, về hưu, sau tặng Binh-bộ-tả-thị-lang, tước Hầu, cháu nội ô. Nghĩa-trạch, thân phụ ô. Sĩ-Cẩn. Cha con đều đăng khoa.

Lê-Kiêm 黎 兼

Người làng Bái-cầu, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến đề-hình.

Trịnh-văn-Tuấn 鄭 文 俊

Người làng Tuấn-kiệt, hạt Thụy-nguyên, thi đỗ khi 56 tuổi ứng-chế hợp-cách, làm đến Hàn-lâm-hiệu-thảo.

Đỗ-văn-Tổng 杜 文 總

Người làng Thượng-an-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, tặng Hình-bộ-tả-thị-lang, thân phụ các ông Văn-Luân, Công-Tán. Cha con đều đăng khoa.

Đặng-thuần-Nhân 鄧 純 仁

Người làng Cẩm-sơn, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Hộ-bộ-cấp-sự-trung, tước Nam.

Phạm-Đậu 范 竇

Người làng Thái-thạch, hạt Thanh-miến, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung, tước Nam.

Nguyễn-văn-Suyền 阮 文 滿

Người làng Chỉ-châu hạt Thạch-hà, do Tham-chánh, thi đỗ 52 tuổi, làm đến Tự-khanh, bị truất.

Ngô-nhân-Tuấn 吳 仁 濬

Người làng Vọng-nguyệt, hạt An-phong, thi đỗ khi 45 tuổi làm đến Công-bộ-Thượng-thư, tước Bá, thăng Hộ-bộ-Thượng-thư về hưu, con ô. Nhân-triệt, cháu nội ô. Nhân-Trừng, cháu tằng-tôn ô. Hải, cháu huyền-tôn ô. Ngọc. Năm đời đăng khoa.

Trần-đăng-Tuyền 陳 登 選

Người làng Hoàng-mai, hạt An-dũng, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Binh-bộ-Thượng-thư, tham-tụng Xuyên-Quận-công, sau tặng Thiếu-bảo.

Quách-đồng-Đức 郭 同 德

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Thừa-sứ? Bị bãi, con ô. Đồng-Dần. Cha con đều đăng khoa.

Võ-vinh-Tiến 武 榮 進

Người làng Phò-ủng, hạt Đường-hào, khi 21 tuổi, chỉ một lần thi liền đỗ? Làm đến Tự-khanh, tước tử, tặng Binh-bộ Hữu-thị-lang, tước Bá.

Nguyễn-như-Uyên 阮 如 淵

Người làng Thụy-trang hạt Đường-hào, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sứ, tước Tử.

ĐỜI VUA CHÂN-TÔNG THUẬN-HOÀNG-ĐẾ

Văn-Tổ Nghị-Vương (chúa Trịnh-Tráng).

Niên-hiệu Phước-thái (福 泰) thứ I, khoa Quý-vị, Tiến-sĩ 9: (1643).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-năng-Thiệu 阮 能 紹

Người làng Hà-khẩu, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Thanh-trì, làng Hoằng-liệt, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, bị truất xuống Lễ-bộ Tả-thị-Lang, tước Bá, sau tặng Lễ-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, con ô. Khắc-Văn. Cha con đều đăng khoa.

Lê-Hiệu 黎 敷

Người làng Quan-trung, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 27 tuổi, ứng-chế hợp-cách, làm đến Tham-tụng Lễ-bộ-Thượng-thư tước Hầu, bị bãi, lại được khởi dụng, sau tặng Tả-thị-lang, con ô. Kính. Cha con đồng Triều đều làm Thượng-thư,

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 7 :
(Bảng ảnh hẳn sót chữ « đồng » trên chữ « tiến sĩ »).

Lê-đình-Dự 黎 廷 譽

Người làng Nhân-mục-cựu, hạt Thanh-trị, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang, tặng Hình-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, thân phụ ô. Đình-Lại. Cha con đều đăng khoa.

Lê-trí-Trạch 黎 致 澤

Người làng Huân-ngoại, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 44 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Cấp-sự, con ô. Trí-Dụng. Cha con đều đăng khoa.

Phan-kiêm-Toàn 潘 兼 全

Người làng Địa-linh, hạt Thụy-nguyên, tỉnh-nguyên trúng tuyển sĩ-vong (1) (có danh vọng trong hàng thân sĩ),

(1) Xét sách «Lịch-triều-hiến-chương» : Nguyễn-quý-đức trúng Sĩ-vọng tuyển. v.v. thế thì Sĩ-vọng là mạng danh của 1 kỳ khảo thí triều Hậu-Lê.

thi đỗ khi 29 tuổi kỳ thi «Sĩ-vọng trong tỉnh, ông đỗ đầu xứ, đến 29 tuổi lại đỗ Đồng-tiến-sĩ, cải tên là Kiêm-Toàn, làm đến Hình-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, sau bị truất xuống thứ-dân.

Lê-Quỳnh 黎 瓊

Người làng Hoàng-mai, hạt Quỳnh-lưu, thi đỗ khi 31 tuổi, ứng-chế hợp-cách, làm đến Hiến-sứ.

Lương-Nghi 梁 宜

Người làng Tào-sơn, hạt Ngọc-sơn, thi đỗ khi 30 tuổi, sau cải tên Quán, làm đến Hiệu-thư, bị bãi chức, cháu nội ô. Xân, tổ phụ ô. Lâm. Ba đời đều đăng khoa.

Nguyễn-văn-Bảng 阮 文 榜

Người làng Cổ-lãm, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 32, tuổi, ứng-chế hợp-cách, làm đến Binh-khoa-cấp-sự-trung.

Võ-Lương 武 良

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử, sau tặng Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Bá, cháu bốn đời ô. Hữu, cháu họ ba đời ô. Thuần, thân phụ ô. Đình-Lâm, tổ phụ ô. Đình Chiếu, tằng-tổ ô. Đình-ân. Nhiều đời đăng khoa.

Niên hiệu Phước-thái (福 泰) thứ 4 khoa Bính-tuất Tiến-sĩ 17 : (1646) Đậu thứ 3 đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ : (Thám Hoa).

Nguyễn-đăng-Cao 阮 登 高

Người làng Hoài-bão, hạt Tiên-du thi đỗ khi 28 tuổi, thi Hội, thi Đình, thi Đông-các đều đậu đầu, ứng-chế hợp-cách, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, bị bãi chức, anh ô. Đăng-Minh, bác các ông Đăng-Tuân, Đăng-Đạo. Anh em đều đỗ đồng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Nguyễn-viết-Cử 阮曰擧

Người làng Bình-ngô hạt Gia-định, trú ở Trạm-lộ, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Đông-các-học-sĩ, tước Nam, cháu nội ô. Trùng-Quang, cháu đường-điệt ô. Lạng-Thái.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 15:

Phạm-văn-Đạt 范文達

Người làng Phi-bình, hạt Đông-an, trúng tuyển Sĩ-vọng (có danh vọng trong hàng thân-sĩ), thi đỗ khi 37 tuổi, cải tên là Lập-Lễ, làm đến Hộ-bộ Hữu-thị-lang, phong tước Tử, về hưu.

Nguyễn-tá-Tướng 阮佐相

Người làng Bình-lãng, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Giám-sát, tánh thích võ-nghệ, xin tùng chinh vào Quảng-nam, mất giữa quân-thứ.

Lê-khắc-Kỷ 黎克紀

Người làng Phò-minh, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Giám-sát, tổ phụ ô. Khắc-Thuần.

Nguyễn-đăng-Minh 阮登明

Người làng Hoài-bão, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tế-tửu, phong tước Nam, về hưu, em ô. Đăng-Cao, thân phụ các ông Đăng-Tuân, Đăng-Đạo. Anh em đồng khoa, cha con đều đăng khoa.

Phạm-hiển-Danh 范顯名

Người làng Đông-ngạc, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, tước Nam. cháu Tằng-tôn ô. Lân-Định, cháu nội ô. Thọ-Chỉ, tổ xa đời của các

ông Quang-Trạch, Quang-Hoàn, Quang-Dung. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-Vĩnh 阮 倰

Người làng Lam-kiều, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Tham-chánh, tước Nam.

Ngô-sĩ-Vinh 吳 仕 榮

Người làng Lý-trai, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 56 tuổi, làm đến Tự-khanh, tước Bá, phong Đôn-hậu-tán-trị-công-thần, tặng Tả-thị-lang, tước Hầu, cháu nội ô. Trí-Tri, con ô. Trí-Hòa, đường-tùng-tổ (1) của các ông Công-Trạc, Hưng-Giáo. Nhiều đời đăng khoa.

Đinh-tất-Hưng 丁 必 興

Người làng Ngọ-kiều, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Giám-sát.

TIMSACH.COM.VN

Đồng-tồn-Trạch 同 存 澤

Người làng Triền-dương, hạt Chí-linh, khi 30 tuổi, chỉ thi một lần liền đỗ, ứng-chế đứng đầu, làm đến Tham tụng Hộ-bộ Thượng-thư, tước Hầu, thăng Thiếu-bảo, về hưu, sau tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, thân phụ ô. Bỉnh-Do, cháu nội ô. Kháng. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-mậu-Lâm 阮 茂 林

Người làng Kim-sơn, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 31 tuổi, có đi sứ, làm đến Tham-tụng Công-bộ Thượng-thư, về hưu, thọ 73 tuổi, sau tặng Lễ-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo, anh ô. Mậu, Thân phụ ô. Duy-Viên, tổ phụ ông Mậu-Thạnh. Nhiều đời đăng khoa.

---

(1) Chú bác ruột của thân phụ đương sự.

Nguyễn-đắc-Vinh 阮得榮

Người làng Công-bộ, hạt Quảng-đức, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Lê-đình-Lại 黎廷賴

Người làng Nhân-mục cựu, hạt Thanh-trì, thi một lần liền đỗ khi 21 tuổi, làm đến Tham-chánh, tước Nam, bị truất, con ô. Đình-Dự. Cha con đều đăng khoa.

Cao-Cử 高舉

Người làng Ngọc-đôi, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Võ-Kiêm 武兼

Người làng Phủ-lý, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Phạm-văn-Tuấn 范文俊

Người làng Nhân-lý, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 49 tuổi, làm đến Giám-sát, cháu nội ô. Phạm-Quê, cháu đường-điệt ô. Khắc-Minh, cháu xa đời ô. Hưng-Nhân. Nhiều đời đăng khoa.

ĐỜI VUA THẦN-TÔNG UYÊN-HOÀNG-ĐẾ PHỤC VỊ

Văn-Tổ Nghị-Vương (chúa Trịnh Tráng)

Niên hiệu Khánh-Đức (慶德) thứ 2 (1650) khoa Canh-dần, Tiến-sĩ 8:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3:

Khương-thế-Hiền 姜世賢

Người làng Bình-lãng, hạt Tứ-kỳ, đậu đầu sứ tỉnh khi 43 tuổi, đậu nhất giáp ứng-chế hợp cách đậu thứ 2, làm đến Hộ-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử, sau tặng Lại-bộ Tả-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Nguyễn-văn Lễ 阮 文 澧

Người làng Dương-trai, hạt Hương-sơn, trúng tuyển Sĩ-vọng, 46 tuổi, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, sau tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Bá, thân phụ ô. Thủ-Đóa. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 6:

Trịnh-cao-Đệ 鄭 高 第

Người làng Vãn-hà, hạt Thụy-nguyên, có tiếng thần-đồng, thi Hương trúng Giải-nguyên, 21 tuổi, chỉ thi Hội một lần trúng Hội-nguyên, cải tên là Đăng-Đệ, làm Tự-khanh, tước Tử, sau tặng Tả-thị-lang, tước Hầu.

Trịnh-thời-Tế 鄭 時 濟

Người làng Nhật-bảo, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tự-khanh, tước Nam, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Công-bộ Tả-thị-lang, tước Tử.

Nguyễn-văn-Thọ 阮 文 壽

Người làng An-nhân, hạt Tứ-kỳ, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Nguyễn-hy-Tải 阮 熙 載

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 31 tuổi, cải tên Nguyễn-Kế, làm đến Tham-chánh, tước Bá.

Nguyễn-Chiêm 阮 詹

Người làng Cầm-chương, hạt Đông-ngạn. thi đỗ khi 52 tuổi, thi phú đứng đầu, lại thi đầu vào Nội-các, làm đến Tham-chánh, tước Nam.

Phan-hưng-Tạo 潘興造

Người làng Bình-lãng, hạt Thiên-lộc, thi đỗ khi 45 tuổi, ứng-chế đứng đầu, cải tên là Hưng-Vận, làm Lại-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu, sau tặng Lại-bộ Tả-thị-lang.

Niên hiệu Khánh-đức (慶德) thứ 4 (1652) khoa Nhâm-thìn Tiến-sĩ 9:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Phùng-viết-Tu 馮曰脩

Người làng Đình-luân, hạt Gia lâm, thi đậu sĩ-vọng, đỗ nhị giáp khi 46 tuổi, làm đến Kim-đô-ngự-sử, can khoản Hối-lộ, bị tội giảo. (thắt cổ).

Phạm-Chất 范質

Người làng An-bài, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 30 tuổi có đi sứ, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, sau tặng Thượng-thư.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 7:

Hồ-sĩ-Dương 胡士楊

Người làng Hoàn-hậu, hạt Quỳnh-lưu, khoa ất dậu thi Hương đỗ Giải nguyên, khoa Mậu-tý, đi thi hộ cho người khác, bị phạt sung vào quân-ngạch, khoa Tân-mão 31 tuổi thi đỗ lại, thi đỗ vào Đông-các, có đi sứ, làm đến Tham-tụng Hình-bộ-Thượng-thư, kiêm Đông-các-Đại-học-sĩ, Thượng-quận-công, sau tặng Thiếu-bảo, Binh-bộ-Thượng-thư, tằng-tổ ô. Sĩ-Tân, cháu xa đời của ô. Thốc.

Nguyễn-văn-Tín 阮文信

Người làng Uống-hạ, hạt Thanh-lâm có tiếng thần-đồng, thi đỗ khi 42 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-thảo.

Thân-Tuấn 申 濬

Người làng Phương-đỗ, hạt An-dũng, trú ở làng Mai-khê, thi đỗ khi 32 tuổi, cải tên là Thân-Toàn, có đi sứ, làm đến Tham tụng Lễ-bộ-Thượng-thư, tước Bá, về hưu, sau tặng Lại-bộ Thượng-thư thọ 79 tuổi, Thiếu-bảo. Con ô. Thân-Quê, thân phụ ô. Nguyễn-Hành. Nhiều đời đăng khoa.

Uông-Nhuệ 汪 銳

Người làng Kim-lan, hạt Cẩm-giang, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử; về hưu, thọ 76 tuổi.

Nguyễn-công-Bật 阮 公 弼

Người làng Khương-cù, hạt Nam-chân, thi đỗ khi 54 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, tước Tử, về hưu, thọ 79 tuổi.

Nguyễn-đình-Chánh 阮 廷 正

Người làng Bất-quần, hạt Quảng-xương, trú ở hạt Vĩnh-lại làng úrug-mộ, trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ khi 45 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, nhập thị Kinh-diên, tước Hầu, về hưu, thọ 88 tuổi, tặng Thượng-thư, em đồng-lộc ô. Văn-Khuê, chú họ ô. Văn-Bích. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-đắc-Toàn 黎 得 全

Người làng Bình-hồ, hạt La-Sơn, Tĩnh-nguyên, khi 31 tuổi, thi chỉ một lần thi đỗ, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, tước Nam, sau tặng Công-bộ Hữu-thị-lang.

Niên hiệu Thạnh-đức (盛 德) thứ 4 khoa Bính-thân Tiến-sĩ 6:

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 6:

Nguyễn đình-Trụ 阮 廷 柱

Người làng Nguyệt-Ân, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 30

tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế đậu đầu, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-thảo, tước Nam, thọ 77 tuổi, em ô. Quốc-Trinh, thân phụ ô. Đình-Ý, dạy học-trò thành tài được nhiều tiếp tục tham dự triều chánh đời đó, người ta gọi ông là «Thiên-hạ-chi-sư» (bậc thầy trong thiên-hạ), cha con anh em đều đăng khoa.

Lê-Vinh 黎 榮

Người làng An-hoạch, hạt Đông sơn, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hộ-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử, tặng Binh-bộ-Thượng thư.

Võ-trác Lạc 武 卓 犖

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Tham-chánh, tước Nam, quán ở hạt Thiên-thi Thổ-hoàng; con rể ô. Vỏ-Lương.

Võ-đăng-Long 武 登 龍

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường an, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Giám-sát, tặng Cấp-sự-trung, tước Nam.

Hoàng đức-Đôn 黃 德 敦

Người làng Mậu-tài, hạt Tư-vinh, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tham-chánh, tước Nam.

Võ-công-Lạng 武 公 亮

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hình-khoa-đô-cấp-sự-trung, em ô. Công-Đạo. Anh em đều đăng khoa.

Niên hiệu Vĩnh-thọ (永 壽) thứ 2 (1659) khoa Kỷ-hợi tháng 2 cho trúng Tiến-sĩ 20: (Chúa Trịnh-Tạc: Hoằng Tổ-Dương-vương).

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Nguyễn-quốc-Trinh 阮 國 楨

Người làng Nguyệt-án, hạt Thanh-trì, thi Hương 4 trường đều đứng đầu, 35 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, nhập thị Kinh-diên, Liên-trì.Hầu sau tặng Binh-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, truy phong Phước-thần, con cháu được ghi chọn bổ dụng. Anh ô. Đình-Trụ, bác ô. Đình-Bách và ông Đình-Ý. Nhiều đời đăng khoa, anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-văn-Bích 阮 文 璧

Người làng Bất-quần, hạt Quảng-xương, trú ở hạt Vĩnh-lại làng Ứng-mộ, thi đỗ khi 40 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang, nhập thị Kinh-diên, tước Tử, sau tặng Công-bộ Thượng-thư, Thọ-xương-hầu, cháu đường-điệt ô. Văn-Khuê, cháu tùng-điệt ô. Văn-Chánh. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-văn-Quán 阮 文 貫

Người làng Đại-bái, hạt Gia-định, trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Binh-bộ Thượng-thư, Hải-sơn-hầu, nhập thị Kinh-diên, tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Quận-công.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Mai-trọng-Hòa 枚 仲 和

Người làng Đào-tai, hạt Quế-dương, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cháu nội ô. Công, cháu tằng-tôn ô. Khuyến, cháu xa đời ô. Bang. Nhiều đời đăng khoa.

Đỗ-thiện-Chánh 杜 善 政

Người làng Đông-biện, hạt Vĩnh-phúc, trúng tuyển sĩ.

vọng, đo chức Chỉ-huy-sứ, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Công-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử, về hưu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 15:

Phạm-duy-Chất 范 惟 質

Người làng Ngọ-trang, hạt Thiên-bổn, thi đỗ khi 44 tuổi, ứng-chế đứng-đầu, lại thi trúng vào Đông-các, làm đến Đông-các Đại-học-sĩ, sau tặng Hữu-thị lang.

Nguyễn-vinh-Thạnh 阮 榮 盛

Người làng Nghĩa-đô, hạt Từ-liêm, nguyên quán ở Hạ-an-quyết, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Đề-hình, cháu tằng-tôn ô. Nhật-Sĩ, cháu xa đời ô. Khiêm-Quang. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-Tung 阮 嵩

Người làng Thượng-đáp, hạt Thanh-lâm, thi đỗ khi 38 tuổi làm đến Tư-huấn, về hưu, thọ hơn 80 tuổi, cháu tùng-điệt ô. Nhân-Đại.

Lê-Thức 黎 軾

Người làng Tam-lộng, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiến-sử, tổ phụ ô. Lân.

Đỗ-văn-Luân 杜 文 綸

Người làng Thượng-an-quyết, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hàn-lâm Hiệu-thảo, con ô. Văn-Tồng, anh ô. Công-Toản.

Võ-cầu-Hối 武 求 誨

Người làng Mộ-Trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Tham-Chánh, bị tội đồ (dày), em ô. Bạt-Tụy, thúc phụ các ông Duy-Đoán, Bật-Hài, chú cháu đỗ đồng khoa.

Võ bật-Hài, hoặc Giai 武 弼 諧, 武 階

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 31 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, về hưu, sau tặng Lễ-bộ-Thượng-thư, tước Bá, cháu đường-điệt các ông Bạt-Tụy, Cầu Hối. Chú cháu đỗ đồng khoa.

Võ công Đạo 武 公 道

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 31 tuổi làm đến Đô-ngự-sử, nhập thị Kinh-diên, bị bãi chức, sau gọi ra dùng lại, làm đến Lễ-bộ-Thị-lang, tước Tử, đi sứ, thăng Công bộ-Thượng-thư, về hưu, thọ hơn 80 tuổi, tặng Lễ bộ-Thượng-thư, tước Bá, anh ô. Công-Lạng.

Nguyễn-mậu Dị 阮 茂 異

Người làng Kim-sơn, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lễ-khoa-đô-cấp-sự-trung, em ô. Mậu-Tài, chú ô. Duy-Viên.

Bùi-văn-Trinh 裴 文 貞

Người làng Hương-ngạnh, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 45 tuổi, cải tên là Đình-Trinh, lại trúng vào Đông-các, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, sau tặng Lễ-bộ-Tả-thị-lang, tước Bá, cháu năm đời của ô. Doãn-Đốc.

Lê-công-Triều 黎 公 朝

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tham-chánh, cháu tằng-tôn ô. Quang-Bí, cháu xa đời ô. Đỉnh-Nại.

Lê-thuần-Hy 黎 純 僖

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hàn-lâm Hiệu-thảo, sau cải tên là Thuần-Hy

Lê-chí-Đạo 黎 志 道

Người làng Cổ-đòi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Tham-chánh, bị bãi chức sau được làm lại chức vị như cũ. Thân phụ ô. Chi-Tuân. Cha con đều đăng khoa.

Ninh-Đạt 寧 達

Người làng Khôi-tri, hạt An-mô, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Giám-sát, tằng-tổ ô. Địch.

Ngô-sách-Thí 吳 策 試

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, nguyên quán làng Nghĩa-lập, thi đỗ khi 28 tuổi, thân phụ các ông Sách-Dụ, Sách-Tuân, tổ phụ ô. Sách-Hân,, cháu nội ô. Nguyễn-gia-Mưu. Ba đời đều đăng khoa.

Niên-hiệu Vĩnh-Thọ (永 壽) thứ 2 (1659) khoa Kỷ-hợi thi vào Đông-các đậu 5 người:

Thưởng hạng nhất 1 người:

Nguyễn-đăng-Cao 阮 登 高

Đông-các Hiệu-thư, Liên-thụy-Nam.

Thưởng hạng hai 1 người:

Hồ-sĩ-Dương 胡 士 揚

Lại-khoa Cấp-sự-trung, Nhuận-duệ-Nam.

Thưởng hạng ba 3 người:

Nguyễn-Thiềm 阮 簷

Quốc-tử-giám Tư-nghiệp, Cầm-đường-Nam.

Phạm-duy-Chất 范 維 質

Hàn-lâm-viện hiệu-thảo.

Bùi-đình-Viên 裴 廷 員

Hải-dương-đạo Giám-sát Ngự-sử.

Niên-hiệu Vĩnh-Thọ (永 壽) thứ 4 (1661) khoa Tân-sửu lấy Tiến-sĩ 13.

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3:

Đặng-công-Chất 鄧 公 質

Người làng Phò-đồng, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 40 tuổi, ứng-chế đứng đầu, dự thi chỉ một lần, có đi sứ, làm đến Tham-tụng Binh-bộ Thượng-thư, tước Tử, tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Bá, nguyên Quán ở hạt Bất-bạt, làng Thái-bạt, dòng dõi các ông Trần-văn-Huy, Trần-Cẩn, cháu tằng tôn ô. Công-Toản, tổ phụ ô. Công-Diễn. Nhiều đời đăng khoa.

Đào-công-Chánh 陶 公 正

Người làng Hội-am, hạt Vĩnh-lại, có tiếng Thần-đồng, khi 13 tuổi, thi Hương đỗ Cử-nhân, thi Hội đỗ khi 23 tuổi, ứng-chế đậu thứ 2, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, tước Nam, nhập thị Kinh-diên, sau tặng Lại-bộ Tả-thị-lang, tước Tử.

Ngô-Khuê 吳 珪

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-bộ Tả-thị-lang, tước Nam, về hưu, sau tặng Hộ-bộ Tả-thị-lang, cháu ô. Cung, anh ô. Cầu. Anh em đều đăng khoa.

Cứu trong Việt-sử tục biên quyển 18, thi bổ vào Đông-các, có 3 hạng: Đông-các Đại-học-sĩ, Đông-các Học-sĩ, Đông-các Hiệu-thơ.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Trần-xuân-Bảng 陳 春 榜

Người làng Quan-sơn, hạt Thanh-lâm, 43 tuổi, ông đậu cả Tỉnh-nguyên, Hội-nguyên, làm đến Tham-chánh,

cháu tằng tôn ô. Bửu, cháu Huyền-tôn ô. Năng. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-trí-Bình 黎致平

Người làng Thanh-mai, hạt Tiên-phong, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Hiến-sứ, sau tặng Đô-cấp-sự-trung. Cháu năm đời ô. Kim-Chương, bá phụ ô. Anh-Tuấn.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 :

Lê-nhân-Kiệt 黎仁傑

Người làng Cổ-đinh, hạt Nông-cống, trảng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hình-khoa-cấp-sự-trung, tước Nam.

Phí-đăng-Nhiệm 費登任

Người làng Dương-liễu, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Công-bộ Cấp-sự-trung.

Đỗ-Thịnh 杜晟

Người làng Phò-vệ, hạt Đường-hào, ngụ ở làng Đại-bái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Giám-sát, cháu tằng-tôn ô. Trác-Dị, cháu nội ô. Cung. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-Kỉnh 阮璟

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Giám-sát.

Lại-đăng-Tiến 賴登進

Người làng Phù-lưu, hạt Đông-sơn, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Đề-hình, sau tặng Tham-chánh.

Hoàng-hiệp-Tâm 黃協心

Người làng Phúc-diễn, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Phó-đô-ngự-sử, sau tặng Tả-thị-lang, tước Nam.

Lê-Liêu 黎 僚

Người làng Hữu-lộc, hạt Đông-sơn, trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn-văn-Phú 阮 文 富

Người làng Bồ-sao, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 46 tuổi, cải tên Đương, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, về hưu, thọ hơn 80 tuổi.

ĐỜI VUA HUYỀN-TÔNG-MỤC-HOÀNG-ĐẾ

Hoằng-Tổ Dương-Vương (chúa Trịnh-Tạc)

Niên hiệu Cảnh-Trị (景 治) thứ 2, khoa Giáp-thìn (1664) ghi lấy Tiến-sĩ 13.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Nguyễn-viết-Thứ 阮 曰 庶

Người làng Sơn-đồng, hạt Đơa-phụng, thi đỗ khi 21 tuổi, ứng-chế hợp cách, lại thi đỗ vào đông-các, có đi sứ, làm đến tham-tụng Hình-bộ Thượng-thư, tước Nam, sau tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Tử, cậu ông Trí-Cung, con ông Văn-Quảng, cha con đồng triều. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12:

Lương mậu-Huân 梁 茂 勳

Người làng Chương-dương, hạt Thượng-phước, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Võ-duy-Đoán 武 惟 斷

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, đậu Giải-nguyên và sĩ-vọng, 44 tuổi đậu Hội-nguyên, làm đến Công-bộ Thượng-thư, tước Bá, vì nói thẳng, trái ý vua, bị bãi chức, sau tặng Hộ-bộ Tả-thị-lang, con ông Bạt-tụy, thân-phụ

ông Duy-Khuông, cháu đường-điệt ông Cầu-Hối, em tùng-đệ ông Bật-Hải. Nhiều đời đăng-khoa.

Võ công-Bình 武公平

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Ngô-sách-Dụ 吳策裕

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, Giải-nguyên khi 25 tuổi, thi một lần đỗ ngay, làm đến Phủ-doãn, con ông Sách-Thi, anh ông Sách-Tuân, bá phụ ông Sách-Hân, cháu tăng-tôn ông Gia-Mưu, cháu họ xa đời ông Hữu-Thường. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-quang-Thiện 阮光繕

Người làng Triều-khẩu, hạt Hưng-nguyên, Giải-nguyên thi đỗ tam giáp khi 40 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

Dữ tiến-Dụng 汝進用

Người làng Hoạch-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Lễ-đô-cấp-sự-trung, thân-phụ ông Tiến-Hiền, tổ-phụ các ông Trọng-Thai, Đình-Toản, tằng-tổ ông Công-Chân. Bốn đời đăng khoa.

Nguyễn-sĩ-Giáo 阮仕教

Người làng My-sơn, hạt Thanh-đàm, Giải-nguyên, thi đỗ Tam-giáp khi 27 tuổi, chỉ thi một lần đỗ ngay, làm đến Hàn-lâm Thị-độc, bị bãi chức, sau được bổ dụng lại.

Nguyễn-tiến-Tài 阮進材

Người làng Nhân-vực, hạt Thanh-chương, thi đỗ khi 23 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-hữu-thị-lang, tước Nam, sau tặng Hộ-bộ-tả-thị-lang, tước Tử.

Trần-lương-Bật 陳良弼

Người làng Cổ-am, hạt Vĩnh-lại, thi đỗ khi 34 tuổi,

làm đến Binh-bộ-hữu-thị-lang, tước Nam, sau tặng Tả-thị-lang.

Ngô-Hải 吳 海

Người làng Đường-hào, hạt Đường-hào, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Phó-đô-ngự-sử, bị bãi chức, lại được bổ dụng làm Tế-tửu, cháu huyền-tôn ông Khiêm, cháu tùng-tôn ông Triệt.

Bùi . . . ? 裴 … ?

Người làng Thọ-lão, hạt An-lạc, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, can khoản hối-lộ, bị luận tội.

Lê-Hy 黎 僖

Người làng Thạch-khê, hạt Đông-sơn, chỉ thi một lần đỗ ngay khi 19 tuổi, có đi sứ, làm đến tham-tụng Binh-bộ Thượng-thư, tri Trung-thư-giám, tước Bá, sau tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, thọ hơn 80 tuổi.

Niên-hiệu Cảnh-Trị (景 治) thứ 5, khoa Đinh-vị (1667) lấy đậu Tiến-sĩ 3:

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 3:

Nguyễn-quán-Nho 阮 冠 儒

Người làng Vẫn-hà, hạt Thụy-nguyên, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Tham-tụng Binh-bộ Thượng-thư, tri Trung-thư-giám, tước Quận-công, thọ 72 tuổi, tặng Lại-bộ Thượng-thư, Thiếu-bảo.

Nguyễn-hữu-Đăng 阮 有 登

Người làng Đông-các, hạt Thọ-xương, trú ở hạt Thượng-phước làng Bình-vọng, thi đỗ khi 37 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Đề-hình.

Nguyễn quang-Trạch 阮 光 宅

Người làng Kiệt-đặc, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 44 tuổi,

ứng-chế hợp cách, làm đến Hình-khoa Đô-cấp-sự-trung, về hưu, thân-phụ các ông Quang-Hạo, Quang-Trưởng. Cha con đều đăng khoa.

Niên-hiệu Cảnh-Trị (景 治) thứ 8, khoa Canh-tuất (1670) lấy đậu Tiến-sĩ 31 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ
1 Trạng-nguyên, 1 Thám-hoa :

Lưu-danh-Công 劉 名 公

Người làng Phương-liệt, hạt Thanh-trì, có trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ Trạng-nguyên khi 27 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Hàn-lâm-thị-độc, thọ 32 tuổi.

Thiều-sĩ-Lâm 韶 仕 琳

Người làng Phúc-thọ, hạt Đông-sơn, nổi tiếng Thần-đồng, có trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ Thám-hoa khi 29 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Lê Hữu-Danh 黎 有 名

Người làng Liêu-xá, hạt Đường-hào, có trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ nhị-giáp khi 29 tuổi. Làm đến Hiến-sứ, thân-phụ các ông Hữu-Hỷ, Hữu-Mưu, Hữu-Kiêu, tổ-phụ các ông Trọng-Tín, Hữu-Dung. Nhiều đời đăng khoa.

Võ-đình-Lâm 武 廷 隆

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Lễ-khoa Cấp-sự-trung, con ông Lương, chú ông Đình-Thiều, cháu tằng-tôn ông Thuần, cháu xa đời ông Hữu, tùng tổ ông Đình-Ân. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 27 :

Lê-hùng-Xưng 黎雄稱

Người làng Bất-căn, hạt Lôi-dương, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Binh-khoa Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-mỹ-Tài 阮美才

Người làng Văn-lâm-trung, hạt Quảng-xương, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cháu huyền-tôn ông Công-Dự.

Đặng-đình-Tương 鄧廷相

Người làng Lương-xá, hạt Chương-đức, Tỉnh-nguyên, thi một lần liền đỗ khi 22 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tước Nam, cải qua Tả-đô-đốc, lần thăng đến Tá-lý-công-thần Tiền-hòa-quân-dinh Thái-phó, tham dự triều chánh Quốc-lão, về hưu, tước Quận-công, lại được gọi ra trao chức Quản-trung-khuông-quân-dinh, thăng Đại-tư-mã-chưởng-phủ-sự, lại về hưu, gia Đại-tư-đồ, truy phong Phước-thần.

Nguyễn-Tạo 阮造

Người làng Thọ-hạc, hạt Đông-sơn, có trúng tuyển sĩ-vọng. Thi đỗ khi 53 tuổi, làm đến Công-khoa Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-trạc-Dụng 阮擢用

Người làng An-thái, hạt Quảng-đức, nguyên quán Hoài-an, Đặng-xá, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Quang-lộc-tự-khanh.

Nguyễn-Khuê 阮奎

Người làng Vân-điềm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hình-bộ-thị-lang, giáng xuống Thái-bộc-tự-khanh, cháu tằng-tôn ông Thực, cháu nội ông Nghi, anh ông Sĩ, thân-phụ ông Thẩm. Anh em đỗ đồng khoa, nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-tiến-Sách 阮 進 策

Người làng Văn-trung, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Nam, sau tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Tử, thân-phụ ông Đình-Toản. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn đăng-Sĩ 阮 登 仕

Người làng Phương-quế, hạt Thượng-phúc, có trúng tuyển sĩ-vọng, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hiệu-thảo.

Trần-Thọ 陳 璹

Người làng Điền-trì, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, làm đến Phó Đô-ngự-sử, tước Nam, bị truất, thân-phụ ông Cảnh, tổ-phụ ông Tiến. Nhiều đời đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-đình-Trạch 阮 廷 澤

Người làng Hồng-mao, hạt Quế-dương, có trúng tuyển sĩ-vọng. Thi đỗ khi 49 tuổi, ứng-chế đứng thứ 2, làm đến Tư-huấn.

Phạm-viết-Tuấn 范 曰 俊

Người làng Lạc-trường, hạt Kim-bảng, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Giám-sát, bị luận tội, sau khi mất, được cho phục chức cũ.

Đỗ-công-Liêm 杜 公 廉

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Nguyễn-đình-Bảng 阮 廷 榜

Người làng Phù-chẩn, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 31 tuổi, thi phú đứng đầu, làm đến Giám-sát Ngự-sử,

Ngô Cầu 吳 球

Người làng Chi-nê, hạt Chương-đức, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Tham-chánh, cháu nội ông Cung, em ông Quê. Anh em đều đăng khoa.

Đinh-nho-Công 丁 儒 功

Người làng An-ấp, hạt Hương-sơn, đậu Giải-nguyên, 34 tuổi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, bị truất xuống Tự-khanh, thân-phụ ông Nho-Hoàn. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-Tĩnh 范 靖

Người làng Mặc-xá, hạt Tứ-kỳ, Giải-nguyên. Thi đỗ khi 42 tuổi. Làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-danh-Nho 阮 名 儒

Người làng Nghĩa-phú, hạt Cẩm-giang. Thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ Hữu-thị-lang, tước Nam, sau tặng Công-bộ Hữu-thị-lang, tước Tử.

Nguyễn-đức-Tiến 阮 德 進

Người làng An-Khoái, hạt Gia-định, thi đỗ khi 33 tuổi, ứng-chế đứng thứ 2, làm đến Hiến-sứ, nguyên quán ở Đại-bái, cháu tằng-tôn ông Thẩm.

Hoàng-công-Trí 黃 公 寘

Người làng Thổ-hoàng, hạt Thiên-thi, thi đỗ khi 30 tuổi, có đi sứ, làm đến Công bộ Thượng-thư, nhập thị kinh-diên, tước Bá, về hưu thọ 79 tuổi, tặng Lễ-bộ Thượng-thư, tước Hầu, cháu xa đời ông Tuân, cháu tằng-tôn ông Chân-Nam, thân-phụ ông Công-Bửu, tằng-tổ ông Bình-Chánh. Nhiều đời đăng khoa.

Tống-Nho 宋 儒

Người làng Tiên-mộc, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 33

tuổi, làm đến Tham-chánh, bị giáng xuống Cấp-sự-trung, cháu nội ông Sư-Lộ.

Phan-tự-Cường 潘 自 強

Người làng Võng-la, hạt An-lãng, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Thiêm-đô Ngự-sử.

Nguyễn-danh Nho 阮 名 儒

Người làng Vinh-cầu, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Đô-khoa, cháu huyền-tôn ô. Văn-Trưng, cháu 6 đời ô. Trọng-Quỳnh, cháu 5 đời của các ông Đạt-Thiện, Hiền-Tích, cháu 4 đời ô. Giáo-Phương cháu đường-tôn ô. Đức-Vọng, đường tổ của các ông Công-Viên, Đôn-Trọng, Quốc-Ích, Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-trí-Trung 阮 致 中

Người làng Lực-điền, hạt Đông-an, thi đỗ khi 23 tuổi, đi một lần đậu ngay, làm đến Thừa-sứ, tước Nam, về hưu, thọ 78 tuổi, tặng Công-bộ Tả-thị-lang, vua cho chữ thụy là Ôn-giản.

Trương quang-Trạch 張 光 宅

Người làng ...Lỗ, hạt Thanh-hà, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Đề-hình, bị bãi.

Trần-thế-Vinh 陳 世 榮

Người làng Đào-châu, hạt Tiên-phong, thi đỗ Tam-giáp khi 27 tuổi. Hội-nguyên, có đi sứ, làm đến Binh-bộ-Tả-thị-lang, tước Nam; sau tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Tử.

Nguyễn-Sĩ 阮 仕

Người làng Vân-điềm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Giám-sát, cháu tằng-tôn ô. Quán, cháu nội ô. Nghi, em ô. Khuê, chú ô. Thẩm. Nhiều đời đăng khoa, anh em đỗ đồng khoa.

Võ-duy-Khuông 武 惟 匡

Người làng Mộ-hà, hạt Đường-an, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Lễ-khoa-Đô-cấp-sự, sau tặng Tham-chánh, tước Nam, cháu nội ô. Bạt-Tụy, con ô. Duy-Đoán. Nhiều đời đăng khoa.

ĐỜI VUA GIA-TÔNG MỸ-HOÀNG-ĐẾ
Hoằng-Tổ Dương-vương (Chúa Trịnh-Tạc)

Niên-hiệu Dương-Đức (陽 德) thứ 2 khoa Quý-sửu (1673) lấy đậu Tiến-sĩ, 5.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5:

Bùi-quang-Vận 裴 光 運

Người làng Tiểu-lan, hạt Đông-an, có tiếng Thần-đồng, đi thi chỉ có một lần thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát.

Nguyễn-đức-Vọng 阮 德 望

Người làng Vịnh-cầu, hạt Đông-ngạn, thi đỗ tam-giáp khi 30 tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế hợp cách, lại trúng vào Đông-các, có đi sứ, làm đến Đô-ngự-sử, tặng Hộ-bộ Thượng-thư, tước Bá, cháu 5 đời ô. Văn-Trưng, cháu 4 đời ô. Trọng-Quỳnh, cháu họ của các ông Đại-Thiện, Hiền-Tích, Giáo-Phượng, ông thúc bá họ của ô. Danh-Giáo, ông họ 4 đời của các ông Công-Viên, Quốc-Ích, Trọng-Đôn. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-đương-Bao 阮 當 褒

Người làng Tây-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 27 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, thọ 80 tuổi, sau tặng Thiếu-bảo.

Nguyễn-đăng-Tuân 阮 登 遵

Người làng Hoài-bảo, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 25 tuổi,

làm đến Phủ-doãn, bị truất xuống Cấp-sự-trung, con ô. Đăng-Minh, cháu họ ô. Đăng-Cao, anh ô. Đăng-Đạo. Cha con anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-danh-Nho 阮 名 儒

Người làng Long-sơn, hạt Tiên-du, Giải-nguyên, thi đỗ khi 24 tuổi, lại trúng vào Đông-các, làm đến Đông-các Đại-học-sĩ, mất khi 31 tuổi.

ĐỜI VUA HY-TÔNG CHƯƠNG-HOÀNG-ĐẾ

Hoằng-Tổ Dương-vương (Chúa Trịnh Tạc)

Niêu-hiệu Vĩnh-trị (永 治) thứ I khoa Bính-thìn (1676) Tiến-sĩ 20:

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ (Thám-hoa) thứ 3:

Nguyễn-quý-Đức 阮 貴 德

Người làng Thiên-mụ, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 29 tuổi, có đi sứ, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, Liêm-quận-công, kiêm Đại-học-sĩ, Quốc-lão, vinh phong « Tả-lý-công-thần, tham dự Triều-chánh », về hưu, tặng Thái-tể, tuy phong Đại-vương, thân phụ ô. Quý-ân, tổ phụ ô. Quý-Kỉnh. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 người:

Bùi-công-Phụ 裴 公 輔

Người làng Bình-dân, hạt Đông-an, thi đỗ khi 35 tuổi, ứng chế hợp cách, làm đến Đô-cấp-sự-trung, tước Nam, về hưu, thọ hơn 70 tuổi.

Phạm-quang-Chiếu 范 光 照

Người làng Đào-xá, hạt Đường-an, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung tặng Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-tiến-Triều 阮 進 朝

Người làng Nam-nguyễn, hạt Phúc-lộc, thi đỗ khi 27

tuổi, ứng chế hợp cách, lại trúng vào đông-các, làm đến Đông-các-hiệu-thư, tước Nam,

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 16:

Trần-lương-Năng 陳良能

Người làng Thượng-các, hạt Từ-liêm, quán ở hạt Ngọc sơn làng Vạn-trì, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tham-chánh

Châu-danh-Tề 朱名宰

Người làng Thụy-minh, hạt An-Dũng, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Đề-hình, ra trấn Cao-bình, mất.

Trịnh-đức-Nhuận 鄭德潤

Người làng Hoa-lâm, hạt Đông-ngạn, làm đến Lễ-bộ-Hữu-thị-lang, tước Nam, sau tặng Hộ-bộ-Tả-thị-lang, tước Tử, thân phụ ô. Xuân-Thọ. Cha con đều đăng khoa.

Lê-đăng-Cử 黎登舉

Người làng Tuần-hoàn, hạt Ngọc-sơn, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Giám-sát.

Ngô-sách-Tuân 吳策詢

Người làng Tam-sơn, hạt Đông-ngạn, 29 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Lại-bộ Hữu-thị-lang, bị tội giảo, con ô. Sách-Thi, em ô. Sách-Dụ, thân phụ ô. Sách-Hân, cháu xa đời ô. Nguyễn-gia-Mưu. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-khả-Trinh 黎可偵

Người làng Phúc-thọ, hạt Đông-sơn, thi một lần liền đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cháu nội ô. Khả-Trù.

Nguyễn-trung-Lượng 阮忠亮

Người làng Nhị-khê, hạt Thượng-Phúc, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Công-khoa Cấp-sự-trung, phụng sai hậu mạng mất, tặng Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-xuân-Cách 阮 春 格

Người làng Đồng-khê, hạt Thanh-làm, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sứ, bị truất xuống Giám-sát Ngự-sử, cháu huyền-tôn ô. Quảng-Văn.

Trương-hữu-Hiệu 張 有 効

Người làng Thiên-linh, hạt Ngọc-sơn, thi đỗ năm 45 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, tổ phụ ô. Hữu-Miên.

Đoàn-tuấn-Hòa 段 俊 和

Người làng Cự-đồng, hạt Siêu-loại, khi 13 tuổi đậu cử-nhân, thi đỗ Tam-giáp khi 55 tuổi, làm đến Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Nam. coi việc không đúng luật, bị truất, sau được gọi lại bổ dụng, làm đến Tự-khanh, tước Tử, về hưu, nguyên tổ quán ở Chi-Nê Tiên-du.

Lê-dị-Tài 黎 異 材

Người làng An-hoạch, hạt Đông-an thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Thừa-sứ, tặng Công-bộ Hữu-thị-lang.

Nguyễn-đình-Cồn 阮 廷 滾

Người làng Bích-triều, hạt Thanh-chương, Giải-nguyên, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ tam-giáp khi 25 tuổi, lại trúng vào Đông-các, làm đến Thiêm-đô Ngự-sử, vâng mạng di sứ, mất giữa đường, tặng Tả-thị-lang, tước Nam.

Nguyễn-xuân-Đĩnh 阮 春 鼎

Người làng Phù-chẩn, hạt Đông-ngạn. đỗ cử-nhân khi 15 tuổi, thi đỗ Tam-giáp khi 28 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cháu nội ô. Xuân-Sanh.

Nguyễn đăng-Long 阮 登 龍

Người làng Công-bộ, hạt Quảng-đức, thi đỗ khi 32 tuổi, lại trúng vào Đông-các, làm đến Hình-khoa Đô-cấp-

sự-trung, thăng Tham-chánh, tước Nam, về hưu, gồm đủ ba điều vinh (Tước vị, tuổi thọ, đức vọng). Thọ hơn 80 tuổi, nguyên tổ-quán ở hạt Siêu-loại làng An-việt, cháu xa đời của ô. Nguyễn-Kiệt,

Nguyễn siêu-Hải 阮 超 海

Người làng Khắc-niệm, hạt Tiên-du, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 26 tuổi.

Nguyễn-ngô Chung 阮 吳 鍾

Người làng Cầm-chương, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 36 tuổi, có đi sứ, làm đến Hộ-bộ Thượng-thư, tước Hầu, về hưu, tặng Thiếu-bảo, tước Quận-công, thọ 75 tuổi.

— Khoa Bính-thìn (1676) thi vào Đông-các đỗ được 6 người.

Đỗ Đệ-nhất 1 người:

Nguyễn-Nho 阮 儒

Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo, nguyên tên là Nguyễn-danh-Nho.

Đỗ Đệ-nhị 1 người:

Nguyễn-viết-Thứ 阮 曰 庶

Bồi tụng Lại khoa Đô-cấp-sự-trung.

Đỗ Đệ-tam 4 người:

Nguyễn-đăng-Long 阮 登 龍

An-quảng-đạo Giám-sát Ngự-sử.

Nguyễn công-Vọng 阮 公 望

Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo, nguyên tên là Nguyễn-đức-Vọng.

Nguyễn-tiến-Triều 阮 進 朝

Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-đình-Cồn 阮廷滾

Lượng-sơn-đạo Giám-sát Ngự-sử.

Niên hiệu Vĩnh-Trị (永治) thứ 5 khoa Canh-thân (1680) lấy đỗ Tiến-sĩ 19 người.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 :

Phạm-Công-Thiện 范公善

Người làng Ngọc-triện, hạt Gia-định, trúng Hương-cử khi 13 tuổi, thi hội đỗ khi 32 tuổi, làm đến Tham-chánh, cha dưỡng nuôi của ô. Khiêm-Ích.

Nguyễn-công-Thước 阮公爍

Người làng Thượng-an, hạt Từ-liêm, quyết thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Hình-khoa Cấp-sự-trung, vâng lệnh đi sứ, mất, tặng Hình-khoa đô Cấp-sự-trung, cháu xa đời ô. Dụng-Nghị.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 17 :

Nguyễn-Côn 阮崑

Người làng Nguyễn-xá, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 42 tuổi, Hội-nguyên, ưu hạng, ứng chế đứng thứ ba, làm đến Hưng-hóa-xứ Hiến-sử.

Hoàng-xuân-Thời 黃春時

Người làng Trường-cát, hạt Nam-đường, thi đỗ khi 55 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-hưng-Công 阮興功

Người làng Tiên-thành, hạt Đông-thành, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Cấp-sự-truug.

Phạm-công-Phương 范公芳

Người làng Liêu-xuyên, hạt Đường-hào, thi đỗ khi

39 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, sau tặng Binh-khoa Đô-cấp-sự-trung, tước Nam, con ông Công-Trứ. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-quang-Thành 阮光成

Người làng Thạch các, hạt Sơn-vi, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thiêm-đô Ngự-sử.

Nhữ-đình-Hiền 汝廷賢

Người làng Hoạch-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 22 tuổi, ứng chế đứng thứ 2, có đi sứ, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, tước Tử, sau tặng Lễ-bộ Thượng-thư, tước Bá, con ông Tiến-Dụng, thân-phụ ông Đình-Toản, chú ông Trọng-Thái, tổ-phụ ông Công-Chân. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-công-Phụ 阮公輔

Người làng Lễ xuyên, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 20 tuổi, làm đến Công-khoa Cấp-sự-trung.

Nguyễn-quang-Thọ 阮光璿

Người làng Quản-bố, hạt Quảng-đức, Giải-nguyên, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Thái-danh-Nho 蔡名儒

Người làng Hoa-phẩm, hạt Nghi-xuân, có trúng sĩ-vọng thi hội đình đỗ khi 37 tuổi, làm đến Tham-chánh.

Trịnh-minh-Lương 鄭明良

Người làng Chân-bái, hạt An-định, Giải-nguyên, thi hội-đình đỗ khi 37 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Đinh-đình-Thụy 丁廷瑞

Người làng An-khê, hạt An-khương, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Nguyễn . . . ? 阮 … ?

Người làng Nguyệt-viên, hạt Hoằng-hóa, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Hà-công-Luận 何 公 論

Người làng Phúc-khê, hạt Thanh-lan, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung bị bãi chức.

Lê-sĩ-Cận 黎 仕 瑾

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Tham-chánh, thăng Tự-khanh, tước Nam, về hưu, thân-phụ ông Sĩ-Triệt, cháu tằng-tôn ông Nghĩa-Trạch. Cha con đều đăng khoa.

Phạm-hữu Dung 范 有 容

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

Võ đình-Thiều 武 廷 韶

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung tặng Đô-cấp-sự-trung, cháu nội ông Lương, cháu đường-điệt (1) ông Đình-Lâm, thân-phụ ông Đình-Ân. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn quang-Lân 阮 光 璘

Người làng An-lãng, hạt An-lãng, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử.

ĐỜI VUA HY-TÔNG CHƯƠNG HOÀNG-ĐẾ

Chiêu-tổ Khương-Vương (chúa Trịnh-Căn)

Niên-hiệu Chánh-Hòa (正 和) thứ 4, khoa Quý-hợi (1683) lấy đậu Tiến-sĩ 18 :

(1) Cháu con nhà chú bác.

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 3 :

Nguyễn-đăng-Đạo 阮 登 道

Người làng Hoài-bảo, hạt Tiên-du, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 33 tuổi, ứng-chế hợp cách, sau đổi tên là Đăng-Liễn, có đi sứ, làm đến Tham-tụng Lễ-bộ Thượng-thư, tước Bá, kiêm Đông-các Học-sĩ, thọ 69 tuổi, sau tặng Lại-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, cháu đường-điệt ông Đăng..., con ông Đăng-Minh, em ông Đăng-Tuân. Cha con anh em đều đăng khoa.

Phạm-quang-Trạch 范 光 宅

Người làng Đông-ngạc, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 31 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị-lang, tước Nam, sau tặng Tả-thị-lang, tước Tử, cháu xa đời ông Lân-Định, cháu tằng-tôn ông Thọ-Chỉ, cháu đường-điệt ông Hiền-Danh, chú các ông Quang-Hoàn, Quang-Dung, thân-phụ ông Quang-Ninh. Nhiều đời đăng-khoa.

Quách-Giai 郭 佳

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, có tiếng thần-đồng, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Thái-thường Tự-khanh, cháu xa đời ông Toản Khế.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Nguyễn-đương-Hồ 阮 當 瑚

Người làng Dương-húc, hạt Tiên-du, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, tước Quận-công.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 14 :

Trần-thiện-Thuật 陳 善 述

Người làng Bác-trường, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hiến-sử, bị truất xuống Giám-sát Ngự-sử.

Lê-đăng-Phụ 黎 登 輔

Người làng Biên-thượng, hạt Vĩnh-phúc, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Hoa-công-Phương 華 公 芳

Người làng Bình-dân, hạt Đông-an, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hiến-sứ, bị bãi.

Đỗ-công-Toản 杜 公 鑽

Người làng Thượng-an-quyết, hạt Từ-liêm, Giải-nguyên, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hiến-sứ, thọ hơn 70 tuổi, con ông Văn-Tồng, cháu nội ông Văn-Luân.

Trần phụ-Dực 陳 附 翼

Người làng Bửu-triệu, hạt Gia-định, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Tham-chánh, thân-phụ các ông Danh-Minh, Danh-Lâm. Cha con đều đăng khoa.

Trịnh-đức-Liên 鄭 德 蓮

Người làng Đại-mão, hạt Siêu-loại, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Giám-sát bị bãi.

Trần-tiến-Gián 陳 進 諫

Người làng Triền dương, hạt Chí-linh, Giải-nguyên, thi hội-đình đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, khi mất, tặng Công-bộ Thượng-thư, tước hầu.

Dương-công-Độ 楊 公 度

Người làng Nhị-khê, hạt Thượng-phúc, có trúng sĩ, sĩ-vọng, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Quyền Tham-chánh-

Đào-tuấn-Ngạn 陶 俊 彥

Người làng Ngọc-cuộc, hạt Đường-an, thi đỗ khi 45

tuổi, làm đến quyền Tham-chánh, Thái-thường Tự-khanh tước Nam, về hưu.

Phí-quốc-Thể 費 國 體

Người làng Thượng-trưng, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, cháu đường-điệt ông Văn-Thuật.

Nguyễn-thủ-Xưng 阮 首 稱

Người làng Hương-Trai, hạt Hương-sơn, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hiến-sứ, con ông Văn-Lệ. Cha con đều đăng khoa.

Tạ-đăng-Vọng 謝 登 望

Người làng Đại-phùng, hạt Đơn-phụng, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, thân-phụ ông Đặng-Huân, tổ-phụ ông Đặng-Thọ. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-long-Bảng 阮 龍 榜

Người làng Chân-hộ, hạt An-phong, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám Tư-nghiệp.

Nguyễn-đình-Bá 阮 廷 栢

Người làng Nguyệt-ấn, hạt Thanh-trì, thi đỗ khi 25 tuổi, ứng-chế hợp cách, cải tên là Đình-Xuân, làm đến quyền Tham-chánh, con ông Đình-Trụ, anh ông Đình-Ý, cháu đường-điệt (1) ông Quốc-Trinh, chú tùng-thúc (2) ông Đình-Quỵ. Cha con đều đăng khoa.

Niên-hiệu Chánh-Hòa (正 和) thứ 6, khoa Ất-sửu (1685) lấy đậu Tiến-sĩ 13 :

---

(1) Cháu gọi ông Quốc-Trinh bằng chú bác.

(2) Ông Đình-Bá là anh em chú bác ruột với thân-phụ ông Đình-Quỵ. — « Đường » và « Tùng » đồng nghĩa.

Trúng đệ-nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3 :

Võ-Thịnh 武 暄

Người làng Bảo-thiên, hạt Thọ-xương, trú ở làng Đơn-luân, hạt Đường-an, Giải-nguyên, thi hội-đình đỗ khi 22 tuổi, làm đến Thiềm-đô Ngự-sử, bị bãi-chức lại được triệu-dụng, làm đến Tự-khanh, vâng mạng làm chức Giáo-thụ trường võ-học, sau tặng Tham-chánh, em ông Huyên, thân-phụ ông Huy. Cha con anh em đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Bùi-công-Tốn 裴 公 遜

Người làng Thượng-trưng, hạt Bạch-hạc, thi đỗ khi 37 tuổi, chưa kịp vinh-quy, đã mất.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 11 :

Trương-Công 張 公

Người làng Thiên-kiện, hạt Thanh-liêm, thi đỗ khi 21 tuổi, cải tên là Công-Khải, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, tước Quận-công, tặng Thiếu-bảo.

Đỗ-công-Bật 杜 公 弼

Người hạt Thượng-tốn, có trúng sĩ-vọng, thi hội và đình đỗ khi 34 tuổi, làm đến Lễ-khoa Cấp-sự-trung, sau tặng Đô-cấp-sự-trung, thân-phụ ông Công-Đính. Cha con đều đăng khoa, và đồng triều.

Nguyễn-danh-Dự 阮 名 譽

Người làng Dương-liêu, hạt Đơn-phụng, có trúng sĩ-vọng, thi hội và đình đỗ khi 29 tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế hợp cách, làm đến Thị-lang, sau tặng Tả-thị-lang, tước Bá.

Lê-chí-Tuân 黎 志 遵

Người làng Cổ-đôi, hạt Nông-cống, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Hiến-sứ, con ông Trung-Đạo. Cha con đều đăng khoa.

Đỗ-Thê 杜 梯

Người làng Hương-ngải, hạt Thạch-thất, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Giám-sát Ngự-sử, có đi sứ, bị truất xuống chức Tư-huấn, sau tặng Hộ-khoa Đô-cấp-sự-trung, con ông Trung-Hịch. Cha con đều đăng khoa.

Đỗ-công-Quỳnh 杜 公 瓊

Người làng ...-Lâm, hạt Đông-ngạn, Giải-nguyên, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Giám-sát, tặng Hộ-khoa Cấp-sự-trung.

Võ-duy-Dương 武 惟 揚

Người làng Thanh-tuyền, hạt Nam-đường, Giải-nguyên, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát, bị truất xuống chức Tư-huấn.

Nguyễn-công-Đồng 阮 公 董

Người làng Đồng-khê, hạt Thanh-lâm, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 25 tuổi, năm Quý-dậu, khảo sát về môn «từ mạng» (xét lựa nhân tài đi sứ) ông dự trúng thứ 2, có đi sứ, làm đến Đô-ngự-sử, thự Trung-thư-gián, tước Tử, sau tặng Binh-bộ Thượng-thư, tước Bá.

Võ-trọng-Trình 武 仲 程

Người làng Mộ-trạch, hạt Đường-an, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 47 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Phan-vinh-Phúc 潘 榮 福

Người làng Đông-ngạc, hạt Từ-liêm, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cải tên là Công-Phúc.

Phạm-đình-Châu 范 廷 珠

Người làng Kim-đôi, hạt Vỏ-giang, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 39 tuổi làm đến Giám-sát.

Niên hiệu Chánh-hòa (正 和) thứ 9 khoa Mậu-thìn (1688) Tiến-sĩ 7 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xut-thân 1 người :

Nguyễn-đình-Hoàn 阮 廷 完

Người làng Bái-ân, hạt Quảng-đức, khi 15 tuổi, trúng Hương-cử, thi hội đình đỗ khi 28 tuổi, làm đến Binh-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu, tặng Binh-bộ Tả-thị-lang, tước Quận-công.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 6 :

Nguyễn-Hồ 阮 瑚

Người làng Phù-khê, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Thanh-hoa Tham-chánh, cháu huyền-tôn ô. Nguyễn-quỳnh-Cư, chú ô. Trọng-Đột.

Nguyễn-Hành 阮 珩

Người làng Hoa-cầu, hạt Văn-giang, trúng sĩ-vọng thi hội đình đỗ khi 33 tuổi, năm Quý-dần, khảo sát từ mạng ông được dự trúng, có di sứ, làm đến Lại-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, tặng Công-bộ Thượng-thư, con ông Thân-Tuấn, cháu nội ô. Thân Khuê, con nuôi ô. Nguyễn-Tánh.

Nguyễn-quốc-Cương 阮 國 綱

Người làng Nguyên-xá, hạt An-phong, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 27 tuổi. Hội-nguyên hạng ưu-điểm, cải tên là quốc-Vỹ, làm đến Tự-khanh.

Ngô tuấn-Dị 吳 俊 異

Người làng tả Thanh-oai, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 34 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hiệu-thảo.

Nguyễn-đình-Tuấn 阮 廷 俊

Người làng Kiệt-đặc, hạt Chí-linh thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, tước Bá, về hưu, cháu huyền-tôn ô. Doãn-Khâm.

Hà-Mục 何 穆

Người làng Tinh-trạch, hạt Thiên-lộc, có trúng sĩ-vọng, thi Hội đình đỗ khi 36 tuổi, ứng-chế hợp cách, năm Quý-dậu khảo sát từ-lệnh ông được dự trúng, đi sứ, làm đến Hình-bộ Hữu-thị-lang, tước Nam, khi mất, tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Tử, cháu xa đời ô. Công-Trình.

Niên hiệu Chánh-hòa (正 和) thứ 12 khoa Tân-vị (1691) thi lấy Tiến-sĩ II:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 người:

Ngô-vi-Thực 吳 爲 實

Người làng tả Thanh-oai, hạt Thanh-oai, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lễ-khoa Cấp-sự-trung, vâng mạng đi đốc chiến ở Cao-bình, mất, tặng Lễ-khoa Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Mại 阮 邁

Người làng Ninh-xá, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 37 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Lễ-bộ Tả-thị-lang, tước Nam, vâng sai ra trấn thủ Sơn-tây, sau tặng Lễ-bộ Thượng-thư, tước Quận công. Cháu nội là Cừ-Tuyền phạm tội bạn nghịch bị tru di, nên không còn người hậu tự.

Nguyễn-hữu-Đạo 阮 有 道

Người làng Thái-lăng, hạt Đông-thành có trúng sĩ vọng, thi đỗ khi 33 tuổi, Hội-nguyên.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8:

Đào-quốc-Hiền 陶 國 顯

Người làng Phò-ninh, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 35

tuổi, có đi sứ, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, tặng Hình-bộ Tả-thị-lang, tước Bá.

Lê-kha-Tông 黎 珂 琮

Người làng Trân-táo, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 33 tuổi, có đi sứ, làm đến Hình-bộ Tả-thị-lang, tước Tử, sau tặng Công-bộ Thượng-thư, tước Bá.

Trần-danh-Đống 陳 名 棟

Người làng ...Lâm, hạt Đông-ngạn, thi đỗ khi 36 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Binh-khoa Cấp-sự-trung.

Đồng-bình-Do 同 秉 猶

Người làng Triền-dương, hạt Chí-linh, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Tham-chánh, cháu tằng-tôn ô. Nguyên, cháu (1) Tùng-tằng-tôn ô. Đắc, con ô. Tôn-Trạch. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-mậu-Thạnh 阮 茂 盛

Người làng Kim-sơn, hạt Gia-lâm, thi đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Phó-đô-ngự-sử, tước Nam, sau tặng Hộ-bộ Tả-thị-lang, cháu Tùng-tôn (2) ô. Mậu-Dị, cháu nội ô. Mậu-Tài, cháu Đường-điệt (3) ô. Duy-Viên,... Khiêm-Ích. Nhiều đời đăng khoa.

Võ-công-Đạt 武 公 達

Người làng Thời-cử, hạt Đường-an, Giải-nguyên, thi đỗ khi 29 tuổi, bị thải về, sau lại được triệu-dụng, làm đến Tham-chánh.

---

(1), (2), (3), Xem chú thích số (1) trang 162 (đối chiếu số hiệu trang in) mà suy nghiệm thì rõ nghĩa. Chỗ nào gặp xem tiếp trường hợp như thế, đều nên xem chú thích số (1) trang 165.

Mai-Thụy 枚 瑞

Người làng Lạc-sơn, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 25 tuổi làm đến Tham-chánh.

Nguyễn-quang-Hạo 阮 光 皓

Người làng Kiệt-đặc, hạt Chi-linh, thi đỗ khi 31 tuổi, cải tên là Công-Hạo, làm đến Tham-chánh, con ông Quang-Hoàn, anh ông Quang-Trường. Cha con anh em đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

TIMSACH.COM.VN

In tại Ấn quán HỢP - HƯNG
349, Nguyễn-thiện-Thuật — Saigon

Giá bán bắt buộc: 90$

CỬU-LONG

TỦ SÁCH DỊCH - THUẬT

NGUYỄN-HOÀN — UÔNG-SĨ-LÃNG
PHAN - TRỌNG - PHIÊN — VÕ - MIÊN

大越歷朝登科錄

ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU
ĐĂNG KHOA LỤC

Tiểu-sử các vị đã trúng tuyển các khoa thi

TIMSACH.COM.VN

QUYỂN NHÌ

Dịch - giả
TẠ - THÚC - KHẢI

BỘ GIÁO - DỤC
TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU • 1968

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

大越歷朝登科錄

ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU

ĐĂNG-KHOA-LỤC

(Sách chép tên tuổi và Tiểu-sử các vị đã trúng-tuyển các khoa thi)

TIMSACH.COM.VN

QUYỂN II

Soạn-giả

NGUYỄN-HOÀN — UÔNG-SĨ-LÃNG

PHAN-TRỌNG-PHIÊN — VÕ-MIÊN

Dịch-giả :

TẠ-THÚC-KHẢI

BỘ GIÁO-DỤC

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

1968

Bộ Giáo-Dục giữ bản-quyền

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU

In lần thứ nhất—1968

TIMSACH.COM.VN

Hội-đồng duyệt sách Đại-Việt Lịch-Triều Đăng Khoa-Lục gồm có :

Ô. Ô.	TRẦN-TUẤN-KHẢI	Thuyết-trình-viên
	NGUYỄN TẠO	Hội-viên
	NGUYỄN-THỌ-DỰC	Hội-viên

大越歷朝登科錄

ĐẠI-VIỆT LỊCH-TRIỀU

ĐĂNG-KHOA-LỤC

QUYỂN II

NIÊN-HIỆU CHÁNH-HÒA 正和 THỨ 15

TIMSACH.COM.VN

KHOA GIÁP-TUẤT (1694). TIẾN-SĨ 5 :

Trúng đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Ngô-công-Trạc 吳公擢

Người hạt Đông-thành, làng Lý-trai, thi đỗ khi 33 tuổi, hội-nguyên, ứng-chế, làm đến Hiến-sứ, cháu huyền-tôn ô. Tri-Tri, cháu tằng-tôn ô. Tri-Hòa, cháu nội ô. Sĩ-Vinh, anh ô. Hưng-Giáo. Nhiều đời đăng khoa.

Phạm-quang-Hoàn 范光完

Người hạt Từ-liêm, làng Đông-ngạc thi đỗ khi 30 tuổi, cải tên là Công-Hoàn, làm đến Thừa-sứ, tặng Công-bộ-hữu-thị-lang, cháu xa đời ông Lân-Định, cháu huyền-tôn ô. Thọ-Chỉ, cháu tùng-tôn ô. Hiền-Danh

cháu đường-điệt ô. Quang-Trạch, anh ô. Quang-Dung anh tùng-huynh ô. Quang-Ninh. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-anh-Tuấn 黎 英 俊

Người hạt Tiên-phong, làng Thanh-mai, thi đỗ khi 24 tuổi, có đi sứ, làm đến Tham - tụng Hộ - bộ - thượng - thư, Thái-tử Thái-phó, tước quận-công, bị biếm xuống Lượng-sơn-đốc-trấn, vừa bị hại, cháu tằng-tôn ô. Kim - Chương, cháu đường-điệt ô. Trí-Bình.

Ngô-vi-Nho 吳 爲 儒

Người hạt Thanh-oai, làng tả Thanh-oai, có trúng sĩ - vọng, thi Hội-đình đỗ khi 36 tuổi, làm đến Giám-sát, chú đường-thúc ô. Vi-Thực.

Nguyễn-duy-Viên 阮 維 垣

Người hạt Gia-lâm, làng Kim-sơn, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử, sau tặng công-bộ-hữu thị-lang, con ô. Mậu-Tài, chú các ông Mậu-Thạnh, Khiêm-Ích, cháu đường-điệt ô. Mậu-Dị. Cha con đều đăng khoa.

NIÊN - HIỆU CHÁNH-HÒA 正 和 THỨ 18

KHOA ĐINH-sửu (1697) TIẾN-SĨ 10 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 2 :

Nguyễn-Quyền 阮 權

Người hạt Gia-lâm, làng Cổ - linh, thi đỗ khi 33 tuổi, Hội-nguyên, đình-chế đều đứng đầu, làm đến Lễ-khoa-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Trù 阮 儔

Người hạt Thọ - xương, làng Đông - tác, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hình-bộ-Hữu-thị-lang, tặng Công-bộ-tả-thị-lang, xương-phái-hầu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 :

Phạm-quang-Huân 范 光 勳

Người hạt Đông-quan, làng Hoàng-xá, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 46 tuổi, cải tên là Công-Huân làm đến Tự-khanh.

Tô-thế-Huy 蘇 世 輝

Người hạt Bạch-hạc, làng Bình-đẳng, thi đỗ khi 32 tuổi, đi sứ, làm đến Tả - thị - lang, tước Quận-công, về hưu, sau tặng Công-bộ-Thượng-thư.

Đào-hoàng-Thực 陶 黃 實

Người hạt Từ-liêm, làng Thượng-trì, Giải nguyên, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hình-bộ-Thượng-thư, Phụng-quân-công, về hưu, sau được khởi phục chức tham tụng phụng thị ngũ-lão.

Nguyễn-Vỹ 阮 瑋

Người hạt An-sơn, làng Thạch-than, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-khoa-cấp-sự-trung.

Nguyễn-xuân-Đài 阮 春 臺

Người hạt Thanh-trì làng Nguyệt-áu, Giải-nguyên thi đỗ khi 28 tuổi, cải tên là Công - Kiên, làm đến Tự - Khanh, sau tăng công-bộ-Hữu-thị-lang.

Đỗ-viết-Hồ 杜曰湖

Người hạt Lôi-dương, làng Xuân-phố, thi đỗ khi 33 tuổi làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-công-Kỵ 阮公基

Người hạt Từ-liêm, làng Minh-quả, thi đỗ khi 22 tuổi, đi sứ, lần lượt thăng đến Binh-bộ-Thượng-thư, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, nhập-thị Kinh-diên, cải qua võ chức, tước Thiếu-bảo, thự-phủ-sự, sau tặng tước Quận-công, người ta tương truyền rằng ông là Tổ phụ ô. Huy. Nhiều đời đăng khoa.

Bùi-đăng-Đạt 斐登達

Người hạt Thiên-lộc, làng Mẫn-xá, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến quyền tham-chánh.

NIÊN-HIỆU CHÁNH-HÒA 正和 THỨ 21

KHOA CANH-THÌN (1700) TIẾN-SĨ 19 ;

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ I về thứ 2 :

Nguyễn-đình-Ý 阮廷懿

Người hạt Thanh-trì, làng Nguyệt-ám, trúng Hương-cử khi 15 tuổi, có trúng sĩ vọng, thi Hội-đình đỗ khi 25 tuổi, làm đến Tham-chánh, châu đường-điệt ô. Quốc-Trinh, con ô. Đình-Khuê, em ô. Đình-Bách, chú tùng-thúc ô. Đình-Quỵ. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3

Tạ-đăng-Huân 謝登勳

Người hạt Đơn-phụng, làng Đại-phùng, Giải-nguyên, thi hội đình đỗ khi 29 tuổi, làm đến Lễ-bộ-Hữu-thị lang, tước Tử, sau tặng Tả-thị-lang, con ô. Đăng-Vọng, thân phụ ô. Đăng-Thọ. Nhiều đời đăng khoa.

Hồ-phi-Tích 胡 丕 績

Người hạt Quỳnh-lưu, làng Hoàn-hậu. thi trúng ngự đệ, thi đỗ khi 26 tuổi, đi sứ, làm đến Hình-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, về hưu, tặng Thiếu-bảo.

Đinh-nho-Hoàn 丁 儒 完

Người hạt Hương-sơn, làng An-ấp, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Công-bộ Hữu-thị lang, vâng mạng đi sứ, mất giữa đường, tặng Lại-bộ-Tả-thị-lang. Con ô. Nho-Công:

— Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 15

Trần-Tuấn 陳 璿

Người hạt Từ-liêm, làng Nghĩa-đô thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Tham-chánh, thân phụ nguyên người Trung-quốc.

Nguyễn-Hiệu 阮 傚

Người hạt Nông-cống, làng Lan-khê. thi đỗ khi 27 tuổi, Hội-nguyên, Tá-giảng, làm đến Tả-lý-công-thần, Lại-bộ-Thượng-thư, Thái-phó, tước Quận-công, truy phong Đại-vương, thân phụ ô. Hoàn, cha con đều đỗ hội-nguyên, đều làm Phụng-giảng, đều làm Tham-tụng. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-quốc-Bửu 阮 國 寶

Người hạt Chương-đức, làng Chi-nê. thi đỗ khi 21 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-hiệu-thảo.

Đặng-quốc-Đinh 鄧 國 鼎

Người hạt Hoằng-hóa, làng Cát-xuyên, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Bùi-hữu-Nhậm 裴有恁

Người hạt Nam-đường, làng Thanh-tuyền, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, tặng Tham-chánh.

Nguyễn-trung-Quán 阮忠貫

Người hạt Thượng-phúc, làng Cổ-hiền, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hình-bộ-Hữu-thị-lang, tặng Lễ-bộ Tả-thị-lang, tước Hầu

Lê-hữu-Hỷ 黎有喜

Người hạt Đường-hào, làng Liễu-xá, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử, con ô. Hữu-Danh, anh ô. Hữu-Mưu, Hữu-Kiều, em ô. Trọng-Tin, Hữu-Dung. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-Y 阮伊

Người hạt Gia-phúc, làng Chương?, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, tước Bá, về hưu.

Lại-duy-Chí 賴惟志

Người hạt Đông-ngạn, làng Cổ-loa, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Trương-minh-Lượng 張明亮

Người hạt Duy-tiên, làng Nguyên-xá, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn đình-Tương 阮廷相

Người hạt Sơn-vi, làng Sơn-vi, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Giám-sát, vâng mệnh đến xứ Tuyên-quang đốc-đồng, bị bãi chức.

Nguyễn-quốc-Quang 阮 國 光

Người hạt Võ-giang, làng Kim đôi, thi đỗ khi 25 tuổi, cải tên là Quốc-Anh, làm đến Tự-khanh, thụ Tham-chánh, dòng dõi của các ông Nhân-Hiệp và Nhân-Bị.

Nguyễn-công Kháng 阮 公 沆

Người hạt Đông-ngạn, làng Phô-chẩn, thi đỗ khi 21 tuổi, đi sứ, làm đến Thau-tụng Lại-bộ-Thượng-Thư, tước Quận-công, bị giáng xuống Tuyên-quang-thừa-sứ. Châu xa đời của ô. Niệm.

Ngô-đình-Thạc 吳 廷 碩

Người hạt Thanh-oai, làng tả Thanh-oai, thi đỗ khi 23 tuổi, từng đi sứ nổi tiếng ở Trung-quốc, lần lượt làm đến Binh-bộ-Thượng-thư, nhập thị Kinh-diên, tước Quận-công, sau tặng Thiếu-bảo. Anh em đều đăng khoa. Anh ô. Đình-Chất.

Nguyễn-Phán 阮 奮

Người hạt An-lạc, làng Các-sa, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử.

NIÊN HIỆU CHÁNH-HÒA 正 和 THỨ 24

KHOA QUÝ-VỊ (1703) TIẾN-SĨ 6

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 :

Nguyễn-quang-Luân 阮 光 掄

Người hạt An-lãng, làng Lý-hải, có tiếng Thần-đồng, thi đỗ khi 21 tuổi, cải tên là Công-Luân, làm đến Cấp-sự, cháu sáu đời ô. Duy-Tương, cháu năm đời ô. Hoằng-Xước, cháu huyền-tôn ô. Thê-Thủ. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến sĩ xuất thân 5 :

Nguyễn quang-Nhuận 阮 光 潤

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, thi đỗ khi 26 tuổi, cải tên là Huy-Nhuận, đi sứ, làm đến Tham tụng Hộ-bộ-thượng-thư, tri Quốc-tử-giám, về hưu, được mời ra lại, làm đến Ngũ-lão Đại-tư-không, Triệu-quận-công sau tặng Đại-tư-mã, anh đường-huynh của các ông Huy-Mản, Huy-Thuật, thân phụ ô. Huy-Triệt, tổ phụ ô. Huy-Cận, thọ 81 tuổi. Ba đời đều đăng khoa.

Nguyễn-trí-Cung 阮 致 恭

Người hạt Đơn-phụng, làng Sơn-đồng, thi đỗ khi 26 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát, anh tùng-huynh ô, Tri-Vị 致 位.

Đặng-Minh 鄧 明

Người hạt Đông-thành, làng Hạnh-lâm, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-thường-Thạnh 阮 常 盛

Người hạt Đường-an, làng Mộ-trạch, thi đỗ khi 28 tuổi, cải tên là Thường-Thái, làm đến Cấp-sự-trung.

Phạm-Minh 范 明

Người hạt Đường-an, làng Mỹ-dạ, thi đỗ khi 32 tuổi, ứng-chế đứng đầu, làm đến Công-bộ-Tả-thị-lang, tước Hầu, về hưu.

ĐỜI VUA DŨ-TÔNG-HÒA-HOÀNG-ĐẾ NHÀ LÊ
Chiêu-Tổ-khương-vương (chúa Trịnh-Căn)

NIÊN HIỆU VĨNH-THẠNH 永 盛 THỨ 2.

KHOA BÍNH-TUẤT (1706) TIẾN SĨ 5 :

— Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân :

Phạm-Quang . . . ? 范 光 . . . ?

Người hạt Từ-liêm, làng Đông-ngạc, thi đỗ khi 32 tuổi cải tên là Công.., làm đến Hình-bộ-Tả-thị-lang sau tặng Hộ-bộ-thượng-thư, cháu đường-điệt ô. Quang-Trạch, em ô. Quang-Hoàn, anh đường-huynh ô. Quang-Ninh, cháu xa đời các ông Lân-Định, Thọ-Chỉ. Nhiều đời đăng khoa.

Đỗ-công-Đình 杜 公 廷

Người hạt Gia-Lâm, làng Thượng-tốn, thi đỗ khi 26 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Hiến-sứ, con ô. Công-Bật, cha con đều đăng khoa và đồng triều.

Nguyễn-Thẩm 阮 審

Người hạt Đông-ngạn, làng Vân-điềm, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Phó đô-ngự-sử, sau tặng Lễ-bộ-Tả-thị-lang, cháu huyền-tôn ô. Thực, cháu tằng-tôn ô. Nghi, con ô. Khuê, cháu đường-điệt ô. Sĩ. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn đăng-Liên 阮 登 蓮

Người hạt Gia-lâm, làng Bác-trường, thi đỗ khi 31 tuổi, ứng chế hợp cách, làm đến Tự-khanh, anh ô. Nguyễn-Cầm, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Nguyễn-Bá 阮伯

Người hạt Đông-ngạn, làng Phù-ninh, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Phủ-doãn, đi sứ mất giữa đường. Tặng Binh-bộ-Tả-thị-lang, tước Nam.

NIÊN HIỆU VĨNH-THẠNH 永盛 THỨ 6

KHOA CANH-DẦN (1710) TIẾN-SĨ 21 : (ĐỜI CHÚA TRỊNH CƯƠNG HY TỔ-NHÂN-VƯƠNG)

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ Cập-đệ I về thứ 3:

Phạm-khiêm-Ích 范謙益

Người hạt Gia-định, làng Bửu-triện, quán ở hạt Gia-lâm, làng Kim-sơn, Tỉnh-nguyên (đầu xứ tỉnh), thi đỗ khi 32 tuổi, có đi sứ, trúng Đông-các thứ nhất, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, kiêm Đông-các-đại-học-sĩ, Thái-tể, Thuật-quận-công, vinh phong «Công-thần xuất trấn Thống-lãnh», tặng Đại-tư-không, cháu nội ô. Mậu-Tài, cháu đường-tôn ô. Mậu-Dị, em ô. Mậu-Thạnh, anh em đồng-triều, con nuôi ô. Phạm-công-Thiện cũng đồng-triều. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Nguyễn-công-Khuê 阮公奎

Người hạt Chương-đức, làng Lê-xá, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Lại-khoa-Đô-cấp-sự-trung, thân phụ ô. Kỳ-Nhậm. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 3 :

Nguyễn-Đương 阮瑒

Người hạt Cẩm-giang, làng Cao-xá, thi đỗ khi 28 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-thảo.

Lê-Vỹ 黎 偉

Người hạt Văn-giang, làng Hòa-bình, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Binh-bộ Hữu-thị-lang, tước Hầu, về hưu, sau tặng Tả-thị-lang.

Nguyễn-đồng-Lâm 阮 同 霖

Người hạt An - định, làng Ngọc - hoạch, thi đỗ khi 32 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát-ngự sử.

Nguyễn-quốc-Tịnh 阮 國 靖

Người hạt Đông-ngan, làng Ông-mặc, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Đề-hình sau tặng Tham-chánh.

Lê-khắc-Thuần 黎 克 純

Người hạt Hoằng - hóa, làng Phò - minh, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hình - khoa - Cấp - sự - trung, cháu nội ô. Khắc-Kỷ.

Nguyễn-đức-Minh 阮 德 明

Người hạt Đông - ngạn, làng Phò - chẩn, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Tự-Khanh.

Hồng-Hạo 洪 顥

Người hạt Thanh trì, làng Kim-lũ, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Hình-bộ-Hữu-thị-lang, về hưu, thọ 73 tuổi, tặng Hình-bộ-tả-thị-lang

Nguyễn-quang-Dương 阮 光 暘

Người hạt Chí-linh, làng Kiệt-đặc, thi đỗ khi 39 tuổi, cải tên là Công-Dương, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, con ô. Quang Trạch, em ô. Quang-Hạo. Cha con anh em đều đăng khoa.

Lê-hữu-Mưu 黎 有 謀

Người hạt Đường-hào, làng Liêu-xá, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu-thị-lang, nhập thị Kinh-diên, sau tặng Công-bộ-Tả-Thị-lang, con ô. Hữu-Danh, em ô. Hữu-Hỷ, anh ô. Hữu-Kiều, thân phụ ô. Trọng-Tin, bác ô.Hửu... Ba đời đăng khoa.

Đỗ lệnh-Danh 杜 令 名

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân-mục cựu, thi đỗ khi 44 tuổi, đi sứ, làm đến Thượng-thư, tước Quận công, về hưu, sau tặng Thiếu-bảo, thọ 81 tuổi.

Nguyễn-viết-Tú 阮 曰 秀

Người hạt An-lạc, làng Thụ-ích, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Tế-tửu, sau tặng Phó-đô-ngự-sử.

TIMSACH.COM.VN

Phạm-đình-Cảnh 范 廷 鏡

Người hạt Thiên-bồn, làng Vĩnh-lại, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 42 tuổi, đi sứ, làm đến Tham-tụng Thượng-thư, nhập-thị Kinh-diên, Lại-quận-công, về hưu, sau tặng Thiếu-bảo.

Đặng-Kiên 鄧 鍵

Người hạt Đông-an, làng Phú-thị, thi đỗ khi 46 tuổi, làm đến Hiên-sứ.

Quảng-danh-Dương 管 名 洋

Người hạt Văn - giang làng cầu, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Hàn - lâm - Thừa - chỉ, đi sứ đến Yên-kinh (Kinh đô của Trung-quốc) bệnh chết, tặng Công-bộ-Tả-thị-lang, ... Phái - hầu.

Đoan-quang-Dung 段光容

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, thi đỗ khi 30 tuổi, cải tên là Bá-Dung, đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, sau tặng Thiếu-bảo.

Phạm-duy-Ky 范維基

Người hạt Giao-thủy, làng Tử-quán, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hình-bộ-cấp-sự-trung.

Nguyễn-đăng-Ky 阮登基

Người hạt An-lãng, làng Võng-la, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Thị-giảng, thăng Tự-khanh, về hưu.

Hoàng-công-Thực 黃公實

Người hạt Thiên-thi, làng Thổ-hoàng, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 31 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-Thừa-chỉ, sau tặng Công-bộ-Hữu-thị-lang, cháu xa đời ô. Hoàng-chân-Nam, con ô. Xân, tổ phụ ô. Bình-Chánh-Nhiều đời đăng khoa.

Ngô-hưng-Giáo 吳興教

Người hạt Đông-thành, làng Đào-tai, thi đỗ khi 45 tuổi, chưa kịp vinh-quy vừa mất, nguyên-quán ở làng Lý-trai, cháu huyền-tôn ô. Trí-Tri, cháu tằng-tôn ô. Trí-Hòa, cháu nội ô. Sĩ-Vinh, em ô. Công-Trạc. Nhiều đời đăng khoa.

NIÊN HIỆU VĨNH-THẠNH 永盛 THỨ 8

KHOA NHÂM-THÌN (1712) TIẾN-SĨ 17 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 1.

Nguyễn-duy-Đôn 阮惟敦

Người hạt Sơn-minh, làng Cao-lãm, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Binh-bộ-Tả-thị-lang, về hưu, sau tặng Công-bộ-Thượng-thư, tước Hầu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 16:

Từ-bá-Cơ 徐伯機

Người hạt Thượng-phúc, làng Phương-quế, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Quốc-tử-giám-Tư-nghiệp, thự Tham-chánh, anh ô. Trọng-Đỉnh, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Nguyễn-trí-Vị 阮致位

Người hạt Đơn-phụng, làng Sơn-đồng, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Thừa-chỉ, về hưu.

Lưu-Thành 劉城

Người hạt Hoằng-hóa, làng Vĩnh-trị, có trúng sĩ-vọng, thi hội đỗ khi 48 tuổi, làm đến Đông-các-Hiệu-thư.

Nguyễn-Cơ 阮機

Người hạt Kim-hoa, làng Thụy-hà, thi đỗ khi 35 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-bật-Luân 阮弼掄

Người hạt An-khương, làng Trát-cầu, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Nguyễn-trọng-Thường 阮仲常

Người hạt Thanh-chương, làng Trung-động, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Lại-bộ-Hữu-thị-lang, đi sứ mất giữa đường, tặng Lại-bộ-Tả-thị-lang, tước Quận-công, thân phụ ô. Trọng-Đương. Cha con đều đăng khoa.

Võ-đình-Ân 武 廷 恩

Người hạt Đường-an, làng Mộ-trạch, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, bị giáng xuống Học-sĩ, cháu xa đời ô. Hữu-Thuần, cháu tằng-tôn ô. Lương, con ô. Đình-Thiều.

Đinh-phụ-Ích 丁 輔 益

Người hạt Siêu-loại, làng Bình-trù, có đậu sĩ-vọng, thi đỗ khi 40 tuổi, ứng-chế hợp cách, đi sứ, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, tước Quận-công, bị biếm xuống Hình-bộ-tả-thị-lang, mất, tặng Công-bộ-Thượng-thư.

Nguyễn-quan-Dai 阮 冠 階

Người hạt Gia-phúc, làng An-tân, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Tả-dụ-đức, về hưu, sau tặng Hữu-thị-lang, tước Bá.

Dương-Lệ 楊 漓

Người hạt Gia-lâm, làng Lạc-đạo, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Công-bộ-tả-thị-lang, tặng Thượng-thư, tước..., cháu xa đời ô. Phước-Tỵ. Nhiều đời đăng khoa.

Tần-lê-Đi 秦 黎 逸

Người hạt La-sơn, làng Phi-túc, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Lại-khoa-Cấp-sự-trung, sau tặng Tham-chánh.

Đồng-công-Viện 同 公 瑗

Người hạt Đại-an, làng Hải-lãng, Tĩnh-nguyên, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Giám-sát.

Võ-Huyên 武 暄

Người hạt Thọ-xương, làng Báo-thiên, quán ở Đường-an Đơn - luân, Giải - nguyên, thi hội đỗ khi 43 tuổi, làm đến Đông-các-hiệu-thư, em ô Thành, chú ô Huy, anh em đều đăng khoa, chú cháu đồng-khoa và đồng-triều.

Nguyễn-Lân 阮 鄰

Người hạt Đông-ngạn, làng Vân-điềm, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Thiêm-đô-ngự-sử.

Hoàng-công-Lạc 黃 公 樂

Người hạt Thần-khê, làng Đô-nghĩa, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Hiến-sứ, bị bãi.

Võ-Huy 武 暉

TIMSACH.COM.VN

Người hạt Thọ-xương, làng Báo-thiên, quán ở Đường-an Đơn-luân, Tỉnh-nguyên, thi hội đình đỗ khi 27 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, đi sứ, mất giữa đường, tặng Hình-bộ-Tả-thị-lang, con ô. Thành, cháu đường điệt ô. Huyên. Cha con đều đăng khoa, chú cháu đồng-khoa.

NIÊN HIỆU VĨNH-THẠNH 永 盛 THỨ II

KHOA ẤT-VỊ (1715) TIẾN-SĨ 20:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Bùi-sĩ-Tiêm 裴 士 遾

Người hạt Đông-quan, làng Kinh-lũ, khi 18 tuổi, đi thi một lần trúng hương-cử. Khoa này thi đỗ khi 26 tuổi, có tánh cương trực, làm đến Tự-khanh, tâu nói trái ý vua, bị bãi chức, khi mất, tặng Đại-học-sĩ, tước Hầu.

Nguyễn-quý-Ân 阮貴恩

Người hạt Từ-liêm, làng Thiên-mụ, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Đề-hình-Tả-tư-giáng, khi mất gia tăng công-bộ-Thượng-thư, phong Trung-đẳng Đại-vương, con ô. Quy-Đức, cha con đồng-triều, con đầu là Quý-Kinh, làm đến Thượng-thư, đều phong Phước-thần. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ **xuất-thân 18:**

Phùng-bá-Kỳ 馮伯奇

Người hạt An-lạc, làng Vĩnh-mụ, Giải-nguyên, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Đãi-chế.

Nguyễn-Nham 阮巖

Người hạt Thạch-thất, làng Phùng-xá, Tỉnh-nguyên, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 40 tuổi, ứng chế hợp cách, làm đến Học-sĩ, thự-Tham-chánh, thân phụ ô. Thời-Lạng. Cha con đều đăng khoa.

Cao-dương-Trạ 高陽濯

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hộ-Bộ thượng-thư, tước Quận-công, sau tặng Thiếu-phó.

Đỗ-đình-Thụy 杜廷瑞

Người hạt Lôi-dương, làng Au-lãng, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Dương-bật-Trạc 楊弼擢

Người hạt Nam-chân, làng Cổ-lễ, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiến-sứ, nguyên họ Đào, mới đổi họ Dương, cháu xa đời ô. Tích.

Ngô-nhân-Hân 吳仁昕

Người hạt Đông-ngạn, làng Cẩm-chương, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Nguyễn-công-Thái 阮公寀

Người hạt Thanh-trì, làng Kim-lũ, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 32 tuổi, Hội-nguyên, lại thi đậu vào Đông các, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, bốn lần làm chức Tham-tụng, vinh phong « Công-thần-xuất-trấn Quận-công », khi về hưu, lại triệu ra làm Tham-tụng, khi mất, tặng Thái-phó.

Nguyễn...? 阮...?

Người hạt Cẩm-giang, làng Mao điền, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Đông-các-Hiệu-thư.

Nguyễn-đức-Ánh 阮德暎

Người hạt Tiên-du, làng Phật-tích, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Hình-bộ-Tả-thị-lang, về hưu, tặng Công-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, thân phụ ô. Đức-Vỹ, cha con đồng-triều, tổ phụ ô. Duân-Quỳnh Nhiều đời đăng khoa.

Trần-ân-Triêm 陳恩霑

Người hạt An-định, làng An-lâm, có trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 43 tuổi, làm đến Hàn-lâm-thừa-chỉ, về hưu, tặng Công-bộ-hữu-thị-lang.

Lương-Lâm 梁寀

Người hạt Ngọc-sơn, làng Tào-sơn, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử. Cháu huyền-tôn ô. Xán, cháu nội ô. Nghĩ. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-hoàn-Viện 黎完瑗

Người hạt Gia-lâm, làng Bác-trường, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, anh ô. Hoàn - Hạo, anh em đồng-triều, và đều đăng khoa.

Hoàng-đăng-Xuân 黃登春

Người hạt Thuần-lộc, làng Đại - lý, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Thừa-sứ, tặng Tả-thị-lang,

Đinh-nguyên-Hanh 丁元亨

Người hạt Gia-lâm Kim-lan, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Binh-bộ-Tả-thị-lang, tước Hầu, về hưu, lại triệu - dụng, sau tặng Thượng-thư.

Nguyễn-đ nh Quỵ 阮廷樻

Người hạt Thanh-tri, làng Nguyệt-Ấn, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiên-sứ, cháu tằng-tôn các ông Đinh-Quốc-Trinh, Đinh-Trụ, cháu đường-diệt các ông Đinh-Ức, Đinh-Bách. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-phùng-Thì 阮逢時

Người hạt Nam Đường, làng lâm, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hình - bộ - Tả - thị - lang, về hưu, thân phụ ô. Bá-Quỳnh, cha con đều đăng khoa và đồng-triều.

Nguyễn-Kiều 阮翹

Người hạt Từ-liêm, làng Phú-xá, thi đỗ khi 21 tuổi, đi sứ, làm đến Tả-thị-lang.

Lê-Cẩn 黎瑾

Người hạt Thanh-chương, làng Nam . . . đông, Tỉnh-nguyên, đậu sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 48 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

NIÊN HIỆU VĨNH-THẠNH 永 盛 THỨ 14

KHOA MẬU-TUẤT (1718) TIẾN-SĨ 17

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ I về thứ 3:

Võ-công Tế 武 公 宰

Người hạt An-lãng, làng Hải-bối, đậu sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 32 tuổi, Hội-nguyên, đi sứ, làm đến Tham-tụng Lại bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, sau tặng Thiếu-bảo.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 2:

Nguyễn-Tuyển 阮 詮

Người hạt Thanh-trì, làng Nỗ-bạn, trú ở hạt Thượng-phúc, làng Văn-giáp, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Binh-bộ-Tả-thị-lang, hữu-tư-giảng, tước Hầu, sau tặng Binh-bộ-Thượng-thư, truy phong Đại-vương, con ô. Giám-ban Quê-quận-công, cháu xa đời ô. Đức.

Ninh-Địch 寧 迪

Người hạt An-mô, làng Khôi-trì, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, cháu tằng-tôn ô. Đạt.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến sĩ xuất-thân 14:

Lê-hữu-Kiều 黎 有 喬

Người hạt Đường-hào, làng Liêu-xá, thi đỗ khi 28 tuổi, đi sứ, làm đến Lễ-bộ-Thượng-thư Tham tụng, tước Hầu, về hưu sau, tặng Thiếu-bảo, tước Quận-công, con ô Hữu-Danh, em các ông Hữu-Hỷ, Hữu-Mưu, chú ô. Trọng-Tín, thân phụ ô. Hữu-Dung, thọ 70 tuổi. Ba đời đều đăng khoa.

Nguyễn-danh-Hiền 阮名賢

Người hạt Từ-liêm, làng thượng An-quyết, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hiệu-thảo.

Nguyễn-công-Viên 阮公垣

Người hạt Đông-ngạn, làng Vịnh-cầu, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hiệu-thư, đồng-tộc với các ông Văn-Vi, Trọng-Quỳnh, Chi-Sách, Đạt-Thiện, Hiền-Tích, Giáo-Phương, Đức Vọng, em các ông Quốc-Ích, Trọng-Đôn; anh em đồng-triều, ba anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-Cẩm 阮錦

Người hạt Gia-lâm, làng Bác-trường, có trúng sĩ-vọng, thi hội đỗ khi 41 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Tế-tửu, sau tặng Phó-đô-ngự-sử, em ô. Đăng-Liên, anh em đồng-triều, và đều đăng khoa.

Trương-hữu-Thiệu 張有邵

Người hạt Ngọc-sơn, làng Thập-linh, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Giám-sát, cháu nội ô Hữu-Hiệu.

Lê-như-Kỳ 黎如琦

Người hạt Thụy-nguyên, làng An-xá, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hình-bộ-Hữu-thị-Lang, tước Bá, sau tặng Binh-bộ-tả-thị-lang.

Hà-sách Dự 何策譽

Người hạt Đường-hào, làng An nhân, Tỉnh-nguyên, thi đỗ hội đình khi 37 tuổi, làm đến Giám-sát ngự-sử.

Dương-Quán 楊灌

Người hạt Gia-lâm, làng Lạc-đạo, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Giám-sát, cháu xa đời ô. Phước-Tỵ, cháu tằng-tôn ô. Thuần-Hạo, em tùng-đệ ô. Lệ.

Đỗ-lệnh-Nghi 杜令儀

Người hạt Thanh-lâm, làng Thanh-lâm, trúng Ngự-đề, thi đỗ khi 32 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, đi sứ, mất giữa đường, tặng Hình-bộ-Thượng-thư, Sách-Quận-Công.

Nguyễn-đình-Bá 阮廷伯

Người hạt Nam đường, làng Nộn-hồ, thi đỗ khi 45 tuổi, làm đến Giám-sát, thân phụ ô. Đình-Truyền. Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-đình-Toàn 阮廷纂

Người hạt Bạch-hạc, làng Văn-trung, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Tự-khanh, con ô. Đình-Sách. Cha con đều đăng khoa.

Lê-đăng-Truyền 黎登傳

Người hạt Nghi-Xuân, làng Tiên-bào, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Giám-sát.

Nguyễn-quốc-Dị 阮國異

Người hạt Văn-Giang, làng . . . cầu, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Tham-chánh, tặng Phó-đô-ngự-sử.

Trần-Cảnh 陳璟

Người hạt Chí-linh, làng Điền-trì, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hình-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, về hưu, lại mời ra làm Tham-tụng, con ô. Thọ, thân phụ ô. Tiến, cha con đồng-triều, ba đời đều đăng khoa.

NIÊN HIỆU BẢO-THÁI 保泰 THỨ 2

KHOA TÂN-SỬU (1721) TIẾN-SĨ 25 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3

Ngô sách-Hân 吳策訢

Người hạt Đông-ngạn, làng Tam-sơn, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các Hiệu-thư, cháu xa đời ô. Gia-Mưu, cháu nội ô. Sách-Thi, con ô Sách-Tuân, cháu đường-điệt ô. Sách-Dụ. Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 3.

Trương-Thời 張時

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân - mục cựu, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-thảo.

Nguyễn-trác-Luân 阮卓倫

Người hạt Cẩm-giang, làng Bình-lao, thi đỗ khi 22 tuổi, làm đến Phó-đô-ngự-sử, sau tặng Công-bộ-Hữu-thị-lang.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn... Khuê 阮...宴

Người hạt Ngự-thiên, làng Phúc-khê, thi đỗ khi 29 tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế hợp cách, hai lượt đi sứ Tàu, làm đến Hộ-bộ-Tả-thị-lang, tước Hầu, bị giáng xuống Thị-giảng, có sáng tác quyển « Sứ-hoa-tùng-vịnh-thi-tập » 使華叢詠詩集 truyền dời, thọ 75 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng tiến-sĩ xuất thân 21.

Nguyễn-đức-Đôn 阮德敦

Người hạt Đông ngạn làng Vịnh-cầu, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Lễ-bộ Hữu-thị-lang, Ngạn-xuyên-bá, anh ô. Công-Viên, em ô. Quốc-Ích, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Giang-sĩ-Đoan 江 士 端

Người hạt Thanh-lan, làng Võ-nghị, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu-thị-lang, tước Bá, về hưu, thân phụ ô. Sĩ-Điền. Cha con đều đăng khoa.

Trần-Mai 陳 勱

Người hạt Mỹ-lộc, làng Vị-hoành, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Công bộ-Hữu-thị-lang, về hưu.

Trịnh-bá-Tương 鄭 伯 相

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, quán hạt Nam-đường Đô-lương, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hình-bộ Thượng-thư, tước Hầu, sau tặng Lễ-bộ-thượng-thư Thiếu-bảo.

Trần-xuân-Yến 陳 春 宴

Người hạt Thanh-lâm, làng An-lạc, thi đỗ khi 33 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Tế-tửu.

Nguyễn-đăng-Giai 阮 登 階

Người hạt Gia-lâm, làng Hương-triện, thi đỗ khi 25 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-Thị-chế.

Đặng-công-Mậu 鄧 公 茂

Người hạt Từ-liêm, làng La-nội, thi đỗ khi 34 tuổi, đi sứ, làm đến Hộ-bộ-Hữu-thị-lang, về hưu, sau tặng Thượng-thư. thọ 78 tuổi.

Từ-trọng-Đĩnh 徐 仲 挺

Người hạt Thượng-Phúc, làng Phương-quế, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử, em ô. Bá-Cơ, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Ngô-đình-Chất 吳廷碩

Người hạt Thanh-oai, làng tả Thanh-oai, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Binh-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, vinh-phong-Công-thần, về hưu, sau ra làm lại, khi mất tặng Thiếu-bảo, tước Quận-công, em ô. Đình-Thạc. Anh em đều đăng khoa.

Võ-nhân-Chiêu 武仁昭

Người hạt Tứ-kỳ, làng Minh-lễ, thi đỗ khi 34 tuổi, cải tên Trứ, làm đến Thừa chỉ, sau tặng Công-bộ-Hữu-thị-lang, tước Bá.

Trần-đình-Thưu 陳廷揪

Người hạt Thọ-xương, làng Báo-thiên, quán ở hạt Đường hào, làng Liêu-xá, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tự-khanh, sau tặng Tham-chánh.

Nguyễn-huy-Mãn 阮輝滿

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Tự-khanh, em đường-đệ ô. Quang-Nhuận, anh đường-huynh ô. Huy-Thuật, chú đường-thúc ô. Huy-Dựng. Nhiều đời đăng khoa.

Trịnh-ngô-Dụng 鄭吳用

Người hạt Hiệp-hòa, làng Vân-truy, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lại-bộ-Tả-thị-lang, hành Tham-tụng, sau tặng Binh-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công.

Trịnh-đồng-Giai 鄭同佳

Người hạt An-định, làng Ngọc-hoạch, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Hàn-lâm-đãi-chế.

Nguyễn-ngọc-Huyền 阮 玉 鉉

Người hạt Hoằng-hóa, làng Bột-thái, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Tham-tụng đô-ngự-sử.

Võ-Kiều 武 翹

Người hạt Kim-thành, làng Ngọ-đương, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thừa-sử, tặng Hình-bộ-Hữu-thị-lang.

Nguyễn-công-Hoàn 阮 公 桓

Người hạt Đông-ngạn, làng Du-lâm, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hàn-lâm-đãi-chế.

Hồ-sĩ-Tân 胡 士 賓

Người hạt Quỳnh-lưu, làng Hoàn-hậu, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm-đãi-chế, cháu đường diệt ở Sĩ-Dương.

Nguyễn-xuân-Vịnh 阮 春 詠

Người hạt Đường-hào, làng An-phù, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Đỗ-Viêm 杜 炎

Người hạt Phụ-kỳ, làng Mỹ-xá, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Đỗ-hy-Thiều 杜 熙 韶

Người hạt Bạch-hạc, làng Văn-trưng, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu thị-lang, tước Hầu, sau tặng Tả-thị-lang.

NIÊN HIỆU BẢO-THÁI 保 泰 THỨ 5

KHOA GIÁP-THÌN (1724) TIẾN SĨ 17

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập đệ I về thứ 2

Hà-Huân 何 勳

Người hạt An-định, làng Kim-thành, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 28 tuổi, ba lần làm Tham-tụng-hiệp-trấn-thông-lãnh, về hưu, sau ra làm lại đến Binh-bộ-Thượng-thư, Thiếu-bảo, sau tặng Nộn-quận-công.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 2 :

Trần-văn-Dĩnh 陳 名 穎

Người hạt Đông-thành, làng Hoàng-trường, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-Thị-thư.

Lương-nguyễn-Huyền 梁 阮 鉉

Người hạt Thanh-lâm, làng Đồng-khê, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Hiệu-thư.

Trúng đệ tam Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 14 :

Nguyễn-đức-Hoành 阮 德 宏

Người hạt Thụy-nguyên, làng Nguyễn-xá,... thi đỗ khi 27 tuổi, cải tên là Đức-Huy, làm đến Đô-ngự-sử, tặng Binh-bộ-Thượng-thư, tước Hầu.

Võ-công-Trấn 武 公 鎮

Người hạt Thanh-oai, làng Đôn-thư, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 40 tuổi, lại trúng vào Đông-các, nhân làm trái ý vua, bị bãi chức, sau được phục, chức làm đến Binh-bộ-Tả-thị-lang, kiêm Đông-các-học-sĩ, tước Hầu, về hưu, khi mất tặng Thượng-thư, tước Quận-công.

Đồng-Hưu 同 休

Người hạt Ngự-thiên, làng Dữ-thủy, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Lê-hoàng-Huyên 黎 黃 瑄

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân-mục cựu, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu-thị-lang, tước Hầu, về hưu, thọ 87 tuổi.

Trần-văn-Hoán 陳 文 煥

Người hạt Thanh-miên, làng Tử-ô, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, đi sứ, mất giữa đường, tặng Hình-bộ-Tả-thị-lang, tước Hầu, thân phụ ô. Văn-Trứ.

Trần-Viêm 陳 炎

Người hạt Tiên-Hữ, làng Hải-thiện, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Đông-các-học sĩ, bị tử trận, tặng Đại-học-sĩ.

TIMSACH.COM.VN

Cao-nguyễn-Phán 高 阮 類

Người hạt Ngự-thiên, làng Phúc-hải, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-thảo.

Phạm-kinh-Vỹ 范 經 偉

Người hạt Thanh-chương, làng Thổ-hào, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 34 tuổi, cải tên là Công-Liêu 公 寮 làm đến Thừa-sứ, bị bãi chức.

Châu-nguyễn-Lâm 朱 阮 琳

Người hạt Thanh-oai, làng Cát-động, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 38 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Hàn-lâm-Thừa-chỉ, bị tử trận, tặng Công-bộ-Hữu-thị-lang.

Phạm-hữu-Du 范 有 瑜

Người hạt Giao-thủy, làng Quán các, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Công-bộ Hữu-thị-lang, về hưu.

Bạch-phấn-Ưng 白 奮 鷹

Người hạt Gia-định, làng Cầm xá, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Sơn-tây-thừa-sứ.

Lê-phú-Thứ 黎 富 庶

Người hạt Diên-hà, làng Diên hà, thi đỗ khi 21 tuổi, sau cải tên là Trọng-Thứ 仲 庶 làm đến Hộ-bộ-Hữu-thị-lang, tước Bá, về hưu, lại triệu-dụng, thăng Hình-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, thân phụ các ông . . . ? Cha con đều đăng khoa và đồng-triều.

Phạm-đình-Chung 范 鼎 鍾

Người hạt Đường-an, làng Tuấn-kiệt, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, về hưu.

Phạm-trọng-Côn 范 仲 琨

Người hạt Cẩm-giang, làng Đơn-trường, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Đãi-chế, về hưu.

NIÊN HIỆU BẢO-THÁI 保 泰 THỨ 8

KHOA ĐINH-VỊ TIẾN-SĨ 10 (1727) :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ I về thứ 3 :

Nguyễn-thế-Lập 阮 世 立

Người hạt Quế-dương, làng Bồng-lai, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, đi sứ, mất giữa đường, tặng Công-bộ-Tả-thị-lang tước Hầu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 9 :

Nguyễn-đức Vỹ 阮 德 韙

Người hạt Tiên-du, làng Phật-tích, tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 28 tuổi, cải tên là Nguyễn-Vĩ 阮 瑋 làm đến Công-bộ-Thượng-thư, thái-tử-thái-bảo, tước Hầu, về hưu lại triệu dụng, sau tặng Thái-tử-thái-phó, con ô. Đức-Ánh, thân phụ ô. Duân. Ba đời đều đăng khoa.

Phạm-công-Thế 范 公 勢

Người hạt Đông-quan, làng Hoàng-xá, thi đỗ khi 23 tuổi, làm đến Hiệu-thảo, bị hình phạt, quán hạt Thanh-lan, làng Phúc-khê.

Lê-hoàn-Hạo 黎 完 浩

Người hạt Gia-lâm, làng Bác-trường, tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 29 tuổi, cải tên là Hoàn-Toản, làm đến Học-sĩ, tước Bá, về hưu, em ô. Hoàn-Viêm. Anh em đều đăng khoa.

Nguyễn-quốc-Ích 阮 國 益

Người hạt Đông-ngạn, làng Vịnh-cầu, có trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Đông-các-Hiệu-thư, anh các ông Công-Viên, Đức-Đôn, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Quản-Dinh 管 頲

Người hạt Văn-giang, làng. . . cầu, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Tự-khanh.

Nguyễn-đình-Bá 阮 廷 伯

Người hạt Đông an, làng Bình dân, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, sau tặng Thiêm đô, bao phong Đại-vương, thân phụ ô. Đình-Tố. Cha con đều đăng khoa.

Đặng-công-Diễn 鄧公演

Người hạt Tiên-du, làng Phò-đổng, tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 30 tuổi, Hội-nguyên, làm đến... ? cháu nội ô. Công Chất cháu xa đời ô. Công-toản. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-si-Lâm 阮仕琳

Người hạt Cẩm-giang, làng Hoàng-xá, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Đề-hình.

Võ-khâm-Thận 武欽慎

Người hạt Tứ-kỳ, làng Ngọc-lặc, thi đỗ khi 25 tuổi, cải tên là Khâm-Lân, làm tham-tụng, có đi sứ, về làm đến Đô-ngự sử, tước Quận-công, sau tặng Thượng-thư, thân phụ ô. Cơ. Cha con đều đăng khoa.

NIÊN HIỆU BẢO-THÁI 保泰 THỨ 9 (1728)

KHOA MẬU-THÂN, TRÚNG TUYỂN VÀO ĐÔNG-CÁC 3 :

Đệ nhất Trúng-cách I :

Phạm-khiêm-Ích 范謙益

Bồi tụng Lại-bộ-Tả-thị-lang, Thuật-quận-công.

Đệ nhị Trúng-cách I :

Võ công-Trấn 武公鎮

Hàn-lâm-viện Hiệu-thảo.

Đệ tam Trúng-cách I :

Nguyễn công-Thái 阮公寀

Quốc-tử-giám-Tế-tửu.

ĐỜI VUA VĨNH-KHÁNH-ĐẾ (I) NHÀ LÊ.
Dũ-tổ-thuận-vương (chúa Trịnh-Giang)

NIÊN HIỆU VĨNH-KHÁNH 永 慶 THỨ 3

KHOA TÂN-HỢI (1731) TIẾN-SĨ 12 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ thứ 3 :

Đỗ-huy-Kỳ 杜 輝 琪

Người hạt Thụy-nguyên, làng Thử-cốc, trúng sĩ-vọng, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, tước Bá, đi sứ đến trạm Thai-khôi, vừa mất, tặng Hữu-thị-lang.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 3 :

Trần-danh-Ninh 陳 名 寧

Người hạt Gia-định, làng Bửu-triện, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Tả-thị-lang, tước Hầu, thăng Lễ-bộ-Thượng-thư, sau tặng Thiếu-bảo, con ô. Phụ-Dực, anh ô. Danh-Lâm, về hưu. Cha con đều đăng khoa, anh em đồng khoa và đồng bảng.

Nguyễn-Nghiễm 阮 儼

Người hạt Nghi-xuân, làng Tiên-điền, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tham-tụng Thượng-thư, Đại-tư-đồ, Xuân-quận-công, về hưu, lại được triệu-dụng, làm Tể-tướng hơn 10 năm, hộ giá (theo vua) dẹp yên miền Nam, được ban chức Tả-tướng-Quân, dựng ra dinh Bình-nam-hữu-Công, vừa mất, bao phong Trung-đẳng-Phước-thần, em ô. Dực, thân phụ

---

(1) *Chúa Trịnh-Cương buộc vua Lê-dụ-Tông truyền ngôi cho Thái-tử Duy-Phường, tức Vĩnh-khánh-Đế, sau bị chúa Trịnh-giang truất phế, nên không có Tôn-hiệu.*

ô. Khẩn, cha con đồng-triều, anh em đều đăng khoa, đều phongPhước-thần

Quản-đình-Du 管廷油

Người hạt Văn-giang, làng Hoa-cầu, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Đãi-chế.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 :

Nguyễn-bá-Lân 阮伯璘

Người hạt Tiên-phong, làng Cổ-đô, thi đỗ khi 31 tuổi, Hội-nguyên, ra trấn các nơi, có công, làm đến Công-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, về hưu, rồi lại triệu-dụng.

Nguyễn-thời-Lượng 阮時亮

Người hạt Thạch thất, làng Phùng-xá, thi đỗ khi 35 tuổi, chưa kịp vinh quy, đã mất. Con ô. Nguyễn-Danh, cha con đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

Mai-thế Chuẩn 枚世準

Người hạt Nga-sơn, làng Thạch..., thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Hữu-thị-lang, cải qua chức võ, quyền Phủ-sự.

Mai-Danh... 枚名...

Người hạt Sơn-minh, làng Cao-lãm, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Hiệu-thư, tước Bá, về hưu, anh ô. Nghĩa-Chánh, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Trần-danh-Lâm 陳名寀

Người hạt Gia-định, làng Bửu-triện, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thượng-thư, tước Hầu, về hưu, lại triệu-dụng, sau tặng Thiếu-bảo, con ô. Phụ-Dực, em ô. Danh-Ninh, cha con đều đăng khoa, anh em đỗ đồng khoa.

Phạm-nguyên-Ninh 范 元 寧

Người hạt Từ-liêm, làng Đông-ngạc, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các-hiệu-thư, ra đánh giặc mất giữa trận, tặng Hữu-thị-Lang, tước Hầu, cháu xa đời ô. Lân-Định, cháu huyền-tôn ô. Thọ-Chỉ, con ô. Quang-Trạch, em đường đệ các ông Quang-Hoàn, Quang - Dung. Nhiều đời đăng khoa.

Trần-lê-Lân 陳 黎 辚

Người hạt Lôi-dương, làng Tam-lộng, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Đãi-chế, cháu nội ô. Lê-Thức.

Dương-công-Chú 楊 公 澍

Người hạt Gia-lâm, làng Lạc-đạo, thi đỗ khi 36 tuổi, đều làm Tả-tư-giảng lần đến Lại-bộ-Hữu-thị-lang, sau tặng Thượng-thư, tước Quận-công, phong Phước-thần, dòng dõi của các ông Phước-Ty và Thuần-Hoàng.

TIMSACH.COM.VN

ĐỜI VUA THUẦN-TÔNG GIẢN-HOÀNG-ĐẾ
Dũ-Tổ-thuận-vương (chúa Trịnh-Giang)

NIÊN-HIỆU LONG-ĐỨC 龍 德 THỨ 2

KHOA QUÝ SỬU (1733) TIẾN-SĨ 18

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ I về thứ 2

Nhữ-trọng-Thai 汝 仲 台

Người hạt Đường-an, làng Hoạch-trạch, đỗ Tứ-trọng, (1) thi hội đình đỗ khi 38 tuổi, làm đến Hiến-sứ, cháu nội

---

(1) *Giữa mỗi mùa, có một kỳ khảo thí nhân sĩ trong xứ, mỗi năm có 4 kỳ, ai đỗ đủ 4 kỳ, gọi là Tứ trọng...?*

ô. Tiền-Dụng, cháu đường-điệt ô. Tiến-Hiền, anh đường-huynh ô. Đình-Toản. Chú cháu đều đăng khoa.

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất-thân 2

Trần-trọng-Liêu 陳仲寮

Người hạt Thượng-phúc, làng Văn-giáp, đỗ tứ trọng, thi hội đình đỗ khi 39 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Đông-các-học-sĩ, sau tặng Tự-khanh, tước Bá.

Nguyễn-hồ-Giáp 阮胡頰

Người hạt Quảng-đức, làng Thạnh-Quang, tỉnh-nguyên, Hội-nguyên, thi đỗ hội đình khi 31 tuổi, làm đến Đãi-chế

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 15

Nguyễn-kỳ-Nhiệm 阮其任

Người hạt Chương-đức, làng Lê-xá, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Đại-học-sĩ, con ô. Công-Khuê, cha con đều đăng khoa.

Trần-công-Hân 陳公昕

Người hạt Vĩnh-lại, làng Cổ-am, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đãi-chế, bị tử trận, tặng Đông-các-học-sĩ.

Phan-như-Khuê 潘如圭

Người hạt La-sơn, làng An-trung, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Thự-hiến-sứ.

Võ-đình-Dung 武廷蓉

Người hạt Quảng-đức, làng Thạnh-quang, đậu sĩ-vọng, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hàn-lâm-viện-Thừa-chỉ, sau tặng Hữu-thị-lang, tước Bá.

Nguyễn bá-Quỳnh 阮伯炯

Người hạt Nam-đường, làng Hoa-lâm, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Tư-nghiệp, con ô. Phùng-Thời, cha con đồng triều và đều đăng khoa.

Trần-Mô 陳謨

Người hạt Đơn-phụng, làng Di ái, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Thị-độc, tước Bá, về hưu.

Nguyễn-Huệ 阮傒

Người hạt Nghi-xuân, làng Tiên-điền, đậu sĩ-vọng, thi đỗ khi 29 tuổi, sau khi vinh-quy, mất ở nhà, anh ô. Nghiêm, bá-phụ ô. Khẳng, sau truy phong Phước-thần, anh em đều Phước-thần, đều đăng khoa.

Trần-Đồng 陳桐

Người hạt Đơn-phụng, làng Đơn-phụng-thượng, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Tư-huấn.

Đỗ-thành-Doãn 杜成允

Người hạt Đông-an, làng Lan-xuyên, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến Hiệu-thư, Đốc-đồng ở Thanh-hóa, đang tại chức, bị giặc giết.

Trần-Hiền 陳賢

Người hạt Từ-liêm, làng Vân-canh, thi đỗ khi 50 tuổi, làm đến Đãi-chế, sau tặng Thị-giảng.

Trương-nguyên-Điều 張阮條

Người hạt Đông-ngạn, làng Xuân-canh, trú ở Gia-lâm Hàn-lạc, đậu sĩ-vọng, và Tứ trọng, thi hội đình đỗ khi 49 tuổi, ứng-chế đúng thứ 2, bị bãi chức, sau triệu-dụng lại, làm đến Đề-hình.

Nguyễn-Hành 阮 行

Người hạt La sơn, làng Nguyệt-úc, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Hiệu-thư.

Nqhiêm-bá-Đình 嚴 伯 挺

Người hạt Từ-liêm, làng Tây-mụ, thi đỗ khi 51 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, tước Bá, về hưu, sau tặng Tự-khanh.

Trần-danh-Tiêu 陳 名 標

Người hạt Đơn-phụng, làng An-sở, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ, về hưu.

Nguyễn-huy-Thuật 阮 輝 澍

Người hạt Gia-lâm, làng Phụ-thị, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, về hưu, em đường đệ các ông Huy-Nhuận, Huy-Mẫn, chú đường-thúc ô. Huy-Dựng.

ĐỜI VUA Ý-TÔNG HUY-HOÀNG-ĐẾ
Dũ-Tổ-thuận-vương (chúa Trịnh-Giang)

NIÊN HIỆU VĨNH-HỰU 永 佑 THỨ 2

KHOA BÍNH-THÌN (1736) TIẾN-SĨ 15 :

(Khoa này thi tại Trịnh-phủ)

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ thứ I :

Trịnh-Huệ 鄭 槥

Người hạt Vĩnh-phúc, làng Sào-biện Thượng-hương, trú ở hạt Quảng-xương, làm Bất-quần, thi đỗ khi 33 tuổi,

làm đến Thượng-thư, tước Hầu, bị biếm xuống Thừa-sứ, sau tặng Hữu-thị-lang.

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ I về thứ 3 :

Nguyễn-quốc-Hiệu 阮 國 做

Người hạt Duy-tiên, làng Phú-thứ, thi đỗ khi 41 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1

Lê-sĩ-Bàng 黎 仕 滂

Người hạt Thiên-lộc, làng nội Thiên-lộc, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các-học-sĩ, em ô. Sĩ-Triêm, anh em đồng khoa và đồng bảng.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 12 :

Lê-sĩ-Triêm 黎 仕 霑

Người hạt Thiên-lộc, làng nội Thiên-lộc, thi đỗ khi 44 tuổi, làm đến Học-sĩ, anh ô. Sĩ-Bàng, anh em đồng khoa và đồng bảng.

Võ-phương-Đề 武 方 提

Người hạt Đường-an, làng Mộ-trạch, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Đông-các-học-sĩ.

Đồng-doãn-Giai 同 允 佳

Người hạt Đại-từ, làng Hùng-sơn, thi đỗ khi 36 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-hiệu thảo, vâng mạng ra đốc-đồng ở Lượng-sơn rồi mất tại công sở.

Đào-xuân-Lan 陶 春 蘭

Người hạt Nông-cống, làng Hà-my, thi đỗ khi 26 tuổi, đi sứ, làm đến Công-bộ-Tả thị-lang, tước Bá, về hưu, lại được triệu-dụng.

Tràn-bá-Tân 伯 陳 賓

Người hạt Đông-sơn, làng An-hoạch, cải tên là Huy-Bí, đậu sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 27 tuổi, đi sứ, làm đến Lại-bộ-Thượng-thư, tước Hầu, bị biếm qua Công-bộ-Thượng-thư.

Nhữ-đình-Toản 汝 廷 璨

Người hạt Đường-an, làng Hoạch-trạch, thi đỗ khi 34 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Tham-tụng Binh-bộ-Thượng-thư, cải qua võ chức, về hưu, được đặc ân dùng làm chức Quốc-lão, thọ 72 tuổi, con ô. Tiến-Hiền, anh tùng-huynh ô. Trọng-Thai, thân phụ ô. Công-Chân, cháu nội ô. Đình-Dụng. Bốn đời đăng khoa.

Võ-đình-Quyền 武 廷 權

Người hạt Quảng-đức, làng An-thái, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Tự-khanh, về hưu.

Trần-danh-Tân 陳 名 賓

Người hạt Gia-định, làng Bồng-trì, khi 18 tuổi, thi một lần thì trúng Hương-cử, khoa này đỗ khi 29 tuổi, cải tên là Trọng-đồng 仲 棟, làm đến Thừa-chánh-sứ, cháu xa đời ô. Đình-Biểu.

Nguyễn-bá-Tuân 阮 伯 珣

Người hạt Đông-an, làng... Hòa, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Đãi-chế.

Mai-nghĩa-Chánh 枚 義 正

Người hạt Sơn-minh, làng Cao-lãm, thi đỗ khi 36 tuổi, cải tên là Trọng-Tương 仲 襄, làm đến Hàn-lâm-Hiệu-lý, em ô. Danh... anh em đều đăng khoa.

Nguyên thế Khải (hay Giai) 阮 世 楷

Người hạt Thanh-lâm, làng Nhân-lý, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Hình-bộ-Hữu-thị-lang, Hiệp-thống-lãnh, tước Hầu, bị biếm chức, lại được triệu-dụng, thăng Hàn-lâm-Hiệu-lý, đi ra trấn, vừa mất.

Nguyễn-Mại 阮 勱

Người hạt Bình-lục, làng An-đổ, thi đỗ khi 29 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm-viện-Đãi-chế.

NIÊN-HIỆU VĨNH HỰU 永 佑 THỨ 5

KHOA KỶ-VỊ TIẾN-SĨ 8 (1739)

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 1 :

Võ Diệm 武 琰

Người hạt Thiên-lộc, làng Thổ vượng, Tỉnh-nguyên, trúng sĩ-vọng, thi hội đình đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Thị-thư, sau tặng Tự-khanh, tước Bá.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 7 :

Võ-trần-Tự 武 陳 緒

Người hạt Thọ-xương, làng Thái-cực, trú ở hạt Đường-an làng Đơn-luân, thi đỗ khi 24 tuổi, hai lần đi sứ, cải tên là Trần-Thiệu làm đến Tả-hộ, tước Bá, lại đi sứ, mất giữa đường, tặng Thượng thư.

Nguyễn-lâm-Thái 阮 林 泰

Người hạt Thanh-chương, làng Thổ-hào, thi đỗ khi 54 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Trương-đình-Huyên 張 廷 瑄

Người hạt Quảng-đức, làng Công-bộ, thi đỗ khi 27 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến...

Bùi-trọng- Huyến 裴 仲 絢

Người hạt Nông-cống, làng Tiên-mộc, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Thừa-chỉ, bãi về.

Nguyễn-huy-Thục 阮 輝 淑

Người hạt Thanh-oai, làng Kim-bài, thi đỗ khi 24 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Nguyễn-Luân 阮 倫

Người hạt Thọ-xương, làng Bảo-thiên, trú ở hạt Đường-an làng Hòa-dường, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Đãi-chế.

Phạm đình-Trọng 范 廷 重

Người hạt Giáp-sơn, làng Khinh-diêu, thi đỗ khi 26 tuổi, làm thống-lãnh có công, khi 36 tuổi, lãnh Thượng-thư, tước Quận-công, Thái-tử Thái-bảo, ra trấn Nghệ-an, mất tạicông sở được bao phong Phước-thần, tặng...

ĐỜI VUA HIỂN-TÔNG VĨNH-HOÀNG-ĐẾ
Nghị-Tổ ân-vương (chúa Trịnh-Dinh)

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 4

KHOA QUÝ-HỢI (1743) LẤY ĐẬU TIẾN SĨ 7 :

Trúng đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ I về thứ 3 :

Phan-Kinh 潘 璟

Người hạt La-sơn, làng Lái-thạch, thi đỗ khi 29 tuổi, phú thi đứng đầu, làm đến Thừa-chánh-sứ, đánh giặc ở

Hưng-hóa, bị bệnh, mất tại quân thứ tặng Hinh - bộ - Hữu-thị-lang, tước Bá.

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Trần-văn-Trứ 陳 文 煑

Người hạt Thanh-miến, làng Từ-ô, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Đãi-chế, thự Thiêm-đô-ngự-sử, con ô. Văn-Hoàn, cha con đều đăng khoa và đồng-triều,

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Lê-Hoàng-Vỹ 黎 黃 璋

Người hạt Thanh-oai, làng Đơn-sĩ, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hiệu-thư, sau tặng Hàn-lâm-thị-giảng.

Nguyễn-Hoàn 阮 侃

Người hạt Nông-cống, làng Lan-khê, đậu Tỉnh-nguyên, thi hội đình đỗ khi 31 tuổi, Hội-nguyên, ra làm Hữu-tư-giảng, lần đến Tham-tụng Lại-bộ-Thượng-thư, tước Quận-công, quốc-lão, về hưu, lại triệu ra làm Tham-tụng-phụ-quốc-công-thần, con ô. Nguyễn-Hiệu, cha con đều đỗ Hội-nguyên, đều làm Tư-giảng và đều làm Tham-tụng, trên đời thật hiếm có như vậy.

Phạm-si-Thuyên 范 仕 銓

Người hạt Đường-hào, làng Trung-lập, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 47 tuổi, làm đến Hàn-lâm-Thị thư, tước Bá, về hưu.

Lê - doãn - Giản 黎 允 僩

Người hạt Siêu-loại, làng Đại-mão, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Công-bộ-Hữu-thị-lang, hành Sơn - nam Thừa-sứ, anh ô. Doãn-Thán, anh em đều đăng khoa và đồng triều.

Lê-doãn-Giai 黎 允 佳

Người hạt Thuần-lộc, làng Đãi-bich, thi đỗ khi 30 tuổi, ứng-chế hợp cách, cải tên là Doãn-Bưu 允 虎, làm đến Hiệu-lý.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 7

KHOA BÍNH-DẦN (1746) TIẾN-SĨ 4 :

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân I

Đoàn-Chú 段 澍

Người hạt Kim-hoa, làng Phò-lỗ, thi đỗ khi 32 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Lễ-bộ-Hữu-thị-lang, sau tặng Tả-thị-lang, tước Hầu.

Trúng đệ tam giáp Đồng-Tiến-sĩ xuất thân 3 :

Trần-danh-Tó 陳 名 做

Người hạt Thạch-hà, làng Ngọc-điền, thi đỗ khi 34 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Cấp-sự-trung.

Đào-võ-Thường 陶 武 瑞

Người hạt Thanh-lan, làng Yên-lũ, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Hiến-sứ.

Nguyễn-như-Thức 阮 如 式

Người hạt Thư-trì, làng Phú-an, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 9

KHOA MẬU-THÌN (1748) TIẾN-SĨ 18

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ I về thứ 3 :

Nguyễn-huy Oanh 阮 輝 瑩

Người hạt La-sơn, làng Lai-thạch, thi đỗ khi 36 tuổi, đi sứ, làm đến Tả-lại, về hưu, lại triệu-dụng, thăng Đô-ngự-sử, anh ô. Nguyễn-Quỳnh, anh em đồng triều.

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân I :

Trịnh-xuân-Chú 鄭 春 澍

Người hạt Đông-ngạn, làng Hoa-lâm, thi đỗ khi 45 tuổi, đi sứ, làm đến Đông-các-học-sĩ, tước Bá, tặng Thị-độc, con ô. Đức-Nhuận. Cha con đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân II

Võ... 武...

Người hạt Lương-tài, làng Xuân-lan, thi đỗ khi 31 tuổi, phú thi, đứng đầu, Hội-nguyên, làm đến hành Tham-tụng.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-huy-Dận 阮 輝 胤

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 41 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Tự-khanh, tước Bá, về hưu, thân phụ ô. Huy-Cận, con ô. Huy-Nhuận, cháu đường-điệt các ông Huy-Mãn, Huy-Thuật, cha con đồng triều, nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-Kỳ 阮 琪

Người hạt Bình-lục, làng An-lão, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến...

Nguyễn-trọng-Đột 阮 仲 突

Người hạt Đông-ngạn, làng Phò-khê, thi đỗ khi 54 tuổi, làm đến Đãi-chế, tước Bá, về hưu, thọ 83 tuổi.

Lê-trọng-Tín 黎仲信

Người hạt Đường-hào, làng Liêu-xá, thi đỗ khi 27 tuổi, cháu nội ô. Hữu-Danh, con ô. Hữu Mưu, cháu đường-diệt ô. Hữu-Hỷ, ô. Hữu-Kiều, anh đường-huynh ô. Hữu-Dung, làm đến.., Nhiều đời đăng khoa.

Hoàng-phạm-Dịch 黃范奕

Người hạt Giao-thủy, làng Từ-quán, thi đỗ khi 43 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử,

Nguyễn-quốc-Quê 阮國珪

Người hạt Thanh-trì, làng Hoàng-liệt, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Giám-sát-ngự-sử.

Trần-Tiến 陳進

Người hạt Chí-linh, làng Điền-trì, thi đỗ khi 40 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hàn-lâm Thị-giảng, sau tặng Công-bộ Hữu-thị lang, tước Bá, cháu nội ô. Trần-Thọ, con ô. Trần-Cảnh. Nhiều đời đăng khoa.

Lê-doãn-Thân 黎允伸

Người hạt Siêu loại, làng Đại-mão, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Thừa-chánh-sứ, tước Bá, ra trấn Lượng-sơn, bị có lỗi bãi chức, sau khi mất, được khai phục chức cũ, em ô. Doãn-Giản, anh em đều đăng khoa.

Phan-Nhuệ 潘銳

Người hạt Tiên-phong, làng Phúc-xuyên, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Đãi-chế.

Nguyễn-huy-Ngọc 阮輝玉

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân-mục cựu, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Giám-sát, bị có lỗi bãi chức.

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景興 THỨ 13

KHOA NHÂM-THÂN (1752). TIẾN-SĨ 6 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ thứ 2 :

Lê-quý-Đôn 黎貴惇

Người hạt Diên-hà, làng Diên-hà, thi đỗ khi 27 tuổi, Tam-nguyên (đỗ đầu thi Hương, thi Hội, thi Đình) có đi sứ, con ô. Trọng-Thứ, cha con đồng triều, và đều đăng khoa. (1)

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1 :

Đoàn-duy-Tịnh 段惟靖

Người hạt Quỳnh-khôi, làng Tế..., thi đỗ khi 25 tuổi, cải tên là Nguyễn-Thúc 阮俶, nguyên tổ tiên ở hạt Văn-giang, làng Đại-hạnh, có đi sứ, thống lãnh Tây-đạo, làm đến Phó-đô-ngự-sử, tước Bá, vì nghị sự không đồng ý kiến, xin về hưu, vừa mất.

TIMSACH.COM.VN

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4 :

Nghiêm-võ-Chiêu 嚴武昭

Người hạt Thanh-lan, làng Kỳ-nhai, thi đỗ khi 23 tuổi, cải tên là Võ-Đăng, làm đến Đãi-chế.

Nguyễn-xuân-Huyên 阮春暄

Người hạt Thư-trì, làng Hoàng-xá, thi đỗ khi 25 tuổi, ứng-chế hợp cách, cải tên là Nguyễn-Diêu, đi sứ, làm đến Hàn-lâm-Thừa-chỉ, tước Bá, tặng Hữu-thị-lang.

---

(1) *Xét ông này có sáng tác nhiều sách như « Vân-đài-loại-ngữ », Phủ biên tạp lục* 芸臺類語, 撫邊雜錄 *v.v., nhưng ở đây không nói đến.*

Tạ-đình-Hoán 谢廷琬

Người hạt Thanh-oai, làng Đại-định, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung, cháu xa đời ô. Đình Đương 廷當,

Nguyễn-xuân-Huy 阮春暉

Người hạt Lương-tài, làng Duế-đông, thi đỗ khi 49 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự-trung.

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景興 THỨ 15

KHOA GIÁP-TUẤT (1754) TIẾN SĨ 8

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 :

Nguyễn-Trình 阮程

Người hạt Thanh-oai, làng Tả Thanh-oai, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến Đông-các-Hiệu-thư, tặng Thị-độc.

Dương-trọng-Khiêm 楊仲謙

Người hạt Gia-lâm, làng Lạc-đạo, thi đỗ khi 28 tuổi, vì rảnh việc xin về, sau tố cáo bọn ngụy đảng lại được triệu-dụng, em ô. Dương-Sử, anh em đỗ đồng bảng, cháu xa đời ô. Hạo, làm đến...

Dương-Sử 楊使

Người hạt Gia-lâm, làng Lạc-đạo, thi đỗ khi 39 tuổi, làm đến Tự-khanh, tặng Đại-học-sĩ, anh ô. Trọng-Khiêm, anh em đỗ đồng-bảng, cháu xa đời ô. Hạo.

Phan-Cẩn 潘謹

Người hạt Thiên-lộc, làng Thâu.., Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 22 tuổi, Hội-nguyên, sau cải tên là Huy-Ấn 輝蔭, thân phụ ô. Huy-Ích, cha con đồng triều và đều đăng khoa.

Võ huy-Đinh 武 輝 挺

Người hạt Đường-an, làng Trạch, thi đỗ khi 25 tuổi, có đi sứ, làm đến...

Nguyễn-bá-Thú 阮 伯 侏

Người hạt Thọ-xương, làng Đồng-lạc, quán ở hạt Thành-trì, làng Linh-đường, thi đỗ khi 42 tuổi, làm đến Đông-các-học-sĩ, sau tặng Công-bộ-hữu-thị-lang.

Nguyễn-điều-Huyền 阮 調 鉉

Người hạt Cẩm-giang, làng Thu..., thi đỗ khi 28 tuổi, vì can việc, bãi về.

Nguyễn-Thưởng 阮 賞

Người hạt Đông-ngạn, làng Vân-điềm, thi đỗ khi 28 tuổi, ứng-chế hợp cách, ra trấn ở ngoài. Nhiều đời đăng khoa.

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 18

KHOA ĐINH SỬU (1757) TIẾN SĨ 6 :

(Khoa ấy, Nguyễn-khiêm-Hanh trúng thi Hội, đến thi đình, kẹp sách vào bị xét thấy nên không được dự tên trên bảng vàng, nhưng sau cho vào triều kiến).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 1 :

Bùi-đình-Dự 裴 廷 譽

Người hạt Nghi-dương, làng Nải-sơn, Tỉnh-nguyên, được chọn ứng cử, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến...

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Phạm-huy-Ky 范 輝 基

Người hạt Gia-định, làng Đông-bình, thi đỗ khi 41 tuổi, phạm phép bị tội.

TIMSACH.COM.VN

Phạm-Tiến 范 進

Người hạt Võ-giang Kim-đôi, thi đỗ khi 29 tuổi. Hội-nguyên, cải tên là Đình-Đạt, tổ quán ở hạt Đông-triều Kinh-chủ, dòng-dõi Ô. Phạm-Sinh, anh ô. Đình-Dự, làm đến... Anh em đều đăng khoa.

Phan-khiêm-Thọ 潘 謙 受

Người hạt La-sơn, làng An-việt-hạ, được lựa ứng cử, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Phan-lê-Phiên 潘 黎 潘

Người hạt Từ-liêm, làng Đông-ngạc, được chọn ứng cử, thi đỗ khi 23 tuổi, ra trấn thủ có công bình-nam, làm đến Tham-tụng.

Đào-huy-Điển 陶 輝 典

Người hạt Đường-an, làng Đào-xá, được chọn ứng cử, thi đỗ khi 34 tuổi, làm đến ..

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 21

KHOA CANH-THÌN (1760) TIẾN-SĨ 5 :

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 5

Ngô-trần-Thực 吳 陳 植

Người hạt Tiên-du, làng Phật-tích, quán ở hạt Nam-chân, làng Bách-tánh, Tỉnh-nguyên, được chọn cử dự thi khoa hoành-từ, thi hội đình đỗ khi 37 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học-sĩ.

Nguyễn-Khản 阮 侃

Người hạt Nghi-xuân, làng Tiên-điền, được chọn ứng-cử, thi đỗ khi 27 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm chức Tả-tư-

giảng, con ô. Nguyễn-Nghiễm, cháu đường-điệt ô-Huệ, cha con đồng triều, có công bình-nam, cải qua Võ-chức, kiêm trấn Sơn tây, Hưng-hóa. Cha con đều đăng khoa.

Tạ-đăng-Trù 謝 登 儔

Người hạt Đơn-phụng, làng Đại phùng, Tỉnh nguyên. thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lễ-khoa-cấp-sự-trung. Con ô. Đăng-Huân, cháu nội ô. Đăng-Vọng. Ba đời đăng khoa.

Đào-duy-Doãn 陶 惟 允

Người hạt Thượng-phước, làng Chương-dương, thi đỗ khi 35 tuổi, làm đến Hiến-sử.

Nguyễn-huy-Cận 阮 輝 瑾

Người hạt Gia-lâm, làng Phú-thị, thi đỗ khi 32 tuổi, Hội-nguyên, con ô. Huy-Dũng, cháu ô. Huy-Nhuận, thi đình đỗ Đồng-tiến-sĩ, từ về không ra làm. Ba đời đều đăng khoa.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 24

KHOA QUÝ-VỊ (1763) TIẾN-SĨ 5 :

Trúng đệ tam giáp Đồng tiến-sĩ xuất thân 5.

Võ-Cơ 武 璣

Người hạt Tứ-kỳ, làng Ngọc-lặc, thi đỗ khi 28 tuổi con ô. Khâm-Lân, làm đến Hiệu-lý, ra trấn Lượng-sơn, mất đang tại chức, tặng. . Cha con đều đăng khoa.

Nguyễn-duy-Thức 阮 惟 式

Người hạt An-phong làng Vọng-nguyệt, thi đỗ khi 37 tuổi, Hội-nguyên.

Hoa-quý-Khâm 華 貴 欽

Người hạt Từ liêm, làng Cổ-duế, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Cấp-sự-trung.

Phạm-dương-Ưng 范 楊 膺

Người hạt Thọ-xương Phục-Cổ, quán ở Đường-an Hoa Đường, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 27 tuổi.

Nguyễn-lệnh-Tân 阮 令 賓

Người hạt Thụy-nguyên, làng Phò-lê, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Đông-các-đại-học sĩ, có công bình-nam, tặng...

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 27

KHOA BÍNH-TUẤT (1766) TIẾN-SĨ II:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1:

Ngô-thời Sĩ 吳 時 仕

Người hạt Thanh-oai, làng Tả Thanh-oai, tiến-triều, thi đỗ khi 42 tuổi, khoa ấy từ 3 trường đến trường đình đều đứng đầu. Thân phụ ô. Thời-Nhậm, cha con đều đăng khoa và đồng-triều.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 10:

Lý-trần-Quán 李 陳 瓘

Người hạt Từ-liêm, làng Vân-canh, thi đỗ khi 32 tuổi, nguyên là họ « Đặng » dòng dõi ô. Trần-Cận, anh ô. Trần-Dự, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Đặng-dụng-Châu 鄧 用 周

Người hạt Sơn-minh, làng Động-phi, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Đãi-chế.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-duy-Nghi 阮惟宜

Người hạt Từ-liêm, làng La-khê, Tỉnh-nguyên, được chọn ứng cử, thi đỗ khi 36 tuổi, ứng-chế hợp cách, cải tên là Duy-Trung 維忠 làm đến Thị-độc.

Uông-sĩ-Điển 汪仕典

Người hạt Thanh-lan, làng Võ-nghị, thi đỗ khi 30 tuổi, con ô. Sĩ-Đoan, cha con đều đăng khoa và đồng-triều, có công bình-nam.

Trương-đăng-Quỹ 張登揆

Người hạt Chân-định, làng Thanh-nê, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 30 tuổi.

Nguyễn-Quýnh 阮珩

Người hạt Tiên-du, làng Phật-tích, thi đỗ khi 33 tuổi, cháu nội ô. Đức-Anh, cháu dường-diệt ô. Vỹ.

Nguyễn-bá-Dịch 阮伯暘

Người hạt Thần-khê, làng Nguyễn-xá, một lần đi dã trúng Hương-cử, thi hội đình đỗ khi 27 tuổi.

Ngô-phúc-Lâm 吳福臨

Người hạt Thạch-hà, làng Trảo-nha, thi đỗ khi 45 tuổi.

Nguyễn-trọng-Hoằng 阮仲紘

Người hạt Chương-đức, làng Huàn-ngoại, thi đỗ khi 30 tuổi.

Phạm-đồng Viện 范同院

Người hạt Thanh-lâm, làng La-đôi, thi đỗ khi 50 tuổi.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景興 THỨ 30

KHOA KỶ-SỬU (1769) TIẾN-S. 8

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1:

Bùi huy-Bích 裴輝璧

Người hạt Thanh-trì, làng Định-công, trú ở Thanh-liệt, thi đỗ khi 26 tuổi, dòng dõi các ô. Xương-Trạch, Bùi-Cầu, châu đường-tằng-tôn ô. Bỉnh-Quân, sau đổi tên là Bích (bỏ chữ huy). Nhiều đời đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 8:

Phạm-công Chí 范功志

Người hạt Thanh-trì, làng Khương-đình, được chọn cử, thi đỗ khi 36 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Hiệu-lý.

Nguyễn-đình-Giản 阮廷簡

Người hạt Hoằng-hóa, làng Vĩnh-trị, thi đỗ khi 36 tuổi.

Lý-trần-Thản 李陳坦

Người hạt Duy-tiên, làng Lê-xá, thi đỗ khi 49 tuổi, ứng-chế hợp cách, làm đến Thị-độc-hữu-tư-giảng, ra trấn Hưng-hóa vừa mất, tặng Hình-bộ Hữu-thị-Lang, tước Hầu, lại tặng Thượng-thư, tước Quận-công, bao phong Đại-vương.

Lý trần-Dự 李陳譽

Người hạt Từ-liêm, làng Vân-canh, đậu Tỉnh-nguyên và Tứ-trọng (1), thi hội đình đỗ khi 21 tuổi, làm đến Đô-cấp-sự trung nguyên họ Đặng, em ô. Trần-Quán anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

---

(1) *Xem trên có bị chú ở Tiền sĩ Dữ-trọng-Thai.*

Nguyễn-huy-Trạc 阮 輝 濯

Người hạt Văn-giang, làng Đơn-nhiếm, thi đỗ khi 37 tuổi.

Nguyễn-đình-Tó 阮 廷 傃

Người hạt Đông-an, làng Bình-dân, thi đỗ khi 32 tuổi, cải tên là Lạc-Thiện 樂 善, lại cải tên Hương 香, con ô. Đình-Bá. Cha con đều đăng khoa.

Ngô-duy-Viên 吳 維 垣

Người hạt Từ-liêm, làng La-khê, đậu Tứ-trọng, thi đỗ Hội-nguyên, và đỗ Tam-giáp khi 26 tuổi, em ô. Duy-Trưng, cải tên là Trọng-Khuê, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Nguyễn-trọng-Đương 阮 仲 鐺

Người hạt Thanh-chương, làng Trung-cần, thi đỗ khi 46 tuổi, con ô. Trọng-Thường, có đi sứ. Cha con đều đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 33

KHOA NHÂM THÌN (1772) TIẾN-SĨ 13

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 2

Hồ-sĩ-Đống 胡 士 棟

Người hạt Quỳnh-lưu, làng Hoàn-hậu, thi đỗ khi 34 tuổi, Hội-nguyên

Nhữ-công-Chấn 汝 公 琛

Người hạt Đường-an, làng Hoạch-trạch, thi đỗ khi 22 tuổi, con ô. Đình-Toản, cháu nội ô. Tiến-Hiền, cháu tằng-tôn ô. Tiến-Dụng, cháu đường-điệt ô. Trọng-Thai. Bốn đời đều đăng khoa.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân II

Trần-công-Xán 陳 功 粲

Người hạt Đông-an, làng An-vỹ, thi đỗ khi 42 tuổi.

Nguyễn-duy-Hiệp 阮 惟 洽

Người hạt Phụ-dực đông, làng Địa-linh, thi đỗ khi 29 tuổi.

Nguyễn-Quýnh 阮 侗

Người hạt La-sơn, làng Lai-thạch, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 39 tuổi, em ô. Huy-Oánh, anh em đều đăng khoa.

Lê-nguyễn-Thường 黎 阮 琼

Người hạt Thượng-phúc, làng Bình-vọng, thi đỗ khi 30 tuổi.

Đào-võ-Hương 陶 武 香

Người hạt Đường-an, làng Đơn-luân, thi đỗ khi 30 tuổi làm đến Hiệu-thảo.

Võ-huy-Diệm 武 輝 琰

Người hạt Đường-an, làng Hòa-đường, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 36 tuổi.

Võ-huy-Trác 武 楊 倬

Người hạt Đại-an, làng Lộng-điền, thi đỗ khi 43 tuổi, ứng chế hợp cách.

Dương-nguyễn-Hưống 揚 阮 貺

Người hạt-Từ-liêm, làng Ỷ-la, thi đỗ khi 35 tuổi.

Trần huy-Thường 陳 輝 瑨

Người hạt An-lạc, làng Thọ-lão, thi đỗ khi 34 tuổi.

Nguyễn-quang-Biểu 阮 珖 表

Người hạt Nghi-dương, làng Nải-sơn, thi đỗ khi 29 tuổi

Lưu-Tiệp 劉 睫

Người hạt Thanh-trì, làng Nguyệt-ấn, thi đỗ khi 31 tuổi, anh ô. Lưu-Đình, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 36

KHOA ẤT-VỊ (1775) TIẾN-SĨ 18

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 18

Ngô-thế-Trị 吳 世 治

Người hạt Đông-ngạn, làng Hội-phụ, thi đỗ khi 43 tuổi, ứng-chế hợp cách, cải tên là Thế-Dụng 世 用.

Lê-hữu-Dung 黎 有 容

Người hạt Đường-hào, làng Liêu-xá, đỗ Tứ trọng, thi đỗ hội đình khi 31 tuổi, cháu nội ô. Hữu-Danh, con ô. Hữu-Kiều, cháu đường-diệt ô. Hữu-Mưu, ô. Hữu-Hỷ, em đường-đệ. ô. Trọng-Tín. Ba đời đăng khoa.

Nguyễn-huy-Vượng 阮 輝 旺

Người hạt Từ-liêm, làng Minh bảo, thi đỗ khi 45 tuổi, cháu nội ô Nguyễn-công-Ky Nhiều đời đăng khoa.

Đỗ-huy-Cư 杜 輝 琚

Người hạt Đông-sơn, làng Đồng-hương, Tứ-trọng, thi đỗ khi 30 tuổi.

Ngô-thời-Nhiệm 吳時任

Người hạt Thanh-oai, làng Tả Thanh-oai. tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 30 tuổi,thi phú đứng đầu, con ô. Thời-Sĩ, cha con đều đăng khoa và đồng-triều.

Lưu-Đính 劉脡

Người hạt Thanh-trì, làng Nguyệt-Ấn, thi đỗ khi 30 tuổi, em ô. Thiệp, anh em đều đăng khoa.

Phan-huy-Ích 潘輝益

Người hạt Thiên-lộc, làng Thu-hoạch, tứ trọng, thi đỗ khi 26 tuổi, Hội-nguyên, ứng-chế đứng đầu, con ô. Huy-Ân, cha con đều đăng khoa, đều đồng triều và đều đỗ Hội-nguyên.

Nguyễn-thế-Lịch 阮世曆

Người hạt Từ-liêm, làng An-lũng, thi đỗ khi 26 tuổi.

Phạm-đình-Dư 范廷璵

Người hạt Võ-giang, làng Kim-đôi, thi đỗ khi 34 tuổi, em ô. Phạm-Tiến, anh em đều đăng khoa và đồng triều.

Nguyễn-quốc-Ngạn 阮國彥

Người hạt Quảng-đức, làng Bái-ân, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Cấp-sự.

Nguyễn-Nha 阮衙

Người hạt Thanh-oai, làng Tả Thanh-oai, thi đỗ khi 26 tuổi.

Lê-duy-Đản 黎惟亶

Người hạt An-phong, làng Hương-la, thi đỗ khi 33 tuổi, ứng-chế hợp cách.

Ngô duy-Trừng 吳 惟 澄

Người hạt Từ-liêm, làng La-khê, thi đỗ khi 35 tuổi, anh ô. Duy-Viên, anh em đều đăng khoa và đồng-triều.

Trần-thiều-Xưởng 陳 韶 昶

Người hạt An-định, làng Khoái-lạc, thi đỗ khi 40 tuổi.

Lê-trọng-Điển 黎 仲 琠

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân-mục môn, Tỉnh-nguyên, đậu tứ trọng, thi hội đình đỗ khi 41 tuổi.

Hoàng-bình-Chánh 黃 平 政

Người hạt Thiên-thi, làng Thổ-hoàng, thi đỗ khi 40 tuổi, cháu xa đời ô. Hoàng-chân-Nam, cháu tằng-tôn ô. Công-Chi, cháu nội ô. Công-Bửu. Nhiều đời đăng khoa.

Nguyễn-thế-Bình 阮 世 平

Người hạt Thanh-chương, làng Cát-ngạn, đi thi một lần trúng Hương cử, thi đỗ khi 30 tuổi.

Nguyễn-quý-Hiển 阮 貴 顯

Người hạt An-sơn làng Thạch-thán, thi đỗ khi 36 tuổi.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 39

KHOA MẬU-TUẤT (1778) TIẾN-SĨ 4

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 4:

Nguyễn-Dụ 阮 昫

Người hạt Tiên-du, làng Phật-tích, thi đỗ khi 43 tuổi, con ô. Đức-Vỹ, cháu nội ô. Đức-Anh, anh đường-huynh ô. Úynh. Ba đời đăng khoa.

Châu-nguyên-Mại 朱 元 勱

Người hạt Đông-ngạn, làng Dục-tú, thi đỗ khi 39 tuổi, ứng chế hợp cách.

Phạm-trọng-Huyến 范 仲 烜

Người hạt Ý-an, làng Dũng-quyết, thi đỗ khi 33 tuổi.

Ninh-Tốn 寧 遜

Người hạt An-mộ, làng Khôi-trì, tiến triều, thọ Hiệu-thảo thiêm sai tri công phiên (được trao chức Hiệu-thảo ở triều, lại được ủy phái coi về công-nghệ), thi đỗ khi 35 tuổi, Hội-nguyên, cháu đường-diệt ô. Ninh-Địch.

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景 興 THỨ 40

THẠNH-KHOA KỶ-HỢI (1779) TIẾN-SĨ 15

(Năm ấy mở khoa đặc biệt bắt đầu tháng 10 thi Hương, tháng 11 thi Hội, tháng 2 năm Canh-tý thi Đình, đến ngày hôm sau dối-sách tại Trịnh-phủ, cho đậu có thứ tự, về sau chiếu theo đó làm thường thức).

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Lê-huy-Trâm 黎 輝 瓚

Người hạt Thanh-oai, làng Bối-khê, thi đỗ khi 38 tuổi,

Phạm-nguyễn-Du 范 阮 攸

Người hạt Chân-phúc, làng Đặng-điền, Tỉnh nguyên, được tiến triều thọ Hiệu-thảo, thiêm sai tri hình phiên, (được trao chức Hiệu-thảo ở triều, lại được ủy phái coi về hình-vụ), thi đỗ khi 40 tuổi, Hội-nguyên, trường nhì và trường tư đều đứng đầu.

Trúng đệ tam Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 13 :

Phạm-quý-Thích 范貴適

Người hạt Đường-an, làng Hòa-đường, trú ở hạt Thọ-xương, phường Báo-thiên, thi đỗ khi 20 tuổi.

Hoàng quốc-Trân 黃國珍

Người hạt Nam-chân, làng Nam-chân, thi đỗ khi 29 tuổi.

Nguyễn-huy-Quân 阮輝鈞

Người hạt Văn-giang, làng Thanh-khê thi đỗ khi 36 tuổi,

Nguyễn-Hấp 阮翕

Người hạt Gia-lâm, làng Phú thị, thi đỗ khi 33 tuổi.

Nguyễn-đình-Thiều 阮廷韶

Người hạt Đông-ngạn, làng Phó-bảo, thi đỗ khi 33 tuổi,

Nguyễn-đình-Thạc 阮廷碩

Người hạt Từ-liêm, làng Đông-ngạc, thi đỗ khi 26 tuổi.

Lê-đăng-Cử 黎登舉

Người hạt Từ-liêm, làng La-khê, thi đỗ khi 40 tuổi.

Nguyễn-Kiêm 阮兼

Người hạt Từ-liêm, làng Tây-thiềm, thi đỗ khi 29 tuổi.

Võ-dy-Lạng 武羮亮

Người hạt Quảng-đức, làng An-thái, thi đỗ khi 34 tuổi, (1)

---

(1) *Theo tự điển chữ* 亮, 吏球切, 漾韻, *xem đó, thì chữ* 亮, *đọc là « lạng » hay « lượng » đều được thông dụng.*

TIMSACH.COM.VN

Trần-huy-Liên 陳輝璉

Người hạt Gia-Lâm, làng Phú-thị, thi đỗ khi 45 tuổi.

Ngô-Tiêm 吳暹

Người hạt Vọng-doanh, làng Cát-đằng, thi đỗ khi 31 tuổi.

Nguyễn-Đường 阮瑭

Người hạt Thanh-chương, làng Trung-cần, thi đỗ khi 34 tuổi, cháu nội ô. Trọng-Thường, cháu đường điệt ô. Trọng-Đương, chú cháu đồng triều. Nhiều đời đăng khoa.

Phan-huy-Ôn 潘輝溫

Người hạt Thiên-lộc, làng Thu-hoạch, Tỉnh-nguyên, thi đỗ khi 25 tuổi, con ô. Huy-Ấn, em ô. Huy-Ích, cha con anh em đều đăng khoa và đồng triều. Nhiều đời đăng khoa.

TIMSACH.COM.VN

NIÊN HIỆU CẢNH-HƯNG 景興 THỨ 12

KHOA TÂN-SỬU (1781) TIẾN SĨ 2 :

Nguyễn-Cầu 阮球

Người hạt Gia-lâm, làng An-khê, Giám sanh trưởng khoa ứng chế thứ I.

Nguyễn-Tân 阮儐

Người hạt Đông an, làng An-vỹ, Giám-sanh thiếu-tuấn, ứng-chế thứ 2.

NIÊN-HIỆU CẢNH-HƯNG 景興 THỨ 46.

KHOA KỶ-TỴ (1785) TIẾN SĨ 5 :

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân I

Nguyễn-Du 阮 瑜

Người hạt Chương-đức, làng Huân ngoại, quán ở hạt Thanh-oai, làng Vân-xá, tri-huyện, thi đỗ khi 32 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-Tiến sĩ xuất thân 4 :

Ngô-Nho 吳 儒

Người hạt Phú-xuyên, làng Tri-chỉ. Giám-sanh, thi đỗ khi 30 tuổi.

Lê-danh-Hiển 黎 名 顯

Người hạt Gia-lâm, làng Bắc-trường, sanh-đồ, thi đỗ khi 29 tuổi, Thiếu-tuấn.

Nguyễn-bá-Lan 阮 伯 蘭

Người hạt Gia-lâm, làng Cổ-linh, Hội nguyên, Trúng-thức.

Nguyễn-đình-Tứ 阮 廷 賜

Người hạt Chương-đức, làng Bảo-tử, Huấn-đạo, thi đỗ khi 36 tuổi, Trưởng-khoa.

ĐỜI VUA MẪN-ĐẾ NHÀ LÊ.

NĂM ĐINH-VỊ NIÊN-HIỆU CHIÊU-THỐNG 昭 統 THỨ 1

(1787) LẤY MỞ CHẾ-KHOA

Trúng cách 2 người

(Khoa ấy vua xuống chiếu khiến tiến cử những người hiền lương phương-sĩ, được dự, cử cho vào Đại-đình đối sách, ân điển đồng với Tiến sĩ).

Trúng Đồng chế-khoa xuất thân 2 :

Trần-bá-Lảm 陳伯覽

Người hạt Từ-liêm, làng Vân-canh, đã đậu kỳ thi Văn-chức, cháu nội ô. Trần-Hiền.

Nguyễn-gia-Cát 阮嘉吉

Người hạt Văn-giang, làng Hoa-cầu dự hạng thiếu tuấn nho-sanh 少俊儒生 (nho sinh tuổi trẻ, tài mạo tuấn tú).

NIÊN-HIỆU CHIÊU-THỐNG 昭統 THỨ 1

KHOA ĐINH-VỊ CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 14

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 3

Bùi-dương-Lịch 裴楊瀝

Người hạt La-sơn, làng An-toàn, Hội-nguyên, làm đến Nội-hàn-cung-phụng-sứ, Viên-ngoại-lang, thi đỗ khi 30 tuổi.

Nguyễn-đăng-Sở 阮登陼

Người hạt Gia-định, làng Hương-triện, cháu nội ô. Tiền đăng Giai, trúng thức, thi đỗ khi 34 tuổi.

Trần-danh-Án 陳名案

Người hạt Gia-định, làng Bưu-triện, cháu nội ô. Phụ-Đực con ô. Danh-Lâm, làm đến Viên-ngoại-lang, hành Chiếu-khám.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 2:

Nguyễn-qúy-Ban 阮貴班

Người hạt Thanh-trì, làng Nhân-mục cựu, con ô. Huy-ngọc, cựu phó-tri-huyện-úy, thi đỗ khi 42 tuổi.

Lê-trọng-Dinh 黎 仲 頲

Người hạt Thanh oai, làng Đa-sĩ, Huấn dạo, thi đỗ khi 41 tuổi.

Lê huy-Du 黎 輝 瑜

Người hạt Hoằng hóa, làng Bột-thượng, Giám-sanh, thi đỗ khi 31 tuổi.

Nguyễn-huy-Lý 阮 輝 理

Người hạt Tứ-kỳ, làng mậu-đoạn, Giải nguyên.

Đỗ-lệnh Thiện 杜 令 善

Người hạt Thanh-trì, làng nhân mục-cựu, dòng dõi ô Lệnh-Danh, Văn-chức Trúng thức, thi đỗ khi 18 tuổi, Thiếu-tuấn.

TIMSACH.COM.VN

Võ-trọng-Tử 武 仲 梓

Người hạt Quảng-đức, làng An-thái, dự hạng tri-huyện. (tuổi trẻ thông minh),

Nguyễn-gia-Vận 阮 嘉 運

Người hạt Tiên du, làng Hoài-bảo, dòng dõi các ông Đăng-Cao (thám-hoa), Đăng-đạo (trạng nguyên), Đăng-Minh. Đăng-Tuân ; thi đỗ khi 38 tuổi.

Nguyễn-Khuê 阮 奎

Người hạt Chân-phúc, làng Đặng-xá, Trưởng khoa, cựu Huấn-đạo, thăng đồng Tham-tri chánh-sự, Chỉ-huy thiêm sự, Hoàng-khê-hầu.

Hoàng-nguyễn-Thự 黃 阮 曙

Người hạt Gia-định, làng Đông-bình, Tri-Huyện.

Lê-xuân-Lượng 黎 春 倞

Người hạt Thanh-trì, làng Nguyệt-án, trúng thức.

Phan-bảo-Định 潘 保 定

Người hạt La-sơn, làng An-toàn, Giám-sanh.

TIMSACH.COM.VN

QUỐC-TRIỀU ĐĂNG-KHOA-LỤC

ĐĂNG-KHOA-LỤC HỢP-BIÊN-DẪN

(Lời dẫn về xấp hợp-biên đăng-khoa-lục)

Từ khi đặt ra khoa giáp đến nay, nhân tài được Quốc-gia thâu dùng không sót, điều đó thật đã rõ ràng vậy. Triều Lê về trước, số thi đậu về khoa thứ, người xưa đều cẩn thận ghi biên, khảo cứu được đầy đủ, Văn Miếu ở Hà thành hiện giờ là chỗ Trụ-giám (1) cũ, ở trong chất chứa những bản in khoa-lục đến nay vẫn còn, Hoàng-triều ta giáo-hóa phổ biến, nam bắc đồng một văn phong, riêng về khoa thi Tiến-sĩ là nhân theo quy chế chọn lựa nhân sĩ của các triều, mà phép thi đến nay càng thêm rõ ràng tinh mật. Xét từ năm Nhâm-ngọ, niên hiệu Minh-mạng thứ 3 (1822) đến nay, năm Quý-mão, niên hiệu Thiệu-trị thứ 3 (1843), đã trải qua 9 khoa, sau khi các Tiến-sĩ được dự trúng, bảng vàng tàng trữ ở nhà Thái-học. Bộ sở-quan vâng lệnh dựng bia đề tên, đặt tại trong cửa Văn-miếu, để tỏ sự khích-lệ, kỳ vọng cho tương lai, hàng nhân sĩ lấy làm hâm mộ truyền nhau sao chép, nhưng chưa

---

(1) *Trụ có nghĩa là Trưởng, đứng đầu; Giám là trường Quốc-tử giám, trường Đại học lớn nhất ở thời xưa, chữ "Trụ-giám" ở đây có ý nói chỗ trường học đứng đầu trong nước.*

xuất bản, Trung này nhân khi rảnh việc, được cùng các vị liêu hữu đồng - thành là Đốc-bộ- đường (2) Đại-nhân Mai, Ngoại-đài (3) Phan, Học Chánh (4) Võ, tỏ bày những điều muốn làm thì các vị đều cho là phải, tôi mới đem bản chép về các bảng thi đình các khoa thuộc về bản triều theo thứ tự ghi biên thành tập, để được kỷ-niệm thạnh-điển ngày nay vậy. Lại xét các bản khoa lục cũ đời trước lâu ngày rách nát, thiếu sót cũng nhiều chưa ai sửa sang. Trung này thiết nghĩ rằng tập biên này may còn, mà lại không đủ bèn tìm các bản riêng của các nhà cố cựu gia tâm thêm vào, chỗ nào rách nát thì sửa chữa lại như xưa ; chỗ nào thiếu sót, thì bổ chánh thêm vào, xếp đóng thành mới ; Từ đời Lý đến đời Lê trên dưới ngàn năm, khoa lục tạm đủ, để bảo tồn cổ tích. Vậy nên bản tân sao qua cửu-lục nầy, đều theo triều đại trước sau, thứ lớp biên chép thành tập nhan đề là «Đăng-khoa-lục-hiệp-biên» và giao ra ấn khắc, toan để cống hiến cho những người hiếu văn. Ôi ! . . . Thánh-triều văn-hiến, ngày càng thạnh vượng hơn xưa, trời giúp Hoàng triều đến ngàn muôn năm, Nho-khoa nối gót ra đời, từ nay về sau, mong được tiếp-tục biên thêm vào bản «Đăng-khoa-lục» này. Để ai có lòng muốn tìm hiểu những thạnh-điển thiện mỹ của khoa giáp nước nhà, hầu được có sách khảo cứu, vì thế nên viết lời dẫn này.

Viết tại Hà-thành ngày 15 tháng 9 năm Quý-mão niên hiệu Thiệu-Trị thứ 3 (1843).

Cổ-hoan, Chỉ-trai, Lê-nguyên-Trung, Bố-chánh; Hà thành cẩn thư.

---

(2) là Tổng-đốc, chức-vị ở đầu một tỉnh lớn.— (3) Chức án sát coi việc hình pháp trong một tỉnh— (4) Chức Đốc-học, coi việc học-chánh trong một tỉnh lớn.

QUỐC-TRIỀU ĐĂNG-KHOA HỢP-BIÊN

TRIỀU NGUYỄN-PHƯỚC

Đời Vua Thánh-tổ Nhân-Hoàng-Đế

NIÊN-HIỆU MINH-MẠNG 明 命 THỨ 3

ÂN KHOA NHÂM-NGỌ (1822) CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 8 :

(Minh-mạng thứ 12 mới truy lại khắc bia đề tên các Tiến-sĩ, sau xóa bỏ 1 người là Đinh-văn-Phát)

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất-thân 1 người

Nguyễn Ý 阮 懿

Người xã Vân-la, huyện Thanh-Trì, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 27 tuổi, chưa kịp bổ dụng thì mất. Trấn Sơn-nam sau cải là tỉnh Hà-nội (sau theo như thế:).

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân thứ 7 :

Lê-Quang 黎 珖

Người xã Bình-vọng, huyện Thượng-phước, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Tham-hiệp.

TIMSACH.COM.VN

Phan-hữu-Tánh 潘 有 性

Người xã Hoàn-hậu, huyện Quỳnh-lưu, phủ Diễn châu, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 47 tuổi. Giải-nguyên, làm đến Lang-trung.

Hà-Quyền 何 權

Người xã Cát-động, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-hòa, trấn Sơn nam, làm đến Lại-bộ Tham-tri, sung Nội-các, mất, tặng Thượng-thư.

Võ-đức-Khuê 武 德 奎

Người xã Lương-đường, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Lại-bộ Tham-tri, giáng xuống Tư-vụ, mất, tặng Lang-trung.

TIMSACH.COM.VN

Phan-bá-Đạt 潘 伯 達

Người xã Việt-an-hạ, Huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 36 tuổi, phủ Đức-thọ, sau thuộc tỉnh Hà tịnh.

Trần-lê-Hiệu 陳 黎 傚

Người xã Phủ-lý, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hoa, thi đỗ khi 38 tuổi, Giải-nguyên, làm đến Lang-trung về hưu, (Thanh-hoa nay cải là Thanh-hóa,)

NIÊN HIỆU MINH MẠNG 明 命 THỨ 7

KHOA BÍNH-TUẤT (1826) CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 10 NGƯỜI :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 người :

Hoàng-tế-Mỹ 黃濟美

Người xã Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây, thi đỗ khi 22 tuổi, Giải-nguyên, làm đến Tham-tri, mất, tặng thượng-thư.

Nguyễn-huy-Hựu 阮輝佑

Người xã Xuân-niếu, huyện Từ-kỳ, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 44 tuổi, nguyên Giám-sanh, làm đến Đốc-học.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 8 người :

Phan-thanh-Giản 潘清簡

Người thôn An-thạnh-Hòa, Huyện Vĩnh-bình, phủ Định-viễn, trấn Vĩnh-thanh, thi đỗ khi 21 tuổi. (Vĩnh-thanh sau cải là Vĩnh-long.)

Châu-văn-Nghị 朱文議

Người xã An-phụ, huyện An-phong, phủ Từ-sơn, trấn Bắc-ninh, thi đỗ khi 40 tuổi.

Võ-Phiên 武璠

Người thôn Tự-tháp, huyện Thọ-xương, phủ Hoài đức, thi đỗ khi 23 tuổi.

Tô-Trân 蘇珍

Người xã Xuân-cầu, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Bắc-ninh, thi đỗ khi 36 tuổi.

Ngụy-khắc-Tuần 魏 克 循

Người xã Xuân-viên, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-thọ, trấn Nghệ-an, thi đỗ khi 38 tuổi.

Đặng-văn-Khải 鄧 文 啓

Người xã Lộng-đình, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, trấn Bắc-ninh, thi đỗ khi 33 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Lang-trung, can lỗi, mất, tặng Viên-ngoại-lang.

Võ-thời-Mẫn 武 時 敏

Người xã Hội-thống, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-thọ, trấn Nghệ-an, thi đỗ khi 32 tuổi.

Nguyễn-văn-Thắng 阮 文 勝

Người phường An-thái, huyện Vĩnh-thuận, phủ Hoài-đức thi đỗ khi 24 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

NIÊN HIỆU MINH MẠNG 明 命 THỨ 10

KHOA KỶ SỬU (1829) CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 9

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 1

Nguyễn-đăng-Huân 阮 登 勳

Người xã hương-ngãi, huyện Thạch-thất, phủ Quốc oai, trấn Sơn-tây, thi đỗ khi 25 tuổi, làm đến Lang-Trung.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến sĩ xuất-thân 8 :

Bùi-ngọc Quỹ 裴 王 櫃

Người xã Hải-thiện, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam, Khoái-châu sau thập vào tỉnh Hưng-an.

Phạm-thế-Hiển 范 世 顯

Người xã Luyến-khuyết, huyện Đông-quan, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 27 tuổi.

Nguyễn-Trừ 阮 佇

Người thôn Bình-vọng, huyện Thượng-phước, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Án-sát-sứ, can lỗi mất.

Trương-quốc-Dụng 張 國 用

Người xã Phong-phú, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa, trấn Nhân-an, thi đỗ khi 33 tuổi. (Hà hoa sau thuộc Hà-tịnh, Hà-hoa nay cải là Hà-thanh), làm đến Hiệp-biện, sung Hải-an-Tham-tán đại-thần, mất giữa trận.

Phạm-thế-Lịch 范 世 歷

Người xã Quần-mòng, huyện Giao-thủy, phủ Thiên-trường, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 39 tuổi.

Ngô-thế-Vinh 吳 世 榮

Người xã Bái-dương, huyện Nam-chân, phủ Thiên-trường, trấn Sơn-nam, thi đỗ khi 27 tuổi.

Phạm-Quý (hay Khôi) 范 瓌

Người xã Kim-đôi, huyện Võ-giang, phủ Từ-sơn, trấn Bắc-ninh, thi đỗ khi 25 tuổi.

Trần-huy-Phác 陳 輝 樸

Người xã Đông-lủy, huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, trấn Nghệ-an, thi đỗ khi 33 tuổi, Hội-nguyên.

TIMSACH.COM.VN

NIÊN HIỆU MINH MẠNG 明命 THỨ 13

KHOA NHÂM-THÌN (1832) CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 8 NGƯỜI :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 người :

Phan-Trứ 潘儲

Người xã Phò-ủng, huyện Đường- hào, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 39 tuổi.

Phạm-sĩ-Ái 范士愛

Người xã Trung-chỉ, huyện Đường-hào, phủ Bình giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Án-sát-sứ, biện-lý Bình-bộ sự-vụ.

Trúng đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất-thân 6 người :

Nguyễn-văn-Lý 阮文理

Người phường Đông-tác, huyện Thọ-xương, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 38 tuổi.

Đỗ-Quang 杜光

Người xã Văn-lư, huyện Gia-lộc, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 29 tuổi, Hội-nguyên.

Phạm-bá-Thiều 范伯迢

Người xã Kim-đôi, huyện Võ-giang, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 40 tuổi.

Võ-công-Độ 武功度

Người xã Vị-hoàng, huyện Mỹ-lộc, phủ Thiên-trường, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 28 tuổi, Giám-sanh.

Nguyễn-Tán 阮 僎

Người xã Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ khi 29 tuổi, làm đến Viên-ngoại-lang.

Phạm-gia-Chuyên 范 嘉 瑌

Người xã Đông-canh, Huyện Từ-liêm, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 42 tuổi.

NIÊN HIỆU MINH-MẠNG 明 命 THỨ 16

KHOA ẤT-VỊ (1835) CHO TRÚNG TIẾN-SĨ 11 NGƯỜI :

Trúng đệ nhị giáp Đồng-tiến-sĩ xuất thân 3 người :

Nguyễn-hữu-Cơ 阮 有 機

Người xã Tống-xá-hạ, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 32 tuổi, Giải-nguyên.

Phạm-văn-Huy 范 文 輝

Người xã Quan-chiêm, huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh-hóa, ngụ xã Thiên-lộc, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 25 tuổi.

Bạch-đông-Ôn 白 冬 温

Người xã Lạc trường, huyện Kim-bảng, phủ Lý-nhân, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 25 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 người :

Lưu-Quỹ 劉 揆

Người xã Nguyệt-ấn, huyện Thanh-trì, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 25 tuổi.

Nguyễn-Thố 阮 措

Người xã Hoằng-đạo, huyện Hoằng-hóa, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa, thi đỗ khi 43 tuổi.

Nguyễn-hoằng-Nghĩa 阮 弘 義

Người xã Hoằng-hà, Huyện Thạch-hà, phủ Hà-thanh, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ khi 51 tuổi, Giám-sanh, làm đến Tri-phủ.

Bùi-đình-Bảo 裴 廷 保

Người xã An-đồng, huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ khi 29 tuổi.

Hoàng-văn-Thâu 黃 文 收

Người xã Thiên-tùy, huyện Phong-điền, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 31 tuổi, Hội-nguyên, làm đến Thượng-thư.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-đức-Hoan 阮 德 懽

Người làng An-thư, huyện Hải-lăng, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị, thi đỗ khi 31 tuổi.

Lê-văn-Chân 黎 文 臻

Người xã Trà-lam, huyện Phù-mỹ, phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định, thi đỗ khi 19 tuổi. (1)

Nguyễn-thế-Trị 阮 世 治

Người xã hương-liệu, huyện Đặng-xương, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị, thi đỗ khi 32 tuổi, làm đến án-sát-sứ.

---

(1) Trong khoa lục của cụ Cao-xuân-Dục nêu ông Lê-văn-Chân vào hạng thiếu huấn 19 tuổi.

NIÊN HIỆU MINH-MẠNG 明 命 THỨ 19

KHOA MẬU-TUẤT (1838) CHO TRÚNG TIẾN SĨ 10 NGƯỜI :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 người :

Nguyễn cữu-Trường 阮 久 長

Người Gia-miêu-ngoại-trang, huyệnTống-sơn, tỉnh Thanh-hoá, ngụ xã Hoàng-công, phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng bình, thi đỗ khi 22 tuổi. Giám-sanh, Hội-nguyên.

Phạm-văn-Nghị 范 文 誼

Người xã Tam-đăng, huyện Đại-an, phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 34 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8:

Đinh-viết-Thận 丁 曰 慎

Người xã Thanh-liêu, huyện Thanh chương, phủ An-sơn, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 25 tuổi.

Phạm-Chân 范 真

Người xã Cảnh-dương, huyện Bình-chánh, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, thi đỗ khi 25 tuổi.

Nguyễn-văn-Tùng 阮 文 松

Người xã Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, phủ Hoài đức, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 27 tuổi, Giải-nguyên, làm đến Tri-phủ.

Lê-duy-Trung 黎 惟 忠

Người xã Thượng-phước, huyện Thượng-phước, phủ Thường-tín, tỉnh Hà nội, thi đỗ khi 44 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Trần-thời-Mẫn 陳時敏

Người xã Minh-hương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-Thiên, thi đỗ khi 26 tuổi.

Hoàng-trọng-Tự 黃仲嗣

Người xã Nguyệt-biều, huyện Hương-thủy, phủ Thừa-Thiên, thi đỗ khi 29 tuổi.

Lê-thiện-Trị 黎善治

Người thôn Trung-an, huyện Duy-xuyên, phủ Điện-bàn tỉnh Quảng-nam, thi đỗ khi 43 tuổi Giám-sanh.

Doãn-Khuê 尹奎

Người xã Ngoại-lãng, huyện Thư-trì, phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 26 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

ĐỜI VUA HIẾN-TỔ CHƯƠNG HOÀNG-ĐẾ

NIÊN-HIỆU THIỆU-TRỊ 紹治 THỨ 1

Ân-khoa Tân-sửu (1841) cho trúng Tiến-sĩ II :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-Ngọc 阮鈺

Người xã Đông-hải, huyện Chân-lộc phủ Anh-sơn, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 27 tuổi, Hội-nguyên.

Ngô-Chân 吳岑

Người xã Tả-thanh-oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 28 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 9 :

Lê-Đức 黎 德

Người xã Sa-lung, huyện Minh-linh, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị, thi đỗ khi 30 tuổi.

Bùi-Tuấn 裴 俊

Người xã Liên-bạt, huyện Sơn-minh, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 34 tuổi, Giải-nguyên.

Trần-Vỹ 陳 瑋

Người xã Thượng-cát, huyện Từ-liêm, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà nội, thi-đỗ khi 28 tuổi, làm đến Tập-hiền-thị-giảng-học-sĩ.

TIMSACH.COM.VN

Đào-danh-Văn 陶 名 聞

Người xã Tiên-hương, huyện Tiên-lữ, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-an, thi đỗ khi 38 tuổi,

Võ-văn-Lý 武 文 理

Người xã Vĩnh-trụ, huyện Nam-xương, phủ Lý-nhân tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 33 tuổi.

Nguyễn bá-Toại 阮伯 穗

Người xã Tuân-dưỡng, huyện Lệ-dương,phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam, thi đỗ khi 30 tuổi, Giám-sanh.

Bùi-duy-Phiên 裴 惟 璠

Người xã Kim thanh, huyện Võ-tiên, phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 40 tuổi.

Hồ-văn-Trị 胡文治

Người thôn Quy-đức, huyện Bố-trạch, phủ Quảng-Trạch, tỉnh Quảng-bình, thi đỗ khi 27 tuổi.

Nguyễn-xuân-Thọ 阮春壽

Người xã Đơn-duệ, huyện Minh-linh, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị, thi đỗ khi 34 tuổi, Giám-sanh.

NIÊN HIỆU THIỆU-TRỊ 紹治 THỨ 2.

Ân-khoa Nhâm-dần (1842) cho trúng Tiến-sĩ 13:

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân 1 :

Hoàng-đình-Tá 黃廷佐

Người xã Sầm-đường, huyện Thanh-trì, phủ Thường tín, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 27 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 12:

Phan-đình-Dương 潘廷揚

Người xã Trang-liệt, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 38 tuổi.

Phan-nhật-Tinh 潘日省

Người xã An-đồng, huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ khi 27 tuổi, Hội-nguyên.

Phan-hữu-Từ 潘有慈

Người xã Phò-an, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên, thi đỗ khi 28 tuổi.

Nguyễn-danh-Vọng 阮 名 望

Người xã Hoàng-mai, huyện An-dũng, phủ Lượng-giang, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 49 tuổi, Giám-sanh.

Ngô-khắc-Kiệm 吳 克 儉

Người phường Phước-điền-thượng, huyện Bình-chánh, phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình, thi đỗ khi 44 tuổi.

Nguyễn-duy-Cần 阮 惟 勤

Người xã Lý-hòa, huyện Bố-trạch, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, thi đỗ khi 26 tuổi.

Nguyễn-tường-Phổ 阮 祥 浦

Người xã Cẩm-phô, huyện Diên-phước, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, thi đỗ khi 36 tuổi.

Trần-văn-Chánh 陳 文 正

Người thôn Lân-chiểu, huyện Bồng-sơn, phủ Hoài-nhân tỉnh Bình-định, thi đỗ khi 22 tuổi.

Nguyễn-quý-Tân 阮 貴 新

Người thôn Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, phủ Ninh-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 29 tuổi.

Nguyễn-văn-Duy 阮 文 惟

Người xã Đường-long, huyện Phong-điền, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 34 tuổi.

Nguyễn-văn-Tố 阮 文 做

Người xã Xuân-dục, huyện Đường-hào, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Hàn-lâm-biên-tu.

Trương-đăng-Trinh 張 登 楨

Người xã Mỹ-khê-tây, huyện Bình-sơn, phủ Tư-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Hàn-lâm-biên-tu.

NIÊN HIỆU THIỆU-TRỊ 紹 治 THỨ 3

Khoa Quý-mão (1843)

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ 1 về 3

Mai-anh-Tuấn 枚 英 俊

Người xã Thạch-lãng, huyện Nga-sơn, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa, thi đỗ khi 29 tuổi, nguyên tên là Thế-Tuấn vua cho tên là Anh-Tuấn, phái ra Cao-bình, Lượng-sơn dẹp giặc, phải tử tiết.

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất-thân 1 :

Nguyễn-bá-Nhã 阮 伯 逝

Người xã Hoằng-đạo, huyện Hoằng-hoá, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa, thi đỗ khi 22 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Phạm-phú-Thứ 范 富 庶

Người xã Đông-thầm, huyện Điên-phước phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, thi đỗ khi 24 tuổi, Giải-nguyên, Hội-nguyên.

Nguyễn-Phiên 阮 蕃

Người xã Xuân-mỹ, huyện Minh-linh, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị thi, đỗ khi 30 tuổi.

Võ văn-Tuấn 武 文 俊

Người xã Bác-dương, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 38 tuổi.

Đỗ-Phát 杜 發

Người xã Quần-anh-hạ, huyện Chân-ninh, phủ Thiên-trường, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 31 tuổi.

Nguyễn-thanh-Oai 阮 青 威

Người xã Kế-môn, huyện Phong-điền, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 28 tuổi.

NIÊN HIỆU THIỆU-TRỊ 紹 治 THỨ 4

Khoa Giáp-Thìn (1844) cho trúng Tiến-sĩ 10 :

Trúng đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-Chương 阮 章

Người xã Vĩnh-hòa, huyện Đăng-xương, phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị, thi đỗ khi 33 tuổi.

Nguyễn-văn-Phú 阮 文 富

Người xã Hàn-lâm, huyện Đông ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 23 tuổi.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 8 :

Nguyễn-dương Huy 阮 揚 輝

Người xã Mỹ-hòa, huyện Bình-chánh, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, thi đỗ khi 32 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Hồ-sĩ-Tuần 胡 士 馴

Người xã Phú-hậu, huyện Quỳnh-lưu, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 32 tuổi.

Hoàng-công-Thạnh 黃 公 盛

Người xã La-vân-hạ, huyện Quảng-điền, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 23 tuổi, Hội-nguyên.

Bùi-văn-Phan 裴 文 潘

Người xã Thân-thượng, huyện Đại-an, phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 27 tuổi.

Trần-hữu-Thụy 陳 有 瑞

Người giáp Tây, xã Nam-phố, huyện Phú-vinh, phủ Thừa-thiên, thi đỗ khi 30 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-hữu-Tạo 阮 有 造

Người xã Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-nội, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Bố-chánh.

Văn-đức-Giai 文 德 佳

Người xã Phú-hậu, huyện Quỳnh-lưu, phủ Diễn-châu, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 36 tuổi, phái ra Hải-an nã giặc, mất giữa trận.

Nguyễn-Chánh 阮 正

Người xã Bình-ngô, huyện Gia-bình, phủ Thuận-an, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ khi 32 tuổi.

TỤC-KHẮC ĐĂNG-KHOA HỢP-BIÊN «TỰ»

Bản «Lịch-triều-đăng-khoa lục» truyền bá khắp nhân-gian cũng đã lâu ngày. Từ triều Lý đến Triều Hậu-Lê trên dưới ngàn năm, kể được 178 khoa, những họ tên sự tích của các Tiến- sĩ vẫn toát lược khảo cứu được. Trong khoảng niên hiệu Thiệu-trị Hoàng-triều, vị Phiên-đài (là chức Bố-chánh) trước là Lê-công Chỉ-Phủ (trước chép là Chỉ-Trai), chép lại bảng-ngạch các khoa của bổn triều nối theo, bắt đầu từ niên hiệu Minh-Mạng đến khoa giáp thìn, niên hiệu Thiệu-trị, cả thảy 10 khoa, nhan đề là «Đăng-khoa-hiệp-biên» cốt toan nêu cao những tinh-hoa Văn trị Thánh-triều, và để tỏ cái gương sáng của nho-khoa cho muôn đời vậy. Nay Phiên-đài Lê-sứ-quân Tịnh-trai Tiên-sanh, lại soạn từ năm Đinh-vị, niên hiệu Thiệu-trị thứ 7(1847) đến năm Nhâm-tuất (1862) thuộc niên hiệu Tự-đức cả thảy 8 khoa, biên để khắc thêm, chủ ý cũng đồng với Lê-công-Chỉ-Phủ Phiên đài trước;người nối gót sau này là ai, có được sự đồng-nhiên như thế nữa hay không ? Diên này đang giữ chức Tỉnh-học (là chức Đốc-học, coi việc học một tỉnh lớn), vừa dở xem bản này xin trân trọng viết thêm mấy lời.

Cúc-hiên, Lê-đình Diên, Tiến-sĩ xuất thân khoa Kỷ-dậu, Hàn-lâm Tu-soạn, lãnh Hà-tĩnh Học-chánh, Cẩn-chí.

Lễ-sanh Hiệu-thừa coi việc ấn-khắc ; Tự-thừa Nguyễn-Giản, Lễ sanh Võ-văn-Hòa.

NIÊN HIỆU THIỆU-TRỊ 紹治 THỨ 7

Khoa Đinh-vị (1847) cho trúng Tiến-sĩ 8

Có 1 vị Trúng-cách vào thi đình bị truất là Đặng-huy-Trứ

Trúng đệ nhất giáp Thám-hoa I :

Phan-thúc-Trực 潘 叔 直

Người làng Phú-ninh, tổng Vân-trụ, huyện Đông-thành, tỉnh Nghệ-an, tên cũ là Dưỡng-Hạo, thi đỗ khi 40 tuổi, làm đến Tập-hiền-thị-giảng.

Trúng đệ nhị giáp Đồng tiến.sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-văn-Hiển 阮 文 顯

Người làng Mỹ-chánh, huyện Hải-lăng, phủ Triệu-phong tỉnh Quảng-trị, cử-nhân khoa Bính-ngọ, Hội-nguyên, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Bố-chánh.

Trịnh-đình-Thái 鄭 廷 泰

Người làng Định-công, Khương-đình, Thanh-trì, Hànội, Cử-nhân khoa Bính ngọ, thi đỗ khi 25 tuổi, vua cho tên là Lý-Hanh, làm đến Tuần-phủ.

Trúng đệ tam giáp đồng Tiến.sĩ xuất.thân 4 :

Hoàng-trọng-Nguyên 黃 仲 元

Người làng Nguyệt-biều, tổng Cư-chánh, huyện Hương-thủy, phủ Thừa-thiên, Cử-nhân khoa Bính-ngọ, thi đỗ khi 38 tuổi, làm đến Lễ-bộ-tham-tri.

Nguyễn-đức-Ty 阮 德 滋

Người làng An-thư, huyện Hải-lăng, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng trị, năm Quý-mão vào trường Quốc-tử-giám.

Trịnh-xuân-Thưởng 鄭 春 賞

Người tỉnh Bắc-ninh, Đông-ngạn, Danh-lâm, Cử-nhân, khoa Quý-mão, thi đỗ khi 32 tuổi.

Võ-văn-Hiệu 武 文 燠

Người làng Kiên-hạnh, tổng Mỹ-thuận, huyện Tuy-viễn, phủ An-nhân, tỉnh Bình-định, Cử-nhân khoa Bính-ngọ, thi đỗ khi 37 tuổi, làm đến Tri-phủ.

ĐỜI VUA DỰC-TÔNG-ANH-HOÀNG ĐẾ

NIÊN HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣 德 THỨ I

Ân-khoa Mậu-thân (1848) Tiến-sĩ 8 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Nguyễn-khắc-Cần 阮 克 勤

Người tỉnh Sơn-tây, Vĩnh-tường, An-lạc, Trung-hà, Cử-nhân khoa Nhâm dần, thi đỗ khi 32 tuổi, Song-nguyên.

TIMSACH.COM.VN

Bùi-thức-Kiên 裴 式 堅

Người làng An-đồng, huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thi đỗ khi 36 tuổi.

Trúng đệ tam giáp đồng Tiến-sĩ xuất-thân 6 :

Nguyễn-đăng-Hành 阮 登 荇

Người làng Phò-chánh, huyện Lệ-thủy, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Quý-mão, thi đỗ khi 36 tuổi, làm đến Bố-chánh tỉnh Khánh-hòa, phải ra Bắc-ninh dẹp giặc, mất giữa trận.

Nguyễn-Hinh 阮 馨

Người tỉnh Hà-nội, Thượng-phước, Văn-giáp, Cử nhân khoa Bính-ngọ, thi đỗ khi 32 tuổi, chưa kịp ra làm, thì mất

Đặng-trần-Chuyên 鄧 陳 顓

Người tỉnh Sơn-tây, Quốc.oai, An-sơn, Ngọc-na, Cử-nhân khoa Đinh-vị,thi đỗ khi 31 tuổi.

Đỗ-thúc-Tịnh 杜 叔 靜

Người làng La-châu, huyện Hòa-vinh, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, Cử-nhân khoa Bính ngọ, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Tuần-phủ.

Lê-hữu-Đệ 黎 有 棣

Người làng Cổ-hiền, tổng Phong-đăng, phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Đinh-vị, thi đỗ khi 26 tuổi, làm đến Ngự-sử.

Võ-xuân-Xán 武 春 燦

Người làng Hòa-tân, huyện Lệ-thủy, phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Đinh-vị, thi đỗ khi 28 tuổi, làm đến Thị-độc học-sĩ, tặng Lại-bộ-thị-lang.

NIÊN-HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣 德 THỨ 2

Ân-khoa Kỷ-dậu (1849) Tiến-sĩ 12 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2 :

Đỗ-duy-Đề 杜 惟 堤

Người tỉnh Nam-định, huyện Thư-trì, làng Hương-các, Cử-nhân khoa Mậu-thân, làm đến Tập-hiền thị-giảng-học-sĩ.

Lê-đình-Diên 黎 廷 延

Người tỉnh Hà-nội, huyện Thanh-trì, làng Nhân-mục, Cử-nhân khoa Mậu-thân, Hội nguyên.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 10 :

Hoàng-đình-Chuyên 黃 廷 專

Người tỉnh Hà-nội, huyện Thanh-trì, Linh-đường, Cử-nhân khoa Mậu-thân, anh ô. Đình-Tá, anh em đều đăng khoa.

Phạm-văn-Khuê 范 文 奎

Người làng Hương-quê; huyện Quế-sơn, tỉnh Quảng-nam.

Phạm-quang-Mãn 范 光 滿

Người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-nội, Cử nhân khoa Ất-mão, làm đến Tri-phủ.

Phan-sĩ Thúc 潘 仕 俶

Người làng Võ-liệt, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, Cử-nhân-khoa Bính-ngọ.

Nguyễn-thành-Doãn 阮 成 允

Người làng Động-môn, phủ Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh, chưa giữ chức gì.

Ngô-tùng-Nho 吳 從 儒

Người làng Thuận-mỹ, huyện Tuy-viễn, tỉnh Bình-định, làm đến Tri-phủ, gia hàm Viên-ngoại.

Nguyễn-phùng-Dực 阮 馮 翼

Người tỉnh Quảng-bình, Bình-chánh, Cảnh-dương, làm đến Đốc-học.

Nguyễn-thái-Đệ 阮 蔡 悌

Người tỉnh Nghệ-an, Lương-sơn, Văn-trường, làm đến Tập-hiền-thị-độc.

TIMSACH.COM.VN

Trần-huy-Côn 陳 輝 焜

Người tỉnh Nam-định, Thiên-bổn, Cử-nhân khoa Bính-ngọ.

Châu-duy-Tân 周 維 新

Người tỉnh Sơn-tây, Thạch-thất, Vĩnh-lộc.

NIÊN HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣 德 THỨ 4

Khoa Tân-hợi (1851) Tiến-sĩ 10 :

Trúng đệ nhất giáp Tiến-sĩ cập-đệ Bảng nhãn 1 :

PhạmThanh 范 清

Người làng Trương-xá, huyện Hậu-lộc, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa, Cử-nhân khoa Mậu-thân, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Binh-bộ Tham-tri.

Hoàng-xuân-Hiệp 黃 春 洽

Người tỉnh Hà-nội, Thọ-xương, Dũng-thọ, Cử-nhân khoa Đinh-vị, thi đỗ khi 27 tuổi, làm đến Tập hiền-thị giảng.

Trúng đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân 1 :

Lê-hữu-Thanh 黎 有 馨

Người xã Thượng tầm, tổng Thượng-tầm, huyện Thanh-quan, phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định, thi đỗ khi 37 tuổi, Cử-nhân khoa Canh-tuất.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 7 :

Nguyễn-nguyên-Thành 阮 元 城

Người tỉnh Nghệ-an, Lương sơn, Cẩm-ngọc, Cử-nhân khoa Mậu thân.

Thân-trọng-Tiết 申仲節

Người làng An-lỗ, huyện Phong-điền, tỉnh Thừa-thiên, Cử-nhân khoa Canh-tuất, Hội-nguyên, thi đỗ khi 21 tuổi, làm đến Tập hiền-thị-giảng.

Nguyễn-thế-Trâm 阮世簪

Người làng Dương-nổ, huyện Phú-vinh, phủ Thừa-thiên, Cử-nhân khoa Đinh-vị, thi đỗ khi 23 tuổi.

Hoàng-văn-Tuyển 黃文選

Người làng Mỹ-lợi, huyện Hương-thủy, tỉnh Thừa-thiên, Cử-nhân khoa Canh-tuất, thi đỗ khi 28 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Nguyễn-quốc-Thành 阮國城

Người phường Lộc-điền-thượng, Bình-chánh, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Bính-ngọ, thi đỗ khi 30 tuổi, làm đến Tri-phủ phủ Ứng-hòa.

Phạm-nhật-Tân 范日新

Người làng La-hà, Bình-chánh, phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Mậu-thân, thi đỗ khi 41 tuổi, thầy trò đỗ đồng khoa.

Trần-văn-Hệ 陳文係

Người làng La-hà, tổng Bình-chánh phủ Quảng-trạch, tỉnh Quảng-bình, Cử-nhân khoa Canh-tuất, thi đỗ khi 24 tuổi, môn-sanh của ô. Phạm-nhật-Tân.

NIÊN-HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣德 THỨ 4 (1851)

ngày tháng 5 bắt đầu mở Chế-khoa, chọn Trúng-cách 7 :

«Thừa thiên (vâng mạng trời), Hưng-vận (nâng vận nước) Hoàng-đế sắc truyền rằng :

Trời đất un nên khí linh tú, đời nào lại không sinh ra người tài năng, mà nước nhà trở nên thạnh vượng, cần có bậc trí cao học rộng giúp sức vào mới được. Nên đời Châu, thì định kỳ ba năm mở cuộc xét lựa những người đức-hạnh, đạo nghệ, hiền năng ; Đời Hán, thì trọng những nhà Nho gồm đủ đức hạnh Ngôn ngữ (nói phô giỏi), chánh-sự, văn học. Xem các sử sách chép lại, những chế độ của đời thạnh trị như trên thế nào thì đủ biết. Trẫm tự thẹn mình đức kém, nhận lấy cơ-đồ to lớn thế này. Nên dùng người hiền năng không câu nệ ở chốn nào (1), hoặc do phương pháp nào, mà khi nào cũng một lòng mến người xưa đã vì thế mà không quản gì cơm nước (2). Chỉ khát khao mời rước trông cho có người giúp ích Quốc-gia. Vậy nên ngoài hai kỳ khoa thi thường lệ (Hương và Hội, Đình), còn mở thêm kỳ thi chế-khoa, cốt để chọn hết anh hào, không cho lọt ra ngoài lưới bủa, mà cũng không để dè với cọp chung lộn cùng nhau. Mong thấy sự nghiệp vẻ vang, rồng mây gặp

---

(1) *Vua Thành-Thang đời nhà Thương, Trung quốc, là «lập-hiền-vô-phương»: nghĩa là dùng người hiền-năng không kể ở xứ nào, hoặc theo quy-thức gì.*

(2) *Theo Sử-ký, Ông Châu-công, Thủ-tướng nhà Châu bảo Bá-Cầm rằng : « Ta mỗi khi tắm, ba lần thôi, mỗi khi ăn, ba lần dậy, vì lo ra để tiếp đãi sĩ phu; thế mà còn sợ bỏ qua mất người hiền-tài trong thiên-hạ !*

hội. (3).Từ đây, đường qua có lối (4),không còn ai nhàn-lán nằm đón gió tùng nữa, mà ai cũng đều hay rằng Triều-đình dùng người rất công minh, nên phẩm giá của người được dùng, cũng trọng như ngà ngọc, ngựa vàng vậy (5). Đến chốn Hiên vu (6), Trẫm tự mình chăm coi việc thi, mong được bổ ích phần nào cho trị-đạo, sẽ thấy có người cởi áo vải to (7), gần xem ánh sáng, giãi bày những kinh-thuật ôm ấp bấy lâu nay. Lướt chông gai mà hái lan huệ (8), bảy người trúng tuyển, số đúng Thiếu-dương (9), đổi gai bố mà rạng trâm anh (10), ba giáp (11) danh ghi, ở trường Thái-học (12). Rỡ ràng Cát-sĩ, tiếng tốt tràn trề ; đầm thấm văn phong, đời trong (đời thạnh trị) đẹp đẽ, Này những Cát-sĩ ơi, hãy kính cẩn giữ lấy ân vinh, mà hoài hoài tỏ lòng trung hiếu, Học là cốt để làm nên việc, nên lo sao cho giữ vững làm hay, Chánh-sự là cốt chỗ được người, cố gắng hết lòng cao chi cả. Sao cho vẹn tròn thanh-danh, chớ bỏ lời trẫm nhé. Hãy kính cẩn vào đây.

---

(3) *Rồng mây gặp hội là nói sự gặp gỡ ưa thích giữa vua và tôi. Theo Kinh Dịch, «... Vân-tùng-long, phong-tùng hổ, thánh-nhân tác nhi vạn vật đồ»... Nghĩa là «mây theo rồng, gió theo cọp cũng như Thánh-nhân sáng tác ra mọi việc mà muôn sự vật mới tỏ bày...*

(4) *Theo Kinh Dịch «Phong lục ngũ, lai chương hữu khánh dự, cát.»* (豐六五, 來章有慶譽, 吉 ...) *Nghĩa là quẻ Phong, Hào lục ngũ, bảo rằng «Nếu biết lại đây để góp vào công cuộc văn minh trong thiên hạ, thì được sự vui mừng danh dự, thế là tốt.»*

(5) *Ngọc-đường là nhà ngọc của vua (theo Cổ-nhạc-phủ). Ngựa vàng là do chữ Kim-mã-môn, đời vua Võ-đế nhà Hán truyền các Học-sĩ đợi tờ chiếu vua tại cửa Kim-mã, để vua đòi hỏi.*

(6) Hiên vu là trước mái hiên nhà tả-vu, hữu-vu, ở phía trước hai bên Điện vua. Theo lệ thường, những người thi đỗ trúng-cách trường Hội, được vào thi Đình, ngồi tại trước thềm hai bên tả, hữu-vu để làm bài gọi là «Đại-đình-đối-sách».

(7) Cồi áo vải to là do chữ thích-kệ. Thích là cồi, kệ là áo vải to, một thứ áo rẻ tiền cho người nghèo hèn dùng.

(8) ý nói rời khỏi nơi núi rừng gai góc mà tìm đến chỗ lầu đài vinh hoa.

(9) Theo Kinh Dịch, trời đất có hai Khí, Âm và Dương. Dương có Thái-dương và Thiếu-dương, Thái-dương như người vua, tột bậc là số 9, Thiếu-dương như bầy tôi, tột bậc là số 7.

(10) Trâm là cái trâm, dùng cắm trên đầu hoặc trên mũ, anh là cái giải mũ. Đời trước, những người đỗ Khoa bảng, đều được Triều-đình cấp cho áo mũ và trâm. Nên các người khoa bảng đều gọi là trâm anh.

(11) Ba giáp là «Đệ nhất giáp Cát-sĩ cập-đệ, Đệ nhị giáp Cát-sĩ xuất-thân, Đệ tam giáp Đồng-cát-sĩ xuất thân» (đều thuộc Chế-khoa Tứ Bác, học Hoành-từ.) Ba giáp này cũng như ba giáp của các khoa Hội Đình kia, chỉ khác là các khoa kia gọi là Tiến-sĩ, khoa này gọi là Cát-sĩ vài thêm chữ Chế-khoa Tứ Bác-học hoành-từ mà thôi,

(12) Thái-học là trường Quốc-tử-giám về triều Nguyễn-phước gần-đây. Danh sách của các người thi đỗ Cát-sĩ, Tiến-sĩ, đều được khắc vào bia đá đựng trước cửa trường Quốc-tử-giám.

Sắc sứ bác-học hoành-tài đệ nhất giáp cát-sĩ cập-đệ đệ nhị danh (bảng-nhãn)

Võ-duy-Thanh 武維清

Người tỉnh Ninh-bình, huyện An-khánh, làng Kim-bồng thi đỗ khi 41 tuổi, thi hội đỗ Phó-bảng, làm đến Quốc-tử-tế-tửu.

Sắc sứ Bác-học hoành-tài đệ nhất giáp cát-sĩ cập-đệ đệ tam danh (Thám-hoa)

Võ-huy-Dực 武輝翼

Người tỉnh Bắc-ninh, Quế-dương, Quảng-lãm, thi đỗ khi 54 tuổi, Tú-tài, Huấn-đạo huyện Thanh-ba, đứng đầu trúng cách.

Sắc sứ Bác học Hoành tài đệ nhị giáp Cát-sĩ xuất-thân 2 :

Phạm-Huy 范 徽

Người làng Phúc.an, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh Tú.tài, thi đỗ khi 41 tuổi.

Nguyễn-Thái 阮 泰

Người làng Thạch-lạc, huyện Nam-đường, tỉnh Nghệ.an, thi đỗ khi 33 tuổi, làm đến Án-sát tỉnh Hưng-An

Sắc sứ Bác-học Hoành-tài đệ.tam giáp Đồng-cát sĩ xuất-thân 3 :

Nguyễn-bá-Đôn 阮 伯 惇

Người tỉnh Hà-nội, huyện Từ-liêm, làng Vân-canh, Cử-nhân khoa Bính-ngọ.

Trần-hữu-D c 陳 有 翼

Người làng Đăng-cao, huyện An-thành, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 31 tuổi, làm đến Tập-hiền-thị-giảng.

Trần-huy-Tích 陳 輝 積

Người tỉnh Hà-nội, Thọ xương, Thọ-dũng, Cử-nhân khoa Canh tuất, thi đỗ khi 24 tuổi.

NIÊN-HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣 德 THỨ 6

Khoa Quý-sửu Tiến.sĩ 7 : (1853)

Trúng đệ nhất giáp Thám-hoa 2 :

Nguyễn-văn-Đạt 阮 文 達

Người làng Hoành-sơn, huyện Thanh.chương, tỉnh Nghệ-an.

Nguyễn-văn-Giao 阮 文 交

Người làng Trung-cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, chú ô Hữu-Lập.

Sắc sứ đệ nhị giáp tiến-sĩ 1 :

Lê-Tuấn 黎 俊

Người làng Hà-trung, huyện Kỳ-an, tỉnh Hà-tĩnh.

Sắc sứ đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất.thân 4 :

Đặng-văn-Bảng 鄧文榜

Người tỉnh Sơn-tây, Bạch-hạc, Vân-cốc, làm đến án-sát tỉnh Nghệ-an.

Nguyễn-trung-Ái 阮忠愛

Người tỉnh Sơn-tây, An sơn, Thụy-khê, làm đến Tri phủ-Từ sơn.

Mai-thế-Quý 枚世貴

Người tỉnh Hà-tĩnh, Thiên-lộc.

Nguyễn-hữu-Điển 阮有琠

Người thôn Cẩm hương, Đại-đồng, huyện Nam-đường, phủ Anh-sơn, tỉnh Nghệ-an.

NIÊN-HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣德 THỨ 9

(Khoa Bính-thìn 1856) Tiến-Sĩ 6 :

Trúng đệ nhứt giáp Thám-hoa 1 :

Ngụy-khắc-Đản 魏克檀

Người làng Xuân-viên, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-thọ, tỉnh Nghệ-an.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 5 :

Phan-đình-Bình 潘廷評

Người làng Phú-lương, huyện Quảng-điền, phủ Thừa-thiên

Ngô-văn-Độ 吳文度

Người tỉnh Sơn-tây, Bạch hạc, Nhật-chiêu, làm đến, Lượng-Bình-tán-lý-quân-vụ, dẹp giặc yên, vừa thọ bệnh mất, tặng Quang lộc-tự-khanh.

Phan hiển-Đạo 潘顯道

Người tỉnh Vĩnh-long.

Trần-huy-San 陳輝珊

Người tỉnh Hải-dương, Chí-linh, Đột-lãnh, làm đến Tập-hiền-thị-giảng, phái ra Quảng-an dẹp giặc, mất giữa trận.

Đặng-xuân-Bảng 鄧春榜

Người tỉnh Nam-định, Thiên trường Giao-thủy, Hành thiện.

NIÊN-HIỆU TỰ-ĐỨC 嗣德 THỨ 15

Khoa Nhâm-tuất (1862) Tiến-sĩ 6 :

Trúng đệ nhị giáp Tiến-sĩ xuất-thân 2:

Nguyễn-hữu-Lập 阮有立

Người làng Trung-cần, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, thi đỗ khi 39 tuổi, Cử-nhân, Huấn-đạo, cháu gọi ô. Văn-Giao bằng-chú.

Lê-khắc-Cẩn 黎克謹

Người tỉnh Hải-dương, Kiến-thụy, An-lão, Hạnh-thi, Cử-nhân khoa Ất-mão, thi đỗ khi 30 tuổi, Hội-nguyên, sau cải tên là Khắc-Nghị.

Trúng đệ tam giáp Đồng-tiến-sĩ xuất-thân 4:

Nguyễn-C[illegible]h 阮正

Người tỉnh Gia-định, Tân-bình, Bình-dương, Bình-trị, Phú-mỹ, Cử-nhân, thi đỗ khi 29 tuổi.

Kiều-Lâm 喬林

Người làng An-đại, tổng Nghĩa-thượng, huyện Mộ-đức, tỉnh Quảng-nghĩa, Cử-nhân khoa Ất-mão, thi đỗ khi 33 tuổi.

Trần-văn-Chuẩn 陳文準

Người tỉnh Quảng-bình, phủ Quảng-trạch, làng La-hà, Cử-nhân khoa Tân-dậu, thi đỗ khi 28 tuổi.

Võ-huy-Huyến 武輝烜

Người tỉnh Sơn-tây, Thạch-thất, Đại-đồng, Cử-nhân khoa Tân-dậu, thi đỗ khi 28 tuổi.

TIMSACH.COM.VN

Nhà in PHAN-THANH-GIẢN
21, Võ-Tánh Saigon

H. V. 13
Giá 100đ